

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
BAN TUYÊN GIÁO



**CĂN CỨ CÁCH MẠNG
CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
(1945 – 1975)**

KHÁNH HÒA, THÁNG 5 NĂM 2024

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
BAN TUYÊN GIÁO

**CĂN CỨ CÁCH MẠNG
CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
(1945 – 1975)**

Khánh Hòa, tháng 5 năm 2024

LỜI GIỚI THIỆU

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, căn cứ địa cách mạng có vai trò vô cùng quan trọng, là nơi xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến làm chỗ dựa vững chắc về chính trị và quân sự; cung cấp về sức mạnh vật chất, nguồn cổ vũ về tinh thần cho kháng chiến... Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc chọn địa điểm và xây dựng căn cứ địa cách mạng *phải có nhân hòa, địa lợi và thiên thời, có địa thế hiểm yếu và quần chúng cảm tình ủng hộ; có thể phát triển thành căn cứ địa vững vàng; phải tiến tới xây dựng được chính quyền cách mạng*. Từ năm 1945, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên Khu ủy 5, tùy từng thời điểm, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã xây dựng các căn cứ ở các địa điểm khác nhau nhằm phục vụ cuộc kháng chiến.

Các căn cứ cách mạng được hình thành ở Khánh Hòa dựa vào đặc điểm, lợi thế của địa phương là các vùng núi rừng hiểm trở xen lẫn các thung lũng màu mỡ, vừa giữ vai trò chống lại các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt của kẻ thù, vừa tạo tiền đề sản xuất “tự lực cánh sinh” thuận lợi để cách mạng từ thế bị động, giữ gìn lực lượng sang thế tiến công và giành thắng lợi

sau đó; có những căn cứ tồn tại trong thời kỳ chống Pháp, có căn cứ trong thời kỳ chống Mỹ và cũng có căn cứ tồn tại xuyên suốt hai cuộc kháng chiến. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo quân và dân Khánh Hòa lập được nhiều chiến công vang dội, góp phần cùng với cả nước đánh bại thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), Khánh Hòa là địa bàn trọng điểm đánh phá của địch; phong trào cách mạng trải qua nhiều thời kỳ ác liệt, đầy gian khổ, hy sinh nhưng với quyết tâm “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, Đảng bộ, quân và dân Khánh Hòa đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương châm “*hai chân, ba mũi giáp công*”, liên tục tiến công địch, lập nên nhiều chiến công xuất sắc. Ngày 02/4/1975, tỉnh Khánh Hòa được giải phóng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Với mục đích hệ thống hóa các căn cứ cách mạng của tỉnh theo tiến trình phát triển của cách mạng, nhằm tái hiện một cách chân thực, khách quan, sinh động quá trình lựa chọn, xây dựng căn cứ, lãnh đạo Nhân dân đấu tranh qua các thời kỳ; góp phần giáo dục ý thức dân tộc, tình yêu quê hương đất nước cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Đồng thời, cụ thể hóa Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày

18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng; Kế hoạch số 122-KH/TU, ngày 04/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa về tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, xuất bản các ấn phẩm lịch sử Đảng và số hóa tư liệu, tài liệu lịch sử Đảng; tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn cuốn sách **“Căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa (1945 - 1975)”**.

Ngoài Lời giới thiệu, nội dung cuốn sách gồm 3 chương:

Chương I. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư và truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng.

Chương II. Căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa (1945 - 1975).

Chương III. Kết luận, bài học kinh nghiệm và giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị căn cứ cách mạng

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn, Ban biên tập đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu tham khảo khác nhau, gồm: Các cuốn sách lịch sử đảng bộ, lịch sử cách mạng của các địa phương; lịch sử hình thành, xây dựng, phát triển hay các cuốn sách kỷ yếu... của các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh Khánh Hòa; các tài liệu của Quân

khu 5 và tỉnh bạn. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng chiến tranh đã lùi xa, nhiều nhân chứng lịch sử đã qua đời, một số địa điểm, nơi đứng chân của Tỉnh ủy đến nay không thể xác định được vị trí cụ thể, các hiện vật để lại ngày càng bị mai một theo thời gian nên tập sách khó tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế nhất định. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy rất mong nhận được ý kiến góp ý của độc giả để tiếp tục bổ sung thông tin, tư liệu trong lần tái bản sau.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG

1. Khái quát điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý: Khánh Hòa là tỉnh nằm ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của cả nước. Tỉnh Khánh Hòa nằm ở tọa độ địa lý từ 108 độ 40 phút 33 giây đến 109 độ 27 phút 55 giây kinh độ Đông và từ 11 độ 42 phút 50 giây đến 12 độ 52 phút 15 giây vĩ độ Bắc. Phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên, phía Nam giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Tây giáp 2 tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía Đông giáp Biển Đông. Trong đó, Mũi Đôi - Hòn Đôi (Hòn Dầu) trên bán đảo Hòn Gốm, huyện Vạn Ninh là điểm cực Đông trên đất liền; khu vực Đá Tiên Nữ, huyện đảo Trường Sa (tọa độ 08 độ 51 phút 18 giây vĩ độ Bắc và 114 độ 39 phút 18 giây kinh độ Đông) là điểm cực Đông trên biển của Tổ quốc.

Nằm ở vị trí trung tâm của các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, tỉnh Khánh Hòa có mạng lưới giao thông

khá thuận lợi, trên các trục giao thông quan trọng của cả nước, là nơi hội tụ “phía Bắc đi vào, phía Nam đi ra, Tây Nguyên đi xuống”; nằm trên trục Quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc - Nam, là cửa ngõ của Tây Nguyên xuống đồng bằng qua Quốc lộ 26; có sân bay quốc tế Cam Ranh với lưu lượng khách quốc tế đứng thứ 3 cả nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho các khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

1.2. Về địa hình và tài nguyên đất: Diện tích tự nhiên của Khánh Hòa cả trên đất liền và hơn 200 đảo và quần đảo là 5.197 km². Địa hình hẹp và thon ở hai đầu, có nơi chỉ rộng từ 10 - 15 km, nơi rộng nhất trên 60 km. Núi rừng ở Khánh Hòa chiếm 3/4 diện tích toàn tỉnh, phần lớn độ cao trên dưới 1000m, gắn với dãy Trường Sơn hùng vĩ, lại là phần cuối phía cực Nam nên địa hình khá đa dạng, tạo ra nhiều cảnh quan kỳ thú, hấp dẫn và gắn liền với nhiều truyền thuyết dân gian. Đỉnh cao nhất là Hòn Giao (2.062m) và Hòn Vọng Phu (2.051m); ngoài ra có dãy núi Hòn Bà với điểm cao nhất đạt 1.574m. Rừng ở Khánh Hòa có nhiều lâm sản có giá trị kinh tế cao như: Giáng hương, bằng lăng, cẩm lai, mun... đặc biệt trầm hương là loại hương liệu và dược liệu có giá trị cao. Động vật rừng rất phong phú, đa dạng.

Khánh Hòa có 2 vùng đồng bằng chính thuộc khu vực Nha Trang - Diên Khánh và Ninh Hòa; ngoài ra, có hai vùng đồng bằng hẹp ở ven biển thuộc Vạn Ninh và Cam Ranh; vùng thung lũng nhỏ ở hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh. Đất đai tương đối màu mỡ, có điều kiện thuận lợi để sản xuất các loại cây lương thực, cây công nghiệp và cây ăn trái có giá trị.

Bờ biển tỉnh Khánh Hòa có độ dài khoảng 385km kéo dài từ mũi Đại Lãnh tới cuối vịnh Cam Ranh, có thêm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ. Trong đó, quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về quốc phòng và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; mũi Đôi là điểm cực Đông trên đất liền của Tổ quốc; là cửa ngõ hướng biển, tâm điểm kết nối vùng giữa Tây Nguyên với Nam Trung Bộ. Tỉnh có nhiều cảng biển lớn, như: Cảng Cam Ranh và cảng Nha Trang..., có 03 vịnh lớn được đánh giá là những vịnh đẹp của thế giới là vịnh Nha Trang, vịnh Vân Phong, vịnh Cam Ranh. Biển và tiềm năng kinh tế biển là nét nổi bật của tỉnh Khánh Hòa. Từ các cảng nước sâu của tỉnh ra tới đường hàng hải quốc tế là gần nhất, dễ dàng tiếp cận với tuyến giao thương sôi động nhất thế giới trên Biển Đông. Đây là những điều kiện thuận lợi để tỉnh mở rộng thị trường

du lịch, giao lưu kinh tế, xuất nhập khẩu hàng hóa, thu hút vốn đầu tư và thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng, khu vực và quốc tế.

Biển Khánh Hòa có tài nguyên phong phú, với nhiều loại hải sản như: Tôm, mực, các loại cá... đặc biệt là yến sào, một loại đặc sản quý hiếm, được coi là “vàng trắng” có giá trị xuất khẩu cao.

Khánh Hòa là vùng đất không rộng, nhưng được thiên nhiên ưu đãi với nhiều danh lam thắng cảnh; khí hậu ôn hòa, biển xanh, cát trắng, nắng vàng, cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng, người dân hiền hòa. Các bãi biển như Đại Lãnh, Dốc Lết, Bãi Trũ, Nha Trang, Bãi Dài, Bãi Tiên, Bãi Nồm vịnh Vân Phong, Cam Ranh... là những cảnh đẹp nổi tiếng từ xưa được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến. Khánh Hòa là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế.

1.3. Về sông ngòi và khí hậu: Sông ở Khánh Hòa không lớn và thường ngắn, nhưng mật độ sông suối khá dày. Toàn tỉnh có trên 40 con sông, trong đó có hai con sông chính là sông Cái Nha Trang (sông Cù) dài 75 km và sông Dinh Ninh Hòa dài 49 km. Các lưu vực sông tỉnh Khánh Hòa có hướng chảy chủ yếu là hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ ra Biển Đông. Riêng sông Tô

Hạp chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam rồi nhập vào sông Cái Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận trước khi đổ ra Biển Đông.

Về khí hậu, nằm trong khu vực duyên hải miền Trung, Khánh Hòa chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng khô ráo ôn hòa, quanh năm nắng ấm, thường chỉ có 2 mùa rõ rệt: Mùa khô kéo dài từ 8 đến 9 tháng và mùa mưa ngắn chỉ từ 3 đến 4 tháng. Nhiệt độ trung bình hàng năm thường trên dưới 26°C, các tháng cuối năm và đầu năm hơi lạnh nhưng không rét buốt, mùa hè ít bị ảnh hưởng gió phơn Tây Nam (hay còn gọi là gió Lào). Lượng mưa cũng tương đối ít, trung bình năm từ 1.200 đến 1.800 mm.

Có thể nói, trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, các thế hệ người dân Khánh Hòa đã dựa vào điều kiện thuận lợi của tự nhiên, xã hội để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Trên cơ sở lý luận của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh và những kinh nghiệm quý báu của các thế hệ cha ông, từ năm 1945 - 1975, Tỉnh ủy tiếp tục khai thác, phát huy lợi thế đặc địa của điều kiện tự nhiên như đồi núi hiểm trở, rừng rậm, hang sâu, bán đảo và các thung lũng tương đối màu mỡ để xây dựng các căn cứ cách mạng; là nơi vừa có thể phòng thủ, vừa có thể tiến công và đảm

bảo sản xuất, cung cấp nguồn lương thực cho kháng chiến. Hiện nay, đây cũng là điều kiện để Khánh Hòa có lợi thế để bứt phá phát triển và thúc đẩy lan tỏa tích cực đến phát triển kinh tế vùng Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước.

2. Lịch sử hình thành vùng đất, dân cư và truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng

2.1. Lịch sử hình thành vùng đất

Theo các nguồn tài liệu lịch sử chính thống trong các thư tịch cổ của nước ta, như: “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn, “Lịch triều hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú, “Đại Nam thực lục tiền biên”, “Khâm định Việt sử Thông giám cương mục”, “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, “Đại Việt địa dư toàn biên” của Nguyễn Văn Biên..., mùa xuân năm Quý Tỵ 1653, vâng lệnh của chúa Nguyễn Phúc Tần, cai cơ Hùng Lộc hầu đã mở mang, khai khẩn vùng đất từ đèo Cả (giữa tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa) vào đến bờ Bắc sông Phan Rang (tỉnh Ninh Thuận) lập nên dinh Thái Khang.

Về mặt hành chính, dinh Thái Khang được chia thành 2 phủ là phủ Thái Khang và phủ Diên Ninh. Phủ Thái Khang trông coi, quản lý 2 huyện là Quảng Phước và Tân Định (tức là toàn bộ phần đất huyện Vạn

Ninh và thị xã Ninh Hòa hiện nay), phủ Diên Ninh trông coi, quản lý 3 huyện Vĩnh Xương, Phước Điền, Hoa Châu (tức là toàn bộ phần đất của thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, thành phố Cam Ranh và một phần đất từ ranh giới giữa 2 tỉnh Khánh Hòa - Ninh Thuận vào đến bờ Bắc sông Phan Rang ngày nay). Dinh Thái Khang đóng ở huyện Tân Định (nay là thị xã Ninh Hòa).

Năm Canh Ngọ 1690, phủ Thái Khang được đổi tên là phủ Bình Khang và cũng lấy luôn tên gọi dinh Bình Khang. Năm Nhâm Tuất 1742, phủ Diên Ninh đổi thành phủ Diên Khánh. Đến năm Giáp Tý 1744, tổ chức hành chính của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong được sắp xếp lại, dinh Bình Khang gồm hai phủ là Bình Khang và Diên Khánh, trông coi 5 huyện Quảng Phước, Tân Định, Phước Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu.

Năm Tân Mão 1771, Phong trào Tây Sơn nổ ra, đánh đổ 3 tập đoàn phong kiến là chúa Nguyễn ở Đàng Trong, vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, thống nhất đất nước, đến năm 1778, Quang Trung - Nguyễn Huệ lập nên triều đại Tây Sơn (1778 - 1802). Dưới triều đại Tây Sơn, tổ chức hành chính của dinh Bình Khang không có những thay đổi lớn.

Năm 1803 (năm Gia Long thứ 2), Nhà Nguyễn đổi phủ Bình Khang thành phủ Bình Hòa, dinh Bình Khang

đổi thành dinh Bình Hòa. Dinh quan trấn thủ đặt tại Thành Diên Khánh. Năm Gia Long thứ 7 (1808), Nhà Nguyễn tiến hành cuộc cải cách hành chính lần đầu tiên trên quy mô toàn quốc, các dinh đều được đổi thành trấn. Do đó, dinh Bình Hòa được đổi thành trấn Bình Hòa, quản lý 2 phủ, 5 huyện, 18 tổng và 290 làng. Quan đứng đầu dinh trước đây được gọi là Lưu Thủ (hay Trấn Thủ).

Năm Tân Mão 1831 (năm Minh Mạng thứ 12), phủ Bình Hòa được đổi tên là phủ Ninh Hòa, địa danh Ninh Hòa ra đời từ đây. Năm Nhâm Thìn 1832 (năm Minh Mạng thứ 13), vua Minh Mạng thực hiện cuộc cải cách hành chính lần thứ hai trên quy mô toàn quốc, các trấn được đổi thành tỉnh. Từ cuộc cải cách này, huyện Hoa Châu được sáp nhập vào huyện Phước Điền, trấn Bình Hòa đổi thành tỉnh Khánh Hòa. Danh xưng tỉnh Khánh Hòa có từ thời điểm này. Ở giai đoạn này, tỉnh Khánh Hòa có 2 phủ, 4 huyện (phủ Ninh Hòa quản lý 2 huyện Quảng Phước và Tân Định, phủ Diên Khánh quản lý 2 huyện là Vĩnh Xương và Phước Điền). Trong đó, Tri phủ Ninh Hòa kiêm lý huyện Quảng Phước (vừa làm việc phủ, vừa trông coi việc huyện) và thống hạt huyện Tân Định (điều khiển và kiểm soát công việc của huyện). Tri phủ Diên Khánh kiêm lý huyện Phước Điền, thống hạt huyện Vĩnh Xương.

Mùa thu năm Ất Dậu 1885, thực dân Pháp đánh chiếm Khánh Hòa. Từ đây cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dưới chính quyền thực dân và phong kiến, địa giới và tổ chức hành chính tỉnh Khánh Hòa có ít thay đổi. Chế độ tri phủ “kiêm lý, thống hạt” huyện lúc này bị bãi bỏ.

Năm Mậu Tý 1888, vua Đồng Khánh cho nhập vùng đất huyện An Phước và 07 xã của huyện Tuy Phong (thuộc phủ Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận), 02 tổng của huyện Hòa Đa (thuộc phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận) vào huyện Vĩnh Xương của tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 1901, khi phủ Ninh Thuận được đặt thành đạo Ninh Thuận thì các phần đất cắt nói trên được đưa về Ninh Thuận. Tỉnh Khánh Hòa có 02 phủ và 04 huyện: Phủ Diên Khánh gồm 02 huyện Phước Điền (quản lý 05 tổng với 38 xã, thôn) và Vĩnh Xương (quản lý 04 tổng với 45 xã, thôn). Phủ Ninh Hòa gồm 02 huyện Quảng Phước (quản lý 06 tổng với 83 xã, thôn) và huyện Tân Định (quản lý 03 tổng với 73 xã, thôn).

Ngày 19/01/1904, Toàn quyền Đông Dương lúc đó là Giăng-Báp-tít-Xtơ Pôn Bô (Jean Baptiste Paul Beau) ban hành Nghị định giải thể Trung tâm hành chính Củng Sơn của tỉnh Phú Yên¹ để nhập vào tỉnh

1. Trung tâm hành chính Củng Sơn được thành lập ngày 15/02/1900.

Khánh Hòa². Ngày 11/6/1924, vua Khải Định ban hành Dụ thiết lập thị trấn Nha Trang³. Lúc mới hình thành, thị trấn Nha Trang có 4 làng, gồm: Xương Huân, Phương Câu, Vạn Thạnh, Phương Sài. Tại đây có đóng các cơ quan cai trị của thực dân Pháp như: Tòa công sứ, Tòa giám binh và một số cơ quan khác. Riêng các cơ quan cai trị của Nam triều như Tuần vũ, Án sát, Lãnh binh vẫn đóng tại Thành Diên Khánh. Ngày 15/3/1944, vua Bảo Đại ban hành Dụ số 9 chuyển thị trấn Nha Trang lên thị xã⁴; thị xã Nha Trang có 5 phường, gồm: Xương Huân, Phương Câu, Vạn Thạnh, Phương Sài và Phước Hải.

Dưới thời vua Duy Tân (1907 - 1916), một phần đất huyện Vĩnh Xương được cắt ra để thành lập huyện Cam Lâm, huyện Phước Điền được giao cho phủ Diên Khánh quản lý, huyện Quảng Phước được giao cho phủ Ninh Hòa quản lý. Như vậy, tỉnh Khánh Hòa còn 02 phủ, 03 huyện là Cam Lâm, Vĩnh Xương và Tân Định. Tháng 10/1931, chính quyền thực dân Pháp đổi huyện Tân Định thành phủ Ninh Hòa (tức thị xã Ninh Hòa

2. Cùng với vùng M'Deak (tỉnh Đắk Lắk). Đến năm 1923, khi tỉnh Đắk Lắk được thành lập, phần đất trên được tách ra, giao về cho tỉnh Đắk Lắk quản lý.

3. Được Toàn quyền Đông Dương chuẩn y bằng Nghị định ngày 30/6/1924.

4. Được Toàn quyền Đông Dương chuẩn y bởi Nghị định ngày 22/6/1944.

ngày nay). Phần đất còn lại đổi thành huyện Vạn Ninh. Địa danh Vạn Ninh có từ đây.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, tỉnh Khánh Hòa thuộc về chính quyền cách mạng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân và đế quốc (1945 - 1975), địa lý hành chính tỉnh Khánh Hòa cả về phía chính quyền cách mạng và chính quyền chế độ cũ từng lúc, từng nơi có một số thay đổi về tên gọi và địa giới.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), Khánh Hòa là một phần đất máu thịt của Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Ngày 29/10/1975, Ủy ban nhân dân cách mạng Khu Trung Trung bộ ra Quyết định số 155 sáp nhập hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên thành tỉnh Phú Khánh; ngày 28/12/1982, tại kỳ họp thứ tư Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa VII) quyết định sáp nhập huyện đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Đồng Nai) vào tỉnh Phú Khánh. Đến ngày 01/7/1989, tại kỳ họp thứ năm Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa VIII) đã quyết định tách tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh là Phú Yên và Khánh Hòa; huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa. Địa giới hành chính tỉnh Khánh Hòa ổn định từ đó đến nay.

Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 02 thành phố (Nha Trang, Cam Ranh), 01 thị xã (Ninh Hòa) và 06 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Trường Sa) với 139 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 98 xã, 35 phường và 06 thị trấn).

2.2. Dân cư và truyền thống văn hóa

Từ thuở xa xưa, trên vùng đất Khánh Hòa đã có cư dân đến sinh sống và lập nghiệp. Theo thời gian, cộng đồng dân cư đến sinh sống ngày một nhiều và đa dạng. Ngược dòng lịch sử, trong số các cộng đồng tộc người sinh sống ở Khánh Hòa, người Chăm và người Raglai vốn định cư từ rất sớm, được coi là cư dân bản địa. Họ là một bộ phận của nhóm tộc người theo hai dòng ngôn ngữ chủ yếu: Dòng Mã lai Đa đảo hay Nam đảo gốc biển và dòng Nam Á gốc đồi núi, cư trú rải rác trên một địa bàn khá rộng ở các vùng đảo ven biển Nam và Đông Nam châu Á. Họ đã đến định cư ở ven biển miền Trung và Tây Nguyên, trong đó có Khánh Hòa, cách đây khoảng 3.000 - 3.500 năm. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết cư trú của họ ở Dốc Gạo (Khánh Sơn), Xóm Cồn, Hòa Diêm (Cam Ranh), Diên Sơn (Diên Khánh), Hòn Tre (Nha Trang) và một số nơi khác. Trong đó, đã tìm thấy nhiều di vật khảo cổ

thời tiền-sơ sử có giá trị như: Đàn đá Khánh Sơn, trống đồng, rìu đồng (Nha Trang, Ninh Hòa)...vv.

Trong số các tộc người, người Chăm ở Khánh Hòa cùng với cộng đồng người Chăm ở dải đất miền Trung từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận đã xây dựng một nền văn hóa Chămpa phát triển rực rỡ từ thế kỷ II đến thế kỷ XV mà chứng tích tiêu biểu là Tháp Bà Ponagar, Bia Võ Cạnh, Bia Lệ Cam. Sau người Chăm và Raglai, kể từ năm 1653, khi vùng đất Khánh Hòa ngày nay trở thành một bộ phận của lãnh thổ nước Đại Việt, người Kinh từ phía Bắc lần lượt di dân vào định cư tại Khánh Hòa, khai phá xây dựng vùng đất mới. Cuộc di dân của người Kinh trải qua nhiều đợt và kéo dài mãi về sau, ngày một đông đúc. Còn các tộc người khác đến định cư ở Khánh Hòa cách ngày nay không lâu, thậm chí có những tộc người mới chuyển đến trong những thời gian gần đây.

Dân số và mật độ phân bố dân cư giữa các tộc người ở Khánh Hòa không đồng đều nhau. Có những tộc người có số dân đông như: Người Kinh, Raglai, Êđê, Hoa, Coho, Tày, có những tộc người chỉ có vài trăm người, thậm chí có tộc người chỉ có hơn chục người hoặc ít hơn. Các tộc người cư trú phân tán và xen kẽ nhau, có tộc người sống tương đối tập trung. Năm 1929, dân số

toàn tỉnh Khánh Hòa có 98.612 người; thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1946), dân số tỉnh Khánh Hòa có 180.000 người; đến năm 1975 có 630.948 người; năm 1992 là 919.110 người; năm 2000 là 1.055.372 người. Đến tháng 4/2019, Khánh Hòa có 1.231.049 người với 36 cộng đồng dân tộc cùng chung sống (dân tộc Kinh có 1.159.101 người (chiếm 94,1%); dân tộc Raglai có 55.844 người (chiếm 4,53%); dân tộc Hoa có 1.969 người (chiếm 0,16%); dân tộc Cơ ho có 5.724 người (chiếm 0,46%); dân tộc Êđê có 3.759 người (chiếm 0,30%))...

Trong suốt quá trình phát triển, các tộc người ở Khánh Hòa có truyền thống cần cù lao động, đoàn kết với nhau để ứng phó với thiên nhiên khắc nghiệt và trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ quê hương, đất nước. Sách Đại Nam nhất thống chí nhận xét: Khánh Hòa *“Phong tục thuần hậu... Kẻ sĩ chất phác mà trầm tĩnh, Nhân dân kiệm mà lành... Các việc đám cưới, đám ma hay giúp đỡ lẫn nhau”*. Qua đó, có thể thấy ngay từ thuở xa xưa, Khánh Hòa đã được biết đến là mảnh đất của những con người hiền lành, tiết kiệm, hay giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Công cuộc khai hoang lập làng ở hai phủ Bình Khang (Ninh Hòa, Vạn Ninh ngày nay) và Diên Khánh (gồm Diên Khánh,

Nha Trang, Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh ngày nay) đã tạo ra một cộng đồng vừa mang những nét chung của chế độ phong kiến Việt Nam, vừa hàm chứa những đặc điểm, tính chất riêng. Đó là sự tạo dựng và dung hợp của nhiều mối quan hệ nhân văn của nhiều tỉnh miền Trung đem tới với người Chăm, Raglai, người Hoa..., trong đó văn hóa Việt đóng vai trò chủ thể. Mỗi tộc người ở Khánh Hòa có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng từ lâu đời như: Tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, tín ngưỡng... nhưng tất cả đều được thống nhất trong đa dạng.

Trong một thời gian dài chung sống với nhau, người Việt đã tiếp xúc, giao lưu và tiếp thu văn hóa của các cộng đồng dân cư khác, rõ nhất là tục thờ Bà chúa xứ Yang Pô Inur Nagar, vốn là một vị thần Mẹ đáng kính của người Chăm, được Việt hóa thành bà Thiên Y A Na, là một biểu hiện văn hóa độc đáo của cư dân Việt ở Khánh Hòa. Ngoài việc thờ thành hoàng, các vị tiền hiền, hậu hiền thì bà Thiên Y A Na đều được người Việt phối thờ trong các không gian đình làng, điện thần.

Người Kinh ở Khánh Hòa còn bảo lưu những tín ngưỡng dân gian chủ yếu như: Thờ thành hoàng nông nghiệp và ngư nghiệp (thần núi, Thánh Mẫu Thiên Y A Na, Ông Nam Hải, các bậc tiền hiền, hậu hiền...); thờ

tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những người thân đã mất; thờ các anh hùng dân tộc, những người có công với đất nước; thờ Vua Hùng, thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Gắn với các tín ngưỡng dân gian là các lễ hội: Lễ hội Tháp Bà Ponagar diễn ra từ ngày 20 đến 23/3 âm lịch hàng năm là điểm nhấn độc đáo của văn hóa, du lịch Khánh Hòa. Ngoài ra, người Việt tại Khánh Hòa còn có các lễ hội đặc sắc như Lễ hội Am Chúa, Lễ hội cầu ngư, Lễ hội đình làng, Lễ giỗ Tổ Hùng Vương vào mùng 10/3 âm lịch, lễ hội đền Trần Hưng Đạo và những anh hùng dân tộc khác... Lễ hội của các dân tộc thiểu số tập trung vào các nghi lễ vòng đời, tiêu biểu như người Raglai với Lễ ăn đầu lúa mới và các nghi lễ vòng đời như Lễ khai sinh đặt tên, Lễ cầu cúng đeo vòng, Lễ cầu cúng buộc dây thắt nút lãnh thuê đời, Lễ cưới, Lễ đền ơn đáp nghĩa cha mẹ, Lễ bỏ mả...vv.

Đối với các dân tộc thiểu số, quan niệm về một thế giới thần linh siêu hình được hình thành từ thuở xa xưa đã in đậm dấu ấn vào đời sống văn hóa tinh thần, phong tục tập quán, luật tục, nghi lễ hội hè... và trở thành tín ngưỡng dân gian: Tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh. Họ luôn coi việc cúng bái thần linh, cầu cho sức khỏe, mùa màng bội thu, tránh rủi ro, tai nạn là điều rất quan trọng, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Những vị

thần trong thế giới tâm linh của họ là thần sấm, thần sông, thần gió, thần lửa, thần núi, thần đất...

Bên cạnh đó, Khánh Hòa là một tỉnh có nhiều tôn giáo. Tính đến năm 2023, toàn tỉnh có 08 tôn giáo được Nhà nước công nhận là Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Phật giáo Hòa hảo, Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam, Cơ đốc Phục lâm Việt Nam. Đồng bào theo các tôn giáo có khoảng hơn 371 ngàn người (chiếm khoảng 30% dân số toàn tỉnh); có 632 cơ sở tôn giáo, 1.893 chức sắc và nhà tu hành, 33.755 chức việc. Phật giáo được truyền vào Khánh Hòa sớm nhất từ nửa cuối thế kỷ XVII, tức sau năm 1653, khi chúa Nguyễn Phúc Tần cùng Cai cơ Hùng Lộc hầu mở cõi, lập ra hai phủ Thái Khang và Diên Ninh. Đạo Thiên Chúa giáo có mặt ở Khánh Hòa năm 1671.

Phật giáo và Thiên Chúa giáo đã để lại các công trình kiến trúc rất đặc sắc là Nhà thờ chánh tòa Kitô Vua (Nhà thờ Đá Nha Trang), nhà thờ Hà Dừa...; Chùa Long Sơn, chùa Từ Vân (chùa Ốc)... Các tôn giáo tại Khánh Hòa tồn tại, hòa đồng, cộng cư, không có sự đối kháng. Điều đó có lẽ là nhờ tính linh hoạt, mềm dẻo cùng tinh thần dân chủ, rộng mở, bao dung, hiếu hòa, biết dung hợp, tổng hợp và tích hợp của người

Khánh Hòa. Đồng thời, các tôn giáo trên địa bàn tỉnh đã tích cực thực hiện phương châm “tốt đời, đẹp đạo”, có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tỉnh Khánh Hòa là vùng đất ven biển, lại có đồng bằng, núi rừng nên nguyên liệu cung cấp cho việc chế biến các món ăn rất đa dạng và phong phú, bao gồm sản phẩm từ hải sản (cá, tôm, mực, ốc, ghẹ...), các loại cá nước ngọt đến nông sản (gạo tẻ, gạo nếp, các loại củ, trái, rau...), các loại gia súc gia cầm (gà, vịt, trâu bò, heo, dê...) đến các loài thú rừng và đặc biệt có yến sào. Văn hóa ẩm thực của vùng đất Khánh Hòa đã mang đậm dấu ấn của một vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, có những đặc sản đã đi vào tục ngữ, phương ngôn: *Yến sào hòn Nội/ Vịt lội Ninh Hòa/ Tôm hùm Bình Ba/ Nai khô Diên Khánh/ Cá tràu Võ Cạnh/Sò huyết Thủy Triều...*

Những yếu tố trên đã góp phần tạo nên cho Khánh Hòa có những đặc trưng văn hóa tiêu biểu và độc đáo. Khánh Hòa được biết đến với tên gọi là Xứ Trầm hương, song vẫn là một bộ phận của văn hóa dân tộc, là cốt lõi căn bản của sự “thống nhất trong đa dạng” của văn hóa, truyền thống người Việt Nam.

2.3. Truyền thống yêu nước, cách mạng

Kể từ năm 1653, khi chúa Nguyễn Phúc Tần thiết lập hệ thống hành chính ở Phủ Thái Khang và Phủ Diên

Ninh - vùng đất Khánh Hòa chính thức thành lập, đến nay đã trải qua hơn 370 năm xây dựng và phát triển. Trong suốt quá trình đó, dù tên gọi có nhiều lần thay đổi, nhưng người dân Khánh Hòa luôn đoàn kết, chung sức, đồng lòng vượt qua gian khổ, hy sinh để xây dựng và bảo vệ quê hương, đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.

Những năm đầu khẩn hoang lập làng, vùng đất Khánh Hòa chủ yếu do người Kinh từ các tỉnh miền Trung đến cư trú và khai phá đất đai. Từ thế kỷ XVIII, kinh tế ngoại thương đã phát triển khá nhanh chóng, thuyền bè ra vào thương cảng Vĩnh Diêm tấp nập, các làng nghề thủ công làm gốm ở Lư Cấm, đúc đồng ở Diên Khánh hoạt động thật nhộn nhịp. Những sản vật của núi rừng Khánh Hòa như: Gỗ, mật ong, trầm hương,... cùng các sản phẩm từ nông nghiệp như: Lúa gạo và đặc biệt là mặt hàng thủy sản, yến sào đã có mặt ở những thương cảng lớn như: Hội An (Quảng Nam), Đông Nai Phố (Biên Hòa) và từ đó qua những thương thuyền của người Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Bồ Đào Nha... tỏa đi khắp nơi. Chính vì vậy, Khánh Hòa từ rất sớm đã trở thành *“vùng đất có hình thế trọng yếu ở một phương”* của nước Việt Nam như các sử gia thời phong kiến khẳng định.

Nửa sau thế kỷ XVIII, đời sống nhân dân Khánh Hòa trở nên khó khăn hơn, đó cũng là lúc phong trào

khởi nghĩa của nông dân nổ ra ở nhiều nơi, nhiều lớp thanh niên trai tráng ở Bình Khang đứng dưới ngọn cờ của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ, chiến đấu chống lại chế độ chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Đặc biệt là khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (9/1858), Nhân dân Khánh Hòa đã hưởng ứng Chiếu Cần Vương, tham gia phong trào yêu nước do Đề đốc Trịnh Phong lãnh đạo (1885 - 1886) với việc thành lập “Bình Tây cứu quốc đoàn”, tuy thất bại nhưng tấm gương “*Khánh Hòa Tam kiệt*” mãi mãi in đậm trong ký ức mỗi người dân.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03/02/1930) và ba tuần sau, ngày 24/02/1930, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa được thành lập, đã chính thức chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về con đường giải phóng dân tộc ở nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Khánh Hòa đã cùng Nhân dân cả nước đẩy lên các cao trào cách mạng, mở đầu bằng cuộc mít-tinh kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 01/5/1930; sau đó, ngày 16/7/1930, lãnh đạo Nhân dân huyện Tân Định (nay là thị xã Ninh Hòa) tiến hành cuộc đấu tranh, biểu tình đòi chính quyền bù nhìn bãi bỏ sưu cao, thuế nặng, hưởng ứng cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh, mở đầu cho giai đoạn cách mạng mới.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đã lãnh đạo Nhân dân khởi nghĩa lật

đổ chính quyền phong kiến, sớm thành lập chính quyền cách mạng vào ngày 19/8. Sự kiện 23/10/1945 - với 101 ngày đêm chiến đấu bao vây quân Pháp tại Mặt trận Nha Trang đã mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không chỉ ở Khánh Hòa mà của cả Nam Trung Bộ, lập nên những chiến công vang dội, làm thất bại chiến lược “*đánh nhanh thắng nhanh*” của quân địch, được Bác Hồ kính yêu gửi điện khen “*đã làm gương anh dũng cho toàn quốc*”. Trong hai cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc, quân và dân Khánh Hòa đã đoàn kết một lòng, tạo nên sức mạnh tổng hợp, cùng Nhân dân cả nước viết tiếp những trang sử chói lọi, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đập tan chính quyền tay sai cho đến ngày quê hương hoàn toàn giải phóng (02/4/1975).

Sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2023), cùng với tiến trình lịch sử dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Khánh Hòa đã phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết, nhất trí, năng động, sáng tạo, nêu cao bản lĩnh, khí phách của vùng đất anh hùng, nỗ lực khắc phục khó khăn, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để vươn lên và đạt được những thành tựu nổi bật, toàn diện về kinh tế - xã hội: Năm 1995, Khánh Hòa là một trong chín tỉnh đầu

tiên của cả nước tham gia câu lạc bộ 500 tỷ; năm 2000, Khánh Hòa tham gia câu lạc bộ 1.000 tỷ; từ năm 2003, Khánh Hòa là một trong 15 tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách và có đóng góp cho Trung ương... Có thể nói, đó là một trong những dấu ấn, niềm tự hào của tỉnh Khánh Hòa trong thời kỳ mới, mở đường để Khánh Hòa thực hiện thành công Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về *xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, với mục tiêu Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ CÁCH MẠNG CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA (1945 - 1975)

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Khánh Hòa đã vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, kinh nghiệm của cha ông để xây dựng các căn cứ địa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh địa phương và thể trận của cuộc kháng chiến. Các căn cứ được tổ chức linh hoạt về phạm vi và phương thức hoạt động, hợp thành mạng lưới rộng khắp, đan xen, tạo thành hậu phương vững chắc tại chỗ cho cuộc chiến tranh nhân dân, góp phần đưa cuộc kháng chiến của ta đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc từ năm 1945 - 1975, trên địa bàn tỉnh có 07 căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy⁵, gồm: Căn cứ cách mạng Đồng Trăn - Đất

5. Căn cứ cách mạng trong kháng chiến chống Pháp gồm: Đồng Trăn - Đất Sét (02/1946), Hòn Hèo (1948 - 3/1951), Đá Bàn (3/1951 - 5/1955). Căn cứ cách mạng trong thời kỳ chống Mỹ gồm: Đồng Bò (5/1955 - 1959), Tô Hạp (1959 - 1961), Hòn Dù (1962 - 02/1964). Căn cứ Hòn Dũ tồn tại trong cả 2 thời kỳ chống Pháp (02/1946 - 1948) và chống Mỹ (02/1964 - 1975).

Sét; Căn cứ cách mạng Hòn Dữ⁶; Căn cứ cách mạng Hòn Hèo⁷; Căn cứ cách mạng Đá Bàn⁸; Căn cứ cách mạng Đồng Bò; Căn cứ cách mạng Tô Hạp và Căn cứ cách mạng Hòn Dừ⁹. Ở các địa phương, ngoài các căn cứ đứng chân cùng với căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy còn có các căn cứ khác, như: Chi tình báo Khánh Hòa (Ninh Hòa); Căn cứ cách mạng Hòn Tre (Nha Trang); Căn cứ cách mạng Hòn Rồng (Cam Ranh); Căn cứ cách mạng Hóc Chim (Vạn Ninh);... Trong các vùng căn cứ, quá trình xây dựng diễn ra trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội nhằm phục vụ tối đa sức người, sức của cho tiền tuyến đánh giặc, giải phóng quê hương. Đây là nơi ghi dấu những chiến công hiển hách, minh chứng cho những ngày tháng kháng chiến gian khổ nhưng hào hùng của các thế hệ cha anh.

Trên thực tế, do yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, nhất là để đảm bảo yếu tố bí mật, tránh bị địch truy bắt, khủng bố, đánh phá, cơ quan Tỉnh ủy di chuyển liên tục, đứng chân ở nhiều địa bàn, nhiều địa điểm khác

6. Nơi diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ IV (02/1965).

7. Nơi diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I (3/1950).

8. Nơi diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ II (12/1951).

9. Nơi diễn ra 02 kỳ Đại hội: Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ III (02/1962) và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (10/1973).

nhau. Các địa điểm được xác định chủ yếu theo đơn vị hành chính, gắn với các giai đoạn xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa từ năm 1945 - 1975. Các căn cứ cách mạng luôn giữ một vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng ở địa phương, trở thành biểu tượng thiêng liêng của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân Khánh Hòa không chỉ trong kháng chiến, mà trong cả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

1. Căn cứ cách mạng Đồng Trăn¹⁰ - Đất Sét

Đồng Trăn là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 02/1946).

Đồng Trăn là tên đơn vị hành chính cấp xã, được hình thành từ rất sớm, trong lần cải cách đơn vị hành chính năm 1832 của Nhà Nguyễn (năm Minh Mạng thứ 13) - nay là xã Diên Đồng, nằm về phía Tây và cách trung tâm huyện Diên Khánh khoảng 13km. Có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp xã Diên Lâm; phía Tây giáp xã Khánh Nam (huyện Khánh Vĩnh), phía Nam giáp xã Diên Thọ, phía Bắc giáp xã Diên Xuân. Diện tích tự nhiên khoảng 1.646,83 hecta (16,46km²). Đây

10. Ngoài tên gọi Đồng Trăn, một số tài liệu gọi là Đồng Trăng.

là vùng đất tương đối bằng phẳng, xen kẽ có các ngọn đồi thấp (ở phía Tây) và được bao bọc bởi hệ thống các con sông, gồm sông Chò, sông Thác Ngựa và sông Cái (ở phía Đông); địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc vào Nam.

Căn cứ cách mạng Đồng Trăn - Đất Sét có thể coi là căn cứ kháng chiến đầu tiên của Tỉnh ủy Khánh Hòa thời kỳ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975). Căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy tại Đồng Trăn - Đất Sét chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn, sau đó chuyển về căn cứ Hòn Dũ.

Xưởng Quân giới Đồng Trăn ra đời, phục vụ kháng chiến

Không lâu sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới được thành lập, tình hình trong nước diễn ra hết sức phức tạp, chính quyền cách mạng còn non trẻ lại đứng trước muôn vàn khó khăn, thách thức, cùng một lúc phải đối phó với 3 loại giặc khác nhau, đó là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Tình thế cách mạng nước ta lúc này vô cùng khó khăn, bất lợi “ngàn cân treo sợi tóc”, đất nước ta bước vào một cuộc kháng chiến mới.

Được quân Anh tiếp tay, quân Nhật, Pháp tự do hành động. Chúng xúi giục bọn tay sai (Vương Gia

Ngại, Hoàng Bá San) gây rối trị an để lấy cớ can thiệp, từng bước đánh chiếm thị xã Nha Trang. Trước tình hình đó, các đồng chí lãnh đạo tỉnh tập trung chỉ đạo các huyện, các ngành tranh thủ thời gian đẩy mạnh mọi mặt chuẩn bị kháng chiến. Phong trào thanh niên tòng quân gia nhập Vệ quốc quân, giải phóng quân phát triển rộng khắp.

Tỉnh đã mở nhiều trường huấn luyện quân sự, chính trị như Trường quân sự khu vực Đồng Đế, Trường huấn luyện quân sự Lạc An, Trường quân chính đào tạo cán bộ trung đội và chính trị viên trung đội ở Thành (Diên Khánh)... Mỗi khóa huấn luyện khoảng 15 ngày, đào tạo cấp tốc số cán bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang và bán vũ trang ở cơ sở.

Mỗi huyện đều có từ 1 đến 2 trung đội dân quân tập trung. Ninh Hòa có Phân đội Phong Mỹ Châu (khu Ích Hạ), Hà Liên có Phân đội Chí Thắng, Thanh Mỹ có phân đội Bình Thành¹¹; Vạn Ninh có đại đội dân quân tập trung; Diên Khánh có trung đội Hòa Tân, Suối Dầu; Nha Trang có đại đội tự vệ tập trung; Vĩnh Xương có

11. Từ tháng 3 đến tháng 7/1946, Ninh Hòa thành lập 4 đại đội ở 4 khu là: Khu Xuân Hòa (có các trung đội: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Võ Văn Ký); khu Thanh Mỹ (có các trung đội: Phong Thành, Vạn Thắng, Hiệp Hưng); khu Ích Hạ (có các trung đội: Chí Thắng, Phong Mỹ Châu); khu Phước Khiêm và Hòn Khoai (có các trung đội: An Hòa, Hiệp Mỹ, Tiến Thắng).

trung đội dân quân tập trung; Ba Ngòi có đại đội dân quân tập trung. Đây là những đơn vị tiền thân của các lực lượng vũ trang địa phương sau này. Ngoài ra ở các xã, phường, công sở, xí nghiệp còn có các đại đội tự vệ vũ trang bán thoát ly. Các ủy viên trong các ủy ban cách mạng huyện, xã có khả năng về quân sự được phân công nắm lực lượng vũ trang địa phương.

Chủ trương của tỉnh về xây dựng lực lượng vũ trang trong những ngày đầu mới thành lập là vừa phát triển số lượng, vừa dần dần tăng cường chất lượng. Ngành hậu cần quân đội ra đời, song mọi nguồn cung cấp đều dựa vào Nhân dân thông qua các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh. Vũ khí trang bị cho các đơn vị vũ trang tập trung là súng trường, một ít súng phóng lựu và lựu đạn, còn trang bị cho tự vệ và dân quân du kích thì hầu hết là vũ khí thô sơ. Tuy trang bị thiếu thốn, nhưng từ cán bộ đến chiến sĩ tinh thần sẵn sàng chiến đấu “hy sinh vì Tổ quốc” rất cao. Để có vũ khí trang bị cho các đơn vị vũ trang, Tỉnh ủy đã chỉ thị khẩn trương thành lập các công binh xưởng để sản xuất vũ khí và sửa chữa súng hỏng. Tháng 9/1945, xưởng sản xuất vũ khí Đồng Trăn được thành lập.

Xưởng sản xuất vũ khí Đồng Trăn là một trong những xưởng sản xuất vũ khí đầu tiên ở miền Nam

Trung Bộ. Cơ sở sản xuất đặt tại xưởng chế biến mủ cao su của chủ đồn điền người Pháp Bu-lăng-giô (Boulanfot). Xưởng vũ khí Đồng Trăn nằm trong căn cứ Đồng Trăn. Máy móc trang bị của xưởng, ngoài số thiết bị của xưởng cao su Đồng Trăn, phần lớn là lấy ở gara Phú Xuân Long do ông Nguyễn Ngọc Vinh và gara Trần Ngọc Tân do ông Phan Hữu Lộc hiến cho cách mạng. Ban đầu xưởng có khoảng 50 người gồm các ban vũ khí, ban rèn, tổ may quần áo bảo hộ lao động, tổ cấp dưỡng và quân y. Sau đó, xưởng được tổ chức thành các dây chuyền sản xuất gồm các ban: Máy, nguội, điện, tiện, đúc, hàn gò và các bộ phận khác.

Thành phần của xưởng gồm anh em công nhân cơ khí Nha Trang, công nhân tự do của thị xã như: Thợ chữa xe đạp, thợ kim hoàn, thợ may, thợ gara Phú Xuân Long, gara Trần Ngọc Tân, có một số công nhân cơ khí ở Hải Học viện (Viện Hải dương học), Sở thuốc Pasteur của chính quyền Pháp đã về hưu tình nguyện tham gia phục vụ cách mạng tại công binh xưởng. Lớp công nhân đầu tiên ở Đồng Trăn có 2 đồng chí Nguyễn Xuân Thắng và Phan Bá Đồng tốt nghiệp Trường Kỹ nghệ thực hành Huế phụ trách.

Ý thức đầy đủ trách nhiệm nặng nề của xưởng, mỗi cán bộ công nhân trong xưởng đã lặn lội khắp nơi thu

thập trang thiết bị và nguyên vật liệu cần thiết cho xưởng hoạt động trong điều kiện ở căn cứ và hoàn cảnh chuẩn bị chiến đấu còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Mọi công tác chuẩn bị đều tiến hành khẩn trương và tự nguyện. Ai cũng nỗ lực lao động mong đóng góp công sức của mình vào công cuộc giữ lấy độc lập cho đất nước.

Nhiệm vụ của xưởng Quân giới Đồng Trăn là sửa chữa và sản xuất các loại vũ khí, kịp thời cung cấp cho các chiến sĩ ngoài mặt trận. Nhiệm vụ được giao thật ngắn gọn, súc tích nhưng việc triển khai thực hiện quả không dễ dàng. Điều cơ bản là mọi cán bộ, công nhân trong xưởng đều nhận thức rõ rằng: Không những chiến sĩ ngoài mặt trận mà cả các lực lượng vũ trang trong tỉnh vẫn chưa đủ vũ khí thông thường, trong khi kẻ địch được trang bị dồi dào hơn, tối tân hơn... Ai ai cũng mong muốn được đóng góp công sức không chỉ sửa chữa, sản xuất vũ khí mà còn nghiên cứu sao cho công việc đạt được chất lượng cao, thuận lợi cho chiến sĩ diệt được nhiều giặc.

Xưởng sửa chữa các loại súng trường, súng liên thanh, làm các chi tiết súng tiểu liên, ép vỏ đạn, làm đầu đạn, nghiên cứu sản xuất thuốc và đạn các loại, sản xuất lựu đạn theo kiểu lựu đạn Mỹ và lựu đạn có cánh. Lúc đầu xưởng mang tên “Nguyễn Trường Tộ”¹²

12. Nguyễn Trường Tộ là nhà kỹ thuật tiên bộ của Triều đình Nhà Nguyễn.

hoặc “Vân Tràng quân giới”¹³, nhưng anh em công nhân quen gọi là xưởng quân giới Đồng Trăn. Tháng 11/1945, trong một cuộc thử nghiệm loại lựu đạn mới sản xuất, đồng chí Phan Bá Đồng hy sinh, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cũng bị thương và hy sinh. Cảm phục tinh thần của 2 đồng chí, anh em công nhân quyết định gọi xưởng quân giới Đồng Trăn là xưởng quân giới Đồng - Thắng. Xưởng quân giới ở Đồng Trăn hoạt động trong khoảng 4 tháng, đến cuối năm 1945 xưởng chuyển qua Đất Sét¹⁴.

Cùng thời gian này, Bệnh viện tỉnh (trước kia là nhà thương Nha Trang) được chuyển thành quân y viện, chuyển ra khỏi thị xã, đóng tại thôn Trường Lạc (Diên Khánh). Quân y viện do bác sĩ Lê Khắc Quyến phụ trách cùng một tập thể thầy thuốc và hộ lý, phần lớn là người thị xã Nha Trang. Đồng bào Trường Lạc sẵn sàng thu xếp nơi ăn ở, nhường cho bệnh viện những

13. Vân Tràng quân giới là tên địa phương ở Hà Tĩnh mà Cao Thắng - vị tướng trẻ thời Phan Đình Phùng khởi nghĩa đã rèn khẩu súng trường Việt Nam theo kiểu súng Mút-cơ-tông của Pháp.

14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa - 30 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng (1945 - 1954)*, tập 1, Khánh Hòa - 1992, tr.48. Theo tài liệu 30 năm Quân giới Khánh Hòa (1945 - 1975), tr.33, dẫn: Cuối tháng 1 năm 1946, quân Pháp tập trung lực lượng tiến công vào các phòng tuyến của ta. Để bảo đảm an toàn, xưởng quân giới Đồng Trăn được lệnh di chuyển lên Đất Sét.

căn nhà rộng rãi, thoáng mát làm phòng mô, phòng thuốc, phòng điều trị, phòng ăn.

Hoạt động cách mạng của Tỉnh ủy tại căn cứ Đồng Trăn - Đất Sét

Trước sự gây hấn của thực dân Pháp, tỉnh chủ trương chuyển các cơ quan tỉnh và thị xã từ Nha Trang lên Thành (Diên Khánh) và vùng phụ cận Vĩnh Xương, chỉ để lại một bộ phận gọn nhẹ do đồng chí Phạm Cự Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh và đồng chí Lê Huy Phát, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thị xã Nha Trang, nhân danh chính quyền cấp tỉnh và thị xã giải quyết một số công việc trước mắt. Nhân dân thị xã thực hiện “vườn không nhà trống”, tản cư về các vùng nông thôn lân cận, thanh niên ở lại tham gia tự vệ và phục vụ chiến đấu. Các huyện trong tỉnh được lệnh sẵn sàng chi viện cho Nha Trang. Do công tác chuẩn bị mọi mặt tương đối chu đáo, ngày 23/10/1945, quân và dân Khánh Hòa, trước hết là quân và dân Nha Trang bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược với tinh thần chủ động tiến công.

Ngày 01/02/1946, Hồ Chủ tịch ký lệnh cử một Phái đoàn Chính phủ do đồng chí Lê Văn Hiến dẫn đầu vào nắm tình hình miền Nam và mang thư của Bác “Gửi

các chiến sĩ cùng đồng bào Nam bộ và phía Nam Trung Bộ”. Đoàn đã tới Mặt trận Nha Trang. Điều đó thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, là nguồn cổ vũ lớn lao và đầy xúc động với quân và dân ta đang chiến đấu ở đây.

Thay mặt cho Chính phủ, đồng chí phái viên đi thăm hỏi anh em thương binh ở quân y viện Trường Lạc, Xưởng quân giới, căn cứ huấn luyện tân binh ở Đồng Trấn. Các chiến sĩ đang ở phòng tuyến nghe đọc thư của Bác Hồ chứa chan tình cảm, ai nấy cũng xúc động. Thư có đoạn viết:

“Từ ba tháng nay, các anh chị em đã đem xương máu ra để giữ lấy từng tấc đất của Tổ quốc. Tôi và tất cả đồng bào ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ đã bao nhiêu lần tức giận khi nghe bọn thực dân Pháp đập lên lãnh thổ của cha ông ta, giết hại nòi giống ta. Đã bao nhiêu lần phấn khởi khi nghe những chiến công oanh liệt do những vị vô danh và hữu danh anh dũng của dân tộc tạo nên, đã bao nhiêu lần hồi hộp có thể khóc được trước những gương vô cùng hy sinh, vô cùng can đảm của những người con yêu Tổ quốc. Do đó tôi càng tin chắc rằng với một nước có những đứa con hy sinh như thế, anh hùng như thế, đã có một khối đoàn kết toàn dân như thế, nước ta nhất định không thể bị mất lại một

lần nữa. Để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải chiến đấu nhiều, chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở lực, khó khăn. Chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc. Các bạn ở tiền tuyến không bao giờ cô độc vì đã có cả một khối đoàn kết toàn dân làm nên hậu thuẫn cho mình. Thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ về ta”¹⁵.

Cuối tháng Giêng năm 1946, Hồ Chủ tịch cử đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ủy viên quốc phòng của Chính phủ vào kiểm tra tình hình các mặt trận miền Nam. Đồng chí Võ Nguyên Giáp tới thị sát Mặt trận Nha Trang, kiểm điểm tình hình, xem xét việc bố trí phòng tuyến, đồng thời truyền đạt chỉ thị: “Kháng chiến - kiến quốc” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo các huyện, thị xã tại Thành (Diên Khánh).

Về phương hướng kháng chiến của Khánh Hòa trong thời gian tới, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã vạch ra một số nét tổng quát: “*Từ thực tiễn mặt trận Nha Trang, có thể rút ra những bài học bổ ích. Rõ ràng khi địch tiến công ào ạt, lực lượng chúng còn hạn chế, việc lập phòng tuyến vừa đánh, vừa chặn địch với quyết tâm cao là tốt. Song, sắp tới đây, thực dân Pháp sẽ tăng viện, mở cuộc tấn công mới. Ta cần thấy trước và điều*

15. Tài liệu lưu trữ tại Lịch sử quân sự Quân khu 5.

chỉnh ngay sự bố trí và cách tác chiến, không thể giữ mãi các phòng tuyến hiện nay mà phải chủ động rút ra một bộ phận chủ lực, chỉ để một bộ phận nhỏ bám sát địch, sẽ tổ chức những đơn vị cơ động đánh địch bằng các hình thức tập kích, phục kích tiêu hao sinh lực địch, cho biệt động hoặc du kích thâm nhập đánh phá, toàn dân đánh giặc, mọi vùng, mọi làng đều thành làng xã chiến đấu. Đồng thời tỉnh nên chủ động xây dựng căn cứ kháng chiến ở vùng Đồng Trấn”¹⁶.

Cuối tháng 01/1946, Pháp mở một cuộc tấn công lớn vào các phòng tuyến của ta trên toàn Nha Trang với hai cánh quân từ phía Nam, Phan Rang tấn công ra, cánh quân phía Bắc từ Ninh Hòa vào. Trước sức ép từ 2 phía, sáng 01/02/1946 các đơn vị của ta đóng ở phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng rút ra phía Bắc sông Cái về Tứ thôn Đại Điền.

Chiều 01/02/1946, tại Cống Ba - Cầu Lùng, quân Pháp cắm cờ đỏ sao vàng trên xe, nghi binh vượt qua các vị trí của quân ta, phối hợp với lực lượng Nha Trang lên, tấn công vào Thành - Diên Khánh. Lực lượng cách mạng đã chiến đấu quyết liệt tại thị trấn và khu vực cửa Nam Thành, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, để bảo vệ các

16. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa: *Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa*, Khánh Hòa-2020, tr.39.

cơ quan đầu não của tỉnh trong Thành kịp rút lên Đồng Trăn an toàn. Mãi đến 22 giờ đêm 01/02/1946 (ngày 30 Tết Bính Tuất) địch mới chiếm được Thành. Thời gian này, các cơ quan đảng, đoàn thể và mặt trận ở phía Đại Điền rút về Đồng Trăn.

Sáng 02/02/1946, từ Thành, quân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Đồng Trăn và qua Bắc sông Cái khu vực Bến đò Thành nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng mà trọng tâm là cơ quan đầu não của tỉnh đang đóng ở Đồng Trăn. Hỏa lực của máy bay và đại bác từ các trận địa pháo ở các điểm cao quanh thị xã Nha Trang và từ tàu Ri-sơ-li-ơ bắn yểm trợ cho bộ binh Pháp tấn công. Bộ đội Nam tiến Thuận Hóa và bộ đội địa phương tổ chức đánh địch tại Cầu Đôi và bến đò Thành. Mặc dù lúc này trời mưa rất lớn, công sự phòng thủ của ta bị ngập nước, phải chiến đấu dưới tầm bom đạn ác liệt nhưng bộ đội ta không nao núng, bình tĩnh, dũng cảm đẩy lùi tất cả các đợt tấn công của quân Pháp, buộc chúng phải rút lui về Thành.

Các đơn vị tự vệ của Nha Trang, Vĩnh Xương rút lên vùng núi Chín Khúc, xây dựng cơ sở đứng chân tại núi Đồng Bò. Sở Chỉ huy Mặt trận cùng các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận rút lên vùng núi Đồng Trăn - Đất Sét.

Về phía Pháp, sau khi rút về Thành, chúng tổ chức lại lực lượng và hỏa lực để tấn công cách mạng, chiến sự tiếp tục diễn ra rất căng thẳng.

Trong hoàn cảnh chiến sự đang diễn ra rất căng thẳng, chiều 03/02/1946, một hội nghị quan trọng đã được triệu tập tại Đất Sét (Diên Khánh), gồm các đồng chí thuộc Bộ Tư lệnh mặt trận, chính quyền, Mặt trận Việt Minh và Tỉnh ủy do đồng chí Bùi Định thay mặt Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị đã nhận định tình hình và bàn phương hướng thời gian tới, thể hiện quyết tâm động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Khánh Hòa chiến đấu chống quân xâm lược Pháp đến cùng. Đối với phong trào thì chủ trương: Trước hết ổn định tình hình, tổ chức cuộc kháng chiến, sắp xếp lại bộ máy cho phù hợp với tình hình mới; phát động Nhân dân kê cả vùng địch kiểm soát, tích cực ủng hộ nhân tài, vật lực cho kháng chiến. Động viên tinh thần đồng bào chiến sĩ, khẳng định “tinh thần quyết chiến, quyết thắng”; phát động phong trào du kích chiến tranh. Các đại biểu yêu cầu bộ đội chủ lực ở lại cùng Nhân dân địa phương kháng chiến; các đồng chí chỉ huy của các đơn vị vũ trang đều hứa hẹn nỗ lực sát cánh cùng Nhân dân Khánh Hòa đánh giặc đến cùng.

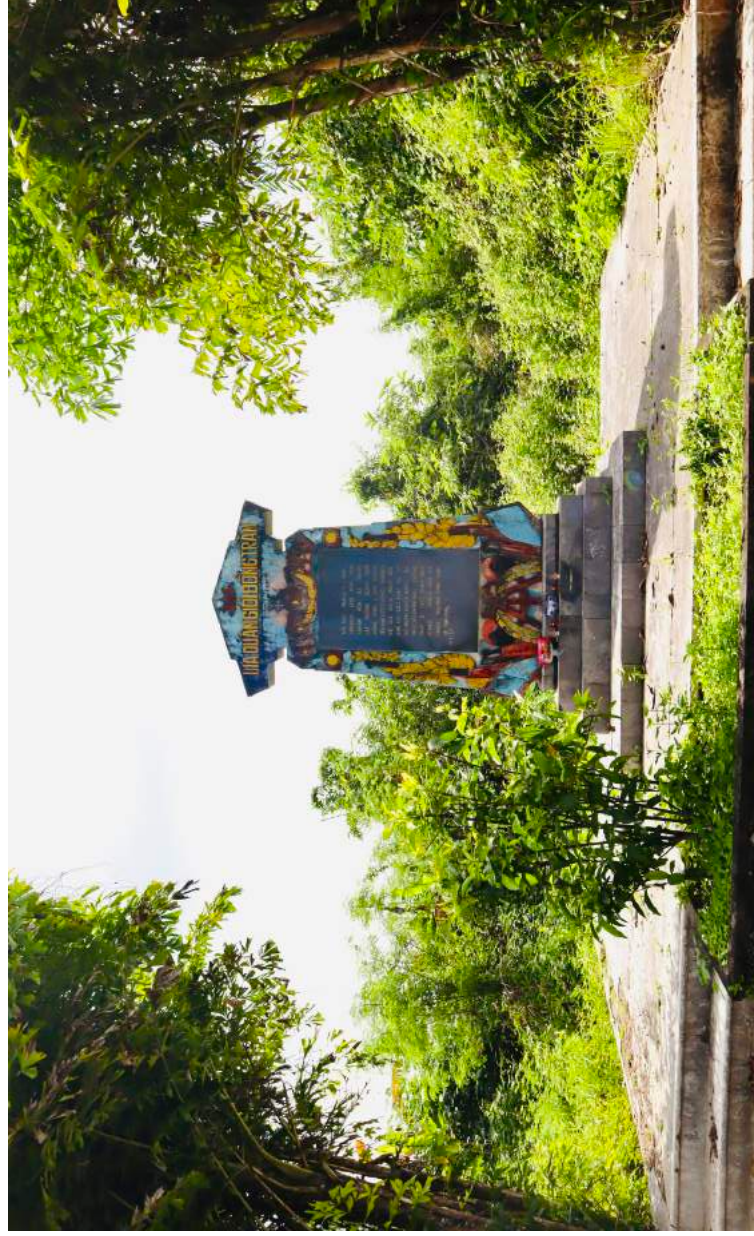
Có thể nói, đây là Hội nghị quân, dân, chính, đảng đầu tiên của tỉnh trong kháng chiến. Hội nghị đã đề cập đến một số vấn đề lớn dựa theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng do đồng chí Võ Nguyên Giáp vào truyền đạt và góp ý kiến cho tỉnh trước khi Mặt trận Nha Trang vỡ. Tuy vậy, về nội dung và phương thức hoạt động cụ thể thì còn lúng túng. Cuộc họp có tính chất quan trọng, nhưng phần lớn đại biểu chưa có sự chuẩn bị chu đáo, hơn nữa lại họp gấp rút trong một buổi, nên không thể đề cập kỹ các vấn đề.

Sau Hội nghị, Thường vụ Tỉnh ủy bàn tiếp một số việc cụ thể, trước hết phải nhanh chóng ổn định tình hình các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy của tỉnh. Các cơ quan Tỉnh ủy, mặt trận, chính quyền, quân sự của tỉnh chuyển vào Hòn Dũ chuẩn bị chỗ ăn, ở và làm việc, tổ chức hệ thống liên lạc từ tỉnh đến huyện, thị. Các đồng chí Tỉnh ủy được phân công về các địa bàn để triển khai nghị quyết nhằm chuyển hướng tổ chức hoạt động, đẩy mạnh phong trào kháng chiến trong toàn tỉnh. Hai đồng chí Bùi Định và Trương An trực ở tỉnh và Diên Khánh, Vĩnh Xương, Nha Trang phổ biến nghị quyết. Đồng chí Mai Dương ra Bắc Khánh truyền đạt, tổ chức thực hiện chủ trương sớm ổn định tình hình để đi vào giai đoạn chiến đấu mới.

Để tiện cho việc chỉ đạo phù hợp với tình hình và khả năng cán bộ, địa bàn tỉnh được chia làm nhiều khu kháng chiến. Vùng Nha Trang - Vĩnh Xương - Diên Khánh có tầm quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế và có mối quan hệ chặt chẽ với vùng ta kiểm soát ở Bắc Khánh. Chủ trương của tỉnh là chia 3 huyện, thị này thành 4 khu kháng chiến: Khu I gồm tổng Trung Châu; Khu II gồm hữu ngạn sông Cái từ Thành xuống toàn bộ huyện Vĩnh Xương và thị xã Nha Trang; Khu III từ Thành trở lên gồm các làng thuộc tổng Vĩnh Phước và Ninh Phước; Khu IV gồm các xã thượng lưu sông Cái. Phủ Ninh Hòa cũng được chia thành 6 khu kháng chiến tương đương các tổng trước đây là khu Phước Khiêm (Thượng, Hạ), Thanh Mỹ, Suối Ré, Hòn Khói, Ích Hạ, Xuân Hòa. Ở Vạn Ninh có 3 khu là Phước Thiện, Phước Tường Nội, Phước Tường Ngoại. Ở các khu, tổ chức ra Ủy ban quân - dân - chính, vừa chỉ đạo kháng chiến, vừa làm nhiệm vụ của chính quyền. Đây là hình thức chính quyền kháng chiến tạm thời trong thời kỳ đầu.

Như vậy, căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy tại Đồng Trăn chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng có vai trò rất quan trọng trong suốt quá trình tồn tại, phát triển, chiến đấu và chiến thắng của quân và dân Khánh Hòa. Đây là nơi diễn ra Hội nghị quân - dân - chính - đảng

đầu tiên của tỉnh trong kháng chiến; Hội nghị đã cụ thể hóa một số vấn đề lớn dựa theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng do đồng chí Võ Nguyên Giáp vào truyền đạt và góp ý kiến cho tỉnh trước khi Mặt trận Nha Trang bị vỡ. Nơi đây cũng đã khởi đầu phong trào du kích chiến tranh của tỉnh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và là nền tảng mạnh mẽ để Tỉnh ủy xây dựng các căn cứ cách mạng về sau. Đồng thời, cũng là nơi tỉnh có chỉ đạo chiến lược, chia tỉnh thành các khu kháng chiến, hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong thời gian này. Cũng tại đây, xưởng Quân giới Đồng Trăn đã hoàn thành nhiệm vụ phục vụ cho những ngày đầu chống Pháp trên Mặt trận Nha Trang. Vũ khí do xưởng sửa chữa và sản xuất đã cung cấp cho chiến trường ở Nam Trung Bộ. Tuy xưởng không còn, nhưng cán bộ, công nhân xưởng Quân giới Đồng Trăn vẫn giữ mãi truyền thống, tiếp tục phục vụ cho công cuộc kháng chiến chống Pháp bằng tất cả tinh thần, nghị lực và kỹ thuật chuyên môn của mình.



Bia Quân giới Đồng Trần đặt tại căn cứ cách mạng Đồng Trần - Đất Sét

2. Căn cứ cách mạng Hòn Dữ

Hòn Dữ là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy tồn tại trong 2 thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (02/1946 - 1948) và kháng chiến chống các chiến lược chiến tranh “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa” chiến tranh của đế quốc Mỹ xâm lược (02/1964 - 1975).

Căn cứ cách mạng Hòn Dữ nằm trên một quần thể núi non trùng điệp thuộc vùng rừng núi phía Tây Bắc tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay thuộc thôn Suối Thom, xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh và xã Diên Xuân, huyện Diên Khánh. Theo Bản đồ tỉnh Khánh Hòa, tỷ lệ 1/150.000 do Nhà xuất bản Bản đồ xuất bản năm 2000, căn cứ cách mạng Hòn Dữ có vị trí địa lý như sau: Phía Bắc tiếp giáp với vùng đồng bằng thị xã Ninh Hòa; phía Đông Nam giáp xã Diên Lâm, xã Diên Xuân của huyện Diên Khánh; phía Tây giáp xã Khánh Bình của huyện Khánh Vĩnh. Dãy núi Hòn Dữ có nhiều đỉnh núi cao như: Ngọn Hòn Dữ, Hòn Bà (hay còn gọi là Hòn Lớn), Đá Treo... Từ những đặc điểm địa hình nêu trên, Hòn Dữ đã đáp ứng được các yếu tố cần thiết để trở thành căn cứ kháng chiến của quân và dân tỉnh Khánh Hòa trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giai đoạn 1945 - 1975. Hòn Dữ nằm trên đường giao thông chiến lược quan trọng của

Liên khu 5 và Trung ương. Cùng với vùng núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh (Khánh Hòa), Bắc Ái (Ninh Thuận), phía Đông Bắc tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, căn cứ cách mạng Hòn Dữ tạo thành một quần thể liên hoàn vùng chiến khu kháng chiến của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Hòn Dữ có các gộp đá: Gộp chữ U, Gộp ông Vũ, Khu Ái Quốc:

- **Gộp chữ U** (tên gọi khác là Giếng Tiên)¹⁷. Gộp chữ U nằm ở ngọn phía Đông của ngọn Hòn Bà (ngọn Đá Treo) trên lưng chừng núi. Diện tích của gộp khá lớn, với độ cao trung bình từ 4 - 5m gồm nhiều tầng, chiều rộng trung bình là 7m và dài khoảng 20 - 30m. Phía trên gộp là một khối đá lớn với chiều cao khoảng 15m, rộng 25m chạy dọc theo chiều dài của gộp. Trước gộp là những khối đá nhỏ hơn xếp chồng chất lên nhau làm tấm bình phong che chắn. Phía Tây gộp chữ U có một gộp lớn dạng hình tròn rộng chừng 10m, dài 15m, cao khoảng 4m. Che phía trên là một khối đá lớn cao chừng 7m, rộng 12m. Phía sau gộp chữ U còn nhiều gộp đá và những cây cổ thụ lớn che phủ. Ở dưới, phía Tây Nam của gộp chữ U là Suối Cau. Đây là khu vực

17. Dưới lòng gộp có một con suối ngầm lớn nên dân gọi là Giếng Tiên và cũng vì gộp nhỏ nhưng dài theo hình chữ U nên còn gọi là gộp chữ U.

các cơ quan Tỉnh ủy (Ban Hậu cần, Trạm xá, Thông tin liên lạc, Tham mưu...) đóng quân và lãnh đạo trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Dọc hai bên suối Cau là rừng già nguyên sinh với nhiều khối đá lớn cùng nhiều hang động tự nhiên rất thuận tiện cho việc đóng quân và hoạt động.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, khi huyện Khánh Vĩnh được thành lập thì các cơ quan của huyện bao gồm Huyện ủy, Tham mưu, Trạm xá, Huyện đội... cũng lên đóng quân quanh khu vực suối Cau.

- **Gộp ông Vũ**¹⁸ nằm ở sườn phía Nam của ngọn Hòn Bà (Đá Treo), cách khu vực Giếng Tiên chừng 700 - 800m. Phía trước bên dưới là khu dân cư của thôn Diên Thủy - xã Khánh Đông hiện nay. Trong nhiều năm, gộp này là địa bàn đóng quân của một số cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy như: Ban Hậu cần, Ban Tham mưu. Gộp được hình thành do những khối đá lớn chồng chất lên nhau tạo ra một khoảng trống tự nhiên rộng chừng 300m. Cửa gộp hướng Đông Nam, trước gộp có một

18. Theo già làng Ama Khang (thôn Diên Thủy - xã Khánh Đông) - người tham gia hoạt động cách mạng trong suốt hai cuộc kháng chiến cho biết, sở dĩ gọi là Gộp ông Vũ là vì trong kháng chiến chống Pháp ông Vũ là người phụ trách Ban Hậu cần nên sử dụng tên của ông để đặt tên cho Gộp và từ đó có tên gọi Gộp ông Vũ.

khối đá lớn hình mái nhà với chiều rộng khoảng 30m, cao 10m, đỡ lấy khối đá lớn này là hai khối đá nhỏ hơn ở hai bên cửa hang. Xung quanh gộp còn nhiều khối đá lớn có chiều cao khoảng 12m, diện tích gộp rộng chừng 40m². Hiện nay, các dấu vết khác của gộp liên quan tới hai cuộc kháng chiến hầu như không còn.

- **Khu Ái Quốc:** Phía Tây ngọn Hòn Bà có dãy núi Hồng (còn gọi là dãy Suối Mây), cách ngọn núi Hồng khoảng 200m về hướng Đông Nam có Hòn núi Thơm đứng độc lập một mình. Hòn núi này không lớn lắm, giữa Hòn núi Thơm và dãy Núi Hồng có một khoảng đất trống rất lớn và khá bằng phẳng. Trước đây, khi các cơ quan đơn vị kháng chiến của tỉnh Khánh Hòa lên tìm địa điểm để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp đã đóng tại khu vực này là chính. Địa điểm này rất thuận lợi vừa có thể lập doanh trại, vừa lập vùng sản xuất tự cung, tự cấp cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Để vào được khu vực này chỉ có thể đi bộ, do núi bao bọc cả 3 mặt, mặt Tây Nam lại có dòng Suối Mây ngăn cản nên rất an toàn.

Dưới chân núi Hòn Dũ có nhiều khu đất rộng, bằng phẳng rất thuận lợi để lập các trại sản xuất lương thực, chăn nuôi trâu, bò, gia súc, gia cầm... phục vụ kháng chiến.

Hiện nay, các dấu vết của 2 cuộc kháng chiến không còn do sự mở mang khai thác của Nhân dân, nhưng những gập đá tự nhiên nơi các cơ quan, đơn vị của tỉnh đóng quân vẫn còn.

Hoạt động của Tỉnh ủy thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (02/1946 - 1948)

Xây dựng căn cứ

Sau khi Mặt trận Nha Trang bị vỡ, thực dân Pháp lợi dụng thời cơ hòa hoãn, ra sức chuẩn bị các mặt để đúng 2 tháng sau mở các cuộc hành quân lớn, thực hiện âm mưu tiêu diệt lực lượng ta, mở rộng vùng kiểm soát, tăng cường củng cố hậu phương. Thực dân Pháp đã trắng trợn phản bội Hiệp định Sơ bộ 6/3, nhưng quân Pháp không thực hiện được mục đích chính của cuộc tấn công là tiêu diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến và chủ lực của ta, mà ngược lại lực lượng cơ động nòng cốt của chúng bị quân dân ta đánh tiêu hao. Cuộc tiến công của quân Pháp đã vấp phải sức đánh trả ngoan cường của lực lượng vũ trang và tinh thần kháng chiến bất khuất của Nhân dân ta. Nhiều nơi trong tỉnh, Nhân dân tự nguyện thực hiện “vườn không nhà trống”, bắt hợp tác với giặc.

Đầu tháng 02/1946, sau khi được tăng thêm quân, thực dân Pháp mở các cuộc hành quân ào ạt bằng xe

cơ giới và đã chiếm được các thị trấn, phủ lý, huyện lý trong toàn tỉnh, kiểm soát các đường giao thông chiến lược. Tại những nơi này, địch lo dựng đồn, trại đóng quân, xây lô cốt, đào công sự, rải quân đóng chốt một số cầu, cống trên Quốc lộ 1 từ Giã vào Ba Ngòi và đường 21 từ Ninh Hòa đi Buôn Ma Thuột. Tuy vậy, diện kiểm soát của quân Pháp còn rất hạn chế, ngoài các trục giao thông và quanh các vị trí chiếm đóng. Ta còn kiểm soát toàn bộ vùng tự do Tu Bông, Đông Ninh Hòa, dọc ven biển, hải đảo, vùng núi và phần lớn vùng nông thôn giàu lúa gạo và nhân lực.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy ngày 03/02/1946 và Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan của Tỉnh ủy, mặt trận, chính quyền, quân sự dời từ Đồng Trấn chuyển về Hòn Dũ chuẩn bị chỗ ăn, ở và làm việc, tổ chức hệ thống giao thông liên lạc từ tỉnh đến huyện, thị. Được sự giúp đỡ của đồng chí Ma Cao - người dân tộc Raglai, các cơ quan của tỉnh đã chọn được một địa điểm thuận lợi ở lưng chừng Hòn Dũ để đứng chân. Cán bộ, chiến sĩ các đơn vị của tỉnh, dân quân người dân tộc thiểu số ở các buôn, làng quanh Hòn Dũ đã tham gia xây dựng căn cứ kháng chiến. Bãi chông, cạm bẫy được thiết lập trên các tuyến đường mòn để chống địch xâm nhập.

Để xây dựng căn cứ kháng chiến, cán bộ các cơ quan tỉnh, chiến sĩ lực lượng vũ trang đã thực hiện tinh thần “*tự lực cánh sinh*”, tự mình làm nhiệm vụ công binh trong xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng căn cứ địa. Vấn đề trước mắt là ổn định nơi ở và sản xuất tự túc lương thực để đảm bảo cuộc sống cho cán bộ, chiến sĩ. Cán bộ, bộ đội, đồng bào dân tộc địa phương đã dồn nhiều công sức để hình thành nên các trại tăng gia sản xuất ở Suối Thơm, Nguyễn Công Trứ, mở ra các điểm Bến Khế, Bồn Còm, Sông Giang, Cây Sung, Sông Chè... Tại các trại sản xuất, sản phẩm ngoài bắp, lúa, khoai, sắn còn có gia súc, gia cầm... Những trại sản xuất của tỉnh không chỉ đảm bảo nguồn lương thực tự túc cho cách mạng mà sau này còn giúp đỡ rất nhiều cho đồng bào Khánh Vĩnh trong những lúc khó khăn.

Công tác bố phòng chống địch được đặc biệt chú ý. Ngoài tổ chức bố phòng xung quanh các vị trí cơ quan tỉnh đứng chân, cán bộ chiến sĩ ta còn vận động đồng bào dân tộc các làng Bur, P-lây quanh khu vực căn cứ làm chức năng chiến sĩ công binh nhân dân tham gia xây dựng căn cứ, tổ chức bố phòng xung quanh nơi ở, trên các đường rừng đi lại, quanh các nương rẫy... bằng hệ thống chông, bẫy, mang cung do đồng bào tự chế tạo. Chính các loại vũ khí thô sơ do đồng bào dân

tộc chế tác đã đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ căn cứ, tiêu diệt địch, nó vô cùng nguy hiểm và hiệu quả trong việc ngăn chặn các đợt hành quân càn quét của thực dân Pháp vào căn cứ của ta.

Quá trình xây dựng và phát triển, căn cứ cách mạng Hòn Dũ phân bố trên một địa bàn khá rộng. Lúc bấy giờ, phía Bắc căn cứ tiếp giáp với vùng đồng bằng của huyện Ninh Hòa; phía Đông giáp các xã Diên Lâm, Diên Xuân của huyện Diên Khánh; phía Tây giáp xã Khánh Bình của huyện Khánh Vĩnh. Các cơ quan của tỉnh và bộ đội chủ lực của ta được bố trí tại các nơi như: Gộp chữ U (Giếng Tiên - Khu các cơ quan Tỉnh ủy); Gộp ông Vũ (Ban Hậu cần) và Khu Ái Quốc¹⁹.

Nhờ sự hoạt động tích cực của cán bộ, bộ đội và Nhân dân, trong thời gian không lâu, tình hình các địa phương trong tỉnh đi vào ổn định. Các tổ chức chính quyền, mặt trận, đoàn thể quần chúng được củng cố lại. Các mặt sinh hoạt và khí thế của quần chúng được khôi phục. Các đoàn thể quần chúng khai hội học tập, bàn việc kháng chiến, tổ chức hũ gạo nuôi quân, hũ gạo kháng chiến, nộp nguyệt phí, nguyệt liêm đều đặn. Các hội “mẹ chiến sĩ”, các đội “bạch đầu quân” ra

19. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lịch sử lực lượng Công binh tỉnh Khánh Hòa (1945 - 2015)*, NXB Quân đội Nhân dân - 2021, tr53.

đời, hoạt động sôi nổi có tác dụng động viên con em tích cực tham gia kháng chiến. Các lớp bình dân học vụ ban đêm được duy trì, thu hút đông đảo Nhân dân theo học. Dân quân phát triển rộng rãi và tổ chức hệ thống canh gác, báo tin chuyên bằng âm thanh phục vụ lánh, tránh và đánh địch khi chúng càn quét. Lực lượng vũ trang tập trung được xây dựng và ngày càng lớn mạnh, duy trì các cuộc chiến đấu du kích tiêu hao sinh lực địch, trừng trị bọn tay sai có nhiều nợ máu. Sau khi địch chiếm Thành (Diên Khánh) mới được 5 ngày, chưa kịp yên ổn, đã bị đội cảm tử do đồng chí Nguyễn Văn Vinh chỉ huy tấn công, diệt hàng chục lính Pháp và một tên quan ba Nhật.

Hoạt động kháng chiến tại căn cứ cách mạng Hòn Dũ

Trong khi lực lượng vũ trang địa phương và một vài đơn vị Nam tiến bám địa bàn, bám dân, phát động chiến tranh du kích, thì có khoảng 500 chiến sĩ được lệnh của chỉ huy mặt trận, rút ra vùng tự do Phú Yên. Trong hoàn cảnh phong trào tỉnh Khánh Hòa đang cần sự có mặt và hỗ trợ đắc lực của lực lượng vũ trang, thì việc rút một lực lượng lớn bộ đội chủ lực ra khỏi chiến trường có ảnh hưởng không tốt đến phong trào kháng chiến thời gian đầu ở địa phương.

Cùng khi đó, đồng chí chính trị viên Mặt trận và Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Hoàng Hữu Cháp đã đích thân vào thị xã Nha Trang nắm tình hình, trong khi chưa có sự tổ chức chuẩn bị chu đáo đường dây liên lạc và cơ sở. Đồng chí Hoàng Hữu Cháp bị quân Pháp bắt và xử bắn ngày 21/02/1946. Sự hy sinh của đồng chí là mất mát to lớn của Đảng bộ Khánh Hòa trong ngày đầu kháng chiến.

Về phía thực dân Pháp, trước sự phát triển của phong trào kháng chiến, chúng chủ trương đánh phá hệ thống các căn cứ địa cách mạng của ta và hành lang liên lạc từ tỉnh, huyện đến cơ sở. Pháo lớn hàng ngày bắn phá các khu vực nghi là có bộ đội và cơ quan của ta đóng gây nhiều thiệt hại cho cán bộ, chiến sĩ và tài sản, gây cho Nhân dân nhiều khó khăn trong sản xuất và ổn định đời sống. Bộ máy nguy quyền tay sai được Pháp dựng lên tại những vùng Pháp chiếm đóng.

Trước hành động ngày càng lấn tới của thực dân Pháp, các đội tự vệ cảm tử diệt một số tên tay sai đầu sỏ, gian ác, vận động Nhân dân chống mọi luận điệu tuyên truyền lừa bịp của kẻ thù, bao vây kinh tế, bất hợp tác với địch.

Sau khi Chính phủ ta ký Hiệp định Sơ bộ 06/3/1946, đầu tháng 4/1946, tại nhà Bưu điện Nha Trang diễn ra

cuộc đàm phán giữa đại diện Chính phủ ta, đại diện tỉnh Khánh Hòa với đại diện quân Pháp để bàn việc thi hành Hiệp định Sơ bộ tại khu vực Nha Trang - Khánh Hòa. Phía đại biểu tỉnh Khánh Hòa do đồng chí Đại úy Nguyễn Chánh làm trưởng đoàn, đồng chí Hà Văn Lâu làm phiên dịch. Qua đàm phán, hai bên thỏa thuận một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp định tại địa phương và ký kết một số điều khoản.

Sau khi ký kết, các cơ quan tỉnh chuyển một bộ phận nhỏ về đóng tại Tứ thôn Đại Điền coi như cơ quan tiền phương để nắm sát tình hình kịp chỉ đạo, lãnh đạo phong trào. Trong lúc đó, phần lớn bộ phận quan trọng của Tỉnh ủy vẫn ở căn cứ Hòn Dũ.

Trung tuần tháng 4/1946, đồng chí Trần Tổng, phái viên Xứ ủy Trung bộ vào triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại thôn Đại Điền Đông để phổ biến tình hình chung, bàn việc thi hành Hiệp định Sơ bộ và kiểm tra tình hình sẵn sàng đánh địch. Hội nghị thấy rõ âm mưu của thực dân Pháp là cần có thời gian hòa hoãn để đưa quân ra thay thế quân đội Tưởng chiếm đóng ở miền Bắc Việt Nam, đồng thời chuẩn bị lực lượng mở các cuộc tấn công mới chiếm đất, chiếm dân của ta. Về phía ta cũng cần có thời gian để chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài. Hội nghị đã bầu bổ sung vào

Tỉnh ủy 3 đồng chí: Tổng Đình Phương (Ninh Hòa), Trần Danh (Diên Khánh) và Lê Cường (Vĩnh Xương), đồng chí Mai Dương được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tỉnh ủy cũng chủ trương tăng cường cán bộ cho cơ sở, nhất là các địa bàn quan trọng như Nha Trang, Vĩnh Xương. Đồng chí Lê Cường được điều về lại Vĩnh Xương, đồng chí Mai Xuân Cống về nội thành, bắt mối với các đồng chí vào trước để xây dựng tổ chức đảng và cơ sở quần chúng. Các cơ quan chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang có thêm một số đảng viên mới, làm tăng thêm sức chiến đấu của Đảng bộ.

Trong lúc hội nghị trừ bị giữa ta và Pháp đang tiến hành ở Đà Lạt, Chính phủ ta và Chính phủ Pháp đang sắp mở hội nghị hai bên tại Pháp, thì bọn thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách “việc đã rồi”. Ngày 01/6/1946, chúng thành lập chính phủ bù nhìn “Cộng hòa Nam kỳ”, chúng còn đánh chiếm Tây Nguyên và dự tính lập nước “Cộng hòa Tây kỳ”, thực hiện âm mưu nham hiểm “chia để trị” của chúng.

Ở Khánh Hòa, ngày 21/6/1946, một lực lượng lớn quân Pháp có máy bay và pháo từ biển bắn yểm trợ, tấn công vùng Tu Bông, huyện Vạn Ninh. Pháp tấn công ra Tu Bông không gặp sức chống trả đáng kể, vì đơn vị đứng chân tại đây là tiểu đoàn Trần Tạo đã chuyển ra

Phú Yên trước đó ít lâu và cơ quan Ủy ban hành chính huyện phải chuyển lên căn cứ Hóc Chim. Thực dân Pháp chiếm được Tu Bông, mảnh đất tự do cuối cùng của Khánh Hòa. Từ đây chúng áp sát vùng Đại Lãnh, Vũng Rô, hàng ngày nhòm ngó vùng tự do Phú Yên.

Về phía ta, các cơ quan lãnh đạo kháng chiến tỉnh xây dựng căn cứ ở Hòn Dữ để ổn định công tác. Các Phủ ủy Ninh Hòa, Huyện ủy Vĩnh Xương, Thị ủy Nha Trang được thành lập. Cam Ranh là địa bàn xa sự chỉ đạo của tỉnh, nhưng ở đây cũng đã tổ chức được cơ quan chỉ đạo kháng chiến gồm 3 đồng chí, do đồng chí Tôn Thất Chí (Nguyễn Thiện Chí) làm Chủ tịch. Ta vẫn kiểm soát phần lớn vùng nông thôn đồng bằng, chính quyền cơ sở ở nhiều nơi vẫn bám sát địa bàn hoạt động. Lực lượng vũ trang tập trung của cấp trên, đại bộ phận rút ra vùng tự do Phú Yên để xây dựng, chỉ còn một đơn vị nhỏ ở lại hoạt động phân tán tại khu vực Nam Khánh.

Không thực hiện được âm mưu mở rộng chiếm đóng vùng tự do Phú Yên, địch quay về củng cố vùng chúng đã chiếm từ Đèo Cả - Vũng Rô đến Ba Ngòi - Cam Ranh. Suốt năm 1947, địch tập trung lực lượng cơ động Âu - Phi mở những cuộc hành quân đánh vào các cơ quan đầu não của ta như tập kích căn cứ Hòn Dữ (C.175), căn cứ Hóc Chim bắn giết cán bộ, đốt phá kho tàng, trạm trại dọc đường dây liên lạc Bắc - Nam

và nội tỉnh, đồng thời tăng cường càn quét, mở rộng lấn chiếm vùng nông thôn đồng bằng và miền núi. Chúng triệt hạ các làng, xóm ven rừng, nơi trú quân của bộ đội, cán bộ trên đường hành quân qua lại, càn quét, dồn dân về vùng chúng kiểm soát, tạo ra vành đai trắng từ Bình Lộc, Xuân Sơn, Cung Hòa, Tân Tứ, Ngũ Mỹ, Tân Lạc (Bắc Khánh) đến Phú Cốc, Khánh Xuân... (Nam Khánh). Đi đến đâu, chúng bắn giết, đốt phá bừa bãi đến đó, có thôn hàng trăm nóc nhà bị đốt, hàng trăm trâu, bò bị bắn trong một trận càn. Lùng vào làng hễ thấy ai chạy thì bắn, nghi ai Việt Minh là bắn, không cần xét hỏi; lừa ông già, bà cả, trẻ con về đồn tra khảo, bỏ đói, phơi nắng. Ở những làng này, Nhân dân bất hợp tác với địch. Khi nghe báo động có Tây đi lùng, ai có phần việc ấy, du kích tổ chức đánh, dân quân lo cất giấu dụng cụ sản xuất, cất giấu tài sản, ai không có nhiệm vụ đánh thì chạy lánh đi nơi khác “thà chết chứ không để địch bắt”. Trường hợp 5, 7 cán bộ cơ sở, du kích bị giặc bắn trong một trận càn là việc phổ biến. Sự hy sinh anh dũng, kiên cường của nhiều cán bộ, đảng viên và đồng bào trước những hành động dã man của giặc càng thổi bùng lên ngọn lửa căm hờn và ý chí đánh giặc cứu nước của quân và dân tỉnh ta²⁰.

20. Hai cán bộ xã Xuân Lộc (Diên Khánh) là Trần Liên và Nguyễn Chúc bị địch chặt đầu bêu trước sân chùa...Bắn đồng chí Hồ Bửu - Ủy viên thư ký UBHC xã Phước Trung và chặt đầu 7 tù chính trị khác bỏ xác tại chợ Lạc An (Phước Thiện).

Đi đôi với càn quét, đánh phá vùng du kích, vùng căn cứ của ta, địch ra sức bắt lính, đồn quân, đóng thêm đồn, bót, phát triển gián điệp, củng cố hội tề vùng chúng kiểm soát. Lúc này, địch chưa lập được bù nhìn cấp tỉnh.

Trong khi địch tấn công đánh chiếm ra cả tỉnh, một vấn đề lớn đặt ra cho Đảng bộ lúc này là cần xây dựng căn cứ vững chắc, lâu dài cho các cơ quan lãnh đạo tỉnh, huyện để chỉ đạo cuộc kháng chiến.

Trong những ngày 15 - 16/3/1947, tại một địa điểm dưới chân Hòn Lớn, phía Bắc Hòn Dũ (phía Nam huyện Ninh Hòa), Tỉnh ủy Khánh Hòa họp Hội nghị mở rộng có đông đủ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các huyện, thị (trừ Cam Ranh lúc này đứt liên lạc với tỉnh), chính quyền tỉnh và Trung đoàn 80, bàn cách đối phó với âm mưu của địch và đẩy mạnh kháng chiến. Căn cứ vào phương hướng kháng chiến của Trung ương Đảng, quân dân trong tỉnh đã vượt qua những khó khăn bờ ngõ ban đầu, tổ chức và động viên được khối đoàn kết toàn dân tham gia đánh giặc. Lực lượng vũ trang địa phương tuy còn nhỏ bé, nhưng đã lập được thế trận sau lưng địch, tiến hành chiến tranh du kích, không để địch yên ổn xây dựng hậu phương của chúng. Đảng bộ tỉnh bước đầu sắp xếp lại hệ thống tổ chức. Khi toàn quốc kháng chiến, tư tưởng cán bộ, bộ đội và Nhân dân không có

gì diễn biến phức tạp và phần nào lại được củng cố về mặt ý thức kháng chiến.

Tuy vậy, phong trào phát triển không đều, cơ sở vật chất cho kháng chiến còn yếu. Hội nghị quyết định một số nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ năm 1947 như: Củng cố hệ thống tổ chức đảng, phát triển đảng viên; tăng cường vận động quần chúng, phát triển cơ sở cách mạng sâu vào vùng địch chiếm đóng; đẩy mạnh đấu tranh chính trị, vũ trang, củng cố và phát triển lực lượng du kích thoát ly, dân quân tự vệ, thành lập các đội biệt động. Vấn đề xây dựng căn cứ kháng chiến được Hội nghị coi trọng. Hội nghị quyết định bổ sung vào Tỉnh ủy các đồng chí: Phạm Cự Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Mai Xuân Cống, Bí thư Thị ủy Nha Trang và Lê Thanh Liêm, Bí thư Huyện ủy Vĩnh Xương.

Việc hình thành sớm các chỗ đứng chân để chỉ đạo chiến tranh trong năm 1947 là một bước tiến bộ. Song chưa quán triệt được trong toàn Đảng bộ về tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là cần phải xây dựng các căn cứ đủ mạnh về mọi mặt, nhất là có sản xuất tự túc tại chỗ để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm, thuốc men... cho các lực lượng cách mạng ở địa phương kháng chiến lâu dài. Lúc này lực lượng thoát ly của

tỉnh, huyện chủ yếu dựa vào nguồn tiếp tế trong dân. Cán bộ cơ sở thì dựa vào gia đình bà con thân thuộc và các gia đình cơ sở. Khi địch đánh phá ác liệt, ngăn chặn các nguồn tiếp tế trong dân và phá vỡ các cơ sở sản xuất của ta thì đời sống bộ đội, cán bộ gặp nhiều khó khăn.

Trong tháng 5 và tháng 6/1947, các đơn vị chủ lực của trung đoàn cùng các đơn vị dân quân địa phương liên tiếp đánh bại các cuộc tấn công của địch vào các căn cứ Hóc Chim, Hòn Dũ, Hòn Lớn... bảo vệ các cơ quan tỉnh, huyện, chặn đứng các cuộc hành quân càn quét vùng nông thôn, đồng thời tập kích các cứ điểm, tiêu diệt sinh lực địch, thu vũ khí.

Từ đầu năm 1948, sau thất bại ở Việt Bắc (Thu - Đông 1947) thực dân Pháp bắt buộc phải chuyển hướng chiến lược chiến tranh từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang chiến lược đánh lâu dài, thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt đánh người Việt”. Từ chỗ mở rộng chiếm đóng, chúng chuyển sang củng cố vùng chiếm được.

Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng tháng 01/1948 nhận định: Trên chiến trường toàn quốc, sau thất bại nặng nề trong cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc, quân Pháp buộc phải phân tán lực lượng,

bị động đối phó trên khắp các chiến trường. “Giặc Pháp càng gặp khó khăn và tự thấy suy yếu, đã đến lúc chúng không thể tự do tung lực lượng ra chiếm đất một cách dễ dàng như trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến mới nở”, “nhưng chúng còn có thể vơ vét lực lượng trong nước và thuộc địa, cầu cứu bọn phản động thế giới để đánh ta những trận ác liệt nhiều hơn nữa”²¹.

Nhận định trên đây rất phù hợp với tình hình địch, ta lúc này trên chiến trường Khánh Hòa. Tuy bị quân dân Khánh Hòa đánh cho những đòn nặng nề vào cuối năm 1947, nhưng sang đầu năm 1948, địch tập trung lực lượng đánh phá vùng nông thôn và miền Tây tỉnh. Chúng phân tán các binh đoàn cơ động thành những đơn vị nhỏ, xây dựng hệ thống đồn bót xung quanh thị xã Nha Trang, thị trấn Ba Ngòi, Thành (Diên Khánh), Ninh Hòa, Vạn Giã và trên đường giao thông²², lập các đội ứng chiến để ứng cứu cho chúng đánh phá những nơi nghi ngờ có cơ quan, bộ đội, kho tàng, cơ xưởng của ta, đồng thời ứng cứu các đồn bót, khi bị quân ta tấn công. Đội ứng chiến nhỏ và hệ thống cứ điểm nhỏ là biện pháp quân sự cơ bản của địch để thực hiện kế hoạch bình định. Chúng tiến thêm một bước trong việc triệt hạ các làng ven rừng, gom dân, lập tề, tạo ra một số

21. Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 01/1948.

22. Năm 1948 địch tăng 14 đồn, bót (Nam Khánh: 9; Bắc Khánh: 5).

vành đai “trắng” ngăn chặn sự liên hệ giữa cán bộ với dân. Ở Diên Khánh, dân làng Phú Xuân bị dồn xuống khu vực Thành. Ở Ba Ngòi, các thôn người dân tộc vùng thấp bị dồn xuống dọc theo đường sắt và quốc lộ ở xen kẽ với làng người Kinh, hình thành các khu tập trung. Ở Nha Trang, Vĩnh Xương, phong trào gặp nhiều khó khăn, 300 cơ sở nội thành bị địch bắt, hầu hết tổ chức bên trong bị vỡ. Lực lượng vũ trang bị bật lên rừng, cán bộ cơ sở, du kích thoát ly mất chỗ dựa trong dân...

Đối với đồng bào miền núi, thực dân Pháp có chính sách chinh phục, vừa dùng vũ lực uy hiếp, vừa dùng kinh tế mua chuộc, làm cho dân các làng từ Hòa Tân trở ra đến Suối Dầu, Cây Sung không hợp tác với ta. Chúng phát trên 70 khẩu súng cho bọn phản động ở rừng để chặn đường liên lạc của ta từ Ninh Thuận ra. Từ đầu năm 1948, hoạt động của ta mang lại một số kết quả: Dân quân phục kích tước khí giới bọn phản động, đồng thời cán bộ đi tuyên truyền cảm hóa, vận động nhiều người giao súng lại cho ta.

Sau khi mất trên 10 khẩu súng trong những điều kiện trên, Pháp thu lại tất cả số súng đã phát. Nhân dịp ấy ta tấn công chính trị mạnh hơn, đồng bào những vùng nói trên trở lại có cảm tình và ủng hộ kháng chiến, giữ bí mật cho những vùng sản xuất của ta.

Tháng 7/1948, tại núi Hòn Lớn, Tỉnh ủy họp mở rộng để nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV, trong đó đặc biệt chú ý công tác vùng sau lưng địch nhằm “giữ vững và nâng cao trình độ giác ngộ và tinh thần quyết chiến của Nhân dân, lập lại và làm kiên cố các tổ chức quần chúng và của Hội (Đảng), làm rối ren và tan rã hàng ngũ địch, phá chính quyền địch, phá kinh tế địch, lập lại chính quyền ta”, “Dù hoàn cảnh khó khăn nào chi bộ cũng phải bám lấy địa phương mà hoạt động”, “Các ban chấp hành huyện, tỉnh cũng phải bắt buộc bám lấy địa phương mình để lãnh đạo phong trào”²³.

Theo tinh thần đó, Hội nghị nhận thấy cần phải có kế hoạch phản công địch, làm sao cho địch phải đối phó với ta nhiều hơn là ta phải đối phó với địch, hầu hết thoát khỏi tình trạng bị động trong những tháng đầu năm 1948. Những kế hoạch cụ thể phá hoại địch về mọi mặt, củng cố, phát triển lực lượng ta được vạch ra với chủ trương “Tiến về làng” kháng chiến ở hương thôn theo phương châm “tin vào dân, dựa vào dân”. Việc thực hiện chủ trương này lúc đầu vì chưa có kinh nghiệm, nên có nơi cán bộ, bộ đội về làng ồ ạt bị tổn thất, nhưng nói chung đã đem lại những hiệu quả thiết

23. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương ngày 20/5/1948.

thực. Cán bộ, bộ đội có ý thức lấy quần chúng làm thành lũy chiến đấu. Chi bộ, đảng viên bám phong trào, sống trong dân, đánh tan những tư tưởng cầu an, sợ khổ, thiếu tin tưởng quần chúng nhân dân. Bộ đội, dân quân phấn khởi, quân sự chính trị thống nhất, đồng bào tin tưởng thêm vào việc kháng chiến lâu dài, có ý thức bảo vệ cán bộ hơn trước. Địch phải đối phó với ta nhiều hơn, cực nhọc hơn, vì ta đã hoạt động mạnh hơn trong khu vực chúng kiểm soát, ngay trong hương thôn.

Khi cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, về tổ chức thời kỳ này tập trung vào phong trào đấu tranh chống kẻ thù cướp nước, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Các tổ chức Đảng ngày càng trưởng thành. Từ 5, 7 chi bộ với mấy chục đảng viên sau ngày giành chính quyền, đến năm 1948, Đảng bộ đã có tới 55 chi bộ, trên 600 đảng viên. Tuy trong chiến đấu quyết liệt, cá biệt có người dao động, đầu hàng hoặc phản bội làm tay sai cho giặc, còn tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên trong các ngành dân, chính, đảng, trong các lực lượng vũ trang đều tỏ ra rất mực trung thành, gần gũi Nhân dân, sẵn sàng xả thân vì nước. Gương chiến đấu bất khuất, hy sinh anh dũng chiến đấu của nhiều anh chị em trong Đảng và ngoài Đảng là sự cổ vũ tinh thần to lớn và là niềm tin yêu của Nhân dân đối với Đảng ta.

Việc bồi dưỡng và nâng cao tư tưởng, chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, trong lực lượng vũ trang cũng được coi trọng. Đi đôi với việc tổ chức học tập các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, thư của Hồ Chủ tịch, Tỉnh ủy lần lượt cử cán bộ trong Tỉnh ủy, huyện ủy, bí thư xã đi học các lớp chính trị do Khu ủy mở tại Quảng Ngãi. Ngoài ra còn mở lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ. Trong tỉnh mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ cốt cán xã. Việc chăm sóc sức khỏe cho cán bộ cũng được quan tâm hơn. Ngoài các bệnh xá dã chiến trong tỉnh, một cơ sở điều dưỡng được xây dựng tại vùng tự do Phú Yên để cán bộ ở chiến trường ra học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh.

Những việc làm trên thể hiện các cấp ủy địa phương coi trọng vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ tại chỗ. Mặt khác, do yêu cầu khách quan của chiến trường bị tạm chiếm, cán bộ hy sinh nhiều nên Tỉnh ủy cũng tích cực yêu cầu cấp trên tăng cường cán bộ cho các cơ quan lãnh đạo, cho lực lượng vũ trang và cho cơ sở. Tình đoàn kết chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau giữa cán bộ địa phương và cán bộ nơi khác đến, giữa cán bộ dân, chính, đảng và cán bộ quân đội trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ, hy sinh thêm gấp bội. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ của Đảng lớn mạnh, là nguồn bổ sung dồi dào cho yêu cầu kháng chiến.

Cuối năm 1948 để phù hợp với sự phát triển của cách mạng, Tỉnh ủy dời cơ quan từ Hòn Dữ về Hòn Hèo ở phía Đông huyện Ninh Hòa. Căn cứ Hòn Dữ kết thúc vai trò là căn cứ địa cách mạng, nơi đứng chân của Tỉnh ủy trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau khi cơ quan Tỉnh ủy dời về Hòn Hèo, căn cứ Hòn Dữ trở thành nơi đứng chân của Huyện ủy Khánh Vĩnh. Tại đây chứng kiến nhiều cuộc đấu tranh càn quét của quân địch. Trong đó, cuộc chống càn đầy mưu trí, dũng cảm của quân dân căn cứ 175 (gần căn cứ kháng chiến Hòn Dữ) vào ngày 26 - 27/3/1953, đã đánh tan ý đồ bao vây của trên 2000 quân địch nhằm tiêu hao lực lượng cách mạng; bằng lối đánh du kích, quân ta đã tiêu diệt gần 100 tên địch. Tháng 4/1953, địch lại dùng một lực lượng lớn càn quét căn cứ cách mạng Hòn Dữ nhưng chúng đã bị bộ đội địa phương, dân quân du kích chặn đánh tại Đồng Hàm tiêu diệt hơn một đại đội địch, thu nhiều vũ khí. Vào những tháng cuối năm 1953, thực dân Pháp liên tiếp mở các đợt càn quét vào căn cứ cách mạng Hòn Dữ với quy mô lớn và dài ngày của 4000 quân địch do Tỉnh trưởng Hoàng Phúc Hải (tức Thomas Hải) chỉ huy nhằm triệt tiêu căn cứ kháng chiến của tỉnh, nhưng quân dân ở căn cứ cách mạng Hòn Dữ đã hiệp đồng chiến đấu đánh tan cuộc càn quét, làm chết và bị thương trên 500 tên địch.

Trong thời gian Tỉnh ủy đứng chân ở căn cứ cách mạng Đá Bàn, nhưng do thời chiến nên có những cuộc họp phải tổ chức ở căn cứ khác nhằm đảm bảo sự an toàn. Tháng 12/1954, Tỉnh ủy họp ở Suối Cau (Hòn Dữ) nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 9/1954) về tình hình nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng; đề ra một số biện pháp về củng cố tổ chức, tư tưởng nhằm đấu tranh trong toàn tỉnh đòi đổi phương phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Geneve; quyết định điều chuyển cán bộ tăng cường cho một số vùng quan trọng, đưa đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy về căn cứ Đồng Bò để thực hiện phong trào thị xã; chuyển cơ quan của Tỉnh ủy từ căn cứ Đá Bàn về căn cứ Đồng Bò. Đối với miền núi, hội nghị chỉ rõ cán bộ phải bám dân, thực hiện phương châm đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp thích hợp với vùng địch quản lý, vận động giải tán các ổ Goum²⁴ còn lại, tích cực xây dựng thực lực cách mạng. Về tư tưởng, hội nghị đặt mạnh vấn đề giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhiệm vụ mới, chính sách dân tộc của Đảng, nêu cao khí tiết người cộng sản, tinh thần quyết tâm cách mạng, phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp Tổ quốc.

24. Ổ vũ trang do thực dân Pháp lập ra trong vùng đồng bào dân tộc, sau khi Pháp thất bại, bọn này còn tiếp tục lẩn trốn hoạt động cướp bóc, bắn giết... Đồng bào ở các buôn làng rất căm thù nhưng cũng rất sợ chúng.

Đến tháng 5/1955, một bộ phận của cơ quan Tỉnh ủy từ Suối Cau, thuộc căn cứ 175D (Bắc Hòn Dữ) và toàn bộ cơ quan của Tỉnh ủy đứng chân ở Đá Bàn chuyển về núi Đồng Bò ở phía Tây Nam, thị xã Nha Trang. Mọi phương tiện sinh hoạt thiết yếu của cơ quan Tỉnh ủy được các cơ sở ở Vĩnh Nguyên, Vĩnh Trường, Vĩnh Thái, Vĩnh Trung lo tiếp tế chu đáo.

Báo Thắng²⁵ - Cơ quan tuyên truyền kháng chiến của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa ra đời

Hưởng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch (19/12/1946), thực hiện đường lối kháng chiến đúng đắn do Đảng ta vạch ra, Đảng bộ và Nhân dân Khánh Hòa cùng cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Công tác tuyên truyền lúc này tập trung giáo dục ý chí kiên cường, bất khuất, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững lời thề *“Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập”*, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh sẵn sàng làm mọi việc để bảo vệ độc lập, tự do; cổ vũ Nhân dân nâng cao ý chí, quyết tâm chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng.

25. Báo Thắng - tiền thân Báo Khánh Hòa ngày nay.

Nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lúc này là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho các tầng lớp nhân dân muôn người như một, thực hiện khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”, một lòng, một dạ ủng hộ cách mạng, ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh. Để đẩy mạnh tuyên truyền, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (ngày 26/4/1946, tại thôn Đại Điền Đông, Diên Khánh) chủ trương xuất bản một tờ báo của Đảng bộ phục vụ cho cuộc kháng chiến, lấy tên là Báo Thắng. Đang khẩn trương chuẩn bị thì Pháp phản bội Hiệp định Sơ bộ 06/3/1946, cơ quan tỉnh phải chuyển lên Hòn Dũ, việc ra báo phải dừng lại. Đến tháng 4/1947²⁶, tại căn cứ Hòn Dũ, Báo Thắng²⁷ - Cơ quan tuyên truyền kháng

26. Ngày 11/12/1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về lấy ngày 26/4 hàng năm làm ngày truyền thống Báo Khánh Hòa.

27. Sau này đổi thành tên gọi khác như: Thông Tin (1951-1954), Gió Mới (1954 -1956), Khánh Hòa Giải phóng (1965-1975). Tháng 11/1975, theo Nghị quyết của Quốc hội, hai tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên sáp nhập thành tỉnh Phú Khánh. Báo Khánh Hòa Giải phóng và Phú Yên Giải phóng cũng sáp nhập thành Báo Phú Khánh. Tháng 7/1989, tỉnh Khánh Hòa tái lập theo Nghị quyết của Quốc hội và lấy tên Báo Khánh Hòa từ đó cho đến nay. Dù có mang tên nào, tờ báo của Đảng bộ luôn là một phần quan trọng của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, được Nhân dân tin tưởng, yêu quý.

chiến của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa ra mắt số đầu tiên²⁸.

Trong hoàn cảnh khó khăn lúc bấy giờ, sự ra đời của Báo Thắng là một cố gắng rất lớn của Đảng bộ tỉnh mà các tỉnh Nam Trung Bộ khác chưa có tỉnh nào có. Tuyên truyền thông qua tờ Báo Thắng là hình thức tuyên truyền sắc bén được Tỉnh ủy hết sức quan tâm. Lúc đó, tờ báo được in hai màu, 4 trang, khổ 21 x 29 cm. Báo ra mỗi tháng 4 kỳ, mỗi kỳ in 700 tờ, phát về Nha Trang 150 tờ để phổ biến trong công chức và trí thức, 300 tờ cho các vùng nông thôn, 50 tờ cho bộ đội và dân quân, còn các cơ quan tỉnh mỗi cơ quan 1 tờ...

Báo Thắng vừa mới ra đời đã mở cuộc vận động sáng tác với chủ đề “Vì sao tôi thù Tây”, đăng bài của cán bộ, Nhân dân viết về tội ác của giặc, lý do vì sao mình đi kháng chiến, có giải thưởng đăng bài trên báo và cho in thành tập thơ nhỏ để chuyền tay đọc. Cuộc vận động đã gây được ảnh hưởng lớn trong đồng bào, nhất là ở thị xã Nha Trang và vùng địch chiếm hướng về kháng chiến, về cách mạng. Báo cáo tình hình địa phương 6 tháng cuối năm 1947 đánh giá: “Báo Thắng

28. Thời gian đầu, tờ báo do đồng chí Tôn Thất Vũ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Khánh Hòa phụ trách, cùng với đồng chí Lý Văn Sáu (tên thật là Nguyễn Bá Đản) phụ trách Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh chịu trách nhiệm biên tập chính. Tháng 5/1948, đồng chí Võ Văn Sung, Trưởng Ty Thông tin tỉnh phụ trách.

đã gây được ảnh hưởng lớn trong đồng bào thành phố hướng về kháng chiến, về cách mạng. Nhiều người sau khi đọc, tìm hiểu và cất giữ Báo Thắng như một chứng minh thư kháng chiến”.

Báo Thắng ra số đầu tiên vào tháng 4/1947 và kết thúc số cuối vào tháng 6/1951 tại khu rừng Xuân Sơn (Vạn Ninh). Vì thiếu giấy, nên số báo cuối cùng chỉ ra được khoảng 100 tờ. Tại đây, để ra được một số báo, phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, cán bộ ta phải đi và về cả một ngày đường từ Xuân Sơn đến căn cứ Đá Bàn lấy tin, bài của các đồng chí lãnh đạo về để in. Trên đường về, nếu ban đêm phải trèo lên chạc 3 cây rừng và buộc mình vào đó để ngủ vì lúc đó ở vùng này có nhiều cọp. Từ khi ra đời, trong hơn 4 năm tồn tại, “tòa soạn” Báo Thắng đã phải liên tục di chuyển đến 6 lần, từ căn cứ Hòn Dữ đến Hòn Hèo (Ninh Hòa), rồi các địa điểm khác nhau ở chiến khu Đá Bàn (Ninh Hòa), do nhiều lần bị địch càn quét, đánh phá.

Tuy ít, nhưng tờ báo ra đời đã có sức ảnh hưởng rất lớn đối với quần chúng. Nhiều bài viết có nội dung sắc bén, đã vạch trần bộ mặt thật của kẻ địch, khơi dậy lòng yêu nước, kêu gọi đồng bào ta hướng về kháng chiến, ủng hộ chính quyền cách mạng, góp phần đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Bên cạnh Báo Thắng, tháng 8/1947, Tỉnh ủy chủ trương ra thêm Báo Trait d'Union (Gạch nổi) là tờ báo địch vận bằng tiếng Pháp, nhằm vào đối tượng binh lính và sĩ quan quân đội viễn chinh Pháp. Tuy tờ Trait d'Union chỉ ra được 4 số nhưng nó là “cái cầu nối” giữa cách mạng và binh lính Pháp, giúp họ hiểu được vì sao ta đánh Pháp, vạch trần bộ mặt thực dân hiếu chiến, kêu gọi họ chống lại cuộc chiến tranh xâm lược. Báo Trait d'Union là tờ báo địch vận bằng tiếng Pháp sớm nhất tại chiến trường miền Nam, có ảnh hưởng rất lớn trong hậu phương địch.

Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (02/1964 - 1975)

Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến khốc liệt khác. Căn cứ cách mạng Hòn Dũ một lần nữa đồng hành cùng cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến mới - cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai.

Tháng 02/1964, sau Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại thôn A Xây (Hòn Dũ), cơ quan lãnh đạo Tỉnh ủy chuyển về Suối Thơm, Hòn Dũ để lãnh đạo cách mạng. Lúc này đế quốc Mỹ đang đẩy mạnh thi hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” mà xương sống là “áp chiến lược” trên toàn miền Nam.

Tại Khánh Hòa, khi tiến hành “chiến tranh đặc biệt”, một mặt Mỹ - Diệm tiếp tục tăng cường mở các cuộc càn quét, đánh phá căn cứ miền núi, xây dựng thêm các đồn, bót; mặt khác, chúng ra sức cào xức dân vùng ven, bắt dân rào làng, gom dân lập “ấp chiến lược”. Dự kiến sẽ lập ở Khánh Hòa 281 “ấp chiến lược”. Thông thường, mỗi “ấp chiến lược” có nhiều rào và hầm, hào, chông mìn. Đồng bào bị lừa vào trong ấp, 7 giờ sáng mới được ra để đi làm, 5 giờ chiều đã phải về đủ. Trong ấp, ngoài bộ máy tề ngụy, địch thực hiện cái gọi là “xây dựng hàng rào nhân tâm” bằng việc phát triển các ngụy đoàn thể: “Phong trào cách mạng quốc gia”, “Phụ nữ Liên đới”, “Thanh niên Cộng hòa”, thường xuyên có lính bảo an và thanh niên chiến đấu tuần tra, canh gác.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, ta mở một đợt đấu tranh tự phê bình và phê bình mạnh mẽ trong các cấp ủy, trong cán bộ đảng viên và lực lượng vũ trang, chống tư tưởng hữu khuynh, co thủ rút rè, quán triệt phương châm đấu tranh chính trị và vũ trang song song, phương châm hai chân, ba mũi giáp công. Những cán bộ trước đây thoát ly ở căn cứ nay về đào công sự bí mật bám lại thường xuyên trong Nhân dân. Các đơn vị bộ đội chủ lực về đứng chân ở đồng bằng để hỗ trợ cho Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các huyện ủy tổ chức cán bộ thành các đội võ trang công tác, tỏa xuống các địa bàn. Ở Ninh Hòa, các đội võ trang công tác xây dựng cơ sở vào vùng sâu, đông dân như: Quang Đông, Xuân Hòa, Diêm Tịnh, Phước Đa, Hòn Khói, các thôn thuộc xã Ninh Hưng, Ninh Quang, Ninh Bình, thành lập được Ban cán sự quận lý Ninh Hòa. Tại Vạn Ninh, xây dựng được một chi bộ hợp pháp gồm 3 đồng chí ở Vạn Phú và phát triển cơ sở trong thị trấn Vạn Giã; năm 1964, toàn huyện xây dựng được 7 chi bộ hợp pháp. Tại Vĩnh Xương, các đội võ trang công tác phát triển cơ sở trong nhiều thôn, xã dọc Quốc lộ 1 đoạn Nha Trang - Thành, tạo cơ sở bàn đạp cho thị xã Nha Trang, gồm các xã Vĩnh Phương, Vĩnh Trung, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ngọc... Ở Nha Trang, cơ sở được xây dựng trong công nhân hỏa xa, nhà đèn, hình thành các đội tự vệ bí mật, hầu hết là thanh niên học sinh có tâm huyết; đảo Hòn Tre và các vùng Trường Tây, Cửa Bé trở thành bàn đạp trực tiếp và vững chắc cho Nha Trang. Ở Cam Ranh - Ba Ngòi, các đội võ trang công tác xây dựng được cơ sở ở Hòa Tân, Trại Cá, Mỹ Thạnh, Đồng Lác, rút được thanh niên thoát ly, xây dựng được 1 chi bộ gồm 3 đồng chí ở Lập Định và mở ra các thôn Cây Xoài, Vĩnh Phú, Trà Long.

Cán bộ về làng bám dân, bám đất hoạt động có hiệu quả, trước hết là nhờ sự giúp đỡ hết lòng của Nhân dân. Phần lớn các hầm bí mật ở các thôn xã đều do dân góp sức, bắt đầu từ việc tìm địa điểm, đào hầm, chuyển đất đi nơi khác, đến việc chăm sóc, bảo vệ, tạo điều kiện cho cán bộ hoạt động... Mọi việc được tiến hành hết sức thận trọng, khẩn trương, mà vẫn bảo đảm công việc làm ăn bình thường hàng ngày của dân. Đồng bào biết rất rõ việc nuôi giấu cán bộ trong nhà trong hoàn cảnh địch o ép khủng bố nặng nề là một việc làm vô cùng nguy hiểm, nếu bị chúng phát hiện sẽ khó thoát khỏi cảnh tù đầy tra tấn, tan nhà, nát cửa, nhưng dù nguy hiểm, gian khổ đến đâu Nhân dân quyết không sợ, vì cái quý nhất đối với mỗi người dân lúc này là phải giành lại nền độc lập tự do của Tổ quốc, là sự nghiệp thống nhất đất nước.

Vào giữa năm 1964, liên Tỉnh ủy và Phân khu Nam quyết định điều cho Khánh Hòa Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 30. Đây là đơn vị vũ trang đang hoạt động trên chiến trường Phú Yên, có nhiều thành tích trong đánh địch, xây dựng phong trào. Lực lượng vũ trang của tỉnh lúc này có 884 người, tổ chức thành 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội công binh, 1 trung đội đặc công, 1 trung đội trinh sát, 1 trung đội thông tin, 1 trung đội vận tải, 2

bệnh xá, 1 cơ quan hậu cần. Ở các huyện miền núi có 814 cán bộ chính trị, 2.108 người thuộc lực lượng bán vũ trang, so với dân số chiếm tỉ lệ 11%. Ở các xã, đảng viên, đoàn viên sinh hoạt trong 48 chi bộ đảng và 55 chi đoàn thanh niên nhân dân cách mạng (tức Đoàn Thanh niên Cộng sản).

Tỉnh ủy đã tập trung nhiều sức lực vào việc mở phong trào đồng bằng, vì đó là nơi đông dân, cung cấp nhân tài, vật lực cho cách mạng. Nhưng địch cũng đang kiểm soát chặt đồng bằng, lấy nhân tài, vật lực ở đó để đánh ta. Do đó, việc mở đồng bằng là cuộc đấu tranh gay go quyết liệt, phải có quyết tâm cao và phương pháp cách mạng đúng đắn mới giành được thắng lợi.

Tháng 9/1964, tại Hòn Dũ, Tỉnh ủy tổ chức tập huấn cho cán bộ chính trị và quân sự tỉnh, huyện. Hội nghị nghiên cứu kinh nghiệm thành công ở một số nơi trong Khu và trong toàn miền Nam về phát động quần chúng, diệt ác, phá kềm, đưa quần chúng tiến lên thế tranh chấp và làm chủ.

Thu - Đông năm 1964, các tỉnh Khu 5 bị lụt lớn. Địch lợi dụng thiên tai, tổ chức liên tiếp các cuộc vây ráp, xăm lục tìm hầm bí mật, phát hiện cán bộ bám trong dân. Mặc dù vậy, toàn Đảng bộ, cán bộ chính trị

và lực lượng vũ trang vẫn nô nức, quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, phát động cuộc “Đồng khởi lớn” vào đêm ngày 6, rạng sáng 07/11/1964.

Bắc Khánh Hòa là trọng điểm 1, có Ban Chỉ đạo gồm: Đồng chí Tô Văn Ôn, Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chung và đồng chí Võ Cứ, Tỉnh đội trưởng; Nguyễn Châu, Bí thư; Nguyễn Lương, Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Ninh Hòa và Vạn Ninh. Lực lượng tham gia chiến dịch bao gồm các đơn vị vũ trang địa phương, Đại đội 83, Tiểu đoàn 30 của Phân khu Nam (mật danh là K.71) do đồng chí Ông Văn Bưu chỉ huy. Chỉ trong vòng 3 ngày các lực lượng vũ trang ta hoạt động ở Nam Khánh, trên địa bàn 2 huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa hỗ trợ cho Nhân dân nổi dậy đồng khởi giải phóng một vùng rộng với trên 1 vạn dân, nổi liền căn cứ Đá Bàn vào sâu vùng địch kiểm soát hàng chục ki-lô-mét.

Nam Khánh Hòa là trọng điểm 2 của đợt đồng khởi do đồng chí Lưu Văn Trọng, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chung, lấy xã Diên Sơn, Diên Điền (Diên Khánh) làm trọng điểm, vì 2 xã này bên trong có chi bộ đảng, chi đoàn thanh niên và phong trào quần chúng mạnh. Qua một ngày đêm chiến đấu bằng ý chí tiến công liên tục của quần chúng, có lực lượng vũ trang hỗ trợ, ta

đã giải phóng toàn bộ Tứ thôn Đại Điền sau 10 năm (1954 - 1964) địch xây dựng hệ thống kim kẹp, mở đầu cho phong trào Đồng khởi của huyện Diên Khánh.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ IV (02/1965) và Hội nghị Tỉnh ủy (12/1966)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ IV (02/1965)

Thắng lợi của Nhân dân miền Nam trong việc đánh bại “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ không thể tách rời sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Ngoài đường mòn Hồ Chí Minh trên bộ xuyên dọc Trường Sơn, hậu phương lớn miền Bắc còn mở đường Hồ Chí Minh trên biển, đưa tàu chở vũ khí chi viện cho miền Nam ruột thịt. Tàu trọng tải 100 tấn đã 4 lần cập cảng Vũng Rô. Những đoàn dân công từ căn cứ địa miền Tây Khánh Hòa, gồm hầu hết là người dân tộc, đã lên đường ra Phú Yên tiếp nhận vũ khí được chuyên chở, cất giấu trong vòng lửa đạn của địch.

Trong không khí thắng lợi chung, tháng 02/1965, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV được triệu tập. Đại hội được tiến hành tại Suối Bún (Hòn Dữ) huyện Vĩnh Khánh (nay là huyện Khánh Vĩnh). Tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu đại diện cho đảng viên trong

toàn Đảng bộ. Tham dự Đại hội còn có đại biểu của Tiểu đoàn 30 Phân khu Nam. Đồng chí Mai Dương, Khu ủy viên Khu 5, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy 3 dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội được triệu tập vào dịp Tết cổ truyền. Ngoài những thực phẩm đã được chuẩn bị ở căn cứ còn có quà của nhiều địa phương gửi tới. Đây là đại hội mừng chiến thắng của việc giải phóng một phần nông thôn đồng bằng trong phong trào Đồng khởi cuối năm 1964 và niềm vui đón xuân mới, nhưng cũng là Đại hội nhớ tiếc các đồng chí, đồng bào đã ngã xuống trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Trong ngày 27 Tết, các đồng chí Hà Huy An (tức Việt Thắng), Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Diên Khánh, đồng chí Trần Minh Tâm, Huyện đội phó Diên Khánh và 10 đồng chí khác bị địch tập kích hy sinh ngay tại Đại Điền Nam, vùng ta mới giải phóng. Địch kéo xác các đồng chí ra phơi nắng ở đầu cầu Thành (Diên Khánh).

Đầu cầu Thành trước đó và sau này là nơi địch tập trung phơi xác các đồng chí và đồng bào bị chúng sát hại, cốt làm nhụt tinh thần đấu tranh cách mạng của Nhân dân. Đầu cầu Thành trở thành tấm bia ghi tội ác của Mỹ - ngụy.

Đại hội khẳng định “nhờ được tôi luyện qua chiến tranh, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương, Khu ủy, Đảng bộ đã có nhiều kinh nghiệm và đã thu thắng lợi lớn trong chấp hành chủ trương nỗ lực phá áp, phá kèm, khởi nghĩa từng phần mở rộng vùng làm chủ nông thôn, thay đổi dần tương quan giữa ta và địch”; “tương quan địch ta trong tỉnh có nhiều thay đổi nhảy vọt. Thế địch đã chuyển vào bị động, thế ta đã đủ điều kiện để liên tục tấn công”. Đại hội phân tích cụ thể đặc điểm tình hình mới trong tỉnh:

Về phía địch, trên toàn miền Nam, địch đang trên đà thất bại. Trong tỉnh, địch cũng lâm vào tình trạng bị động nghiêm trọng. Trước phong trào Đồng khởi phá áp chiến lược, địch từ chỗ có một vùng áp chiến lược rộng lớn để làm chỗ dựa đánh vào các căn cứ cách mạng thì nay bị thu hẹp. Bộ máy chính quyền thôn xã không còn đủ sức kèm kẹp quần chúng, không còn uy tín để lừa bịp Nhân dân. Xu hướng hòa bình trung lập, đòi chấm dứt chiến tranh không chỉ ở trong quần chúng, mà đã lan rộng vào hàng ngũ địch.

Về phía ta, Đảng bộ đã được tôi luyện qua nhiều thời kỳ đấu tranh cách mạng; phong trào của các địa phương trong tỉnh có nhiều tiến bộ mới. Vùng căn cứ được mở rộng và nối liền hầu hết giữa các huyện, tạo một thế liên

hoàn rộng rãi. Vùng giải phóng tương đối rộng và cài răng lược với địch, chiếm trên 1/3 dân số toàn tỉnh. “Ba mũi giáp công” đã trở thành phương châm tự giác của Nhân dân. Quân chúng đã dám sử dụng bạo lực cách mạng, đứng dậy phá tan áp chiến lược, xóa bỏ kèm kẹp của địch; dám biểu tình, rượt dân vệ, truy ác ôn; tham gia các cuộc biểu tình chính trị trực diện vào các thị xã, thị trấn. Lực lượng vũ trang, bán vũ trang, đội ngũ chính trị, binh vận trong tỉnh cũng phát triển khá. Bên cạnh đó, Đại hội cũng chỉ ra những hạn chế:

Công tác xây dựng làng chiến đấu để đảm bảo yêu cầu làm chủ còn chậm. Công tác phát triển Đảng còn hạn chế và chưa đều. Phong trào đấu tranh chính trị chưa theo kịp phong trào đấu tranh vũ trang. Phong trào phát triển không đều và không nhanh; vùng giải phóng rộng mà vùng làm chủ còn hẹp. Khó khăn sắp đến là sau bão lụt, nạn sâu, chuột, mùa lúa đã mất đến 50% sản lượng lương thực; nhiều khả năng sẽ đói kém nặng, trạng thái đấu tranh giữa ta và địch cũng sẽ diễn ra ác liệt hơn.

Mặc dù có nhiều hạn chế, khó khăn nhưng Đại hội nhận định triển vọng của phong trào cách mạng trong giai đoạn mới: “Địch đã suy nhược nặng, thế kèm kẹp bị lỏng đi nhiều, phong trào quần chúng đang quật

khởi, cao trào khởi nghĩa phát triển nhanh. Thế của ta đang chuyển lên tấn công dồn dập; vùng làm chủ nhất định sẽ phát triển gấp bội, thực lực ta sẽ được tăng cường, tạo điều kiện để đón thời cơ tổng công kích tổng khởi nghĩa”.

Do tình hình thực tiễn thay đổi thường xuyên, được sự đồng ý của Khu ủy Khu 5, Đại hội không vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 02 năm (theo Điều lệ Đảng được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng thông qua) mà chỉ vạch ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 1965 là:

Thứ nhất, khẩn trương nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn Đảng bộ, toàn quân; bám sát quần chúng, ra sức mở rộng cơ sở vào vùng sâu (tức vùng địch kiểm soát) và cả trong hàng ngũ địch, liên tục phát động quần chúng phá kềm, khởi nghĩa ở nông thôn. Nỗ lực giành lại hầu hết nông thôn đồng bằng và các vùng địch còn kiểm soát ở miền Tây (kể cả dinh điền), phá lỏng kìm kẹp của địch ở các thị trấn, thị xã và nỗ lực giải phóng một số cứ điểm, quận lỵ.

Thứ hai, nâng cao phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, khẩn trương xây dựng làng chiến đấu, phát triển phong trào chiến tranh du kích, nỗ lực củng cố vùng giải phóng; vùng mới mở ra đạt tiêu chuẩn làm

chủ; bảo đảm nhiệm vụ giành và giữ nguồn nhân, vật lực ở nông thôn. Đồng thời, tích cực củng cố giữ vững vùng căn cứ, liên tục mở rộng vùng căn cứ xuống đồng bằng, tạo thành thể liên hoàn.

Thứ ba, đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, phát động quần chúng đấu tranh chống địch bao vây và phá hoại kinh tế, tích cực và chủ động chống đói, phòng đói, bảo đảm thể đứng kiềng ba chân (kinh tế, vũ trang, chính trị) cho các vùng căn cứ, để phục vụ cho việc giữ vững và phát triển thể tấn công 3 mặt (chính trị, vũ trang, binh vận).

Thứ tư, nắm vững phương châm đấu tranh trường kỳ, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh. Ra sức nhanh chóng xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang để đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang. Tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm thất bại âm mưu càn quét đánh phá, lấn chiếm, gom dân lập ấp chiến lược của chúng. Đẩy địch nhanh vào thế bị động, tan rã sâu sắc hơn, thu hẹp vùng địch, mở rộng vùng ta. Nhanh chóng tăng cường thực lực của ta về mặt chính trị, quân sự và kinh tế.

Để đảm bảo thực hiện tốt các phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trên, Đại hội xác định các yêu cầu chỉ đạo cụ thể trong tỉnh:

Thứ nhất, lấy công tác “phá ấp, phá kèm” làm trọng tâm; lấy công tác xây dựng Đảng làm nền tảng quyết định. Đồng thời, nhấn mạnh ba mặt công tác: Chuyển phong trào đấu tranh chính trị, binh vận lên một khí thế mới, quy mô lớn hơn; nâng cao và mở rộng xây dựng thôn xã chiến đấu; đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, đấu tranh kinh tế với địch, chủ động chống đói, phòng đói.

Thứ hai, nắm vững quan hệ giữa miền Tây, đồng bằng; thị trấn, thị xã. Đại hội xác định nhiệm vụ mở rộng nông thôn đồng bằng là nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời không xem nhẹ nhiệm vụ củng cố miền Tây. So sánh giữa miền núi và đồng bằng, 2 nhiệm vụ trên đều cấp bách như nhau. Cho nên, trước mắt cần phải chú ý thích đáng với nơi nào có nhiều khả năng mở rộng phong trào, thu hẹp được hậu phương địch, giành được nhân tài vật lực nhiều nhất nhưng không lệch phương châm chung nói trên.

Đối với miền Tây, cần ra sức đẩy mạnh tấn công mở rộng cơ sở vào vùng địch, coi đây là nhiệm vụ trung tâm trước mắt. Phát động quần chúng “phá ấp, phá kèm” giành lại nguồn nhân tài vật lực, mở rộng vùng làm chủ, vùng tranh chấp. Xóa tuyến trắng, tạo vùng đệm giữa ta và địch. Tăng cường củng cố các vùng căn cứ hiện có. Động viên toàn Đảng bộ, toàn dân trong tỉnh

quyết tâm chống địch càn quét, lấn chiếm; chống gom dân, lập ấp chiến lược, chống biệt kích, giữ vững căn cứ, tạo điều kiện nối liền và mở rộng các căn cứ. Duy trì và phát triển phong trào du kích, đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất; hỗ trợ kịp thời về nông cụ, giống nuôi, thuốc, áo quần; tích cực bồi dưỡng và cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng lực lượng ta về mọi mặt.

Đối với đồng bằng, tập trung sức giải quyết nhiệm vụ trọng tâm “phá ấp, phá kèm”, giành lấy khối nhân vật lực dồi dào; tạo điều kiện mở rộng vùng căn cứ xuống đồng bằng.

Đối với thị xã, thị trấn, đây là nơi đầu não của địch, cũng là trung tâm của phong trào đấu tranh chính trị; ta phải nỗ lực phát triển cơ sở đều vào thị trấn, thị xã để đáp ứng sự lãnh đạo phong trào đấu tranh sôi nổi sắp đến. Phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị các thị trấn, thị xã để kéo căng địch, phá lỏng kèm kẹp ở vùng đầu não địch, hỗ trợ phong trào nông thôn. Phải biết dùng bàn đạp nông thôn để phát triển phong trào thị trấn, thị xã.

Thứ ba, về một số mặt công tác cụ thể, Đại hội xác định: *Đối với công tác vũ trang*, các đơn vị vũ trang phải coi nhiệm vụ bám, phát động quần chúng “phá ấp, phá kèm”, kịp thời phát động chiến tranh du kích, xây dựng

thôn xã chiến đấu vững chắc, rộng khắp... là nhiệm vụ hàng đầu. *Đối với công tác đấu tranh chính trị*, tiếp tục đẩy mạnh phong trào của quần chúng, nhất là tại đô thị. *Đối với công tác binh vận*, đẩy mạnh phong trào đào rã ngũ hơn nữa, vận động làm nội ứng binh biến khi ta phá ấp chiến lược đánh đồn bót, nổi dậy binh biến lớn và ly khai chống địch khi có cơ hội. *Đối với công tác an ninh*, phải quét sạch do thám, gián điệp, đảng phái phản động trong vùng ta, không để cho bọn gián điệp ngấm uy hiếp, khống chế quần chúng, bọn do thám tình báo len lỏi vào, nhất là ở vùng địa bàn xây dựng căn cứ. *Đối với công tác kinh tế tài chính*, phải thực hiện nhanh chóng và đầy đủ việc cứu trợ Nhân dân bị bão lụt; khẩn trương đẩy mạnh sản xuất lương thực cả ở đồng bằng và miền núi, nhất là ở vùng giải phóng. *Đối với công tác y tế*, cần phát động phong trào vệ sinh, phòng bệnh sâu rộng, mạnh mẽ, tận dụng rộng rãi mọi khả năng sản xuất, tích trữ thuốc. Đào tạo nhiều cán bộ y tế; xây dựng mạng lưới y tế nhân dân khắp vùng giải phóng và căn cứ. *Đối với công tác hành lang giao thông*, cần tiếp tục củng cố các đường hành lang hiện có, tăng cường trang bị, cán bộ, giao liên và các tổ bảo vệ đường. *Đối với công tác tuyên huấn*, Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của công tác tuyên huấn sắp đến là: Nâng cao trình

độ chính trị, lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chủ yếu là khắc phục tư tưởng hữu khuynh, phê phán tư tưởng bảo thủ, tư tưởng cá nhân; bồi dưỡng đào tạo cán bộ cho cấp xã, huyện; ra sức tuyên truyền giáo dục, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho quần chúng, động viên chính trị cho toàn dân về những nhiệm vụ của Đảng đã đề ra. *Đối với công tác thi đua*, cần xây dựng và phát huy mạnh những điển hình tốt là ngọn cờ hiệu triệu thi đua. Mở đại hội chiến sĩ thi đua từ dưới lên. *Đối với công tác xây dựng Đảng*, cần xác định xây dựng tư tưởng là chính, đồng thời coi trọng xây dựng tổ chức. Gắn chặt xây dựng, củng cố Đảng trong phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang của quần chúng. Dựa vào phong trào đấu tranh của quần chúng để bảo tồn, che giấu lực lượng, bảo vệ Đảng.

Thứ tư, Đại hội xác định cần kiện toàn tổ chức, bộ máy theo phương châm: Từng bước kiện toàn tỉnh, tăng cường huyện, xây dựng củng cố xã thôn; bổ sung, tăng cường cán bộ cho các đội công tác. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, chăm lo việc giáo dục, đào tạo cán bộ.

Thứ năm, xây dựng và củng cố Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng. Xây dựng cơ sở quần chúng trong thanh niên phải đi đôi với việc xây dựng, phát triển tổ chức Đoàn; chống tư tưởng hẹp hòi, hết sức chú ý công

tác nữ thanh niên. Trước mắt, cần tăng số lượng đoàn viên; nhất là ở xã, thôn nơi địch còn kèm kẹp. Nơi có đảng viên thì phải có số lượng đoàn viên ít nhất bằng số đảng viên.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí. Đồng chí Tô Văn Ôn làm Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lưu Văn Trọng làm Phó Bí thư.

Nghị quyết của Đại hội được thực hiện trong điều kiện cuộc đấu tranh giữa ta và địch đang diễn ra ở thế giằng co quyết liệt. Trong suốt năm 1965, địch liên tiếp phản kích, lấn chiếm vùng giải phóng, dồn dân đi nơi khác. Ta chống địch phản kích, chống lấn chiếm, quyết giữ đất, giữ dân.

Tháng 8/1965, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tiến hành tại suối Bạch Đằng (Diên Khánh). Theo quyết định của Khu ủy, đồng chí Mai Dương về làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, 2 đồng chí Tô Văn Ôn và Lưu Văn Trọng làm Phó Bí thư. Hội nghị nghiên cứu Nghị quyết lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3/1965). Tinh thần của Nghị quyết này là tập trung lực lượng đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, đồng thời đề phòng khả năng địch leo thang gây “chiến tranh cục bộ”. Trước mắt, Khánh Hòa phải vươn lên thực hiện nhiệm vụ củng cố và mở rộng vùng làm

chủ, giải phóng 15 vạn trong tổng số 30 vạn dân toàn tỉnh, đồng thời tăng cường công tác đô thị.

Tháng 10/1965, Tỉnh ủy điều đồng chí Lưu Văn Trọng về làm Bí thư Thị ủy Nha Trang, đồng thời tăng cường cán bộ hoạt động trong nội thị. Cũng trong tháng 10/1965, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Thị ủy Cam Ranh do đồng chí Bùi Thanh Vân làm Bí thư; điều 2 Đại đội đặc công 91 và 93 cho huyện Cam Ranh; và sau đó điều Đại đội 92 đặc công nước cho Nha Trang và một số lực lượng để xây dựng bộ đội địa phương các huyện.

Cuối năm 1965, sau gần một năm tiến hành đồng khởi, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào đấu tranh của quân và dân Khánh Hòa có sự thay đổi lớn. Ngoài vùng giải phóng bao gồm 46 thôn với trên 37.500 dân, ta còn tranh chấp 34 thôn với 32.400 dân với địch. Trong các thôn xã giải phóng đã thành lập chính quyền cách mạng, phát triển du kích, xây dựng làng chiến đấu. Một số làng chiến đấu đã có tác dụng chống địch càn quét, bảo vệ được đất, được dân. Chính quyền cách mạng, chia trên 1000 mẫu ruộng công điền cho 5000 dân, giảm tô cho 32 gia đình tá điền. Hàng trăm con em nông dân cấp sách đến các trường phổ thông. Người lớn tuổi tham gia các lớp học chống nạn mù chữ. Vùng nông thôn đồng bằng giải phóng đã phát huy tầm ảnh

hưởng chính trị, làm chỗ dựa cho lực lượng vũ trang đứng hoạt động, góp phần giải quyết một phần các nhu cầu thiết yếu cho căn cứ miền núi, hỗ trợ phong trào ở thị xã, thị trấn. Hàng ngàn thanh niên rút lên bổ sung cho các đơn vị bộ đội, thành lập ở mỗi huyện một đại đội địa phương, riêng Bắc Ninh Hòa có hai đại đội.

Tỉnh ủy mở 2 trường đào tạo cán bộ ở Hòn Dũ và Đá Bàn, bồi dưỡng nhiều đồng chí sau này trở thành nòng cốt của các đội vũ trang công tác, hoặc trở thành cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh trong thời kỳ chống “chiến tranh cục bộ”. Nhìn chung, phong trào cách mạng trong tỉnh đã tạo được thế đứng vững ở khắp 3 vùng chiến lược: Rừng núi, nông thôn, đồng bằng và đô thị.

Hội nghị Tỉnh ủy (12/1966)

Từ cuối năm 1965, sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Trên chiến trường Khánh Hòa, nhanh chóng mọc lên hàng loạt các chốt điểm và căn cứ quân sự của Mỹ, Nam Triều Tiên.

Tháng 9/1966, trong một hoạt động quân sự của ta nhằm giải phóng Tu Bông bị thất bại, trong nội bộ phát sinh vấn đề phức tạp, xuất hiện tư tưởng thiếu tin tưởng ở khả năng của chủ lực. Phương châm, phương thức mở đồng bằng (vùng đồng bằng đang bị địch kìm

kep) chưa được giải quyết nhất trí. Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng vào tháng 12/1966 tại Hòn Dũ, do đồng chí Nguyễn Hồng Châu (Năm Phở), Bí thư Tỉnh ủy chủ trì lại đặt mạnh vấn đề mở đồng bằng. Hội nghị biểu dương du kích hai xã Ninh An, Ninh Thọ và bộ đội địa phương Bắc Ninh Hòa đã chống càn anh dũng. Thực hiện chủ trương của Khu ủy, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ huy tiền phương do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Chính ủy để thống nhất chỉ đạo mọi hoạt động quân sự, chính trị trong tỉnh.

Quyết tâm của Hội nghị Tỉnh ủy lần này là xây dựng thực lực mạnh ở vùng nông thôn đồng bằng, đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở ở thị xã, thị trấn, vùng sát thị xã, thị trấn và trực giao thông chiến lược lâu nay mà cơ sở quá yếu hoặc chưa có cơ sở. Nghị quyết của Tỉnh ủy xác định: “Nhiệm vụ mở đồng bằng, giành giữ dân, tiêu hao tiêu diệt địch là vấn đề vô cùng quan trọng, có tính chất sinh tử tồn vong đối với Đảng bộ chúng ta. Vì vậy tất cả cán bộ, chiến sĩ, đảng viên phải đem hết tinh thần, nghị lực quyết sống chết với kẻ thù, thực hiện cho được nhiệm vụ vô cùng quan trọng đó”.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, sự chủ động và sáng tạo của các cấp ủy huyện giữ một vai trò rất quan trọng. Hội nghị Tỉnh ủy chủ trương tăng cường cho huyện,

đồng thời chú trọng kiện toàn các đội công tác về người và trang bị. Tiểu đoàn tập trung của tỉnh được phân ra đưa về làm nhiệm vụ bộ đội địa phương huyện. Trung đoàn Sao Thủy đứng trên đất Khánh Hòa làm nhiệm vụ chủ lực của tỉnh, tạo những đòn tiêu diệt sinh lực địch để hỗ trợ cho phong trào. Sau Hội nghị Tỉnh ủy, các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai công tác, chuẩn bị chiến trường, thu mua lương thực, sẵn sàng chiến đấu với tư thế mở đồng bằng.

Ta mở chiến dịch Xuân năm 1967 trong tình hình địch đang tiến hành kế hoạch phản công mùa khô thứ 2, nhằm đánh phá căn cứ miền núi, “tìm diệt” bộ đội chủ lực ta và “bình định” vùng nông thôn đồng bằng. Mỗi lần càn vào căn cứ miền núi, địch sử dụng tổng hợp các loại vũ khí tối tân hiện đại như B57, B52, pháo các loại, hóa chất độc. Chúng làm sân bay dã chiến trên các đỉnh núi nằm trong vùng căn cứ của ta như: Hòn Ngang, Hòn Nhọn, Hòn Dữ... đổ quân từ trên đỉnh núi càn xuống. Các cuộc càn quét đánh phá quy mô như vậy diễn ra suốt những năm “chiến tranh cục bộ” và ác liệt nhất là năm 1967, năm đế quốc Mỹ mở cuộc “phản công chiến lược” mùa khô thứ hai (1966 - 1967), mà Khánh Hòa là một trong những trọng điểm đánh phá của chúng.

Giữa tháng 01/1967, qua một số diễn biến và hoạt động của địch, Ban Chỉ huy tiền phương nhận định, trước hết địch sẽ càn vào căn cứ, trọng điểm là khu Hòn Dũ, Đá Treo, nên đã thông báo cho các cơ quan, đơn vị sẵn sàng phản công, đánh địch ở căn cứ, đồng thời tích cực tiến công và phản công địch ở vùng sâu, chủ yếu ở hai khu vực Bắc Diên Khánh và Nam Ninh Hòa.

Ngày 29/01/1967, địch đổ quân càn vào vùng Hòn Dũ khu vực núi Đá Treo. Các cơ quan, đơn vị tham mưu, trinh sát, hậu cần, thông tin, an ninh, hành lang, Đại đội 548, một bộ phận Đại đội 88, hình thành những tổ bám đánh địch. Kết quả diệt 80 tên Nam Triều Tiên. Đêm 08/02/1967, một bộ phận Đại đội 88 (C.88 là đại đội trinh sát đặc công) đánh trận địa pháo ở chợ Tân Đức (Diên Khánh) diệt 54 tên, phá hủy một đại liên, một trung liên và một số súng khác, thu hai máy truyền tin PRC10. Do trận địa pháo này bị diệt nên cuộc càn của trung đoàn quân Nam Triều Tiên phải rút khỏi khu vực Hòn Dũ, Đá Treo, chúng để lại một lực lượng chốt ở 2 khu vực Hòn Dung, Hòn Bò. Từ ngày 09/02 đến ngày 15/02, địch càn xuống các vùng núi Tây - Bắc Diên Khánh. Một bộ phận của Đại đội 88 tập kích địch ở khu vực Hòn Bò, diệt một tiểu đội địch, bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não của Tỉnh ủy ở Hòn Dũ.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng vào tháng 12/1966 và chống địch càn quét căn cứ trong tháng 01/1967, cơ quan Tỉnh ủy và các hội nghị do Tỉnh ủy tổ chức có sự hoạt động uyển chuyển giữa các căn cứ trong toàn tỉnh, đặc biệt là ở căn cứ Hòn Dũ và khu vực huyện Vĩnh Sơn; các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các đồng chí Tỉnh ủy viên được phân công về phụ trách các địa bàn, lãnh đạo phong trào cách mạng, lần lượt đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” mà đỉnh cao là lãnh đạo quân và dân Khánh Hòa tiến hành cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đánh trúng vào các cơ quan đầu não của địch, đồng thời đánh địch ở khắp các vùng đồng bằng, nông thôn, thành thị, gây cho chúng nhiều thiệt hại, góp phần làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Tiếp đó, lãnh đạo quân và dân toàn tỉnh tham gia đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh (1969 - 1972) thắng lợi, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris (27/01/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Đầu năm 1975, theo điện của Khu ủy, Tỉnh ủy cử đồng chí Bùi Hồng Thái, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Trung đoàn 25 đóng ở Tây Khánh Dương (Đắk Lắk) để nghe đại diện Khu ủy trực tiếp truyền đạt Chỉ thị của Khu ủy cho Khánh Hòa. Nội dung của Chỉ thị:

“Phối hợp chặt chẽ với chiến trường chung, toàn tỉnh tập trung lực lượng để giải phóng Bắc Khánh từ đường 21 trở ra, còn Nam Khánh hoạt động mạnh để cản địch, hỗ trợ cho chiến trường trọng điểm của tỉnh”.

Sau khi nhận Chỉ thị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở Hội nghị khẩn cấp vào giữa tháng 02/1975 tại căn cứ Hòn Dũ. Hội nghị sôi nổi thảo luận, bàn biện pháp thực hiện Chỉ thị của Khu ủy. Sau Hội nghị, các đồng chí Bùi Hồng Thái, Nguyễn Tiến Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công ở lại cơ quan Tỉnh ủy, theo dõi chung và trực tiếp phụ trách Nam Khánh. Các đồng chí Võ Cứ - Quyền Bí thư Tỉnh ủy, Triết Giang - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nguyễn Ngọc Hoanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng hình thành Ban Chỉ huy chiến dịch Bắc Khánh (gọi tắt là A10). Đồng chí Nguyễn Hồng Châu, Khu ủy viên được phân công tăng cường chỉ đạo Khánh Hòa cũng có mặt ở Bắc Khánh và cùng làm việc với các đồng chí trong Ban Chỉ huy chiến dịch tại Đá Bàn. Nhiệm vụ Quân khu giao cho lực lượng vũ trang tỉnh, phải tập trung giải phóng từ Bắc đường 21 trở ra, trọng điểm là Bắc Ninh Hòa và Vạn Ninh, nhằm tạo ra một vùng giải phóng rộng, nối liền với Tuy Hòa - Phú Yên. Ban Chỉ huy chiến dịch A10 quyết định: Tập trung lực lượng

mở chiến dịch Bắc Khánh, gồm ba Tiểu đoàn 460, 470 và 480 (để lại một đại đội ở Diên Khánh). Phối hợp với chiến trường trọng điểm, ở Nam Khánh, Tiểu đoàn 407 có nhiệm vụ đánh mạnh vào bán đảo Cam Ranh và cử một đại đội phối hợp với lực lượng địa phương, chuẩn bị mục tiêu đánh vào sân bay Nha Trang. Lực lượng đặc công, pháo binh cùng với đại đội còn lại của Tiểu đoàn 480 chuẩn bị tốt mục tiêu quân ly Diên Khánh, Suối Dầu, đồng thời sẵn sàng phối hợp với lực lượng vũ trang huyện, giải phóng các xã Cam Lâm, Cam Hải và một số xã ở phía Tây Diên Khánh khi thời cơ xuất hiện. Toàn bộ kế hoạch tác chiến giải phóng Bắc Khánh, cũng như kế hoạch hoạt động mùa Xuân 1975, Thường vụ Tỉnh ủy thông qua và được Quân khu phê duyệt, lấy tên là Kế hoạch T²⁹.

Như vậy, căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa ở Hòn Dũ là nơi đặt cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy và các cơ quan hành chính của tỉnh, của lực lượng vũ trang tỉnh trong những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai. Nơi đây, đã chứng kiến các chiến lược chiến tranh thâm độc nhất, các cuộc hành quân càn quét ác liệt nhất

29. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, Khánh Hòa-1996, tr.215 - 216.

của quân xâm lược trong hơn 20 năm kháng chiến, với 3 đời Tổng thống Mỹ thay nhau tham chiến cùng ba chiến lược chiến tranh gồm chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” và chiến lược “Việt Nam hoá” chiến tranh, với lực lượng quân đội hùng hậu nhất, phương tiện chiến tranh hiện đại nhất lúc bấy giờ. Nơi đây, Tỉnh ủy đã đề ra những quyết sách chiến lược của quân và dân Khánh Hòa, đặc biệt là cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, làm lung lay gốc rễ chính quyền tay sai và đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, góp phần thúc đẩy và buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri (năm 1973).



Căn cứ cách mạng Hòn Dữ (Khánh Vĩnh)



Căn cứ cách mạng Hòn Dũ ngày nay



Khu vực căn cứ cách mạng Hòn Dũ ngày nay



Căn cứ cách mạng Hòn Dũ ngày nay



Toàn cảnh khu vực căn cứ cách mạng Hòn Dũ ngày nay



Bia di tích căn cứ cách mạng Hòn Dũ



Một hoạt động ngoại khóa của Trường THCS Chu Văn An,
huyện Khánh Vĩnh tại căn cứ cách mạng Hòn Dữ



Học sinh huyện Khánh Vĩnh sinh hoạt đồng đội
tại khu vực căn cứ Hòn Dữ



Bia Di tích lịch sử cách mạng căn cứ Hòn Dữ được dựng tại Công trường Suối Thơm, thôn Suối Thơm



Bia Di tích lịch sử cách mạng căn cứ Hòn Dữ được khắc vào tảng đá lớn tại xóm Đá Trài, thôn Suối Thơm

3. Căn cứ cách mạng Hòn Hèo

Hòn Hèo là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1948 - 3/1951).

Hòn Hèo³⁰ là một dãy núi nằm ở phía Đông của thị xã Ninh Hòa, ba mặt nhô ra biển. Diện tích toàn khu vực Hòn Hèo khoảng gần 200 km². Phía Bắc có cửa biển Hòn Khói giáp với vịnh Vân Phong. Phía Tây là đồng bằng phì nhiêu, phía Nam có Đầm Nha Phu với nhiều đảo nhỏ như: Hòn Cóc, Hòn Rớ, Hòn Cù Lao... lớn nhất là đảo Hòn Thị. Phía Đông giáp Biển Đông có các đảo: Hòn Bạc, Hòn Chà Là, Hòn Đụn.

Bán đảo Hòn Hèo được tạo thành bởi dãy Phước Hà Sơn gồm nhiều đỉnh núi cao như: Ngọn Mái Nhà 725m, ngọn Tiên Du 777m, ngọn Hòn Hèo 778m, Hòn Nọc Róm 813m... có nhiều suối chảy về các thôn ven Hòn Hèo như suối Mỏ Cày (Ninh Tịnh), suối Cây Sung (Đầm Vân), suối Tiên Du, suối Hoa Lan (Ninh Phú)...

30. Tục danh của núi *Hoa Đăng*, còn có tên khác là núi *Phước Hà*. Đây là một dãy quần sơn có trên 10 ngọn, cao nhất là Hòn Hèo ở giữa (819m). Theo *Đại Nam nhất thống chí*, vì núi có nhiều cây mây hoa (chữ Hán là *hoa đăng*), nên gọi tên thế. Theo các cụ già kể lại, ngày xưa trên vùng núi này có rất nhiều dây mây, thân to và dài, có khi đến ba, bốn chục mét. Loại nhỏ gọi là mây rắc dùng để nức thùng nia... loại lớn gọi là mây chà dùng làm ghế bàn, rương, tráp... Đặc biệt có loại dây mây sắc sỡ như hoa, to và thẳng, dân gian thường làm gậy chống cho người lớn tuổi, gọi là hèo. Từ đó có tên núi Hòn Hèo.

Hòn Hèo có nhiều suối, hang, gộp tự nhiên liên hoàn, xen kẽ là cây rừng rậm rạp. Xung quanh Hòn Hèo là một vùng dân cư trù phú gồm nhiều xã, phường: Ninh Đa, Ninh Phú, Ninh Phước, Ninh Vân...

Nằm ở giữa các dãy núi của căn cứ cách mạng Hòn Hèo là Hòn Ngang, thuộc thôn Tiên Du, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa. Hòn Ngang có độ cao khoảng 400m, rộng khoảng 500ha, trước mặt là thung lũng Hòn Ngang - nơi từng là ruộng, vườn của cơ sở sản xuất tự túc cung cấp lương thực, thực phẩm cho căn cứ, nay một phần là rừng cây cối rậm rạp, một phần là đường bê tông và lòng hồ Tiên Du. Phía Đông Hòn Ngang là Dốc Ót, địa điểm nối vùng Đông và vùng Tây căn cứ Hòn Hèo, từ Hòn Ngang qua Dốc Ót xuống Ninh Phước, Ninh Vân, từ đây có thể vào Nha Trang hoặc đi liên Khu 5. Chính vì vậy, đây là con đường thường xuyên đi lại của cán bộ ta trong hai cuộc kháng chiến.

Hòn Ngang hiện nay là vùng rừng núi hoang sơ cây cối rậm rạp, quang cảnh địa điểm di tích vẫn như xưa, chưa có tác động lớn của con người. Tuy nhiên, các dấu vết lán trại, hội trường, ruộng sản xuất cũng như các hiện vật liên quan đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I diễn ra tại đây hiện không còn, do ảnh hưởng của thời gian và sự phục hồi của cây rừng.

Hòn Hèo được Tỉnh ủy chọn làm địa điểm đặt căn cứ cách mạng từ tháng 8/1948, khi cách mạng Việt Nam chuyển mạnh sang bước phát triển mới, từng bước tạo thế chủ động trên chiến trường. Trong khi đó, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến tranh từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang chính sách “lấy người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, từ chỗ mở rộng chiếm đóng, chúng chuyển sang củng cố vùng chiếm được. Lúc đầu Tỉnh ủy đóng tại Đàm Vân, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đóng ở Ninh Tịnh, Tỉnh đội đóng gần suối Hoa Lan, một số cơ quan khác đóng rải rác tại các thôn xung quanh Đàm Vân. Đến đầu năm 1949, cơ quan lãnh đạo chỉ huy của tỉnh đều tập trung về Đàm Vân.

Tháng 7/1948, tại căn cứ Hòn Lớn (Hòn Hèo), Tỉnh ủy họp mở rộng (do đồng chí Trần Quỳnh, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì) để nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV, trong đó đặc biệt chú ý công tác vùng sau lưng địch nhằm “giữ vững và nâng cao trình độ giác ngộ và tinh thần quyết chiến của Nhân dân, lập lại và làm kiên cố các tổ chức quần chúng và của Hội (Đảng), làm rối ren và tan rã hàng ngũ địch, phá chính quyền địch, phá kinh tế địch, lập lại chính quyền ta”; “Dù hoàn cảnh khó khăn nào, chi bộ cũng phải bám lấy

địa phương mà hoạt động”; “Các ban chấp hành huyện, tỉnh cũng phải bắt buộc bám lấy địa phương mình để lãnh đạo phong trào”.

Hội nghị nhận định: Những chiến thắng liên tiếp của quân và dân ta từ đầu năm đã gây cho địch nhiều thiệt hại, Nhân dân càng thêm tin tưởng, phấn khởi. Nhưng nhiều nơi, các đơn vị tập trung chuyển sang nơi khác hoạt động hoặc rút về căn cứ củng cố thì địch lại làm chủ, dân quân du kích không bám được cơ sở đánh địch càn quét. Đời sống nhân dân nhiều nơi rất khó khăn, đời sống bộ đội, quân dân du kích đã khó khăn ngày càng khó khăn hơn, quân số chiến đấu giảm do đau ốm nhiều. Với tinh thần đó, Hội nghị nhận thấy cần phải có kế hoạch phản công địch, làm sao cho địch phải đối phó với ta nhiều hơn là ta phải đối phó với chúng, nhằm thoát khỏi tình trạng bị động trong những tháng đầu năm 1948. Những kế hoạch cụ thể phá hoại địch về mọi mặt, củng cố, phát triển lực lượng ta được vạch ra với chủ trương “*Tiến về làng*”, kháng chiến ở hương thôn theo phương châm “*tin vào dân, dựa vào dân*”, “*Nhân dân là lũy thép*”.

Việc thực hiện chủ trương này, lúc đầu chưa có kinh nghiệm nên có nơi cán bộ, bộ đội về làng ồ ạt bị tổn thất, song vẫn mang lại những hiệu quả thiết thực.

Cán bộ, bộ đội có ý thức lấy quần chúng làm thành lũy chiến đấu. Chi bộ, đảng viên bám phong trào, sống trong dân, đánh tan những tư tưởng cầu an, sợ khổ, thiếu tin tưởng quần chúng nhân dân. Bộ đội, dân quân phân khởi, quân sự chính trị thống nhất, đồng bào tin tưởng thêm vào việc kháng chiến lâu dài, có ý thức bảo vệ cán bộ hơn trước. Địch phải đối phó với ta nhiều hơn, cực nhọc hơn, vì ta đã hoạt động mạnh hơn trong khu vực chúng kiểm soát, ngay trong hương thôn.

Cuối năm 1948, để phù hợp với tình thế cách mạng mới, Tỉnh ủy chuyển cơ quan về Hòn Hèo ở phía Đông huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa). Hòn Hèo là nơi có điều kiện tiếp nhận sự chi viện của Liên khu ủy 5 về vũ khí, lương thực... từ vùng tự do chuyển vào bằng đường biển. Lúc bấy giờ, bao quanh chân núi có một số xóm làng đã bị địch triệt hạ. Dân bị dồn về vùng địch chỉ còn một số ít ở các thôn Ninh Tịnh, Ninh Yên, Đàm Vân bất hợp tác với địch, sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng rẫy, trồng lúa, bắp, một số ít làm nghề biển. Các cơ quan tỉnh đóng trong núi và bìa rừng thôn Đàm Vân.

Mặc dù cơ quan của Tỉnh ủy chuyển về Hòn Hèo từ năm 1948, nhưng trước đó, giữa năm 1946, Phủ ủy Ninh Hòa đã chọn Hòn Hèo làm căn cứ cách mạng của địa phương. Toàn bộ các cơ quan, đoàn thể của

Ninh Hòa gồm Phủ ủy lâm thời, Mặt trận Việt Minh, Ủy ban Hành chính kháng chiến, các đơn vị vũ trang (Phủ đội Ninh Hòa thành lập tháng 3/1948) đã chuyển lên đóng ở Hòn Hèo. Lúc đầu đóng ở Đá Trắng phía Nam thôn Sơn Định, tháng 10/1946 chuyển sang đóng ở Đá Tượng, phía Nam thôn Chánh Thanh... Khi Tỉnh ủy chuyển về Hòn Hèo, các cơ sở vật chất, nơi đứng chân đã được chuẩn bị sẵn.

Từ khi các cơ quan tỉnh chuyển về Hòn Hèo, giao thông vận tải biển được tăng cường. Ban tiếp vận tỉnh đặt tại Phú Yên để tiếp nhận chi viện cho Liên khu và vận chuyển vào chiến trường trên hai tuyến đường bộ và đường thủy. Khi việc vận chuyển đường bộ gặp nhiều khó khăn thì giao thông vận tải biển mở ra nhiều khả năng mới. Trên tuyến biển từ Phú Yên vào, nhiều trạm được xây dựng từ Hòn Gầm - Đàm Môn, Bãi Giếng (Vạn Ninh) qua Ninh Tịnh, Ninh Yên, Đàm Vân (Ninh Hòa) vào Hòn Tre, Đồng Bò - Sông Lô (Nha Trang) cho đến Cù Hin (Ba Ngòi). Hàng năm, có nhiều đoàn thuyền chở lương thực, thuốc men, hàng hóa... từ Phú Yên vào an toàn. Mỗi khi thuyền cập bến, số đồng bào sống bất hợp pháp trên các đảo và bán đảo xung quanh trạm được huy động ra cát hàng, đưa lên rừng núi giấu vào ban ngày, rồi khiêng gánh xuống thuyền vào ban

đêm. Những mùa thuận gió, thuyền có thể quay ra, chờ hàng vùng địch ra vùng tự do để đổi gạo, thỉnh thoảng có kết hợp đưa cán bộ đi lại công tác. Vào mùa gió bắc, thuyền không thể quay ra được nên sau khi cất hàng lên bờ, ta phải đánh đắm thuyền để giữ bí mật.

Việc đi lại, vận chuyển bằng thuyền trên đường biển lúc này có thuận lợi hơn đường bộ, nhanh hơn nhưng cũng rất mạo hiểm. Có khi bị địch bao vây gây nhiều thiệt hại, cũng có lúc gặp bão tố bất ngờ, thuyền bị đắm, thủy thủ hy sinh, hàng hóa mất sạch. Càng về sau, địch bao vây phong tỏa mặt biển gắt gao hơn thì sự hy sinh tổn thất về người và của không ít.

Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với lực lượng vũ trang có bước phát triển. Tỉnh ủy và các huyện, thị ủy xác định trách nhiệm trực tiếp nắm các lực lượng vũ trang của địa phương, không phó mặc cho bộ đội chủ lực. Phân công cấp ủy viên sang làm chính trị viên, chỉ huy trưởng hoặc phó các cơ quan chỉ huy dân quân từ tỉnh đến cơ sở. Các chi bộ nắm chắc dân quân, du kích. Cán bộ, đảng viên nghiên cứu học tập quân sự, tổ chức học tập rộng rãi vai trò của chiến tranh du kích trong các đoàn thể quần chúng. Các cơ quan huyện, thị đội, xã đội hình thành từ cuối năm 1947, đến giữa năm 1948 được kiện toàn bổ sung cán bộ. Tháng 7/1948, Tỉnh đội

Khánh Hòa được thành lập nhằm thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương và tăng cường phối hợp tác chiến với các đơn vị chủ lực.

Các đơn vị bộ đội chủ lực thuộc Trung đoàn 80 lần lượt về các địa phương cùng các đơn vị dân quân hoạt động: Đại đội độc lập 98 vào Hòa Tân (Diên Khánh), Thái Thông (Vĩnh Xương); Đại đội độc lập 101 giữ lại một trung đội lưu động, còn phân ra từng tiểu đội về nhập với du kích thoát ly, hoạt động tại Vạn Ninh. Tiểu đoàn 360, gồm Đại đội 160 và Đại đội 200 đứng chân tại Ninh Hòa.

Sau đợt “luyện quân lập công”, tinh thần bộ đội, dân quân được nâng cao, các đơn vị đi vào hoạt động hè đánh địch xuất sắc. Nổi bật trong Thu - Đông năm 1948 là Tiểu đoàn tập trung 360 phối hợp với dân quân du kích tấn công tiêu diệt hoàn toàn đồn Phước Thuận, một cứ điểm kiên cố của địch ở phía Đông - Bắc Ninh Hòa (đêm 11/11/1948), diệt một trung đội gồm 25 ngụy, 6 Âu - Phi, thu toàn bộ vũ khí (3 trung liên, 1 cối 60 ly, 26 tiểu liên và súng trường)³¹. Đây là trận thắng lớn đầu tiên ở chiến trường Khánh Hòa sau mùa luyện quân lập công.

31. Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930 - 1975)*, Khánh Hòa - 2001, tr221.

Bị thua đau ở Phước Thuận, ngày 10/12/1948, giặc Pháp điên cuồng tập trung lực lượng lớn gồm có cả Hải - Lục - Không quân hòng tấn công bao vây, càn quét căn cứ Hòn Hèo nhằm tiêu diệt lực lượng và cơ quan đầu não của ta. Định gọi đây là cuộc hành quân “Bão táp” (Opération typhon) huy động trên 4.000 quân, có 7 máy bay và 6 tàu chiến yểm trợ, do tên Đại tá Ni-cô-la chỉ huy. Trước sức tấn công ồ ạt của địch, lực lượng ta (có 300 thanh niên vùng địch hậu lên cắm trại) kịp thời rút ra khỏi vòng vây an toàn. Các tổ tự vệ và du kích lợi dụng địa hình hiểm trở, tổ chức chiến đấu, cản bước tiến của địch. Các đơn vị chủ lực thoát ra vòng ngoài, cùng bộ đội địa phương đánh địch ở đồng bằng. Ngày 13/12/1948, Đại đội 200 và đơn vị đại đội địa phương Vũ Trung Ân đánh trận Phước Mỹ (thuộc xã Ninh Hưng, Nam Ninh Hòa) giữa ban ngày, làm thiệt hại nặng 1 đại đội hành quân dã ngoại địch, bắt sống toàn bộ ban chỉ huy đại đội địch, thu vũ khí và tài liệu quan trọng. Đồng thời ta đánh một loạt trận phục kích trên đường giao thông. Quốc lộ 1 tại đoạn Ninh Lâm (Tu Bông) bị cắt đứt trong nhiều ngày, địch buộc phải liên lạc bằng đường thủy giữa Vạn Giã - Tu Bông và bằng máy bay từ Nha Trang ra Phú Khê (Phú Yên).

Bị tiêu hao nhiều sinh lực nhưng địch vẫn không chịu từ bỏ cuộc hành quân bao vây càn quét căn cứ Hòn

Hèo. Đại đội 160 suốt 3 ngày đêm hành quân xuyên núi, xuyên đồng tránh địch đã rút lui ra khỏi vòng vây của chúng. Lọt ra khỏi vòng vây, đại đội đã tung lực lượng trinh sát đi bám dân, nắm tình hình, đồng thời vạch ra kế hoạch chiến đấu đánh vào hậu cứ của địch. Đêm 30/12/1948, lực lượng chính quy của Đại đội 160 chia làm hai cánh quân do Trung đội trưởng Phạm Đình Dư chỉ huy: Cánh thứ nhất bí mật hành quân tiếp cận địch ở phía Bắc thị trấn Ninh Hòa nổ súng đánh chiếm Bưu điện thị trấn, đuổi giặc về phía Nam cầu Dinh, hai bên giằng co nhau đến 4 giờ sáng thì ta rút quân; Cánh thứ hai phát hiện một chiếc tàu thủy của địch đang đậu ở cảng Hòn Khói, đã huy động thuyền và phao bơi bằng tre của dân đi biển bí mật tiếp cận, bất ngờ nổ súng đánh chìm chiếc tàu chiến A-mi-ran-véc-nông (A-miram Vecnon), tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, thu vũ khí và chiến lợi phẩm³².

Cũng trong đêm 30/12/1948, cả hai cánh quân đều nổ súng trong hậu cứ địch gây cho chúng nhiều thiệt hại. Biết lực lượng chủ lực của ta đã lọt ra ngoài đánh vào sau lưng, ngày 31/12/1948 địch mới chịu thay đổi kế hoạch, rút quân, bỏ dở cuộc hành quân bao vây

32. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa - 30 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng (1945 - 1954)*, tập 1, sđd, Tr119.

Hòn Hèo nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não hành chính và quân sự tỉnh.

Như vậy, khi tổ chức bao vây căn quét căn cứ Hòn Hèo, địch không những không tiêu diệt được cơ quan đầu não kháng chiến của tỉnh, cũng không tiêu diệt được một đơn vị nào của quân chủ lực, ngược lại bị quân ta đánh mạnh ở đồng bằng. Sau 21 ngày (từ 10/12 đến 31/12/1948) chúng lui quân, chấm dứt cuộc càn. Ta đã tiêu diệt và làm bị thương gần 200 tên, căn cứ Hòn Hèo được giữ vững. Ngày 21/01/1949, địch mở tiếp cuộc hành quân với 2.500 tên, càn quét chiến khu Đồng Bò (Nha Trang) nhưng cuộc hành quân này cũng thất bại như cuộc càn Hòn Hèo. Tên Đại tá Ni-cô-la chỉ huy hai cuộc hành quân nói trên tự sát.

Tiếp theo chiến thắng quân sự, phong trào phá tề, trừ gian rầm rộ đã phá rã từng mảng bộ máy tề ở cơ sở. Toàn tỉnh có 195 thôn có hội tề thì cuối năm 1948 còn khoảng 100 thôn có hương lý làm việc cầm chừng. Nhiều tên ác ôn có nhiều nợ máu với Nhân dân bị trừng trị.

Năm 1949, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân ta bước sang năm thứ 4. Tháng 01/1949, Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng nhận định: “Ta càng đánh càng mạnh, Pháp càng đánh càng suy nhược”, “càng lâm vào tình cảnh lúng túng to... tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi”, từ đó Hội

ng nghị chủ trương: “Động viên mọi lực lượng tinh thần và vật chất của toàn dân vào công cuộc kháng chiến và kiến quốc, giành kỳ được độc lập và tự do thật sự”; với khẩu hiệu: “Tất cả để chiến thắng”³³.

Thực hiện phương hướng chiến lược mới của Đảng, ngày 13/02/1949, tại căn cứ Hòn Hèo, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ bất thường. Hội nghị đặt mạnh vấn đề lựa chọn cán bộ ưu tú để kiện toàn cơ quan lãnh đạo và bộ máy giúp việc các ngành dân, chính, đảng từ tỉnh đến cơ sở, bổ sung cán bộ tốt cho các lực lượng vũ trang, bảo đảm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt của cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới “tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”.

Trong thời gian này, đồng chí Trần Quỳnh, Bí thư Tỉnh ủy được cấp trên điều đi công tác khác, Tỉnh ủy thiếu người nên lần này bầu bổ sung một số đồng chí vào Tỉnh ủy và bầu đồng chí Trương An làm Bí thư. Sau một thời gian ngắn đồng chí Trương An đi công tác khác, đồng chí Tôn Thất Vỹ làm Bí thư. Tiếp theo, Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện mở hội nghị đại biểu bầu cấp ủy mới. Toàn tỉnh bầu được 39 huyện ủy viên, nơi ít nhất có 3 huyện ủy viên (Vĩnh Xương), nơi nhiều nhất là 13 huyện ủy viên (Ninh Hòa). Riêng Nha Trang lúc này chưa đủ điều kiện bầu cử, Tỉnh ủy chỉ định Thị ủy

33. Báo cáo tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 tháng 01/1949.

lâm thời gồm 3 đồng chí. Đối với huyện Ba Ngòi, từ đầu năm 1948, cơ quan tỉnh chuyển ra phía Ninh Hòa, nên sự đi lại chỉ đạo giữa tỉnh và huyện gặp nhiều khó khăn. Lúc bấy giờ hai Tỉnh ủy Ninh Thuận và Khánh Hòa quyết định để Ninh Thuận chỉ đạo Ba Ngòi; đến đầu năm 1949, Ba Ngòi trở lại với Khánh Hòa. Tháng 5/1949, Hội nghị đại biểu huyện Ba Ngòi (Cam Ranh) bầu Ban Chấp hành huyện gồm 5 đồng chí. Tiếp theo cấp huyện, các chi bộ lần lượt mở hội nghị bầu ban chấp hành mới. Cả tỉnh có 61 chi bộ, 735 đảng viên³⁴. Đi đôi với việc củng cố hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở, các cấp chính quyền cũng được kiện toàn từ dưới lên để tăng cường lãnh đạo công cuộc kháng chiến.

Tháng 6/1949, Tỉnh ủy chỉ đạo Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt tỉnh trên cơ sở thống nhất lực lượng chính trị của các tổ chức quần chúng, với tổng số hội viên lúc này lên tới 29.742 người (trong đó có 24.410 hội viên Việt Minh, 5.026 cá nhân vào Liên Việt). Riêng tổ chức công đoàn (nơi thống kê được) thì có 3.661 công nhân, đưa vào tổ chức 306 người. Nha Trang có 156 đoàn viên trong 9 công đoàn cơ sở. Hòn

34. Theo báo cáo của Tỉnh ủy Khánh Hòa, đầu năm 1949 toàn tỉnh có 61 chi bộ (735 đảng viên) trong đó có 39 chi bộ xã, 7 chi bộ cơ quan, 6 chi bộ chính quyền, 1 chi bộ công đoàn, 5 chi bộ dân quân, 2 chi bộ trại sản xuất, 1 chi bộ nhà trường.

Khối có 142 đoàn viên trên 1.505 công nhân muối. Ông Nguyễn Thành Tĩnh, một trí thức Nha Trang (cử nhân Luật) nguyên Hội trưởng Mặt trận Liên - Việt tỉnh thành lập hội tháng 9/1948, nay được bầu lại làm Hội trưởng. Việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt thể hiện chính sách đại đoàn kết của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch, đánh dấu bước phát triển mới của công tác tổ chức tập hợp quần chúng rộng rãi trong mặt trận yêu nước.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy chuyển hướng hoạt động mạnh vào phía Nam, từ tháng 2 đến tháng 8/1949, bộ đội chủ lực phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và dân quân du kích, được trang bị tốt hơn và cổ vũ mạnh mẽ bởi các chiến thắng vừa qua, đã tổ chức một số trận đánh gây ảnh hưởng tốt.

Tháng 6/1949, đoàn đại biểu Đảng bộ đi dự Hội nghị Liên khu về, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ toàn tỉnh để quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới của cả nước, của toàn Liên khu, đánh giá tình hình địa phương qua những tháng đầu năm 1949 và đề ra nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện phương hướng chiến lược của Đảng là “Tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”. Về Đảng, hội nghị này cũng đặt ra kế hoạch xây dựng và phát triển “Đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ” theo đề án của Liên khu.

Đề đẩy phong trào Nam Khánh lên một bước cao hơn, Hội nghị quyết định mở chiến dịch Hè. Các hoạt động vũ trang của ta từ đầu năm đến chiến dịch Hè thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh của quần chúng ở Nam Khánh nổi lên mạnh mẽ nhiều nơi như: Diên Khánh, Vĩnh Xương, Nha Trang, Cam Ranh.

Thực hiện chủ trương của Quân khu, tháng 12/1949, Tỉnh ủy quyết định mở chiến dịch Trường Chinh ở Nam Khánh. Tuy nhiên, chiến dịch đã không thành công, lực lượng cách mạng chịu nhiều tổn thất.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I (3/1950)

Sau chiến dịch Trường Chinh, Ban Chỉ huy Trung đoàn 803 và Tỉnh ủy Khánh Hòa đều có những hội nghị kiểm thảo rút kinh nghiệm. Các đồng chí đều thấy tình hình phong trào đã xấu đi, nhưng xấu đến mức nào thì chưa có sự đánh giá đầy đủ. Trong hoàn cảnh ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I được triệu tập.

Đại hội diễn ra từ ngày 10 đến ngày 17/3/1950, tại Hòn Ngang (Hòn Hèo, huyện Ninh Hòa - nay là thị xã Ninh Hòa). Về tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu thay mặt cho 2.949 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Riêng việc đại biểu từ các xã, huyện về dự họp đông đủ đã là một thắng lợi quan trọng, bởi vì các con đường từ

xã đến huyện, từ huyện đến tỉnh thường bị địch phục kích, xảy ra thương vong. Đại hội vắng mặt đồng chí Võ Phước Lý (tức Tước) - một đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy dày dạn chiến đấu, có kinh nghiệm và đồng chí Trương Minh Viễn, Trưởng Công an tỉnh, bị địch bắt và hy sinh trên biển khi đang trên đường đi dự Hội nghị cán bộ Liên khu vào cuối năm 1949.

Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của 04 Hội nghị Tỉnh ủy³⁵. Đại hội cũng phân tích những nét lớn của tình hình thế giới từ năm 1949 đến đầu năm 1950; tình hình chuẩn bị tổng phản công trong toàn quốc, trong Liên khu 5 cũng như đi sâu kiểm điểm tình hình một năm chuẩn bị tổng phản công trong tỉnh.

Đại hội nhận định: Trong năm 1949, địch đã lập thêm các đồn bót và đóng thêm nhiều tháp canh; chúng bắt dân dồn làng đến gần đồn bót; bắt dân ngủ tại đồn, tập trung lúa vào đồn để chúng dễ kiểm soát. Đồng thời, chúng đẩy mạnh các hoạt động gián điệp ở vùng thượng du (miền núi). Những thủ đoạn này của địch đã gây cho ta nhiều thiệt hại.

Trước âm mưu, thủ đoạn của địch, ta đã tiến hành nhiều hoạt động quân sự. Trong Thu Đông 1948, ta đã

35. Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 3 tháng 11/1948; Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 4 tháng 02/1949; Hội nghị cán bộ tỉnh tháng 6/1949; Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 10/1949.

đánh nhiều trận thắng ở Bắc Khánh Hòa như: Trận tiêu diệt đồn Phước Thuận, trận Phước Mỹ, các trận đánh phục kích đường giao thông ở Vạn Ninh... Tiếp đó, trong Xuân Hè 1949, ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở Nam Khánh Hòa như: Trận hạ đồn Đại Điền Trung, đồn Trại Cá, trận Xuân Hiệp... Tại Nha Trang, Cam Ranh cũng có những chiến công vang dội của các đội biệt động. Công tác địch vận cũng được đẩy mạnh, hàng trăm lính ngụy bỏ súng. Phong trào dân quân tại Vĩnh Xương, Diên Khánh lên cao. Tại Đại hội nuôi quân tổ chức ở Đồng Bò, gần 1.000 đồng bào vùng địch hậu Vĩnh Xương, Nha Trang đã ủng hộ 80.000 đồng Đông Dương. Bước vào Thu Đông 1949, ta mở chiến dịch tại Nam Khánh Hòa. Tuy nhiên, chiến dịch không đạt kết quả như mong muốn. Sau chiến dịch, phong trào kháng chiến ở Khánh Hòa gặp nhiều khó khăn.

Về công tác chính quyền, Đại hội đánh giá cao việc thành lập hội đồng nhân dân xã trong toàn tỉnh vào năm 1949. Các ủy ban kháng chiến hành chính xã cũng được bầu lại sau khi thành lập hội đồng nhân dân xã. Việc cải thiện đời sống dân sinh cho Nhân dân có nhiều tiến bộ. Tiêu biểu như xã Phát Đạt (Ninh Hòa) đã thanh toán nạn mù chữ và đã giải quyết được nạn đói, xã Phước Trung (Vạn Ninh) cũng đã giải quyết được nạn

đói cho Nhân dân. Việc phá tề mạnh và diễn ra liên tiếp ở Nam Khánh Hòa. Công tác thi đua ái quốc đã trở thành nền nếp trong toàn tỉnh.

Về công tác dân vận và Mặt trận, Đại hội đã kiểm điểm công tác dân vận, phân tích diễn biến tư tưởng của Nhân dân trước các âm mưu, thủ đoạn mới của địch. Từ năm 1948, phong trào Tiến về làng diễn ra rầm rộ, sôi nổi, kịp thời đã gây được ảnh hưởng tốt đến quần chúng. Tuy nhiên, qua năm 1949, việc tiến vào vùng địch hậu diễn ra ở Nam Khánh Hòa tốt hơn ở Bắc Khánh Hòa. Đại hội cũng lưu ý tinh thần cầu an trong một bộ phận Nhân dân ở đồng bằng, những đặc điểm riêng về sinh hoạt, về phong tục của đồng bào miền núi nhằm tuyệt đối tránh chủ quan và đề ra những phương châm và phương pháp công tác dân vận thích hợp. Đối với công tác mặt trận dân tộc thống nhất, ta đã tiến hành thành công việc thống nhất Việt Minh và Liên Việt tỉnh thành Mặt trận Liên Việt tỉnh. Tuy nhiên, phải làm cho quần chúng thấy được ý nghĩa quan trọng của sự thống nhất 02 tổ chức này, phát huy uy tín của Mặt trận Liên Việt tỉnh, mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc cho công cuộc kháng chiến.

Về kinh tế, tài chính, năm 1949, ta gặp nhiều khó khăn do chính sách dồn dân, ngu dân của địch. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã đặt ra vấn đề cần phải tự túc

lượng thực bằng cách làm ruộng hoang và bảo vệ mùa màng. Năm 1949, toàn tỉnh làm được 2.011 mẫu ruộng bị bỏ hoang. Việc sản xuất tự túc đã trở thành phong trào thi đua trong các cơ quan cấp tỉnh. Việc bảo vệ mùa màng, chống địch cướp lúa được các địa phương ở Nam Khánh Hòa thực hiện tốt. Việc phá hoại kinh tế địch có bước tiến, ta đã đốt kho Charner, kho Lục lộ (Nha Trang), gây cho địch nhiều thiệt hại lớn. Việc tổ chức sản xuất tập thể, thành lập các nông đoàn được thực hiện, mang lại thành công như ở Hòn Khói, Tân Hưng, Tây Sơn (Ninh Hòa). Về tài chính, so với năm 1948, năm 1949, thu ngân sách đạt gấp hơn 2 lần; đồng tiền Việt Nam đã được sử dụng tại một số thôn. Tuy nhiên, chế độ tài chính chưa được thực hiện thống nhất, đồng tiền Việt Nam chưa được lưu thông rộng rãi trong tỉnh.

Về giáo dục, văn hóa, năm 1948, ta đã thành lập Ty học vụ nhằm phụ trách bình dân học vụ, giáo dục tiểu học và bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ. Tính đến năm 1949, toàn tỉnh đã có 13 thôn thanh toán xong nạn mù chữ, đã tổ chức được 19 trường tiểu học với 422 học sinh. Về văn hóa, năm 1949, ta đã thành lập một ban liên lạc văn nghệ để tiến tới thành lập một tổ chức văn nghệ chính thức, có nhiệm vụ sáng tác văn nghệ kháng chiến, phổ biến văn nghệ mới trong vùng địch kiểm soát và chống tuyên truyền của địch.

Về công tác xây dựng Đảng, đến cuối năm 1949, toàn Đảng bộ tỉnh có 2.949 đảng viên (933 chính thức, 2.016 dự bị), tăng gấp 5 lần so với con số đại biểu hội nghị tháng 02/1949. Việc phát triển đảng viên ở vùng địch hậu, nữ giới đã được quan tâm hơn. Đa số đảng viên được kết nạp có ý thức khá về Đảng, có nhiều thành tích chống giặc, có năng lực lãnh đạo quần chúng. Công tác huấn luyện đảng viên được đẩy mạnh, riêng năm 1949 mở lớp với 1.729 học viên tham dự, đạt hơn một nửa tổng số đảng viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội đã chỉ ra một số hạn chế: Cuộc vận động rèn cán, chỉnh quân trong dân quân chưa được quan tâm đúng mức, cả về chiến thuật, về trang bị và công tác chính trị. Công tác địch vận còn nhiều khuyết điểm, nhất là ở Bắc Khánh. Cấp ủy, chính quyền nhận thức còn hạn chế về lãnh đạo quân sự và vai trò của mình trong việc phát triển phong trào dân quân. Mỗi quan hệ chỉ đạo công tác quân sự chưa có sự phối hợp thống nhất giữa Tỉnh ủy và Chính ủy (Trung đoàn 803). Việc bố trí cán bộ hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính xã còn hạn chế. Công tác huấn luyện cán bộ hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính chưa theo kịp yêu cầu đề ra. Việc cải tiến lề lối làm việc còn chậm, nhiều công việc không giải quyết theo pháp luật, chủ yếu

dựa trên thói quen, kinh nghiệm. Việc chuyên môn hóa hoạt động của các cơ quan, của từng cán bộ ít được chú ý. Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền đôi khi thiên về mệnh lệnh, không lắng nghe ý kiến của người dân. Việc cải thiện đời sống nhân dân còn hạn chế, nhất là công tác đấu tranh đòi cải thiện đời sống dân sinh ở vùng địch kiểm soát. Chưa huy động được sức mạnh của quần chúng đứng lên phá tề, phá ngụy quyền; quan tâm xây dựng chi bộ tự động công tác. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu quan điểm quần chúng, chủ quan khinh địch, có tư tưởng bi quan mỗi lúc tình hình biến chuyển gay go, dễ bất mãn mỗi khi bị phê bình, thiếu ý thức giai cấp.

Đề “*gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công chuyển mạnh sang tổng phản công*”, Đại hội đề ra nhiệm vụ chung: Ra sức phát triển du kích chiến tranh và nhân dân chiến tranh đến cực độ, thu hẹp phạm vi hoạt động của địch. Làm hao tổn nhiều người, vật chất và tinh thần của địch về mọi mặt, quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, triệt phá mọi nguồn bổ sung quân sự, chính trị, kinh tế của địch. Bổ sung lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế của ta, kiên quyết động viên sức người, sức của sâu rộng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 06 đồng chí, đồng chí

Tôn Thất Vũ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Mai Liêm được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Sau gần 5 năm chống thực dân Pháp (1945 - 1950), lực lượng kháng chiến Khánh Hòa có sự trưởng thành nhất định. Khánh Hòa đã hình thành một bộ máy kháng chiến hoàn chỉnh, có Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo cao nhất với tổ chức đảng đến cấp chi bộ, có Ủy ban Kháng chiến Hành chính và các cơ quan chuyên môn cần thiết, có Tỉnh đội và hệ thống lực lượng vũ trang gồm dân quân, du kích và những đơn vị bộ đội địa phương, có Mặt trận Liên - Việt, các đoàn thể quần chúng và điều quan trọng là Nhân dân đã được thử thách qua các bước thăng trầm của cuộc kháng chiến, gắn chặt với Đảng. Đó là những nhân tố đảm bảo cho kháng chiến lâu dài và đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng.

Tại chiến trường Khánh Hòa, địch đã chuyển sang dùng chiến tranh tổng lực, kết hợp cả quân sự, chính trị, kinh tế để bình định vùng tạm chiếm, tranh giành lực lượng dự trữ với ta. Chúng đã xây dựng được hệ thống tháp canh, cứ điểm và các đội quân ứng chiến. Ba lực lượng ấy kết hợp rất chặt chẽ, để càn quét đánh phá phong trào du kích chiến tranh, tập trung lúa gạo, tập trung dân ngu độn, bắt giết cán bộ, đồng thời ráo riết thi hành chính sách chiêu an với những thủ đoạn chính trị giả nhân, giả nghĩa để ru ngủ và lôi kéo quần

chúng. Trước tình hình đó, ta thiếu sự nghiên cứu phân tích sâu sắc để có một chủ trương toàn diện, chưa thật sự bám sát và kiên trì vận động Nhân dân.

Đại hội lần thứ I họp dưới khẩu hiệu “Chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”. Khẩu hiệu đó không được hiểu đúng đã phần nào gây ra tư tưởng nóng vội chủ quan. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu sau khi dự khóa II Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc ở Việt Bắc, được Liên Khu ủy phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, thay đồng chí Tôn Thất Vỹ về Liên khu nhận nhiệm vụ khác. Tháng 8/1950, đồng chí về đến căn cứ Hòn Hèo, đã truyền đạt cho Tỉnh ủy và Đảng bộ nhiều kiến thức mới về chiến tranh nhân dân, về thống nhất lãnh đạo quân sự của cấp ủy đảng. Hội nghị quân sự Đảng tại suối Cỏ Cò, Ninh Tịnh, nêu lên nhiều chỉ tiêu phát triển lực lượng chính trị có tính nhảy vọt để có sức chuyển mạnh sang tổng phản công. Sau Hội nghị đó, những tuần lễ tổng động viên, tuần lễ giết giặc, tuần lễ chống ngủ đôn, tuần lễ giành lúa liên tiếp được đề ra, chẳng những không giải quyết được khó khăn mà tình hình tiếp tục phát triển xấu thêm, gay gắt hơn.

Trong năm 1950, thực dân Pháp tăng cường lực lượng cho Khánh Hòa, điều quân từ khu vực Tây

Nguyên xuống. Ở Khánh Hòa, địch có hai phân khu: *Phân khu Ninh Hòa*, cơ quan chỉ huy đóng tại thị trấn Ninh Hòa, kiểm soát khu vực từ Lương Sơn ra đến Đại Lãnh - Vũng Rô và xã Hòa Xuân ở phía Bắc đèo Cả thuộc tỉnh Phú Yên; *Phân khu Khánh Hòa*, cơ quan chỉ huy đóng tại Thành Diên Khánh, kiểm soát khu vực từ Lương Sơn vào đến vùng Cà Rôm - Hiệp Mỹ (Cam Ranh). Ở thị xã Nha Trang, Cam Ranh có các quân trấn (place) trực thuộc Bộ chỉ huy vùng.

Với lực lượng mới được tăng cường, suốt năm 1950 dân chúng vùng gần núi, gần căn cứ, sát Quốc lộ 1, Tỉnh lộ 21 đều bị chúng dồn vào các đồn. Một loạt thôn ở phía Nam đường 21 như Tân Xuân, Tân Trúc, Ngũ Mỹ, Tân Lạc, Phước Lâm, Vân Thạnh bị đuổi đi. Dân Tân Xuân tản cư lên vùng Ba Bái. Nơi đây ta đã xây dựng thành vùng đóng cơ quan của Ban Vận động thượng du Bắc Khánh lấy tên là khu Huỳnh Trọng³⁶. Đồng bào lên vùng Ba Bái làm ăn không phải dễ dàng, phần đau bệnh, phần bị địch đánh phá³⁷.

Địch không chủ trương rào làng phổ biến như Ninh Thuận, mà ken dày cứ điểm và tháp canh vào tận thôn

36. Tên một đồng chí tham gia phong trào năm 1930 và đã bị hy sinh trong những năm đầu đánh Pháp.

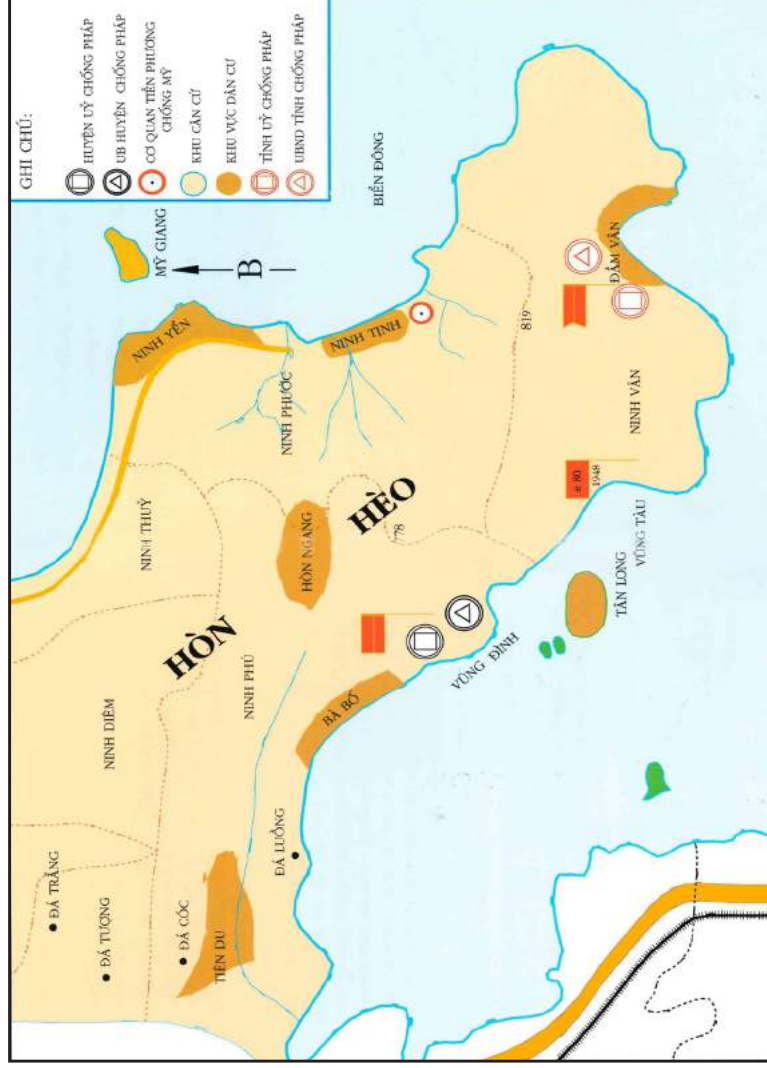
37. Số dân lúc đến trên 300 người mà năm 1952 khi rút về căn cứ Đá Bàn chỉ còn trên 10 gia đình.

xóm để kiểm soát dân chúng, ra sức dồn dân những nơi nhận thấy khó kiểm soát, bắt dân ngủ đồn, tập trung lúa gạo về quanh đồn. Vùng Đàm Môn, Bãi Giếng, Điệp Sơn trước đây là vùng tự do của huyện Vạn Ninh, ở đó có một số cơ quan của huyện, các kho tàng của tỉnh, là đầu cầu quan trọng trên đường giao thông thủy của tỉnh giữa căn cứ Hòn Hèo và vùng tự do Phú Yên, là con đường vận tải gạo và các nhu yếu phẩm khác từ vùng tự do vào đến căn cứ của tỉnh. Từ năm 1949, chúng đuổi dân Điệp Sơn; năm 1950, chúng đốt phá tất cả nhà cửa ở Đàm Môn, Bãi Giếng, dồn đồng bào vào Tân Mỹ (Giã), có một số chạy vào Nha Trang, Cam Ranh, cán bộ và cơ sở chạy lánh lên núi. Riêng đồng bào thôn Ninh Đảo, vốn quen sống bằng phát rẫy và khai thác lâm thổ sản, đã kiên quyết chống lại bằng cách chạy dạt vào rừng sống bất hợp tác với địch.

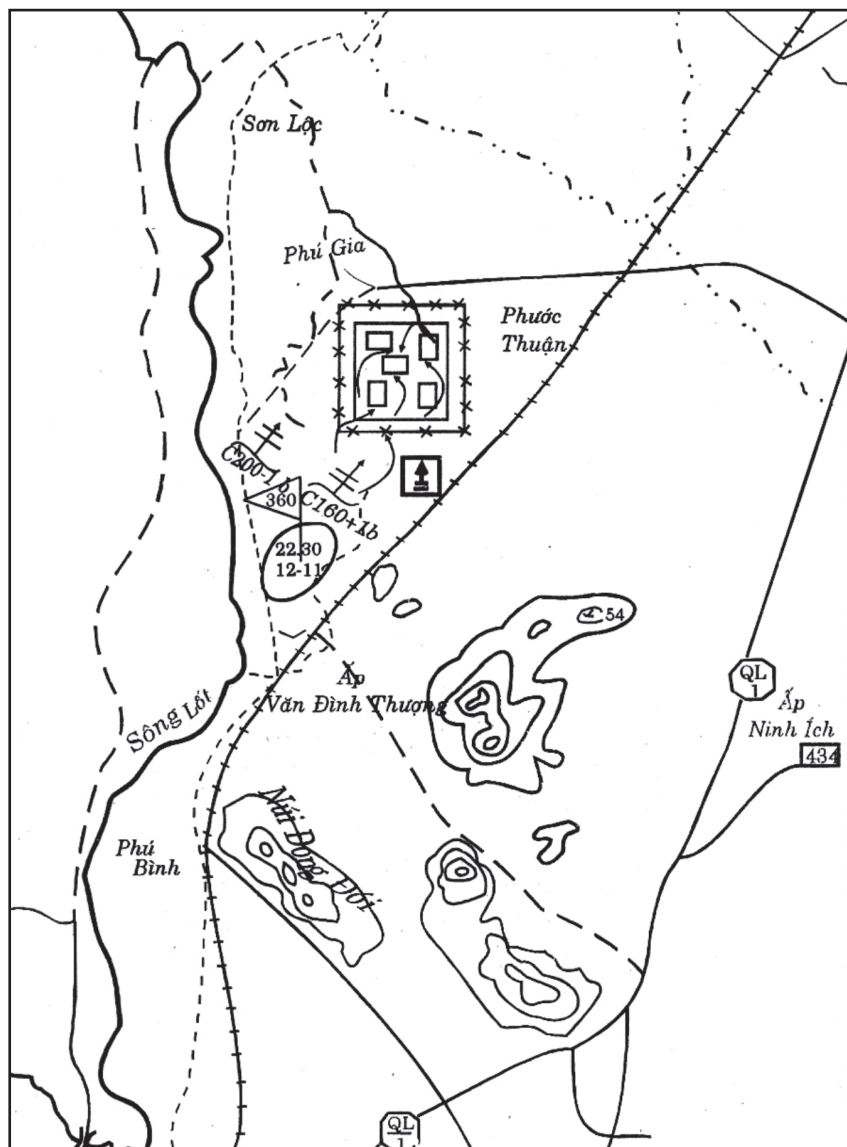
Tình hình năm 1950, cuộc kháng chiến chuẩn bị chuyển sang giai đoạn mới, cũng là lúc đế quốc Mỹ lấn le can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Quy mô, tính chất và cường độ cuộc kháng chiến sẽ phát triển nhanh lên, ngày càng căng thẳng, đường tiếp tế trên biển cho căn cứ Hòn Hèo bị địch liên tục bao vây, bắn phá, phong tỏa gắt gao. Nhiều chuyến đi của cán bộ, bị địch phục kích, bị gió bão đánh chìm thuyền, điều kiện tiếp tế bằng đường biển từ vùng tự do vào trở

nên bấp bênh, không ổn định. Trên các trục giao thông đường bộ từ các nơi về Hòn Hèo và từ Hòn Hèo về các huyện, thị thường bị địch phục kích; công văn, tài liệu bị rơi vào tay địch, nhiều đồng chí hi sinh do bom đạn, một số khác bị hổ rừng tấn công... Trong hoàn cảnh ấy, cuối năm 1950, Tỉnh ủy quyết định dời căn cứ về vùng rừng núi phía Tây huyện Ninh Hòa, đến tháng 3/1951, toàn bộ cơ quan của Tỉnh ủy, của huyện Ninh Hòa rời khỏi Hòn Hèo về Đá Bàn.

Căn cứ Hòn Hèo kết thúc sứ mệnh là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954). Sau tháng 3/1951, tại Hòn Hèo chỉ còn lại các lực lượng du kích xã và các đội công tác xã được vũ trang tiếp tục hoạt động; địch vẫn tiếp tục tổ chức các đợt tấn công vào căn cứ cho đến khi Hiệp định Geneve được kết thúc. Sau năm 1954, Hòn Hèo tiếp tục trở thành căn cứ cách mạng của Đảng bộ, quân và dân huyện Ninh Hòa thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai của chúng cho đến ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng.



Sơ đồ căn cứ kháng chiến Hòn Hèo



Sơ đồ trận tập kích đồn Phước Thuận, Ninh Hòa
của Tiểu đoàn 360, Liên trung đoàn 80-83 (năm 1948)



Căn cứ Hòn Hèo



Cơ quan Ban Chỉ huy tỉnh đội Khánh Hòa tháng 01/1949 tại
ghành Tử Sĩ, căn cứ Hòn Hèo



Cơ quan Báo Thắng ở chiến khu Hòn Hèo, tháng 02/1949.
Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Tôn Thất Vũ
(Nguyễn Minh Vũ) mặc quần trắng ngồi giữa;
chủ bút báo Thắng Võ Văn Sung mặc bà ba đen, khăn quàng trắng



Mài đá làm bàn in báo (Ký họa của Hồ Quảng)



Ký họa Nơi báo Thăng ra đời (Ký họa của Hồ Quảng)



Hội nghị Tiến về làng do Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức năm 1948



Đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I
(năm 1950)



Gộp Cây Thị, căn cứ cách mạng Hòn Hèo



Bia kỷ niệm chiến thắng trận đánh đồn Phước Thuận
tại Ninh Đông, Ninh Hòa



Bia Di tích lịch sử căn cứ kháng chiến Hòn Hèo



Hòn Hèo ngày nay



Một hoạt động sinh hoạt của đoàn viên thanh niên
tại căn cứ cách mạng Hòn Hèo

4. Căn cứ cách mạng Đá Bàn

Đá Bàn là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (**3/1951 - 5/1955**).

Đá Bàn là một thung lũng rừng núi bằng, rộng hàng trăm km² trải dài hai bên bờ sông Đá Bàn, nằm ở phía Tây Bắc thị xã Ninh Hòa. Bốn bề có núi đồi bao bọc: Phía Tây là dãy núi Hòn Gục nối liền với núi Mẹ Bồng Con; phía Bắc là núi Hòn Chảo giáp vùng Xuân Sơn, Mỹ Đồng của huyện Vạn Ninh; phía Nam có núi Dốc Dài kéo xuống vùng Tân Lâm, Tân Tứ để băng qua Đường 21 vào phía Nam; phía Đông có sông Đá Bàn nối liền với Bến Ghe và Sở Lô, từ đây có thể đi ra các thôn Ngọc Sơn, Lạc Ninh giáp Quốc lộ 1.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đá Bàn có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, nằm cách xa đồng bằng, là cầu nối với các căn cứ Hòn Lớn ở phía Nam, Hòn Hèo ở phía Đông và vùng tự do rộng lớn của Liên khu 5, Liên khu 7. Đá Bàn có những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn trải dài hai bên bờ sông Đá Bàn cùng những nhánh suối, rừng cây rậm rạp, hang, gộp tự nhiên liên hoàn. Trong trung tâm là thung lũng Đá Bàn, vùng đất bằng phẳng màu mỡ có thể trồng lúa và hoa màu để giải quyết lương thực tại chỗ. Với vị trí tự nhiên và địa thế như vậy, Đá Bàn là nơi dễ phòng thủ và khó bị tấn công.

Cuối năm 1949, đầu năm 1950, tại Khánh Hòa, thực dân Pháp tăng cường lực lượng bắn phá, bao vây và lập hệ thống đồn bốt, tháp canh dày đặc để khống chế và kiểm soát lực lượng cách mạng. *“Cuối năm 1949, giao thông đường bộ về Hòn Hèo thường bị ách tắc. Việc tiếp tế bằng đường biển từ vùng tự do Liên khu 5 vào không còn an toàn. Lực lượng của tỉnh chưa nhiều nhưng rất bị động về vấn đề lương thực, chi phối rất nhiều đến việc chỉ đạo phong trào chung, nhất là đối với các huyện phía Nam”*³⁸. Trong hoàn cảnh ấy, Tỉnh ủy đã chủ trương chuyển toàn bộ các cơ quan của tỉnh, của huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa) đến Đá Bàn nhằm bảo đảm an toàn cho các cơ quan đầu não kháng chiến trên địa bàn. Đá Bàn đã trở thành căn cứ địa cách mạng nổi tiếng ở Khánh Hòa với những địa danh từng làm kẻ thù kinh hoàng, khiếp vía như bến Ghe, đồi Yên Ngựa, gộp Đá Đen... Đến nay, nhiều di tích như hang Bệnh Xá, hang Chỉ huy vẫn còn lưu lại những dấu vết.

Căn cứ cách mạng Đá Bàn được Tỉnh ủy Khánh Hòa chọn là nơi đứng chân của tỉnh giữa lúc cách mạng nước ta đang có nhiều chuyển biến có lợi và có bước phát triển mới. Từ năm 1950, các nước xã hội chủ nghĩa

38. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 – 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 1, kháng chiến chống Pháp - 1986.

lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nước ta thoát ra khỏi tình trạng bị cô lập. Tháng 10/1950, quân ta giành thắng lớn ở Chiến dịch Biên giới Thu - Đông, chọc thủng “Hành lang Đông - Tây” của Pháp, giải phóng 35 vạn dân và đường biên giới dài 750 km. Với chiến thắng này, thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ đã thuộc về ta và mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Về phía Pháp, từ sau khi thất bại ở Chiến dịch tấn công lên căn cứ Việt Bắc, chúng buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh từ “*đánh nhanh thắng nhanh*” sang “*đánh lâu dài*” với ta. Với thất bại ở Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, thế chủ động trên chiến trường đã không còn thuộc về chúng. Tuy nhiên, ở những chiến trường phối hợp, phong trào du kích chiến tranh chưa đủ mạnh để kiềm chế lực lượng địch. Tại chiến trường Nam Trung Bộ, địch vẫn giữ thế chủ động, thực dân Pháp vẫn có nhiều âm mưu, thủ đoạn bao vây lực lượng cách mạng, nhằm mục đích giảm áp lực cho chiến trường chính của chúng. Khánh Hòa cũng không nằm ngoài âm mưu đó, nhất là khi địch thực hiện chiến thuật đánh lâu dài theo kiểu “vết dầu loang”. Phong trào cách mạng của ta ở đây gặp nhiều khó khăn, tổn thất.

Ở Khánh Hòa, trong năm 1948 và nửa đầu năm 1949, phong trào Bắc Khánh lên khá do ta tập trung vào việc phá chính sách “bình định” của địch, thường xuyên tổ chức các đợt tập kích vào vị trí đóng quân của chúng, gây cho địch nhiều thiệt hại cả về sinh lực và vật lực. Các con đường liên lạc trên bộ, trên biển từ căn cứ Hòn Hèo với các huyện trong tỉnh và vùng tự do Phú Yên luôn được khai thông. Lương thực tiếp tế từ vùng tự do Bình Định, Phú Yên vào được giải quyết tương đối thuận lợi, tuy có bị hư hao, mất mát, có trường hợp bị địch đánh phá gây tổn thất. Từ năm 1950, sau thất bại của ta ở chiến dịch “Trường Chinh”, tình hình trở nên khó khăn hơn, địch gấp tâm đánh phá nhiều hơn và tập trung nguồn lực cho kế hoạch “bình định”, địch lần thêm một bước kìm kẹp quần chúng và o ép phong trào, khủng bố cơ sở. Đồng thời, thực dân Pháp điều chỉnh chiến lược từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang phương thức “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” và tăng thêm 3 vạn quân trên toàn chiến trường, riêng ở Khánh Hòa địch có khoảng 7000 tên, trong đó có khoảng 5600 nguỵ quân. Địch chốt chặn khống chế toàn địa bàn tỉnh Khánh Hòa bằng một hệ thống đồn bốt và tháp canh kiểu Đờ-la-tua (Delatuor) dày đặc, bố trí dọc các trục đường quan

trọng trong tỉnh và lấn sâu vào các thôn, xóm. Trong một thời gian dài, căn cứ Hòn Hèo thường xuyên bị địch nhắm tới, uy hiếp, bao vây, các con đường từ Hòn Hèo tỏa đi các nơi và từ các nơi trở về Hòn Hèo không còn an toàn, địch thường xuyên cho quân phục kích, gây tổn thất cho nhiều đoàn cán bộ, bộ đội đi lẻ và dân công, nhất là đường biển từ vùng tự do Phú Yên đến căn cứ. Đồng thời, Tỉnh ủy nhận thấy “Địa hình ở đây tuy sát biển, nổi liền rừng và núi, nhưng chỉ là một mỏm núi hẹp của bán đảo Hòn Hèo, ba bề là biển rất khó cơ động, một khi địch dùng lực lượng lớn bao vây chặt, ta khó đứng vững về vấn đề lương thực, đồng thời việc liên lạc với các địa phương trở thành bất thuận”. Trước hoàn cảnh ấy, việc di chuyển cơ quan đến nơi có điều kiện xây dựng chỗ đứng mới là một nhiệm vụ cấp thiết. Lúc bấy giờ, danh từ *chiến khu*, xây dựng nơi đóng cơ quan theo kiểu chiến khu không còn phù hợp, nhưng nhận thức về *căn cứ địa* và điều kiện để xây dựng thành căn cứ địa cũng chưa mấy người nhận rõ. Bởi vậy, khi Tỉnh ủy đặt vấn đề chuyển lên Đá Bàn - một nơi núi non trùng điệp, xa làng mạc, một số vùng ven có dân như: Xuân Sơn, Cung Hòa, Quảng Thiện, Lạc Hòa... đã bị địch biến thành vành đai trắng và ở đó cũng cách xa với các huyện phía Nam đã có nhiều

người phân vân. Tuy nhiên qua thảo luận, xác định Đá Bàn có điều kiện mở đường tiếp vận nối với vùng tự do Phú Yên để tiếp nhận sự chi viện về lương thực, vũ khí của cấp trên, thuận tiện và an toàn hơn Hòn Hèo. Con đường hành quân của lực lượng chủ lực, của dân công tiếp vận từ Phú Yên vào chiến trường có điều kiện bảo đảm bí mật. Trục giao thông Bắc - Nam của Liên khu và Trung ương có điều kiện bảo vệ tốt các đoàn qua lại trên địa bản tỉnh; mở ra thế thuận lợi đưa dân lên xây dựng hậu phương tại chỗ làm căn cứ ổn định của tỉnh; trong trung tâm có vùng đất bằng màu mỡ có thể trồng lúa, hoa màu giải quyết lương thực tại chỗ; đồng thời xác định đây là vị trí chiến lược miền Tây của tỉnh nên Tỉnh ủy đã quyết định chọn Đá Bàn. Cuối năm 1950, Tỉnh ủy quyết định dời căn cứ về Đá Bàn. Từ đầu năm 1951, Tỉnh ủy cử một bộ phận cán bộ đi thăm dò, khảo sát. Tháng 3/1951, sau bước chuẩn bị sơ bộ, tất cả các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính, Tỉnh đội và của huyện Ninh Hòa đều dời đến địa điểm mới. Giờ phút chia tay đầy lưu luyến. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Bí thư Tỉnh ủy kể lại: Sự gắn bó giữa Nhân dân với cán bộ chiến sĩ, với các cơ quan của tỉnh thật bền chặt, tình thương yêu như một đại gia đình. Nhân dân theo dõi từng hoạt động, vui mừng

trước mỗi thắng lợi và lo lắng khi phong trào gặp khó khăn. Đặc biệt khi biết tin cơ quan tỉnh sẽ dời đi, nhiều người rơm rớm nước mắt, lo âu cho kẻ ở, người đi. Địch theo dõi biết được liên huy động lực lượng mở đường cản vào Hòn Hèo nhằm đánh chặn đường hành quân của ta nhưng cuộc hành quân của các cơ quan đã kết thúc trong đêm trước. Địch không đạt được mục đích, còn bị các lực lượng của ta ở căn cứ Hòn Hèo bám đánh tiêu diệt trên 80 tên.

Việc chọn Đá Bàn làm căn cứ cách mạng do nơi đây *“có địa thế thuận lợi để lập căn cứ kháng chiến vì ở trên tuyến hành lang chiến lược Bắc - Nam và nối liền với đường dây liên lạc vùng tự do Liên khu 5. Mặt khác, từ nơi đây có thuận lợi cho việc đi về các địa phương trong tỉnh chỉ đạo phong trào”*³⁹.

Căn cứ chia làm 3 khu: Khu Bắc, khu Trung và khu Nam. Mỗi khu có cán bộ chính quyền, đoàn thể như một thôn, dưới sự quản lý, điều hành của Ủy ban căn cứ địa. Tất cả số thanh niên và trại viên trại sản xuất được tổ chức thành du kích, trang bị súng, lựu đạn, bom, mìn... để làm nhiệm vụ bố phòng đánh địch. Toàn căn cứ có hai tiểu đội vũ trang tập trung cơ động, làm nhiệm vụ

39. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 1, kháng chiến chống Pháp.

canh gác các trục đường chính dẫn vào căn cứ, tổ chức hệ thống thông tin, báo động bằng tín hiệu keng mỗi khi có máy bay, bộ binh địch xâm nhập căn cứ. Bảo vệ từ xa có du kích các xã vùng ngoại vi, các chốt, các đài quan sát của trinh sát, của quân báo huyện, tỉnh.

Xây dựng căn cứ cách mạng

Việc xây dựng căn cứ Đá Bàn lúc đầu gặp nhiều khó khăn, nhất là việc giải quyết vấn đề lương thực tại chỗ cho các đơn vị tại căn cứ. Khi mới đến Đá Bàn, ta chưa có con đường nào khác từ Liên khu vào ngoài con đường Dốc Mõ, vượt qua dãy núi giáp ranh hai tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa. Dốc Mõ có thể nói là đường bộ độc đạo từ vùng tự do Phú Yên vào. Trước kia đi về cơ quan đầu não của tỉnh là đường Dốc Mõ - Hòn Hèo, thì nay là đường Dốc Mõ - Đá Bàn. Trên con đường này, bọn địch phục kích ngày đêm, giết hại nhiều cán bộ và chiến sĩ của ta. Theo sáng kiến của đồng chí Ma Cao, người Ê-đê rất am hiểu địa thế vùng này, Ban Cung cấp do đồng chí Tôn Thất Chí phụ trách đã mở đường Dốc Nón, rồi đường Dốc Chanh xa hẻo lánh Dốc Mõ, xa hẻo lánh Mỹ Đồng. Dốc Chanh không phải là thấp nhưng so với Dốc Nón, nó lại hơn, dễ đi. Trên con đường này, cán bộ, bộ đội, dân công tải gạo ra vô thường xuyên và an toàn. Bên cạnh đó, thời gian đầu “*đa số cán bộ, nhân*

viên các cơ quan chưa quen lao động nặng nhọc, chưa biết phát rẫy, làm đất gốc, đất tranh để trồng trỉa hoa màu, chưa quen khí hậu”⁴⁰.

Mở được con đường tương đối thuận lợi và an toàn nối liền nơi đóng cơ quan của tỉnh với vùng tự do Phú Yên, điều đó đã đem lại một sức mạnh tinh thần, một sự ổn định trong sự lãnh đạo của tỉnh. Mở con đường nối được với Phú Yên là nối được với cả vùng tự do Liên khu 5⁴¹, là tạo được đường dây thông suốt và bền vững để tiếp nhận sự chỉ đạo và hỗ trợ của Liên khu.

Do khó khăn về lương thực, nên khi mới đến Đá Bàn, bộ máy của các cơ quan, mặc dù đã trải qua hai đợt tinh giảm biên chế, vẫn phải rút gọn hơn nữa. Các cơ quan chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể chỉ tồn tại trên danh nghĩa, còn thực tế thì thống nhất lại thành bộ máy quân, dân, chính, Đảng, gồm ba ban: Ban Chính trị, Ban Quân sự, Ban Cung cấp. Ở cấp huyện, cũng tổ chức lại, gọn nhẹ hơn. Riêng các huyện Ninh Hòa, Vạn Ninh được hợp nhất thành huyện Bắc Khánh, tổ chức Đại hội Đảng bộ của hai huyện để bầu ra Ban Chấp hành mới do đồng chí Đặng Vinh Hàm, Tỉnh ủy viên làm Bí

40. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 1, sđd, tr.201.

41. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, vùng tự do Nam Trung Bộ có trên 2 triệu dân.

thur. Ở cấp xã, tổ chức lại thành Đội vũ trang xây dựng làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào và tiến hành kháng chiến ở cơ sở, do chi bộ xã lãnh đạo. Tổng số cán bộ, nhân viên các ngành chuyên môn và bộ máy các đoàn thể so với trước còn khoảng một phần năm. Tỉnh ủy chủ trương: Vừa lo xây dựng căn cứ, vừa tích cực đẩy mạnh công tác vùng địch, thực hiện phương châm kiên trì vận động cách mạng, xây dựng cơ sở nắm vững 3 công tác lớn ở vùng sau lưng địch là: Dân vận, nguy vận và du kích chiến. Dưới sự chỉ đạo tập trung của Tỉnh ủy, tất cả các lực lượng quân, dân, chính, Đảng ở căn cứ thực hiện chủ trương “kế hoạch tam tam chế”, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện đồng thời 3 nhiệm vụ: Tăng gia sản xuất tự túc; đi tiếp vận từ vùng tự do vào; luyện tập quân sự và bảo vệ căn cứ.

Tất cả các đơn vị, cơ quan trong tỉnh thực hiện một phần ba số người đi chiến đấu, hoặc phục vụ chiến đấu, một phần ba đi sản xuất và một phần ba đi vác gạo và làm những công trình công cộng. Như vậy, có phần nào rút hẹp các mặt hoạt động chiến đấu, xây dựng cơ sở, nhưng vấn đề cấp thiết nhất lúc này là lo cái ăn trước mắt và tập trung lực lượng vào sản xuất làm ra của cải vật chất, trước hết là lương thực, thực phẩm. Ban Quân sự và Ban Cung cấp được phân công trực tiếp thực hiện chế độ này.

Cơ quan phát rừng làm rẫy và làm lại một số ruộng hoang hóa ở Bến Ghe. Trở ngại lớn lúc đầu là giống, nông cụ, nông súc thiếu thốn. Bên cạnh đó, là nhân lực, số đồng bào ở căn cứ quá ít⁴² lại thường bị đau ốm. Cán bộ cơ quan đa số chưa quen lao động, lại mới di chuyển, ăn uống thiếu thốn, bệnh tật nhiều. Trong khi đó, sản xuất tự túc là vấn đề quan trọng sống còn, Tỉnh ủy đặt thành chủ trương và tích cực chỉ đạo thực hiện. Cán bộ chủ trì mỗi tháng phải lao động sản xuất 5 ngày, nhân viên mỗi tháng 8 ngày. Khi cần, vào thời vụ mở những đợt sản xuất liên tục 5 đến 10 ngày thì huy động tất cả mọi người cùng tham gia.

Vượt qua được những khó khăn trong năm 1951 - năm đầu tiên đến căn cứ, bước sang năm 1952, đã sản xuất phát triển mạnh lên. So với năm trước, diện tích trồng trọt tăng gấp 3 lần (trước 150 mẫu, nay 500 mẫu). Số hoa màu thu được từ tháng 3 đến tháng 12/1952 là 150 tấn lúa, trong đó có 30 tấn màu quy ra thóc (lúc bấy giờ quy định: 1 ký gạo đổi 5 ký mì hoặc 1,5 ký bắp, 4 ký lang).

Cũng trong năm 1952, tỉnh đã thành lập các đội xoi đường qua Dốc Chanh, Dốc Nón để đưa gạo từ Phú Yên, Bình Định vào và tổ chức thành hệ thống kho

42. Chỉ có 148 người, nên Đá Bàn còn có tên căn cứ 148.

tàng. Gạo ở căn cứ Đá Bàn lúc bấy giờ đủ nuôi một trung đoàn trong một tháng. Từ chỗ có lương thực, cán bộ, chiến sĩ đã tổ chức nuôi heo, nuôi gà, trao đổi hàng hóa, lập trạm thu mua mắm ruốc từ Phú Yên, đổi thuốc tây từ trong vùng địch ra. Đời sống của cán bộ, chiến sĩ dần được cải thiện. Đến cuối năm 1952, do bán được khoai, sắn cho vùng tạm chiếm, ta thu được 17.500 đồng Đông Dương, nuôi được 40 trâu cày⁴³.

Sản xuất ở căn cứ đã giải quyết được một phần cung cấp cho bộ máy trong tỉnh, giảm bớt sự chi viện của Liên khu, tiết kiệm một phần nhân lực của các tỉnh tự do. Đặc biệt, trong năm 1952, tình hình kinh tế của các tỉnh vùng tự do Liên Khu 5 rất khó khăn, ở một số vùng đã xảy ra nạn đói. Trong hoàn cảnh ấy, một tỉnh vốn dựa vào sự tiếp tế của Liên khu, tiến lên đẩy mạnh sản xuất, giải quyết một phần tiếp tế tại chỗ, cải thiện một bước đời sống vật chất của cơ quan, bộ đội lại bắt đầu có sự trao đổi mua bán giữa căn cứ và vùng địch hậu là điều có ý nghĩa rất lớn.

Trên một căn cứ rộng, có bố phòng chặt chẽ bằng các tuyến chông, mìn, cạm bẫy, nguồn lương thực, thực phẩm đã có cách giải quyết tương đối ổn định nên cuộc

43. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1945 - 1954)*, tập 1, sđd, tr.152.

sống có phần thoải mái, các mặt công tác ở căn cứ phát triển. Các đơn vị bộ đội của tỉnh vào Bắc Khánh có nơi đứng chân ổn định, tổ chức huấn luyện quân đội, cán bộ, thực hiện sự kết hợp giữa tác chiến và xây dựng, giữa chiến đấu và sản xuất, có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc thương, bệnh binh. Sức chiến đấu của bộ đội được phục hồi và tăng lên rõ rệt. Ở đây có Trường Đảng của tỉnh, có máy in chữ typô (chữ chì kiểu Minerve), có lò rèn nông cụ, có xưởng quân giới sửa vũ khí, có bệnh xá, có trại giam tù binh... Đêm đêm có những buổi đốt lửa trại, liên hoan văn nghệ.

Tất cả những thắng lợi này có ý nghĩa rất lớn đối với Nhân dân vùng địch hậu. Số quân chúng bị địch bắt đi càn vào căn cứ, số ngũ quân đi lòng thấy rõ thực tế những rẫy bắp rất tốt, sản mỳ mọc thành rừng. Họ trở thành “những cái loa” tuyên truyền rất có hiệu lực. Qua đó, Nhân dân vùng địch hậu càng thêm tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Căn cứ Đá Bàn được hình thành là chỗ đứng chân, chỗ dựa chung cho cả tỉnh, có ảnh hưởng trực tiếp đối với phong trào Bắc Khánh. Tuy nhiên đối với Nam Khánh, căn cứ Đá Bàn có phần xa xôi, cách trở. Ban Thường vụ Liên Khu ủy đã tỏ ra lo lắng. Điều ấy được phản ánh trong bản Chỉ thị của Thường vụ Liên Khu

ủy tới Khánh Hòa ngày 16/6/1951: “*Tỉnh ủy đang ở Đá Bàn, gặp nhiều trở ngại, tiếp tế khó khăn, địch dễ lùng quét, xa phong trào, khí hậu xấu. Cần nghiên cứu chuyển hoạt động vũ trang vào Nam Khánh để đẩy phong trào, đồng thời tạo căn cứ hoạt động? Hoặc phân tán Tỉnh ủy, một bộ phận phụ trách Nam Khánh, một bộ phận phụ trách Bắc Khánh, còn bộ phận phụ trách chỉ đạo chung cần tổ chức gọn nhẹ, có thể lưu động được để nắm tình hình và điều hòa*”. Lúc bấy giờ Nam Khánh chưa xây dựng được căn cứ của tỉnh, mà chỉ có căn cứ của từng huyện.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ II (12/1951)

Năm 1951 là năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, năm diễn ra đại hội Đảng các cấp, cũng là năm toàn Đảng có chuyển hướng rõ trong tư tưởng chỉ đạo để đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng. Dưới ánh sáng Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc (02/1951) và Đại hội Liên khu 5 lần thứ II (8/1951), Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh họp vào tháng 12/1951, tại căn cứ Đá Bàn, có 130 đại biểu đã về dự đại hội. Đồng chí Nguyễn Côn, Ủy viên Ban Thường vụ Liên Khu ủy tham dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội nghe báo cáo của đồng chí Lê Thanh Liêm, Ủy viên Ban Thường

vụ Tỉnh ủy, là thành viên của đoàn đại biểu Liên khu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc; nghe Báo cáo chính trị của Tỉnh ủy với nhan đề: “Kiểm thảo sự lãnh đạo chiến tranh của tỉnh Đảng bộ Khánh Hòa” do đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Bí thư Tỉnh ủy trình bày.

Đại hội khẳng định tác dụng thiết thực của căn cứ Đá Bàn đối với phong trào kháng chiến của tỉnh. Công tác xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng đã có những tiến bộ nhất định. Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và các huyện, thị ủy bắt đầu có chuyển biến trong tư tưởng, tác phong và lề lối làm việc, tỏ ra sát việc, sát phong trào hơn trước. Tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang có tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh. Nhân dân trong vùng địch kiểm soát vẫn hướng về cách mạng, tin tưởng Bác Hồ và Đảng.

Đại hội cũng chỉ ra mặt yếu của phong trào là phương châm “kiên trì vận động cách mạng” chưa được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng bộ. Việc truyền đạt nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công còn vội vàng, lúc đầu đã gây được không khí lạc quan, chờ đợi trong cán bộ và Nhân dân. Nhưng khi nghe nói “phải kiên trì vận động cách mạng”, “kháng chiến trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh” thì có một số tỏ ra bi quan lo lắng.

Đại hội đã đi sâu nghiên cứu thực tế, rút kinh nghiệm trên các vấn đề xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng lực lượng bán vũ trang và vũ trang, xây dựng Đảng, lãnh đạo đấu tranh. Việc xây dựng cơ sở gặp nhiều khó khăn. Cán bộ thôn xã hầu hết thoát ly lên chiến khu, Nhân dân thì bị tập trung ngủ đồn, cán bộ thỉnh thoảng mới về làng một lần và về làng chỉ gặp một số ông bà già, trẻ nhỏ. Những nơi ở sâu trong lòng địch, cán bộ ta ít được gặp dân, có nơi về được nhưng vì không có hàm bảo đảm nên bị thương vong, tổn thất.

Đối với một số đối tượng quần chúng như: Đồng bào tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số, công thương gia... cần hết sức vận dụng chính sách của Đảng để mở rộng mặt trận chống đế quốc thì có nơi ta lại phạm sai lầm nên họ càng xa lánh, ít hiểu công việc kháng chiến.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, trong một thời gian dài, lãnh đạo nặng về xây dựng bộ đội tập trung, thiếu quan tâm đầy đủ lực lượng dân quân, du kích, tách rời cơ sở quần chúng với cơ sở dân quân, du kích và lực lượng vũ trang tập trung. Năm 1950, các bộ phận du kích tập trung xã được rút lên để bổ sung kiện toàn các lực lượng vũ trang địa phương và đưa lên bổ sung một phần cho chủ lực. Việc làm ấy bình thường và phù hợp quy luật đối với việc xây dựng và phát

triển lực lượng vũ trang của ta, nhưng trong hoàn cảnh rất khó khăn của năm 1950, việc rút hàng loạt ấy đã làm cho dưới thiếu hụt lực lượng, từ đó lực lượng du kích cấp xã trở nên yếu và hao mòn, tan rã dần qua các lần bị địch đánh úp.

Về chủ trương giành lúa đã được sửa đổi với ý thức thực sự bảo vệ cho dân, vận động Nhân dân tự bảo vệ quyền lợi cho mình. Nhân dân cất giấu được trên một ngàn gia lúa mà không bị tổn thất về người, hơn hẳn mấy năm trước bỏ sức ra nhiều mà kết quả rất ít.

Khuyết điểm về sự chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với lực lượng vũ trang được sửa chữa, rõ nét là từ giữa năm 1951. Các lực lượng vũ trang, kể cả các đơn vị chủ lực biệt phái hoạt động trên địa bàn tỉnh đều đặt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy. Các huyện ủy cũng trực tiếp nắm và chỉ đạo các lực lượng vũ trang hoạt động trên địa bàn huyện. Mối quan hệ giữa lực lượng chính trị, lực lượng bán vũ trang và vũ trang, giữa lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội chủ lực từng bước được điều chỉnh đúng đắn, hợp quy luật phát triển của chiến tranh nhân dân, đồng thời phù hợp với thực tế của chiến trường vùng địch tạm chiếm.

Vấn đề xây dựng Đảng, Đại hội nêu lên một thực tế là từ năm 1949, sau Hội nghị đại biểu Liên khu lần

thứ nhất, nhận thức về xây dựng “một đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ” được phổ biến, kế hoạch phát triển Đảng được đề ra. Nhưng vì quan niệm phát triển Đảng không đúng, từ chỗ quá hẹp hòi, khắt khe, đi đến phát triển rộng rãi, bừa bãi. Bên cạnh số rất đông đảng viên trung thành, hăng hái, đã đưa vào Đảng một số người không đủ tiêu chuẩn. Hậu quả là lúc phong trào khó khăn những năm 1950 - 1951 một bộ phận đảng viên tỏ ra tiêu cực, cầu an, bỏ công tác và bỏ sinh hoạt Đảng, không thi hành các nghị quyết của Đảng.

Đầu năm 1951, sau khi Trung ương có Chỉ thị “về việc tạm ngưng kết nạp đảng viên mới”⁴⁴, chúng ta cũng quan niệm lệch lạc, nên đình chỉ luôn cả việc tuyên truyền gây ảnh hưởng cho Đảng, không chú ý những trường hợp đặc biệt được phép kết nạp như chiến sĩ công, nông trong phong trào thi đua đã tỏ ra đặc biệt hăng hái trong công tác, những chiến sĩ Vệ quốc quân, bộ đội địa phương, dân quân du kích xung phong gan dạ, đã lập được nhiều chiến công đặc biệt ngoài mặt trận.

Về vấn đề cán bộ, Đại hội nhận định, phong trào kháng chiến trong tỉnh đã xây dựng một đội ngũ cán bộ được tôi luyện và trưởng thành trong chiến đấu. Nhưng

44. Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương ban hành ngày 14/9/1950.

trong những năm 1950 - 1951, phong trào xuống thấp, cán bộ, nhất là cán bộ thôn, xã bị tổn thất, hy sinh nhiều. Khuyết điểm của Tỉnh ủy là chưa có sự quan tâm đúng mức để có kế hoạch bảo vệ thiết thực, cụ thể và cũng chưa có ý thức rõ ràng đối với việc bồi dưỡng đào tạo cán bộ địa phương, chậm đào tạo và đề bạt cán bộ nữ.

Về lãnh đạo đấu tranh, nhất là những cuộc đấu tranh giành lúa, các cấp ủy đảng đặt thành nhiệm vụ lớn, dồn sức vào đây nhiều. Công của và xương máu của Nhân dân tổn thất nhiều, nhưng kết quả thu được không cao. Chủ trương giành lúa là để bảo vệ lợi ích cho dân nhưng thực tế thì trái ngược. Khi lúa được đưa lên núi rồi, một phần chúng ta sử dụng, một phần không được bảo vệ, nên bị địch cướp bóc, đốt phá, phần bị thú rừng ăn phá.

Về sau chủ trương giành lúa đã được sửa đổi với ý thức thực sự bảo vệ cho dân, vận động sức dân để họ tự bảo vệ quyền lợi cho mình. Chủ trương này được Nhân dân hưởng ứng và thực hiện có kết quả mỹ mãn.

Như vậy, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đưa ra những vấn đề quan trọng, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá công tác lãnh đạo kháng chiến, ghi nhận thành quả, nêu rõ thực tế, vạch rõ sai lầm đã xảy ra trong quá

trình lãnh đạo cách mạng. Đó là chưa tập hợp được hết lực lượng tham gia cách mạng, đặc biệt là đồng bào có đạo, đồng bào dân tộc thiểu số...; khuyết điểm về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với lực lượng vũ trang; quan điểm lệch lạc trong phát triển Đảng hay vấn đề duy ý chí trong lãnh đạo đã được chỉ ra rõ. Đây vừa là hạn chế, nhưng đồng thời đã thể hiện sự trưởng thành vượt bậc của cơ quan lãnh đạo cách mạng cao nhất ở một địa phương, nhìn thấy những vấn đề tồn tại của quá trình lãnh đạo, là nền tảng cực kỳ quan trọng để Tỉnh ủy rút kinh nghiệm, điều chỉnh để lãnh đạo cách mạng trong những năm tiếp theo.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 15 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 5 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Thanh Liêm làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Hoạt động lãnh đạo kháng chiến

Trong thời gian Tỉnh ủy đóng ở Đá Bàn, hoạt động lãnh đạo của Tỉnh ủy được triển khai trên tất cả các mặt của cuộc kháng chiến, bao gồm hoạt động kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, địch vận và du kích chiến, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, vừa làm nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch và “chia lửa” cho chiến trường

chính (Bắc Bộ), vừa làm nhiệm vụ xây dựng lực lượng cách mạng của tỉnh ngày càng vững mạnh.

Từ năm 1951, ta đẩy mạnh đấu tranh trừ gian diệt ác, trừng trị những tên phản cách mạng, kết hợp đấu tranh vũ trang tiêu hao sinh lực địch, tiêu biểu như tấn công tàu Adour tải trọng 8000 tấn (ở Cửa Bé, Vĩnh Trường - Nha Trang); vận động Nhân dân đấu tranh chống địch cầm biên (đầu năm 1951)... Riêng ở Ninh Hòa, trong các năm 1949 - 1950, do địch tăng cường lực lượng càn quét, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ của ta bị địch bắn, giết hại, 65 súng các loại rơi vào tay địch. Năm 1951, Tỉnh ủy tổ chức phiên tòa tại căn cứ Đá Bàn xử tên Tổng Đế (còn gọi là Phước Thiện), hấn khai đã tổ chức mạng lưới chỉ điểm dọc hành lang từ Đá Bàn đến Hòn Hèo, đã sát hại 99 chiến sĩ giao liên và cán bộ ta. Trên đoạn đường từ căn cứ Hóc Chim đến đèo Đá Trắng, đã có hàng chục cán bộ, chiến sĩ hi sinh⁴⁵.

Tình hình tỉnh Khánh Hòa từ năm 1950 đến đầu năm 1951 đã được phản ánh rõ trong tài liệu “Hình thái chiến tranh Khánh Hòa hiện nay và sự tiến triển của tình hình” của Thường vụ Tỉnh ủy được viết vào tháng 3/1951 như sau: “Chúng ta thấy địch đã thành

45. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng* - tập 1, sđd, tr145.

công một phần lớn trong chính sách bình định thôn quê. Chúng dồn, bắt dân phải ngủ đồn, tập trung lúa, dùng hội tề làm tay sai, bóc lột, đàn áp dân chúng, làm tay sai bí mật cho chúng nữa. Cảnh vùng bị chiếm rất yên tĩnh, có thể nói là nơi an toàn của địch...cho nên về mặt quân sự giữa ta và địch ở Khánh Hòa không thể nói là có chiến trường giằng co”⁴⁶. Tình hình khó khăn này tiếp tục kéo dài suốt năm 1951.

Năm 1952, một phần do thiên tai và phần lớn do chính sách vơ vét của địch ngày càng tàn ác và trắng trợn, nên Nhân dân vùng địch đói khổ, lòng căm tức địch ngày càng sâu sắc. Trong hoàn cảnh ấy, phong trào đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày ở địa phương nào cũng có. Có nơi, Nhân dân vì quá căm tức chẳng kể gì tù tội, đánh đập, xé vé số trước mặt, có trường hợp xô xát cả với bọn lính ngục, nguyên rửa công khai bọn quận, xếp đồn. Nhân dân ngày càng thấy rõ lợi ích của sự đoàn kết chống địch qua các cuộc đấu tranh chống cấm biển ở Nha Trang, đòi hỏi cư ở Lương Sơn. Về chống bắt lính, có những hình thức quyết liệt như chặt ngón tay, nằm cản xe chở lính, chống lại chỉ huy, chửi quận trưởng. Các hình thức đấu tranh hợp pháp,

46. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng* (1945 - 1954), tập 1, sđd, tr146.

bất hợp pháp, kết hợp hợp pháp với bất hợp pháp xảy ra một cách phổ biến. Có những cuộc đấu tranh cán bộ cơ sở ta lãnh đạo kịp, nhưng có rất nhiều cuộc đấu tranh do Nhân dân tự nổi dậy. Nhờ tình hình có biến chuyển, chiến thắng ở các địa phương và chiến thắng ở khắp nơi đã ảnh hưởng rất lớn đến Nhân dân, làm cho Nhân dân càng phấn khởi tin tưởng vào kháng chiến thắng lợi và đấu tranh chống địch mạnh hơn.

Theo sự chỉ đạo chung của Liên Khu ủy, Tỉnh ủy và các huyện ủy tập trung sức lo chỉnh đốn tổ chức, sắp xếp cán bộ và giáo dục bồi dưỡng cán bộ về công tác vùng bị tạm chiếm và vùng du kích theo phương châm của Trung ương Đảng. Tỉnh ủy ngoài chủ trương tích cực lãnh đạo xây dựng căn cứ kháng chiến, lại tích cực đẩy mạnh công tác trong vùng địch, kiên trì vận động cách mạng xây dựng cơ sở.

Về phía địch, trong năm 1952 chúng mở nhiều cuộc tiến công vào các khu căn cứ cách mạng. Từ ngày 14/4/1952 đến ngày 04/5/1952, địch tiến công căn cứ Hòn Hèo, chúng đốt phá của ta nhiều cơ sở sản xuất; nhiều nhà cửa, kho tàng bị đốt cháy, hơn 100 trâu bò đã bị giết, 30 tấn gạo bị cướp phá. Nhiều hoa màu bên trong và ven căn cứ cũng bị phá trụi. Trong 20 ngày địch càn, bộ đội, du kích, tự vệ cơ quan vẫn kiên quyết bám địch tiêu hao gần 80 tên.

Tại căn cứ Đá Bàn, ta phán đoán sớm muộn địch cũng sẽ mở cuộc càn lớn để đánh vào các cơ quan của tỉnh. Do vậy, công tác chống càn đã được tỉnh coi trọng, các cơ quan dân chính đều được quân sự hóa: Trang bị gọn nhẹ, hồ sơ tài liệu đều chuẩn bị để chôn giấu khi có hiện tượng bị địch càn quét. Lực lượng du kích trong khu căn cứ tuy không nhiều vì từ đầu năm đến tháng 8/1952, các đơn vị vũ trang của ta ra vùng tự do Liên Khu 5 để chỉnh huấn và chấn chỉnh tổ chức, nhưng được trang bị và huấn luyện chu đáo. Các phương án đánh địch được nghiên cứu kỹ. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh cùng cán bộ Tỉnh đội đã chú ý nghiên cứu thực địa, vạch kế hoạch cụ thể để triển khai chống càn có hiệu quả. Các đường tiến, lui của cán bộ, chiến sĩ đều được dự kiến. Các bãi bố trí chống mìn đều được đánh dấu và phổ biến cho cán bộ, chiến sĩ trong căn cứ. Đầu năm 1952, địch cho một đơn vị biệt kích xuyên rừng định tập kích bất ngờ vào các cơ quan Tỉnh ủy, nhưng chúng đã vướng phải mìn của ta, nhờ đó tự vệ của các cơ quan của tỉnh kịp thời phản ứng, tiêu diệt thêm một số tên, bọn còn lại vội vã rút chạy. Địch chưa tiến công lớn vào căn cứ Đá Bàn được, nên chúng cho máy bay trinh sát thường xuyên quần thảo nhằm phát hiện mục tiêu chúng nghi ngờ và cho máy bay ném bom, bắn phá.

Tháng 7/1952, địch tập trung hơn một tiểu đoàn, mở cuộc càn vào Đá Bàn. Chúng trang bị phương tiện để phá hoại hoa màu, nhưng đã bắt lực trước những nương mìn xanh tốt, bạt ngàn của ta. Đại đội bảo vệ căn cứ do đồng chí Nguyễn Tám, Tiểu đoàn trưởng, phụ trách Đại đội 1 đã trực tiếp chỉ huy bộ đội, tự vệ cơ quan, du kích kiên quyết chiến đấu bảo vệ căn cứ. Dựa vào địa thế có lợi và hệ thống chông, mìn đã bày sẵn ở những nơi xung yếu, lực lượng ta đã chặn đánh quyết liệt bằng tập kích, pháo kích và bắn tỉa. Hàng chục tên giặc bị chết, bị thương vì chông mìn. Cuộc càn của địch hoàn toàn bị thất bại.

Bên cạnh việc tập trung quân càn quét vào Đá Bàn, địch cũng mở nhiều cuộc càn khác vào các căn cứ trên toàn tỉnh ở Đồng Găng (Diên Khánh), Đồng Bò (Nha Trang), căn cứ 175, 175A Đá Đen (Khánh Vĩnh) ... Trong các cuộc tiến công này, chúng sử dụng quân từ cấp đại đội đến tiểu đoàn gồm phần lớn là ngụy quân gom góp ở các đồn. Tuy nhiên, các cuộc càn của địch đều bị bẻ gãy. Tính chung trong các cuộc chống càn vào các căn cứ kháng chiến tỉnh Khánh Hòa trong năm 1952, ta đã tiêu diệt khoảng 1.000 tên địch.

Song song với hoạt động chống càn, từ đầu năm đến tháng 8/1952, trong lúc phong trào chiến tranh du

kích vẫn còn đang gặp nhiều khó khăn, Tỉnh ủy Khánh Hòa vẫn nghiêm túc thực hiện chỉ thị của Liên Khu ủy đưa lực lượng vũ trang ra Liên khu 5 để chỉnh huấn. Đây là đợt sinh hoạt chính trị và huấn luyện quân sự tập trung với thời gian dài của bộ đội địa phương tỉnh. Đợt sinh hoạt lần này nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ quán triệt sâu sắc quan điểm “trường kỳ kháng chiến”, “tự lực cánh sinh” nhất định thắng lợi. Riêng cán bộ từ cấp đại đội trở lên còn được học sâu thêm về tài liệu cách mạng Việt Nam. Cán bộ, chiến sĩ đã hiểu rõ, sâu sắc hơn về mục đích chiến đấu, phân rõ thù bạn, nhận rõ bản chất giai cấp của quân đội nhân dân, nâng cao tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản, nâng cao quyết tâm chiến đấu. Qua học tập, rèn luyện nhận thức chính trị và kỹ năng chiến đấu của bộ đội được nâng lên một bước.

Nhìn chung, trong những năm 1951 - 1952, công tác dân vận, ngụy vận, chiến tranh du kích trong tỉnh có bước phát triển rất đáng kể. Cán bộ đội vũ trang công tác cùng bộ đội, du kích đã bám sát quần chúng trong vùng địch kiểm soát, xây dựng thêm nhiều cơ sở mới, đồng thời phát huy khả năng đấu tranh công khai hợp pháp, kết hợp với hoạt động bí mật đánh địch, hạ uy thế của giặc, phát triển ảnh hưởng của kháng chiến rộng khắp

trong Nhân dân và ngay cả trong hàng ngũ tề nguỵ. Đến hết năm 1952, trên chiến trường Khánh Hòa, lực lượng cách mạng đã làm thất bại một bước kế hoạch chiêu an, bình định và cuộc phản công quyết liệt của thực dân Pháp, vượt qua những thử thách lớn lao nhất trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy ở Đá Bàn không những đứng vững trước các đợt càn quét của địch mà ngày một phát triển vững mạnh, đây là một thắng lợi quan trọng, góp phần đưa phong trào chiến tranh nhân dân ở tỉnh phát triển, tạo được những thắng lợi mới cả về thế và lực, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến bước sang một giai đoạn mới - chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Sang năm 1953, tình thế chiến trường đã thay đổi. Những thắng lợi quan trọng về quân sự trên phạm vi cả nước và trên địa bàn Quân khu cuối năm 1952, đầu năm 1953 đã cổ vũ lớn đến phong trào kháng chiến của tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo Nhân dân cùng các lực lượng vũ trang địa phương, phối hợp với lực lượng chủ lực đứng trên địa bàn quyết tâm đánh bại chính sách bình định của giặc. Trước hết là phá cho được thủ đoạn dồn dân, tập trung lúa gạo, ly tán Nhân dân khỏi lực lượng cách mạng. Hướng hoạt động của các lực lượng vũ trang được xác định về nông thôn, đồng bằng.

Cũng trong thời gian này, sau khi tham gia chiến dịch An Khê, Tiểu đoàn 59 của Liên khu do đồng chí Nguyễn Lữ làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Phạm Đào làm Chính trị viên đã chuyển hướng hoạt động, hành quân vào Bắc Khánh Hòa để phối hợp chiến đấu với bộ đội địa phương và du kích, đẩy mạnh các hoạt động quân sự tại vùng này. Cùng đi với đơn vị có đồng chí Hà Vy Tùng, Trung đoàn phó Trung đoàn 803. Nhờ có kinh nghiệm đánh tháp canh, lại được trang bị thêm súng ĐKZ, nên khi vào đến địa bàn, Tiểu đoàn đã liên tiếp tổ chức tiêu diệt hàng loạt tháp canh. Đêm 03/4/1953, Tiểu đoàn 59 phối hợp lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt 2 tháp canh Tân Phong, Nhĩ Sự, tiêu diệt khoảng 2 tiểu đội của địch.

Đêm 09/4/1953, ta diệt tiếp tháp canh Cầu Lớn trên đường Ninh Hòa đi Hòn Khói. Đây là tháp canh bảo vệ cầu, đường, đồng thời để đánh phá con đường liên lạc của ta từ Hòn Hèo đi Đá Bàn, nhiều cán bộ, chiến sĩ ta hy sinh trên đoạn đường này⁴⁷. Trong trận đánh này, súng SKZ của ta (súng không giật) bắn xuyên tháp canh. Lính trong đồn có số bị cháy, toàn bộ tề ngụy còn lại bị bắt sống. Đồng bào phân khởi, tập nập kéo đến xem. Tề ngụy khắp nơi chán nản dao động.

47. Đêm 20/01/1951, đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Chính ủy Trung đoàn 803 khi hành quân qua đây bị giặc bắn bị thương nặng và sau đó hy sinh.

Trận Tân Phong, Nhĩ Sự, Cầu Lớn tuy diệt địch, thu vũ khí ít nhưng đánh trúng vào chiến thuật tháp canh, chỗ dựa của chính sách bình định chiêu an của địch nên tác dụng và ảnh hưởng chính trị khá rộng. Đồng bào nổi dậy, đòi bỏ đồn quay về với gia đình ở các thôn làng, không chỉ ở khu vực này mà còn lan rộng ra toàn khu vực miền Tây Ninh Hòa. Đó là những trận đánh được chọn đúng nơi, đúng lúc, hợp lòng dân, làm rõ chính nghĩa của cách mạng.

Phong trào đấu tranh chính trị của Nhân dân lên đều, nhất là đấu tranh chống bắt lính. Ngày 03/4/1953, có 4.000 đồng bào Nha Trang tập trung trước dinh tỉnh trưởng bù nhìn biểu thị quyết tâm giành lại chồng, con, em mình bị bắt đi lính. Địch huy động 3 đại đội để đàn áp, giành thanh niên bỏ lên xe. Nhân dân xông vào, chặn đầu xe, giữ thanh niên lại. Cuộc đấu tranh có tiếng vang lớn, Nhân dân nhiều nơi noi theo gương đồng bào Nha Trang. Trên một trăm đồng bào dân tộc bị địch tập trung ở đồn Cẩm Sơn (Diên Khánh) đã bỏ khu tập trung chạy về miền núi, sống bất hợp pháp, chống địch. Nhiều nơi, lợi dụng lúc địch đang hoang mang dao động, lợi lỏng việc kiểm soát, đồng bào đã tranh thủ ra vùng vành đai trắng khai hoang, phục hóa tăng gia sản xuất. Những cơ sở, cán bộ đứt liên lạc nằm im, nay xin nhận công tác. Một số tề ngụy và gia đình

họ tìm gặp cán bộ để thanh minh về những việc làm sai trái của mình. Tình hình phát triển thuận lợi, nhưng cán bộ ta quá ít, bị ảnh hưởng tư tưởng đánh giá địch cao, lại ở xa dân, nên phát huy thắng lợi xây dựng thực lực cách mạng còn chậm, chưa linh hoạt phân tán lực lượng vũ trang tuyên truyền. Mãi đến ngày 18/3 mới có một trung đội làm công tác này.

Số tề nguy bị bắt trong các trận vừa qua được đưa về căn cứ Đá Bàn và được đối xử tử tế. Các tư trang, đồ dùng cá nhân của ai nấy giữ. Họ được học về chính sách của Chính phủ cách mạng đối với binh sĩ nguy, được giải thích về nhiệm vụ của người dân yêu nước. Mỗi người tự liên hệ các sai lầm đối với nước, với dân và hứa không tái phạm. Ngày 16/4 họ được trả tự do. Lúc được thả về mỗi người đã trở thành một tuyên truyền viên về chính sách của cách mạng, nói về sức mạnh và tác phong đúng đắn của quân đội cụ Hồ, về sự vững vàng của vùng căn cứ.

Biết rõ là cách mạng khoan hồng, nên nhiều binh sĩ nguy tỏ thái độ sẵn sàng đầu hàng khi ta nổ súng, có gia đình cho là con em mình vì bị bắt buộc đi lính, nên không có tội. Các đợt thả tù binh sau, ta giáo dục tốt hơn, phân tích rõ tội lỗi của những người cầm súng cho địch, bắn giết đồng bào. Ta lập tòa án xử một vài

tên tề, nguy có nhiều tội ác (xã Long ở Ninh Ích, tổng Đế ở Lạc Ninh).

Ta vừa đánh địch, vừa kết hợp tuyên truyền chính sách rộng rãi nên gây ảnh hưởng chính trị khá lớn, làm lung lay hệ thống tháp canh toàn tỉnh, bộ máy tề giảm hiệu lực.

Chiến thắng Vườn Gòn - Đá Bàn

Về phía địch, chúng đã thất bại lớn trong việc xây dựng hệ thống kìm kẹp Nhân dân ở Khánh Hòa, để cứu vãn tình thế và nhằm mục tiêu tiêu diệt, đẩy lùi bộ đội chủ lực, cán bộ của ta ra núi xa, ngày 18/4/1953 địch huy động khoảng 4000 quân Âu-Phi tinh nhuệ (từ Bình Trị Thiên vào) đổ bộ lên cửa biển Hòn Khói tiến lên; quân cơ động của Tiểu khu Khánh Hòa, từ Nha Trang theo Quốc lộ 1 kéo ra có máy bay, pháo binh yểm trợ, do thiếu tướng Lơ-Băng (Lebbanc) trực tiếp chỉ huy chia làm 3 cánh từ các hướng Đường 21, Dục Mỹ, Tân Xuân, Dốc Dài, Hóc Chim, Dốc Mỏ tấn công vào căn cứ Đá Bàn. Đây là cuộc tấn công quy mô lớn hơn bao giờ hết của quân Pháp ở Khánh Hòa từ trước đến giờ. Gần 20 tàu thủy và ca nô đổ bộ lên Bá Hà (Hòn Khói) và 180 cơ giới từ Nha Trang tiến ra Bắc Khánh.

Sáng 19/4/1953, trận địa pháo của địch từ Xuân Sơn bắn cấp tập vào trung tâm căn cứ Đá Bàn, dọn đường cho ba cánh quân tiến vào. Cánh chủ yếu từ Xuân Sơn

vượt đèo Ông Cộ đến Gò Trờ di chuyển dọc theo phía Bắc sông lên Đá Trãi chặn đường đi Dốc Chanh, Dốc Nón, bọc phía sau khu vực có cơ quan tỉnh đóng. Cánh quân thứ hai nhỏ hơn, tiến từ Dốc Tranh, Hòn Ngang vào căn cứ nhằm đẩy lực lượng ta ra ngoài trống. Cánh thứ ba từ đồn Lạc Ninh qua Bến Ghe chặn phía trước nhằm tiêu diệt lực lượng ta ngay trung tâm căn cứ theo phương án tác chiến của địch.

Địch không ngờ là lúc này Tiểu đoàn 59 của Quân khu 5 đưa vào phối hợp hoạt động ở chiến trường Khánh Hòa đang có mặt ở căn cứ. Ta chủ động phối hợp bố trí đánh địch từ xa, chông, mìn đã cắm, gài sẵn để chờ chúng, làm cho các cánh quân của địch bị thương vong ngay từ đầu, phải thăm dò chống đỡ, tiến quân từng bước một nên mãi đến xế chiều mới vào được khu vực bìa căn cứ. Tối đến ta luân phiên pháo kích, bắn súng vào các cụm trú quân gây thương vong, làm tinh thần địch căng thẳng, mệt mỏi. Ta tiếp tục gài thêm mìn, cắm thêm chông, công việc này do lực lượng bảo vệ và du kích đảm nhiệm. Tiểu đoàn 59 do đồng chí Nguyễn Lữ chỉ huy bí mật hành quân qua đường hẻm Eo Gió ra vòng ngoài phục kích trên đoạn đường từ Cầu Gỗ, dốc Ông Thượng xuống Suối Sâu trong Vườn Gòn của sở “thăng Lô” (Sở tên Lô) cũ, cách Bến Ghe khoảng 0,5km để chặn đánh đường rút

quân của địch. Mặc dù địch có bộ phận gác ở Bến Ghe nhưng chúng không hay biết gì.

Sáng 20/4, máy bay của địch thả bom, pháo bắn vào vùng rừng gần phía Tây căn cứ, rồi bộ binh tiến vào, nhưng bị chông, mìn và du kích chặn đánh làm thương vong một số. Các cánh quân của địch di chuyển chậm từng bước, chỉ đi sâu vào trong rừng khoảng dưới 100m, đốt phá một số nhà dân, trại sản xuất, bãi giao liên rồi hoảng sợ quay ra. Khoảng 13 giờ chúng bắt đầu rút quân, địch chia thành từng cánh quân nhỏ để rút lui, mỗi cánh quân cách nhau khoảng 15 đến 20 phút, có máy bay L.19 yểm trợ, chỉ đường.

Khi cánh quân thứ ba của địch lọt vào trận địa phục kích, hỏa lực của Đại đội 700, Tiểu đoàn 59 bắn cấp tập lên đội hình quân địch làm cho chúng không kịp trở tay, nhiều tên chết, một số tên mất khả năng chiến đấu; cánh quân đi đầu của chúng xoay đội hình, dùng hỏa lực chi viện bắn ác liệt vào lực lượng ta, yểm trợ cho quân của chúng. Bộ đội ta dùng hỏa lực súng đại liên, súng cối bắn áp chế, tiêu diệt thêm một bộ phận quân địch. Trận đánh kéo dài chừng 30 phút là kết thúc. Kết quả trận này ta diệt gọn hơn 1 đại đội Âu, Phi của thực dân Pháp, thu 1 đại liên, hơn 100 súng các loại cùng các trang bị khác của địch. Phía quân ta có 14 chiến sĩ hy sinh và bị thương.

Vào khoảng 14 giờ, máy bay L.19 dội bom, tàu khu trục bắn lên xung quanh trận địa, chỉ viện cho một số tên còn mắc kẹt trong trận địa, rồi các tổ trực thăng đến chở xác quân địch đưa về Nha Trang đến khoảng 16 giờ mới chấm dứt. Sau trận đánh, địch rút toàn bộ lực lượng cuộc hành quân vào Nha Trang, kể cả 4 đại đội cơ động của tiểu khu tăng cường về cho Ninh Hòa trước đó. Đến ngày 12/5, toàn bộ địch ở đồn Tân Lâm và tháp canh Đồng Tân (xã Ninh Thượng) tháo chạy.

Chiến thắng Vườn Gòn đã vận dụng và góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự “lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ đánh lớn” của dân tộc ta. Đây là trận đánh lớn tiêu diệt gọn một đại đội Âu, Phi - lính nhà nghề thiện chiến, tinh nhuệ trong đội quân viễn chinh của đế quốc Pháp. Mặc dù địch cố bưng bít thất bại, nhưng không che giấu nổi, ảnh hưởng của trận đánh lan rất nhanh, góp phần cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến của Nhân dân, uy hiếp mạnh tinh thần binh lính địch, tạo bước ngoặt trên chiến trường Khánh Hòa.

Sau trận đánh Vườn Gòn, Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo Nhân dân chống địch càn quét vào các căn cứ cách mạng trong toàn tỉnh. Trong hai tháng từ tháng 4 đến tháng 5/1953, quân địch lần lượt thất bại ở các cuộc càn quét vào căn cứ cách mạng của ta ở Vĩnh Khánh, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Cam Ranh, tinh thần của quân địch

ngày càng xuống thấp, nhiều tên được sự vận động của gia đình đã từ bỏ hàng ngũ về nhà hoặc ra đầu thú cách mạng, ách kìm kẹp của địch đã rã ở nhiều nơi. Quân Pháp rơi vào thế bị động phòng ngự. Thế và lực của ta ngày càng lên cao.

Ngày 16/6/1953, tại căn cứ Đá Bàn đã khai mạc Đại hội mừng công, bầu chiến sĩ thi đua huyện và tỉnh. Đại hội đã bầu 23 chiến sĩ thi đua (có 10 chiến sĩ thi đua quân đội). Sáu người được cử đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua Liên Khu 5, trong đó có 2 đồng chí người dân tộc Raglai là Pi Năng Xà A và Bảy Du Oa.

Cũng trong thời gian Tỉnh ủy ở Đá Bàn, công tác xây dựng thực lực chính trị, vũ trang và xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến mạnh. Đầu năm 1953, để phù hợp với tình hình cách mạng, Tỉnh ủy chủ trương chia huyện Bắc Khánh thành 4 vùng: Vùng Đông, vùng Tây, vùng Nam Ninh Hòa và vùng Bắc (Vạn Ninh). Mỗi vùng có một Ban cán sự đảng lãnh đạo, với một bộ máy giúp việc có từ 25 đến 30 cán bộ, chiến sĩ và đều có một đơn vị vũ trang riêng: Vùng Đông có Đại đội 900; Vùng Tây có Đại đội 700; Vùng Nam có đơn vị vũ trang do đồng chí Cao Văn Cầm và Trần Năng chỉ huy; Vùng Bắc có đơn vị 500. Liên đại đội 1 Bắc Khánh của tỉnh được biên chế thành hai đại đội là Đại đội 200 và Đại đội 222; Đại đội 2 ở Vĩnh Khánh, 1 trung đội ở

Cam Ranh và 1 trung đội ở Vạn Ninh; trực thuộc tỉnh còn có Trung đội trinh sát và Tiểu đội đặc công mới dự huấn luyện ở Khu về.

Về xây dựng Đảng, đến cuối năm 1953, toàn tỉnh có 2.020 đảng viên. Trong số này có 163 đồng chí hoạt động ở vùng miền núi, 420 đồng chí đảng viên trong lực lượng vũ trang (trong tổng số 720 cán bộ, chiến sĩ).

Như vậy, kết thúc năm 1953, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy ta đã thành công trên hai mặt: Một là, đánh gãy một phần chính sách bình định, chiêu an bằng chiến thuật dựa vào tháp canh của địch, ách kìm kẹp kéo dài của giặc ở vùng nông thôn, miền núi và ven đô thị trong nhiều năm đã gây cho ta nhiều khó khăn, thực tế đã mất hiệu lực; Hai là, xây dựng thế và lực của ta mạnh về các mặt. Cũng trong năm 1953, lực lượng vũ trang tỉnh đã tiêu diệt được 1.063 tên địch, làm tan rã và vô hiệu hóa nhiều cơ sở nguy quân, nguy quyền; hàng chục cuộc hành quân căn quét của địch vào căn cứ kháng chiến bị đập tan.

Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, thế và lực của ta ở Khánh Hòa đã khác trước, quyết tâm của Tỉnh ủy là chuyển ý chí của Liên Khu ủy thành ý chí của toàn dân, toàn quân trong tỉnh khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực vươn lên. Mấu chốt của thắng lợi là phải dựa vào dân,

nắm chắc phương châm vùng sau lưng địch là *dân vận, ngụy vận và chiến tranh du kích*, để tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, phát triển và mở rộng vùng du kích, đập tan chính sách “bình định” của địch, kìm chân không cho chúng vơ vét sức người, sức của, đưa quân ra Phú Yên và vùng tự do Liên khu 5.

Tỉnh ủy chọn Bắc Khánh là chiến trường chính, Nam Khánh là chiến trường phối hợp. Một loạt hoạt động quân sự được Tỉnh ủy chỉ đạo đánh trực diện vào quân Pháp đầu năm 1954 như: Tiêu diệt Quận trưởng Vạn Ninh là Nguyễn Chánh ngày 09/01; đốt cháy 4 triệu lít xăng của địch ở Bình Tân (Nha Trang), tiêu diệt khu Hành chính Mỹ Lệ ngày 11/01, khu Hành chính Đại Mỹ ngày 15/01, đánh vào trại huấn luyện tân binh và hạ sĩ quan của Pháp (Suối Dầu).

Bên cạnh việc chủ động đánh vào quân địch khắp chiến trường, Tỉnh ủy cũng đặc biệt chú trọng công tác bảo đảm an ninh, an toàn cho căn cứ của tỉnh ở Đá Bàn. Giữa tháng 5/1954, ta san bằng đồn Lạc Ninh (Vạn Ninh). Đây là cứ điểm đã gây nhiều tội ác đối với đồng bào xã Ninh Phước (Ninh An, Ninh Thọ) là vị trí án ngữ căn cứ Đá Bàn và bảo vệ Quốc lộ 1, nơi tập trung bộ máy tề ngụy cả vùng để khống chế Nhân dân. Cứ điểm này kiên cố, lô cốt được xây dựng mới, hàng rào ngoại vi rộng, có hai đại đội quân ngụy canh giữ.

Trận đánh diễn ra nhanh, gọn, ta tiêu diệt và bắt sống trên 200 tên địch, thu toàn bộ vũ khí, có 1 đại bác 75 ly. Trên 300 đồng bào xã Ninh Phước cùng bộ đội thu dọn chiến lợi phẩm. Ta sử dụng ô tô lấy được để chuyên chở. Sau trận Lạc Ninh, bộ máy nguy hiểm vùng ngoại vi căn cứ từ Hòn Hèo đến Đá Bàn tan rã.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Geneve được ký kết. Theo quy định, 0 giờ ngày 01/8/1954, trên chiến trường Khánh Hòa ngưng tiếng súng. Ở các vùng ta làm chủ, nhà nhà đều treo cờ đỏ sao vàng, không khí hân hoan tràn ngập. Tổ liên hiệp đình chiến của ta do đồng chí Lưu Văn Trọng làm tổ trưởng, bắt đầu làm việc với phía quân đội Liên hiệp Pháp để bàn việc tập kết chuyển quân và bảo đảm thi hành các điều khoản về không trả thù và phân biệt đối xử với người kháng chiến cũ. Lợi dụng điều khoản cách ly quân đội hai bên trên đường hành quân tập kết, ta đã buộc địch rút khỏi đồn Quảng Cư - cứ điểm đã án ngữ và gây khó khăn cho căn cứ Đá Bàn trong chiến tranh. Chỉ trong hai ngày Nhân dân 2 xã Ninh An và Ninh Thọ đã chuyển toàn bộ vũ khí, quân dụng tại căn cứ Đá Bàn về Bến Quế (Lạc Ninh), bốc lên 5 chiếc thuyền lớn để chuyển đi Quy Nhơn (Bình Định). Cùng chuyến đi có 50 thương, bệnh binh và các cháu thiếu nhi đi tập kết.

Từ ngày 01/8/1954 đến 04/8/1954, Nhân dân các nơi tập nập đổ về căn cứ Đá Bàn để thăm bộ đội, thăm căn cứ. Nhiều gia đình cha mẹ gặp con, vợ gặp chồng, mừng mừng, tủi tủi rồi lại chia tay, hẹn sau hai năm sẽ hội ngộ. Trước khi ra đi, Tỉnh ủy và Tỉnh đội cử một bộ phận vun đắp, làm lại bia mộ các liệt sĩ và đồng bào đã hy sinh tại căn cứ Đá Bàn.

Ngày 22/8/1954 là ngày lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và cũng là lễ chia tay của quân đội với đồng bào, với quê hương để đi tập kết. Tuy không báo tin cho đồng bào Nha Trang và Nam Khánh, nhưng trong ngày này, ùn ùn các loại xe ô tô, xe gắn máy, xe đạp từ các nơi trong tỉnh đổ về căn cứ Đá Bàn. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu và đồng chí Lê Thanh Liêm đã thay mặt Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến hành tỉnh nói chuyện với đồng bào. Buổi lễ xúc động tình quân, dân của chiều hôm ấy để lại trong lòng từng người những tình cảm tin yêu, mến phục của Nhân dân đối với cách mạng, với Bác Hồ kính yêu.

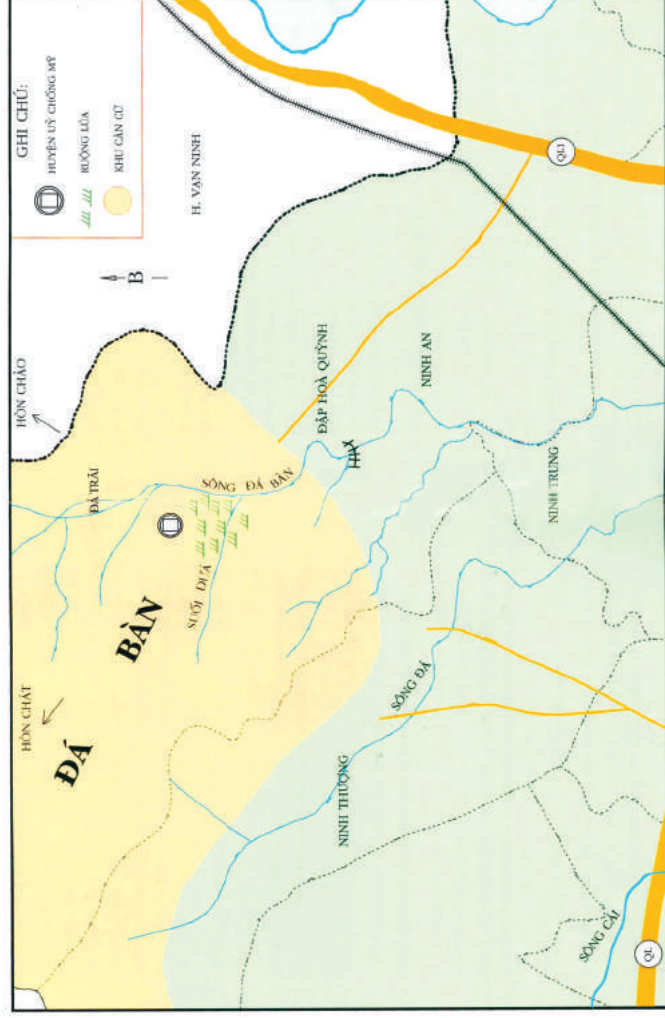
Sau những ngày tập nập, sôi động, nay tại căn cứ im lìm vắng vẻ. Đồng bào còn ở lại và những cán bộ chuyển đi ngậm ngùi xúc động. Bộ phận bí mật ở lại Đá Bàn để coi giữ các kho lương thực do đồng chí Lê Mét đảm nhiệm. Sau này, khi địch dồn dân ở Đá Bàn đi nơi khác, Tỉnh ủy cũng đã bí mật giao cho đồng chí Tôn

Thất Chí (Nguyễn Thiện Chí) và Nguyễn Văn Thành ở Ban Cung cấp tỉnh giấu một số vũ khí ở Dốc Chanh.

Tháng 12/1954, Tỉnh ủy họp ở Suối Cau (Hòn Dữ) đã có chủ trương chuyển cơ quan của Tỉnh ủy từ căn cứ Đá Bàn về căn cứ Đồng Bò nhằm thực hiện nhiệm vụ cách mạng mới. Tháng 5/1955, cơ quan Tỉnh ủy từ Suối Cau, thuộc căn cứ 175D (Bắc Hòn Dữ) và toàn bộ cơ quan của Tỉnh ủy đứng chân ở Đá Bàn chuyển về căn cứ cách mạng Đồng Bò (Nha Trang) kết thúc một hành trình lãnh đạo cách mạng, chuẩn bị cho một thời kỳ cách mạng mới, chuyển từ kháng chiến chống thực dân Pháp sang cuộc đấu tranh gian khổ chống đế quốc Mỹ và tay sai.

Căn cứ cách mạng Đá Bàn ra đời như một tất yếu lịch sử khách quan trong quá trình lãnh đạo và phát triển lực lượng cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa vào những năm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cũng chính tại đây đã từng chôn vùi uy danh một tên tướng cùng một đại đội lính Âu Phi - lính nhà nghề thiện chiến, tinh nhuệ trong đội quân viễn chinh đế quốc Pháp lúc bấy giờ, góp phần rất lớn cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến của Nhân dân, uy hiếp mạnh tinh thần binh lính địch, làm thay đổi cục diện của chiến trường chính Bắc Khánh cho đến khi Hiệp định Geneve tháng 7/1954 được ký kết.

SƠ ĐỒ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN ĐÁ BÀN



Sơ đồ căn cứ kháng chiến Đá Bàn



Tháng 3/1951, cơ quan Tỉnh ủy chuyển từ Hòn Hèo về Đá Bàn



Mít tinh Quốc khánh tại Đá Bàn



Căn cứ Đá Bàn, nơi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ II (tháng 12/1951)



Chia tay đồng bào trước khi tập kết



Bia Di tích lịch sử căn cứ cách mạng Đá Bàn



Hồ Đá Bàn - Nơi trước đây là căn cứ cách mạng Đá Bàn



Bia Di tích căn cứ cách mạng Đá Bàn

5. Căn cứ cách mạng Đồng Bò⁴⁸

Đồng Bò là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm (từ tháng 5/1955 - đầu năm 1959).

Đồng Bò ngày nay là một vùng rừng núi nằm về phía Tây Nam thành phố Nha Trang, với hệ thống những dãy núi cao, hình vòng cung kéo dài theo hướng Tây - Đông tạo nên một bức tường thành kiên cố, vững chắc che chắn hướng Tây - Nam và cách thành phố Nha Trang khoảng 5 km theo đường chim bay. Dãy Đồng Bò có nhiều đỉnh núi cao, rừng rậm, có nhiều vùng gộp đá tạo thành các hang, động, góc ngách, liên hoàn rất hiểm trở. Những đỉnh núi cao như Cù Hin (927 m), hòn Chu Hạ (595m)... rất thuận tiện cho việc quan sát. Các mỏm núi lô nhô cao, thấp phía Đông của Đồng Bò chạy xô ra biển, giống như một con rồng đang uốn khúc vươn dài. Nơi hàm rồng là dãy núi Chặt với khu biệt thự Nghinh Phong, Vọng Nguyệt của dinh Bảo Đại. Sát với Viện Hải dương học là cảng Nha Trang, được bao bọc bởi hệ thống các đảo ven bờ như: Hòn Tre, Hòn Miếu, Hòn Tằm... hình thành hành lang chắn sóng gió, là nơi tránh bão lý tưởng cho tàu thuyền qua lại.

Đồng Bò khi xưa có tên là Hoàng Ngu. Theo Đại Nam nhất thống chí: *“Núi Hoàng Ngu ở cách huyện 6*

48. Dịch gọi là “Mật khu Đá Hang”.

dặm về phía Đông Nam, thế núi cao chót vót, chu vi hơn trăm dặm, cây cối mọc um tùm, phía Bắc sát bãi biển, gần đấy có núi Diệp Sơn". Theo dân gian, tên Đồng Bò xuất phát từ việc Nhân dân trong vùng chăn thả rất nhiều trâu bò sau mùa cày cấy, vì ở đây có nhiều đồng cỏ xanh tốt thuận tiện cho việc chăn nuôi. Đồng Bò có phạm vi phân bố rất rộng, diện tích toàn vùng khoảng 80km², được chia làm 3 khu vực chính: Đồng Bò Hạ (từ Núi Đất xuống Vườn Dừa); Đồng Bò Trung (từ Đồng Bò Hạ đi về hướng Tây Bắc là Đồng Bò Trung, từ núi Đất chạy lên Gò Bông); Đồng Bò Thượng (từ Gò Bông lên giáp chân núi Chín Khúc, núi Hòn Thị).

Ở hướng Đông Nam, Đồng Bò có Hòn Giò, núi Cù Hin nhô ra sát biển liền với Bãi Dài giáp huyện Cam Ranh (nay thuộc Cam Lâm). Ở phía Bắc Đồng Bò là khu rừng sát um tùm, rậm rạp toàn cây Chà là, cây Đước lâu năm rễ bám chằng chịt, cành lớn cành nhỏ đan xen... thêm dòng sông Tắc từ phía Suối Dầu chảy qua cầu Dứa đổ xuống Trường Đông. Ở hướng Tây Bắc là dãy núi Chín Khúc (*tên chữ là Xuân Sơn Cửu Khúc*). Phía Đông núi Chín Khúc giáp với các thôn Thái Thông, Thủy Tú và vùng Đồng Chay; phía Tây dãy Chín Khúc giáp vùng Cây Cây (Suối Hiệp) và Suối Dầu (Diên Khánh); phía Nam giáp với con đường từ

Đồng Bò Thượng đi Suối Dầu (Trảng É, suối Đá Nhảy, nằm ven con đường này); phía Bắc dãy Chín Khúc giáp xã Vĩnh Trung và xã Diên An (Diên Khánh). Đồng Bò nằm cách thành phố Nha Trang một dải rừng sát ở hai bên bờ sông Tắc, có Hòn Rớ đứng phía trước như một gạch nối với các làng cá trù phú Trường Đông, Trường Tây và tạo thành một vị trí tiền tiêu quan trọng.

Trước chiến tranh, hệ động thực vật ở đây vô cùng phong phú đa dạng, hiện nay ở phần núi phía Tây (hướng Suối Lùng) vẫn còn có những cánh rừng nguyên sinh, là môi trường sinh sống thuận lợi của một quần thể động thực vật quý hiếm. Từ những năm 70 của thế kỷ XIX, khi quân xâm lược Pháp đánh chiếm Lục tỉnh Nam kỳ, dưới cờ nghĩa quân Trương Định, Thủ Khoa Huân... Nhân dân đồng lòng nổi lên chống quân cướp nước hết sức kiên cường nhưng không địch nổi đội quân xâm lược nhà nghề; nhiều sĩ phu và đồng bào yêu nước đã không chịu đội trời chung cùng quân cướp nước, rời bỏ quê hương kéo ra các tỉnh miền Trung... Núp dưới vỏ phong trào “*Tị địa*”, những người yêu nước lập nên các *Xứ Đồng Châu*, xây dựng Hội Nam Trung nghĩa sĩ vừa làm ăn sinh sống, tích lũy lương thảo vừa học văn, luyện võ, chờ thời cơ đánh đuổi quân Pháp giành lại độc lập tự do... *Xứ Đồng Châu Khánh Hòa* nằm ven

chân núi Đồng Bò (địa danh Đồng Châu sau đổi thành Đồng Nhon) và xưởng luyện gang đúc súng trên dãy Xuân Sơn Cừ Khúc.

Căn cứ Đồng Bò gồm:

- ***Vườn Dừa Sông Lô***, với những địa danh như: Suối Bãi Sậy, Bàu Sáu, suối Đá Chẹt, bãi Cây Xanh, vườn Dừa... gắn với cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1945-1954. Là nơi đứng chân của các đơn vị bộ đội như: C252, D121, D5 và các cơ quan như: Huyện ủy Vĩnh Xương, Thị ủy Nha Trang, cơ quan tình báo Nha Trang, Trạm quân báo Liên khu 5...

- ***Gộp Mậu Thân năm 1968***, với những địa danh như: Gộp Dốc Gạo, gộp Leo Dây, gộp Dưới, gộp Kinh Tài, gộp Trạm Xá ... là nơi đồn trú của các bộ phận hành chính và quân sự liên huyện thị Vĩnh Xương - Nha Trang trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 -1975).

- ***Gộp Suối Lùng***, cách khu vực gộp Mậu Thân khoảng 10km về phía Tây Nam. Đây chính là căn cứ đầu não của Thị ủy Vĩnh Trang thời kháng chiến, gắn với những địa danh như gộp Thị ủy, gộp Thường vụ, gộp Tuyên giáo, gộp Kinh tài, gộp Trạm xá, gộp C4...

Căn cứ cách mạng Đồng Bò hình thành là kết quả của quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển lực lượng cách mạng, đồng thời phù hợp với tình thế cách mạng

của tỉnh Khánh Hòa sau Hiệp định Geneve năm 1954. Ngay những ngày đầu kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chọn nơi đây là nơi đặt cơ quan đầu não lãnh đạo cách mạng trong toàn tỉnh. Mặc dù trở thành căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời gian không dài (tháng 5/1955 - đầu năm 1959), nhưng vai trò của căn cứ Đồng Bò trong tiến trình phát triển của cách mạng của tỉnh rất to lớn.

Sau Hiệp định Geneve năm 1954, do âm mưu của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm, nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Do vậy, chủ trương của ta lúc này được Bộ Chính trị đưa ra là *chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Geneve năm 1954*, bảo vệ hòa bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Cuộc đấu tranh của Nhân dân miền Nam vừa đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Geneve, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, đòi các quyền tự do dân sinh, dân chủ, vừa chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”, chống trò hề “trưng cầu dân ý”, “bầu cử quốc hội” của Ngô Đình Diệm.

Tại Khánh Hòa, cuối tháng 7/1954, để tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh trước tình hình

mới, Khu ủy 5 đã quyết định thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa do đồng chí Lê Thanh Liêm làm Bí thư, đồng chí Mai Xuân Cống làm Phó Bí thư, đồng chí Đặng Vinh Hàm làm Ủy viên Thường vụ. Từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị, Tỉnh ủy đứng trước nhiều vấn đề mới, phức tạp. Tháng 8/1954, Tỉnh ủy tổ chức phiên họp tại căn cứ Đá Bàn để giải quyết một bước các vấn đề đó. Hội nghị nghe thông báo về các nội dung của Hiệp định Geneve, bàn về vấn đề tập kết chuyển quân, bố trí cán bộ ở lại hoạt động và quyết định một số cán bộ tập kết ra Bắc. Một số cán bộ lãnh đạo vững vàng được tôi luyện và thử thách qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được phân công hình thành bộ máy lãnh đạo và tổ chức lực lượng đấu tranh trong từng huyện, xã.

Tỉnh ủy cũng đã tổ chức học tập, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ ở lại hợp pháp cũng như bất hợp pháp, phải giữ vững đạo đức và phẩm chất của người cộng sản, nếu bị địch bắt thì dù chết cũng không khai báo; phương thức hoạt động cũng phải thật khôn khéo, không được bộc lộ những hành động đấu tranh bất hợp pháp để địch lợi dụng xuyên tạc ảnh hưởng tới việc thi hành Hiệp định Geneve, phải phân biệt rạch ròi giữa công khai và bí mật cả trong việc ăn ở, hoạt

động. Nguyên tắc là cán bộ *hoạt động đơn tuyến*, sau đó cấp trên sẽ liên lạc, không tự động tìm bắt mối với tổ chức, phòng khi địch phản bội thì có khung cán bộ để tập hợp xây dựng lại lực lượng.

Cuộc họp của Tỉnh ủy tại Suối Cau (Hòn Dữ) vào tháng 12/1954, có đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, phái viên Khu ủy tham dự và do đồng chí Lê Thanh Liêm, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị nghiên cứu Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 9/1954 về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng là *đấu tranh chính trị đòi Mỹ - Diệm thi hành nghiêm chỉnh nội dung Hiệp định Geneve*. Hội nghị đề ra một số biện pháp về củng cố tổ chức, tư tưởng nhằm đẩy mạnh đấu tranh trong toàn tỉnh đòi đối phương phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Geneve, Hội nghị quyết định điều chỉnh cán bộ tăng cường cho một số vùng quan trọng, đồng chí Mai Xuân Công, Phó Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp làm Bí thư Thị ủy Nha Trang, chuyển cơ quan của Tỉnh ủy từ Đá Bàn về căn cứ Đồng Bò để tiện chỉ đạo phong trào đấu tranh công khai hợp pháp ở thị xã. Đối với miền núi, Hội nghị Tỉnh ủy vạch rõ, cán bộ phải bám dân, thực hiện phương châm đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp thích hợp với vùng địch quản lý, vận động giải tán các ổ gòum còn lại, tích cực

xây dựng lực lượng cách mạng. Về mặt tư tưởng, Hội nghị đặt mạnh vấn đề giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhiệm vụ mới, chính sách dân tộc của Đảng, nêu cao khí tiết người cộng sản, tinh thần quyết tâm cách mạng, phân đấu hi sinh cho sự nghiệp của Tổ quốc.

Theo Chỉ thị của Ban Thường vụ Liên khu 5, trong số cán bộ trên đường tập kết ra miền Bắc, khi đến Bình Định được chọn một số để bố trí đưa lại tỉnh. Số cán bộ này chia làm 3 đoàn. Đoàn đi bằng đường biển do đồng chí Ngô Đền đi trước xoi đường. Đoàn đi bằng đường núi, lúc đầu có 7 người do đồng chí Nguyễn Thặng làm đoàn trưởng đi trong 3 tháng về đến căn cứ Đá Bàn. Tiếp theo là đoàn cán bộ do đồng chí Trần Nguyên Tích làm trưởng đoàn cũng đi bằng đường núi gồm cán bộ dân, đảng, đặc công, bộ binh, bưu điện, cơ yếu, y tá, mang theo 2 máy vô tuyến điện, tiền Đông Dương và một số súng đạn. Đồng chí Trần Nguyên Tích, nguyên Tỉnh ủy viên, khi về đến tỉnh được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong tháng 5/1955, đã trao đổi xác định những công việc trước mắt phải làm như khẩn trương xây dựng đường dây liên lạc thông suốt từ Liên Khu ủy 5 đến Tỉnh ủy và từ Tỉnh ủy về các địa phương trong tỉnh. Sử dụng cả đường dây bí

mật lần công khai bảo đảm sự chỉ đạo thông suốt của Đảng từ trên xuống và từ dưới lên trong bất cứ tình huống khó khăn nào. Hội nghị cũng đi sâu nêu ra một số biện pháp cụ thể về xây dựng và phát triển cơ sở ở nông thôn đồng bằng, thị xã, vận động đồng bào miền núi, rút kinh nghiệm, uốn nắn những tác phong công tác không giữ đúng nguyên tắc bí mật. Hội nghị cũng bàn thực hiện nhiệm vụ của Khu ủy 5 giao cho tỉnh Khánh Hòa là tổ chức đường dây hợp pháp để đưa cán bộ các tỉnh, Khu 5 ra hợp pháp bằng đường Nha Trang - Đà Lạt - Sài Gòn và ngược lại, vì Khánh Hòa có cơ sở bên trong nên làm tốt vấn đề này.

Sau hội nghị, cơ quan Tỉnh ủy từ Suối Cau thuộc căn cứ 175D (Bắc Hòn Dữ) chuyển về núi Đồng Bò ở phía Tây Nam thị xã Nha Trang⁴⁹, cùng lúc này, các cơ quan của Tỉnh ủy ở Đá Bàn cũng chuyển về Đồng Bò.

Khi mới tới Đồng Bò, cơ quan Tỉnh ủy lúc đầu đóng ở Đồng Bò Thượng, sau chuyển về Đá Chẹt, Đồng Bò Hạ. Bộ phận điện đài cơ yếu đóng cách cơ quan Tỉnh ủy 3 km và được bảo vệ rất cẩn mật. Mọi phương tiện sinh hoạt thiết yếu của cơ quan Tỉnh ủy được các cơ sở ở Vĩnh Nguyên, Vĩnh Trường, Vĩnh Thái, Vĩnh Trung lo tiếp tế khá chu đáo.

49. Trên đường di chuyển cơ quan trong đêm, đồng chí Đặng Vĩnh Hàm bị địch bắn hy sinh.

Tỉnh ủy lúc này có 5 người. Bí thư là đồng chí Lê Thanh Liêm phụ trách chung và theo dõi chỉ đạo phong trào Nha Trang, Vĩnh Xương; Phó Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Mai Xuân Cống (được phân công kiêm Bí thư Thị ủy Nha Trang), cùng với đồng chí Nguyễn Đức Trí, Tỉnh ủy viên (Phó Bí thư Thị ủy Nha Trang) trực tiếp về Nha Trang hoạt động; đồng chí Tô Văn Ôn, Tỉnh ủy viên phụ trách chỉ đạo phong trào Vạn Ninh, Ninh Hòa; đồng chí Trần Nguyên Tích, Ủy viên Thường vụ làm nhiệm vụ Thường trực Tỉnh ủy và phụ trách các ngành Tuyên huấn, Dân vận, Binh vận; đồng chí Việt Thắng (Hà Huy An) làm Chánh văn phòng Tỉnh ủy; đồng chí Phạm Thành Huyền (Ba Huệ) theo dõi công tác tuyên huấn, tổ chức⁵⁰; đồng chí Giang Nam theo dõi các đài, nhất là Đài Tiếng nói Việt Nam soạn thành bản tin gửi các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện, thị xã. Sau Hội nghị Tỉnh ủy, cán bộ lãnh đạo các huyện, thị xã cũng được sắp xếp ổn định.

Từ Đồng Bò, Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị trên toàn tỉnh mà trọng điểm là ở Nha Trang - Vĩnh Xương và Diên Khánh, tổ chức quần chúng chuyển hướng từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị, đòi địch phải nghiêm chỉnh thi hành

50. Sau năm 1958, Thường vụ Tỉnh ủy điều về làm Bí thư Huyện ủy Khánh Sơn.

Hiệp định Geneve, chống địch khủng bố những người kháng chiến cũ. Mặt khác, chăm lo xây dựng cơ sở nội thị để bám dân lãnh đạo các cuộc đấu tranh.

Đầu tháng 6/1955, Tỉnh ủy họp Hội nghị mở rộng tại căn cứ Đồng Bò, xác định chủ trương của Đảng lúc này là đấu tranh chính trị, phải lợi dụng mọi khả năng công khai hợp pháp, đẩy mạnh cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Geneve, chống địch khủng bố “tổ cộng”, đồng thời chăm lo xây dựng căn cứ miền núi làm chỗ dựa cho phong trào cách mạng trong tỉnh. Hội nghị đánh giá cao tinh thần đồng bào Đại Điền Nam, đã kiên quyết đấu tranh đưa ra ánh sáng vụ địch giết hại anh Trần Thầm, nguyên là cán bộ kháng chiến cũ vào tháng 02/1955, có Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát Hiệp định ngừng bắn từ Nha Trang lên tận nơi điều tra, lập biên bản bắt phải bồi thường nhân mạng. Kết quả sau đó, những tên đầu sỏ âm mưu giết anh Trần Thầm bị tù và những người còn bị giam giữ ở tại xã được thả. Song, tình hình chung là địch rất lộng hành, bắn giết bừa bãi, bắt cóc nhiều đồng chí ta, thủ tiêu bằng cách bỏ bao bố thả sông.

Ngày 20/7/1955, là thời điểm hai miền phải hiệp thương để đến ngày 20/7/1956 sẽ tổ chức Tổng tuyển cử tự do trong cả nước thống nhất nước nhà. Tỉnh ủy

đã phát động một đợt đấu tranh trong toàn tỉnh, nhất là ở Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh. Truyền đơn được tung ra ở nhiều nơi trong thị xã Nha Trang với nội dung đòi nhà cầm quyền miền Nam phải đáp ứng Công hàm của Chính phủ ta, tổ chức hiệp thương giữa hai miền, nhưng địch chẳng những không đáp ứng mà còn ra sức phá hoại, hô hào “Bắc tiến”, “lấp sông Bến Hải”. Cuộc đấu tranh đã gây được ảnh hưởng và lòng tin tưởng cách mạng trong Nhân dân.

Tiếp đó, Tỉnh ủy phát động đợt đấu tranh phá cuộc “trung cầu dân ý” ngày 23/10/1955 của địch, âm mưu phé truất “Quốc trưởng Bảo Đại” - tay sai của Pháp, đưa Ngô Đình Diệm - tay sai của Mỹ lên làm Tổng thống. Đồng bào ở nhiều địa phương trong tỉnh đã dùng những lý lẽ khôn khéo, vạch trần bộ mặt phản dân, hại nước của Ngô Đình Diệm. Ngày 23/11/1955, Nhân dân huyện Diên Khánh lợi dụng mâu thuẫn Pháp, Mỹ đã kéo đến dinh tỉnh trưởng, đòi bắt giam tên Hoàng Phúc Hải (tỉnh trưởng trong thời kỳ Pháp xâm lược) có nhiều nợ máu với Nhân dân để trị tội.

Cũng trong thời gian này, được sự tổ chức và hướng dẫn của Thị ủy Nha Trang, một số cán bộ sống hợp pháp và nhân sĩ, trí thức cho ra tờ báo “Gió Mới” để cổ động phong trào đấu tranh đòi hòa bình, thực hiện Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Các đồng chí Mai

Xuân Cống, Giang Nam được phân công bí mật chỉ đạo và tham gia viết bài. Báo ra hàng tháng, khổ 24x30, dày 32 trang, in mỗi kỳ 5000 tờ, trong đó 1000 tờ giữ lại phát ở Khánh Hòa, còn lại gửi cho tổng phát hành “Nam Cường” ở Sài Gòn⁵¹.

Về phía địch, Mỹ - Diệm ngày càng hung hăng lấn tới, chúng hô hào chiêu bài “đả Thực”, “bài Phong” và “diệt Cộng” mà mục đích chính là hất cẳng thực dân Pháp, phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Từ nửa cuối năm 1955, bọn phe cánh của Ngô Đình Diệm thắng thế nắm được trọn quyền hành ở Khánh Hòa, chúng tổ chức các đoàn “Hành chính lưu động” đi về thôn, xã xây dựng và củng cố nguy quyền, thực hiện các chiến dịch “tổ Cộng”, “diệt Cộng”. Âm mưu và thủ đoạn của địch ngày càng ác liệt và thâm độc, nhất là khi chúng thực hiện “chiến dịch tổ Cộng” giai đoạn 1 (5/1955 - 6/1956).

Đây là giai đoạn cách mạng có nhiều thử thách to lớn, từ thế chủ động chuyển sang thế hoàn toàn bị động, trong khi kẻ thù thực hiện một loạt chính sách và biện pháp kìm kẹp trả thù rất thâm độc, tàn bạo nên không tránh khỏi bất ngờ, thậm chí còn bị sơ hở, sai lầm dẫn đến tổn thất.

51. Báo ra được 12 số, bắt đầu từ tháng 5/1955 đến tháng 12/1956 thì bị Nguyễn quyền đình bản. Những người làm báo và giúp tài chính bị bắt giam.

Đầu năm 1956, đồng chí Trần Lê, Bí thư Liên tỉnh 3⁵² đi công tác tại Khánh Hòa đã đến căn cứ Đồng Bò. Đồng chí cho những ý kiến cần thiết tích cực phát động và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống âm mưu “bầu cử Quốc hội” riêng rẽ của Mỹ - Diệm (diễn ra vào tháng 3/1956). Tiếp đó, Tỉnh ủy đã mở lớp chính huấn cho cán bộ đồng bằng tại Lỗ Mây (Khánh Sơn) do đồng chí Trần Nguyên Tích phụ trách, Thị ủy Nha Trang đã bố trí một cuộc họp tại Hòn Tre. Công việc đang dở dang thì đồng chí Mai Xuân Cống, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Bí thư Thị ủy Nha Trang bị bắt. Số cơ sở cách mạng, phần bị bắt, phần dạt đi nơi khác né tránh nên công việc chính huấn buộc phải dừng lại.

Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lại được triệu tập tại núi Cù Hin (Đồng Bò Hạ) trong 3 ngày (từ ngày 25 - 27/02/1956). Đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy về dự Hội nghị. Hội nghị đã đi sâu kiểm điểm tình hình các mặt, đề ra nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị, tập trung vạch mặt trò hề bầu cử quốc hội riêng rẽ của Mỹ - Diệm, đấu tranh đòi Hiệp thương giữa hai miền, tiến tới thực hiện Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, kết hợp đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống khủng bố trả thù người kháng chiến cũ. Tuy

52. Gồm 5 tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên (Tuyên Đức), Đồng Nai Thượng (Lâm Đồng).

địch đàn áp khủng bố gay gắt, các cuộc đấu tranh chính trị của Nhân dân dưới hình thức công khai vẫn liên tiếp diễn ra ở hầu hết các nơi, số cán bộ nòng cốt của Đảng vẫn được bảo vệ và tích cực hoạt động.

Hội nghị đặt mạnh vấn đề giữ gìn lực lượng cách mạng, tăng cường giáo dục phẩm chất và đạo đức cách mạng, nêu cao khí tiết của người cộng sản và bầu bổ sung đồng chí Lê Tụng (Ba Sơn) vào Tỉnh ủy.

Trong khi đó, địch ra sức khủng bố hòng dập tắt phong trào đấu tranh của Nhân dân, cố phá hoại Hiệp định Geneve. Quân chúng có sự nao núng, sự đi lại của cán bộ hợp pháp ngày càng bị hạn chế. Tuy vậy, với sự tin tưởng ở đường lối của Đảng, những cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ tiếp tục nổ ra. Nhiều cuộc học tập “tổ Cộng” của địch ở thôn xóm, khối phố bị quần chúng nhân dân biến thành nơi chất vấn, tố khổ. Bọn tay sai Diệm không điều khiển được, không trả lời được, phải tuyên bố giải tán, rồi sau đó tìm cách khủng bố.

Những cuộc đấu tranh lớn, có đông đảo quần chúng tham gia bị hạn chế, nhưng những cuộc đấu tranh của từng nhóm nhỏ từ 20 - 30 người đòi được đi làm ăn, không được khủng bố, bắt bớ vẫn diễn ra liên tiếp. Phong trào lắng vào chiều sâu, tận dụng khả năng công khai, hợp pháp để trao đổi, bàn tán, lên án chỉ trích,

vạch mặt từng tên tay sai tàn ác và động viên nhau đoàn kết, chiến đấu, giữ gìn tính mạng, tài sản, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn.

Mặc dù ở đồng bằng và khu vực đô thị ta gặp khó khăn nhưng phong trào ở miền núi phát triển tốt. Nhiều cán bộ đã hoạt động ở miền núi đều được bố trí ở lại bám địa bàn, bám dân hoạt động giữ vững vùng căn cứ. Cán bộ đã tuyên truyền, giải thích cho Nhân dân về chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ, ý nghĩa của Hiệp định Geneve... hướng dẫn Nhân dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, đòi được đi lại tự do, tạo thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa giữa các vùng, nhằm cải thiện đời sống dân sinh; vạch trần âm mưu của địch, hướng dẫn cho quần chúng thấy được đế quốc Mỹ là bọn cướp nước, Ngô Đình Diệm là tay sai của Mỹ... Một nhiệm vụ nữa là vận động Nhân dân xóa bỏ các ổ goum còn lại ở các huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh.

Giữa năm 1958, Liên Khu ủy khu 5 đề ra chủ trương: Khôi phục, củng cố và phát triển cơ sở, phục hồi cao uy thế của phong trào ở đồng bằng, đồng thời xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng, chuẩn bị lực lượng đầy đủ, khi có đủ điều kiện đứng lên giải phóng đất nước. Thực hiện chủ trương đó, tại Khánh Hòa, lấy 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh xây dựng

căn cứ cách mạng. Việc xây dựng căn cứ gặp không ít khó khăn. Ngay từ đầu năm 1956, địch đã lên hoạt động ở miền núi, chủ yếu bằng gián điệp, biệt kích với thủ đoạn tuyên truyền, xuyên tạc, nói xấu cách mạng, dùng vật chất mua chuộc Nhân dân, xúi người ra làm xã trưởng, liên gia. Đồng bào được ta lãnh đạo đã khéo léo đấu tranh buộc địch phải chấp nhận những người do dân cử ra để làm đại diện. Những người này đều do cán bộ ta trực tiếp hoặc thông qua quần chúng trung kiên để chọn. Kết quả là địch chỉ lập được tề ở vùng ven, không lập được ở vùng giữa và vùng cao. Địch ra sức dồn còn ta quyết tâm giữ. Đảng lãnh đạo giáo dục đồng bào miền núi kiên quyết không để địch tập trung vào các khu đồn với khẩu hiệu “một tấc không đi, một ly không dời”. Đồng bào các thôn, xã Hòn Dù, A Xây, Suốt Cát, Cà Thiêu, Tà Gộc thuộc huyện Khánh Vĩnh; Ba Cùm, Tô Hạp thuộc huyện Khánh Sơn đã đấu tranh kiên cường, mà nòng cốt là các đồng chí đảng viên được cử ở lại hoạt động hợp pháp. Một số vùng giữa và vùng cao như Gia Răng, Cho Lo, Suối Dầu, địch không làm gì được, các trạm liên lạc vẫn hoạt động bình thường, hành lang giao thông thông suốt. Ở các khu địch đã dồn được dân, cán bộ ta thông qua số cơ sở nắm tình hình cụ thể, tổ chức một tổ vũ trang tuyên

truyền có vũ khí thô sơ đột nhập vào các ấp, nói chuyện với đồng bào và dần dần móc nối xây dựng cơ sở đấu tranh với địch.

Một nhiệm vụ rất quan trọng để củng cố căn cứ địa cách mạng ở vùng núi Khánh Hòa lúc này là thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy về việc vận động Nhân dân, giải tán các ổ goum. Theo chủ trương của Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng huyện Khánh Vĩnh thực hiện chính sách nhân đạo cách mạng, kêu gọi Ma Đại, Ma Tui⁵³ ra gặp chính quyền cách mạng, dùng lời lẽ phải trái thiệt hơn, đấu tranh thuyết phục, cảm hóa rồi đưa họ về làng. Đồng bào buôn làng nằng nặc bắt Ma Đại, Ma Tui phải đền nợ máu. Nhưng Ban cán sự đảng đã khéo léo giải thích cho quần chúng chính sách khoan hồng của Chính phủ Cụ Hồ, chủ trương phát động quần chúng căm thù địch hơn nữa, đồng thời tha tội chết cho Ma Đại, Ma Tui. Về sau Ma Đại bị ốm chết, còn Ma Tui hồi cải, nghe lời chỉ dẫn của Đảng, hăng hái sản xuất, công tác giúp đỡ bà con làng xóm.

Việc xét xử khoan hồng đối với Ma Đại, Ma Tui có ảnh hưởng lớn trong đồng bào dân tộc khắp vùng, tác

53. Tổng Ma Đại và cháu là Ma Tui là những tên cầm đầu các ổ goum và lực lượng vũ trang ở cứ điểm Cẩm Sơn. Sau khi cứ điểm này bị bộ đội ta tiêu diệt, Ma Đại và Ma Tui về lẩn trốn ở vùng Hòn Dũ. Tổng Ma Đại và Ma Tui đã từng gây nhiều tội ác với dân làng, cướp đi nhiều của quý như mã la, nôi đồng, chum ché. Đồng bào rất căm thù, nhưng cũng rất sợ chúng.

động mạnh đến một số tên cầm đầu các gòum, như ở quẩn Sóc một tên trong gòum Ba Cẩng đã ra đầu hàng cách mạng; phía Du Oai, Gia Huynh có Tổng Ma Thia... các đầu lớn gòum được ta thuyết phục cũng lần lượt bỏ súng trở về buôn làng cũ làm ăn. Ở Kờ-ra-nóa (Khánh Sơn) có Tổng Ma Lee, Là Cun ra gặp cốt cán và cán bộ ta ăn thề hứa không chống đối cách mạng, lo làm ăn lương thiện. Phần lớn những người cầm đầu các gòum đều nhận rõ sai lầm của mình, ai nấy đều hứa là không nghe theo người Tây, người Mỹ, không “ăn lời” bọn làm phản, hứa trung thành với cách mạng, với Chính phủ Cụ Hồ. Từ đó, vùng căn cứ được mở rộng đến tất cả các vùng mà trước đây ta chưa đến, hoặc đến rồi nhưng buộc phải lui về như vùng Du Oai Đại, Chà Liên, Gia Huynh, Gia Lục, Gia Rích, Bồ Lang, Cần Đại, Đá Bi, Ea Tar, Đưng Ninh, Ba Cẩng, Chư Tôn... Toàn bộ miền núi Khánh Hòa, lúc đó ta nắm trọn vẹn; cán bộ ta đi đến đâu cũng được dân kính trọng, yêu mến.

Trong các cuộc họp mặt giữa đoàn cán bộ lãnh đạo với đồng bào các vùng cao, thái độ đúng đắn của cán bộ ta, không lấy quà biếu, không cho mỗ heo “mừng mặt” đã để lại ấn tượng tốt, không chỉ đối với các đầu lớn, già làng, mà còn đối với đông đảo đồng bào các dân tộc, những quần chúng cơ bản của cách mạng. Mỗi

liên hệ tình cảm giữa cán bộ và đồng bào ngày càng củng cố gắn bó. Từ đó mọi sự hướng dẫn của cán bộ, đồng bào đều làm theo như trong sản xuất, đoàn kết dân tộc, học văn hóa, phòng chữa bệnh, chống các luận điệu xuyên tạc nói xấu cách mạng của địch.

Để che mắt bọn địch, những cán bộ người Kinh hoạt động ở miền núi thực hiện quần chúng hóa triệt để, mang tên dân tộc, thực hiện ba cùng: Cùng ăn, cùng ở, cùng lao động; một số đồng chí học và nói thạo tiếng Êđê, Raglai tạo được thuận lợi lớn để vận động đồng bào các dân tộc. Cán bộ ta dạy con em đồng bào các dân tộc học chữ, ốm đau khám chữa bệnh bằng thuốc, tổ chức sinh hoạt thôn xóm, hướng dẫn thanh niên học chính trị, học văn hóa, tuyên truyền giáo dục giác ngộ quần chúng.

Sau Hiệp định Geneve năm 1954 không bao lâu, ta đã làm chủ toàn bộ miền Tây Khánh Hòa. Tại đây, cán bộ cách mạng đi đến đâu cũng được dân tin yêu. Ta có điều kiện xây dựng thực lực đều khắp, làm cơ sở chuẩn bị hình thành các chi bộ đảng và lực lượng cốt cán cắm sâu vào các buôn làng. Đây là một thành công lớn của công tác dân vận ở thượng du. Trước đây, để xóa bỏ các ổ goum, ổn định vùng căn cứ, ta có lúc đã dùng các biện pháp quân sự, nhưng không mấy thành công.

Nhưng nay do vận dụng chính sách dân tộc của Đảng một cách đúng đắn và có phương pháp, bằng uy thế của cách mạng và kiên trì vận động, ta đã thuyết phục được các già làng, đầu lớn, từ đó đi sâu vận động Nhân dân lao động, tiến tới xóa bỏ tận gốc các ổ goum đã từng làm mất ổn định vùng căn cứ ta nhiều năm trong kháng chiến chống Pháp.

Từ giữa năm 1956, sau khi ổn định một bước tình hình ở đồng bằng, Mỹ-Diệm chuyển một phần lực lượng lên đánh phá phong trào miền núi. Chủ yếu bằng biệt kích, gián điệp tuyên truyền xuyên tạc, dùng thuốc men, bơ sữa, quần áo và các phương tiện khác để mua chuộc Nhân dân. Địch bắt mối với các tổng, xã cũ, dùng thủ đoạn mua chuộc bắt ép họ làm tổng, xã trưởng, đại biểu, liên gia. Ta rút kinh nghiệm chống lập tề và chống lãnh cạt trong thời kỳ chống Pháp để có đôi sách thích hợp đối với từng vùng. Đối với vùng thấp, nơi địch nắm được thế áp đảo, ta vận động quần chúng đấu tranh buộc địch phải chấp nhận những người trung kiên do ta chọn, đứng ra làm đại diện. Còn ở vùng giữa và vùng cao, ta lãnh đạo Nhân dân đấu tranh kéo dài không cho chúng lập tề, nhưng lúc cần thiết, để giữ thế hợp pháp, ta chọn đảng viên, cốt cán ra làm chánh tổng, xã trưởng. Thông qua số đại diện ở vùng thấp

do ta nắm, đồng bào vùng cao và vùng giữa có thể lên xuống liên hệ giao dịch mua bán muối, vải và các hàng hóa thiết yếu khác.

Do ta không sử dụng vũ khí nên bọn địch hoạt động hết sức nhênh ngang. Một số cán bộ chủ chốt của ta được phát súng để tự vệ, với yêu cầu: Trường hợp bức thiết lắm mới được bắn, thực tế là không được bắn, vì sợ vi phạm Hiệp định. Đối với Ngô Đình Diệm, lúc đầu Nhân dân còn mơ hồ. Một số tầng lớp trên, đông đảo người di cư theo đạo Thiên Chúa còn hiểu lầm Ngô Đình Diệm qua cái áo “chí sĩ” của hắn. Nhưng từ tháng 7/1956, khi Mỹ - Diệm từ chối hiệp thương, hô hào “Bắc tiến” và liên tiếp mở những chiến dịch “tố Cộng”, “diệt Cộng” thì bộ mặt phản động của chúng bị lộ trần trước dư luận.

Ngày 20/7/1956 đã qua, nhưng do đế quốc Mỹ phá hoại nên không có hiệp thương giữa hai miền, không có tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Mỹ - Diệm tổ chức các chiến dịch tuyên truyền xuyên tạc rằng “Hiệp định Geneve đã bị xóa bỏ, cộng sản đã vĩnh viễn chia cắt Việt Nam”... Các nhóm tay sai Mỹ đã bị đánh đổ trong Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, bọn phản động dồn từ miền Bắc vào, bọn đầu hàng phản bội có cơ hội ngóc đầu dậy phục thù.

Các lực lượng cách mạng chỉ thực hiện *đấu tranh chính trị đơn thuần*, Hiệp định Geneve đã bị Mỹ - Diệm xé bỏ, nhưng ta chưa có đối sách thích hợp, chưa có sự thay đổi trong đường lối và phương pháp đấu tranh, nên chúng ra sức lộng hành đàn áp cán bộ cách mạng trắng trợn. Từ năm 1957 đến năm 1959, Mỹ - Diệm thực hiện “quốc sách tổ Cộng” với quy mô lớn và ác liệt hơn các năm trước. Mũi nhọn của giai đoạn này là chĩa vào toàn thể Nhân dân yêu nước, đồng thời tiêu diệt các tổ chức của Đảng và cán bộ hoạt động bí mật.

Nhiều chi bộ được duy trì trong các đợt tổ cộng trước, thì sau ngày 20/7/1956 bị bể vỡ. Những nơi có phong trào khá như Ninh An, Ninh Thọ, huyện Ninh Hòa, vùng Tứ thôn Đại Điền, huyện Diên Khánh bị địch lùng sục, uy hiếp, phong trào xuống hẳn. Một số xã ở huyện Vĩnh Xương còn cơ sở hoạt động chủ yếu lo tiếp tế cho vùng căn cứ Đồng Bò.

Tình hình hết sức khó khăn, cán bộ đồng bằng không nắm được dân, bị dồn ép lên núi. Sau khi đi họp ở Khu về, đồng chí Năm Hòa (Trần Lê), Khu ủy viên, Bí thư Liên Tỉnh ủy 3, phổ biến chủ trương đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Đó là một sự chuyển hướng quan trọng trong tình hình quần chúng bị địch khủng bố, cướp bóc nặng nề. Nhưng do tình hình khó khăn,

các cơ sở bị bể vỡ, cho nên cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ chỉ diễn ra bằng hình thức đấu tranh hợp pháp lễ tẻ, có tính tự phát của quần chúng nhiều hơn là được sự lãnh đạo trực tiếp.

Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng cuối năm 1957 tại suối A Thi, thôn Suối Giá, xã Ba Cùm (Khánh Sơn) do đồng chí Trần Lê - Khu ủy viên Khu 5 trực tiếp triệu tập và tham dự, đã thảo luận và bàn biện pháp thực hiện chủ trương này.

Hội nghị Tỉnh ủy kiến nghị với cấp trên là trong tình hình trước mắt, nếu ở đồng bằng khó khăn thì tạm thời rút hết cán bộ bất hợp pháp lên núi, lo tổ chức sinh sống, chuẩn bị lực lượng xây dựng căn cứ, khi có điều kiện sẽ phát triển xuống đồng bằng. Những ý kiến tuy chưa xuất phát từ đường lối phương châm thật rõ ràng, đầy đủ, nhưng hoàn toàn hợp lý đã không được chấp nhận. Đứng trước tình hình ấy, Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng trong tỉnh biểu thị tính Đảng rất cao, tuy không thông suốt chủ trương, nhưng vẫn thi hành một cách nghiêm chỉnh. Trong đợt đầu đi ra hợp pháp có các đồng chí Lê Thanh Liêm, Bí thư Tỉnh ủy, Lê Hình, Nguyễn Quý Hanh, Giang Nam, Nguyễn Thặng, Nguyễn Lương... Đồng thời, một số các đồng chí ở các tỉnh khác được điều đến thay thế, chuẩn bị ra sống và

hoạt động hợp pháp tại đây. Đồng chí Lê Văn Hiền, Phó Bí thư Liên tỉnh 3, kiêm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận được điều ra thay đồng chí Lê Thanh Liêm làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Tỉnh ủy phân công bộ phận chuẩn bị chu đáo cho anh em có giấy tờ hợp pháp. Từng đồng chí chụp ảnh, làm căn cước giả, có quần áo cải trang thích hợp với hoàn cảnh từng người lúc ra đi và được cấp một số tiền để ra sống hợp pháp. Một thời gian sau, Khu ủy có chủ trương gọi các đồng chí ra hợp pháp trở về căn cứ. Nhưng phải đến gần hai năm sau các đồng chí mới lần lượt trở về, không ít anh em bị địch bắt, giam cầm hoặc thủ tiêu.

Trong một báo cáo của Khu 5 gửi Trung ương có đoạn viết: “Chủ trương này thất bại về căn bản vì hầu hết cán bộ đều lộ mặt không chuyển ra sống hợp pháp được, một số kiên quyết chuyển ra sống hợp pháp (gồm cán bộ từ Khu đến đảng viên thường) thì hoặc bị bắt, hoặc buộc phải chạy vào bất hợp pháp trở lại, hoặc chỉ loay hoay tạo thế sống hợp pháp, không công tác được”. Thực tiễn cho thấy, chủ trương chuyển một bộ phận cán bộ thoát ly ra sống hợp pháp lúc này không đem lại một tác dụng tích cực nào. Một số ít cơ sở còn lại ở thôn xã, sau khi đồng chí lãnh đạo mới đến không nắm được nên cơ sở ở đó không còn tác dụng.

Có huyện đồng bằng lâm vào tình trạng trắng cơ sở (Diên Khánh, Cam Ranh). Phong trào miền núi cũng gặp không ít khó khăn, nhất là khi địch tập trung thành lập “khu dinh điền”, “khu trừ mật” và đẩy mạnh thực hiện chính sách mị dân.

Nhìn chung, tình hình trong những năm 1957 - 1959 là căng thẳng nhất, đây cũng là những năm ta tổn thất nhiều cán bộ nhất. Đây là thời kỳ cán bộ, đảng viên và Nhân dân day dứt vô cùng. Đặc biệt là cuối năm 1958, đầu năm 1959, trên toàn miền Nam địch gần như đã củng cố xong bộ máy chính quyền, chấn chỉnh được quân đội và đẩy mạnh chiến dịch chống phá cách mạng. Địch xé bỏ Hiệp định Geneve, không chịu hiệp thương tổng tuyển cử. Chúng thi hành chính sách phát xít cực kỳ tàn bạo, nhằm tiêu diệt Đảng ta, tiêu diệt phong trào cách mạng, chà đi xát lại hết sức dã man. Toàn tỉnh Khánh Hòa sau chuyển quân tập kết, ta bố trí lại khoảng 500 cán bộ thoát ly, nhưng đến năm 1959 đã bị địch sát hại trên 350 người, trong đó có 30 đồng chí cấp ủy viên huyện ủy, Tỉnh ủy⁵⁴. Tháng 3/1959, Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Tháng 5/1959, Diệm ra Luật 10/59, thiết lập 3 tòa án quân sự

54. Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Nha Trang: *Chiến khu Đồng Bò*, Nha Trang 3/2000, tr.106.

đặc biệt, công khai chém giết đồng bào ta⁵⁵. Thực tế tình hình như vậy, nhưng ta lại “nhấn mạnh quá nhiều về đấu tranh chính trị đơn thuần, nhấn mạnh biện pháp đấu tranh bằng tổng tuyển cử tự do, cho rằng đấu tranh bằng phương pháp hòa bình là duy nhất đúng”. Tư tưởng đảng viên diễn biến phức tạp, nhiều đồng chí không tin ở khả năng đấu tranh chính trị đơn thuần. Thực tiễn đó đặt ra với lãnh đạo phải xem xét lại đường lối và phương pháp đấu tranh.

Vào cuối năm 1957, đồng chí Lê Văn Hiến vào Sài Gòn để liên lạc nắm tình hình của số đồng chí hoạt động hợp pháp, đồng chí liên hệ với Liên Tỉnh ủy miền Đông (Nam bộ), tiếp thu được bản “Đề cương về đường lối cách mạng miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn thảo, trong lúc đồng chí còn công tác ở Nam bộ. Bản tư liệu quan trọng đó xác định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là phải đánh đổ chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm và đánh đổ bằng con đường bạo lực cách mạng.

Mặc dù chưa được sáng rõ lắm, nhưng mạch tư tưởng chỉ đạo và suy nghĩ của các đồng chí có trách nhiệm như đã bắt gặp được một sức sống mới. Tháng 3/1958, Khu ủy 5 điện cho Liên tỉnh 3 với nội dung:

55. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ tám)*, tập III, nxb Giáo dục-2005, tr.164.

“Tình hình hiện nay có hai khả năng: Hòa bình và chiến tranh. Ta phải ra sức tranh thủ khả năng thứ nhất, đồng thời chuẩn bị cho khả năng thứ hai, cụ thể là lo xây dựng căn cứ, có tự vệ vũ trang, có biện pháp đối phó với bọn ngoan cố”. Mùa thu năm 1958, Khu ủy ra nghị quyết về xây dựng căn cứ địa miền núi bao gồm miền Tây các tỉnh đồng bằng, Tây Nguyên và bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang với nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ. Rút kinh nghiệm các tỉnh ở Nam bộ, cuối năm 1958, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã đề ra chủ trương xây dựng thí điểm đội vũ trang diệt ác của tỉnh, chuẩn bị cho bước phát triển mới của phong trào vũ trang - chính trị.

Chấp hành sự chỉ đạo của Khu ủy, của Liên tỉnh và dựa theo tinh thần bản “Đề cương về đường lối cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn, Tỉnh ủy chủ trương lo xây dựng và củng cố căn cứ, lực lượng tự vệ vũ trang, đẩy mạnh công tác vận động đồng bào miền núi, tiến tới phá các khu tập trung. Đồng thời, ở đồng bằng ta cũng có những biện pháp hoạt động mạnh hơn.

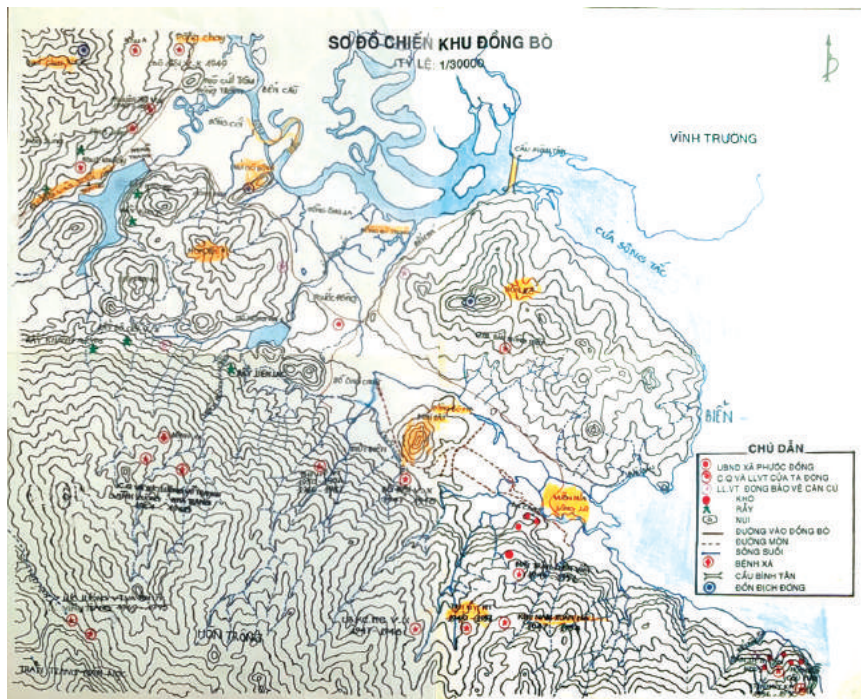
Tỉnh ủy tập trung một số cán bộ đặc công trước đây hình thành hai tổ vũ trang: Một tổ ở phía Nam do đồng chí Huỳnh Văn Chiêu làm tổ trưởng; một tổ ở phía Bắc do đồng chí Nguyễn Tấn Sang (tức Cả) làm tổ trưởng, mục tiêu là diệt ác ôn, khơi dậy tinh thần cách mạng

trong Nhân dân. Cùng lúc đó, cơ quan Tỉnh ủy đã dời từ Đồng Bò về Xóm Cỏ (Khánh Sơn) từ đầu năm 1959, lúc này Đồng Bò là nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo Đảng thị xã Nha Trang và huyện Vĩnh Xương.

Có thể thấy rằng, trong cuộc kháng chiến quốc Mỹ xâm lược và tay sai (1954 - 1975), Đồng Bò cùng với vùng núi Ba Cùm, Tô Hạp, Xóm Cỏ (Khánh Sơn); Hòn Dũ (Khánh Vĩnh); Đá Bàn, Hòn Hèo (Ninh Hòa); Hòn Chuông, Hòn Dữ (Diên Khánh); Hóc Chim (Vạn Ninh)... tạo thành một thể liên hoàn chiến lược về căn cứ cách mạng trong tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Khánh Hòa, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy. Đồng Bò rất gần với cơ quan đầu não của địch đóng ở Nha Trang nên có những đặc điểm rất riêng, tính chất gian khổ, ác liệt có phần gay gắt, cuộc sống của bộ đội, của lãnh đạo tỉnh ở căn cứ Đồng Bò vô cùng gian khổ, ngoài việc lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh thường xuyên thiếu thốn... cán bộ, chiến sĩ ở đây còn phải chịu đựng những trận càn quét của địch cùng với các loại bom pháo, hóa chất với khối lượng rất lớn.

Trong gần 4 năm cơ quan Tỉnh ủy đứng chân (tháng 5/1955 - đầu năm 1959), căn cứ Đồng Bò đã phát huy vai trò lịch sử của mình, như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã viết trong tác phẩm *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta* đó là “*Những vùng giải phóng*

xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về chính trị, kinh tế, văn hóa, lấy đó làm nơi xuất phát để mở rộng dần ra, cuối cùng tiến lên đánh bại kẻ thù lớn mạnh, giải phóng hoàn toàn đất nước”. Căn cứ Đồng Bò cũng không ngoài những quy luật về hậu phương, căn cứ còn có đặc thù riêng gắn liền với hoàn cảnh địa lý, lịch sử, đặc điểm, tính chất chiến trường, gắn liền với vị trí, nhiệm vụ của các cơ quan lãnh đạo Đảng, cơ quan quân sự của tỉnh ở Nha Trang - Khánh Hòa trong thời kỳ đấu tranh chính trị, đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp Geneve năm 1954.



Sơ đồ căn cứ Đồng Bò



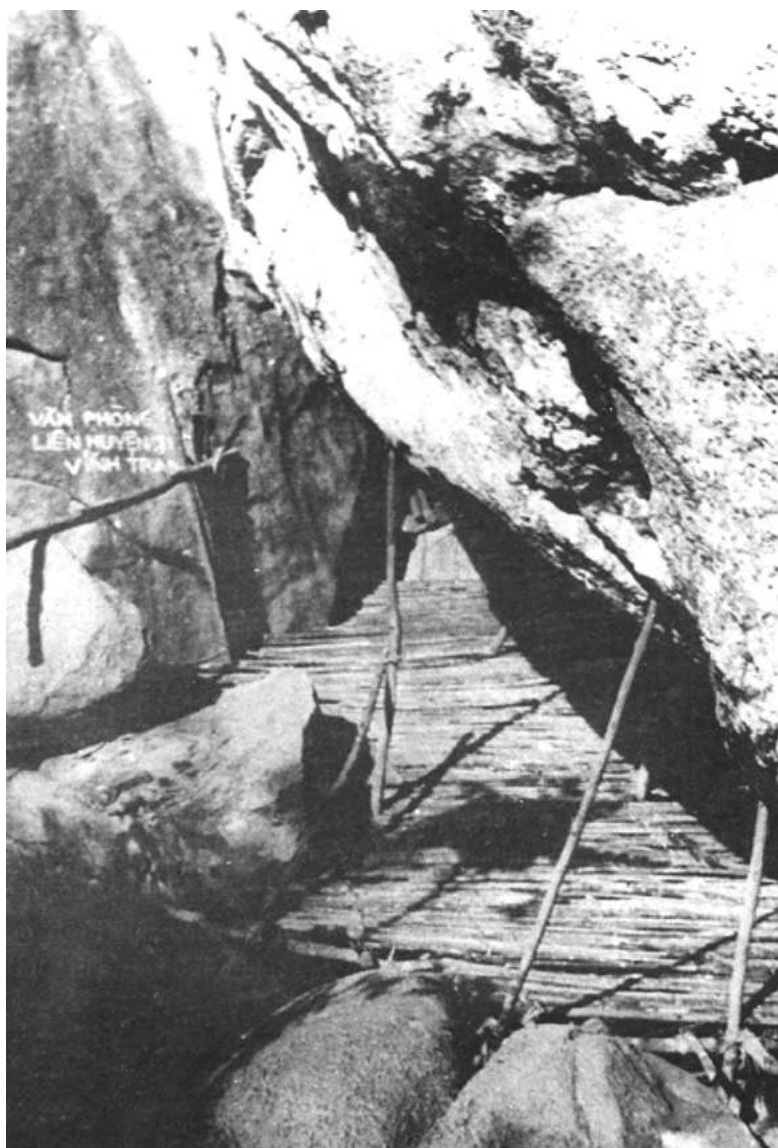
Căn cứ Đồng Bò



Các chiến sĩ trên căn cứ Đồng Bò trước lúc tham gia
chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968



Cán bộ, chiến sĩ tại Đồng Bò trước chiến dịch
Xuân Mậu Thân 1968



Gộp đá, nơi đặt Văn phòng Liên huyện ủy Vĩnh Trang
tại Đồng Bò



Cảnh sinh hoạt của bộ đội ở Đồng Bò



Khu vực Đồng Bò ngày nay



Hoạt động ngoại khóa của nhóm STEAM Nha Trang và học sinh Trường Tiểu học Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang tại căn cứ cách mạng Đồng Bò



Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Ngô Văn Ban (áo kẻ ngang) trong một lần thăm căn cứ cách mạng Đồng Bò



Người dân TP. Nha Trang thăm căn cứ cách mạng Đồng Bò

6. Căn cứ cách mạng Tô Hạp

Tô Hạp là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm (1959 - 1961).

Căn cứ cách mạng Tô Hạp nằm trong vùng rừng núi rộng lớn, dọc theo lưu vực sông Tô Hạp, thuộc thị trấn Tô Hạp và hai xã Ba Cùm Bắc, Sơn Bình, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Phía Đông của căn cứ cách mạng Tô Hạp bắt đầu từ Dốc Trầu và dốc Bù Bù xã Ba Cùm Bắc kéo dài tới xã Sơn Bình (giáp xã Cam Phước Tây huyện Cam Lâm và Cam Phước Đông thành phố Cam Ranh); phía Tây và Nam của căn cứ là tỉnh Ninh Thuận; Phía Bắc tới núi Ta Lo và khu giáp ranh xã Sơn Trung.

Thung lũng Tô Hạp nằm dọc theo con sông Tô Hạp với chiều dài khoảng 20km, chiều ngang khoảng 10km. Bắt đầu từ dốc Bù Bù xã Ba Cùm Bắc, qua Tô Hạp kéo dài tới xã Miền Một (nay là xã Sơn Hiệp và Sơn Bình). Xung quanh thung lũng có hai dãy núi chính của huyện Khánh Sơn bao bọc: Phía Bắc là dãy Đá Bia (YaBi) chạy theo hướng Đông Nam, cao 1840m, núi Tiền Quang cao 1749m, Yolon cao 1356m, Manhan (Talo cao 1304m), Ba Cùm cao 1403m, Tà Lua cao 1100m, Tà Nĩa cao 940m....; phía Nam có dãy Shoung Khong với đỉnh Gia

Nuôi cao 1637m; chạy theo hướng Tây Nam có dãy YaBio cao 1400m, Magiaóp cao 1100m, Gante (Hòn Gầm trên 900m), cầu Lục Đại cao 879m. Sông Tô Hạp bắt nguồn từ Đông Nam dãy núi Ba Cùm, qua Suối Giá, Thamăng, chảy ngược về phía Tây và được nhiều suối lớn bổ sung như: Key Chai, Curé, Kulak, Gia Đăng, Campró... cùng đổ về Tân Mỹ (sông Dinh, Phan Rang) tạo thành thung lũng Tô Hạp.

Căn cứ cách mạng Tô Hạp được phân bố ở những địa bàn gồm: Khu vực Xóm Cỏ (nay là xã Sơn Bình); khu vực Suối Giá (nay là xã Ba Cùm Bắc); khu vực Tô Hạp (nay là thị trấn Tô Hạp):

- **Khu vực Xóm Cỏ⁵⁶**, hiện nay thuộc thôn 2, xã Sơn Bình. Đây là khu vực quan trọng nhất vì từng là “đại bản doanh”, tập trung nhiều cơ quan lớn của Tỉnh ủy Khánh Hòa, các lực lượng vũ trang của Khu 5 và tỉnh Khánh Hòa như Tiểu đoàn 120, Đại đội 254...; cơ quan chỉ đạo của Khu 6 trong những năm 1959 đến năm 1963. Địa hình khu vực này hiểm trở với nhiều đỉnh núi cao bao

56. Là nơi lán trại được gọi là trường chính trị. Nói là trường, nhưng thật ra chỉ là một lán trại bằng lồ ô, mái tranh, không có bàn ghế như trường học. Cả trường và các đơn vị này đều không có định một chỗ, có khi chuyển qua bên bờ Nam suối Tô Hạp, nơi sườn Dốc Gạo (Churq Jamacuãiq). Ngoài ra còn có Trường Chính trị - Văn hóa của tỉnh do đồng chí Đặng Nhiên và đồng chí Nguyễn Thư phụ trách từ năm 1960-1963.

bọc xung quanh như núi Cha Á, Gia Ngeo ở phía Nam, núi Dốc Gạo, Cha Pá ở phía Đông, phía Bắc có một số ngọn đồi che chắn. Căn cứ cách mạng Xóm Cỏ bao gồm các cứ điểm Xóm Cỏ (Paloi Suãh), Suối Sốc (Cròcpròq), Cha pú (Ia Lapuc), Gộp Cu (Gup Catrou).

Vị trí các cơ quan Tỉnh ủy Khánh Hòa đóng là khu vực Xóm Cỏ và Suối Sốc⁵⁷. Khu vực này nằm giữa hai sườn núi Chang, thuộc dãy Cha - Àq và núi Gia Ngeo. Hai bên sườn núi là rừng cây nguyên sinh với nhiều gộp đá lớn, cho nên các cơ quan của Tỉnh ủy Khánh Hòa thường lợi dụng điều kiện tự nhiên này để trú ngụ và hoạt động.

Phía Bắc cách vị trí các cơ quan Tỉnh ủy Khánh Hòa khoảng 400m là vị trí đóng quân của Tiểu đoàn 120, lực lượng vũ trang chủ lực của Liên khu 5 bổ sung cho chiến trường Khánh Hòa. Tiểu đoàn này nằm gọn trong thung lũng Pa Rí, có địa hình tương đối bằng phẳng. Theo lời kể của ông Pi Năng Chà La, nguyên Phó Chủ tịch huyện Khánh Sơn: Doanh trại của Tiểu đoàn 120 làm thành từng lán nhỏ bố trí xung quanh các sườn núi,

57. Là nơi đóng quân của Ban Cán sự Ái - Vĩnh - Sơn từ tháng 3/1959. Bí thư Ban Cán sự Ái - Vĩnh - Sơn dưới sự lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy 3, tập trung xây dựng lực lượng, bảo vệ khu vực 3 huyện Bắc Ái, Khánh Vĩnh và Khánh Sơn, đảm bảo công tác dân công ra các mặt trận của Liên tỉnh; xây dựng kho vũ khí phục vụ mặt trận trên hành lang Bắc - Nam.

giữa thung lũng là Sở chỉ huy. Hiện nay, khu vực này không còn dấu vết gì chứng tỏ rằng đây đã từng là đại bản doanh của Tiểu đoàn 120. Do trong suốt thời gian dài người dân đã khai phá làm nương rẫy.

Cách 300m về phía Đông là núi Cha Á, sườn phía Bắc chính là nơi Tỉnh ủy Khánh Hòa đã tổ chức cuộc họp mở rộng tháng 8/1959 nhằm quán triệt và bàn biện pháp vận dụng Nghị quyết 15 khóa II của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Năm 1961, khi Khu 6 thành lập⁵⁸, một bộ phận cơ quan chỉ đạo của Khu 6 gồm liên tỉnh Ninh Thuận - Khánh Hòa cũng đóng ở đây. Khi chọn khu vực này, cơ quan chỉ đạo Khu 6 cũng lợi dụng địa hình tự nhiên, chọn các gộp đá tại sườn núi để trú ngụ và làm việc. Hiện nay, khu vực này cây cối vẫn còn rậm rạp do chưa bị dân khai phá.

Từ cơ quan chỉ đạo Khu 6, chệch về hướng Đông Bắc khoảng 500m là sườn núi Dốc Gạo và núi Cha Pá. Dưới chân hai ngọn núi này là suối Cha Pú, nơi trú chân của Trường Chính trị và Văn hóa tỉnh Khánh Hòa do đồng chí Đặng Nhiên (A Nhiên) và đồng chí Nguyễn Thư phụ trách những năm 1960 - 1963. Cũng chính khu vực này, năm 1960 đã diễn ra Đại hội dân tộc khu Ái - Vĩnh - Sơn (huyện Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận và

58. Gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk.

huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa). Hiện tại khu vực này có một số hộ dân cư thuộc thôn 2, xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn sinh sống và làm nương rẫy. Lớp học trước đây được làm tạm bợ bằng tre nứa nên trải qua thời gian nay không còn nữa.

+ *Gộp Cu*⁵⁹ (Gup catrou) cách vị trí đặt bia căn cứ Xóm Cỏ khoảng 3000m (theo đường chim bay), nằm ở vị trí sườn Tây Bắc núi Cha-Àq. Nơi đây có rất nhiều gộp đá tảng lớn, trong đó có hai gộp hình một mái nhà, rộng, mỗi gộp có thể ngồi họp trên 50 người. Là nơi bản doanh của Liên Tỉnh ủy 3, Khu 6 và sau này là Tỉnh ủy và các cơ quan của tỉnh. Ngoài ra còn có kho vũ khí lớn phục vụ đường hành lang Bắc Nam. Năm 1968 kho vũ khí này chuyển qua khu Cranuãh (cũng trong xã Sơn Bình) cho đến ngày giải phóng. Gộp Cu là nơi địch tập trung hỏa lực phi pháo, rải bom, là mục tiêu các chiến dịch lớn cấp trung đoàn trở lên nhằm tiêu diệt bộ phận lãnh đạo kháng chiến liên tỉnh và tỉnh Khánh Hòa.

Đối diện với khu vực Xóm Cỏ là trận địa pháo của địch tại đồi Cô Lắc và Pa Ná ở phía Bắc sông Tô Hạp, cách khu vực Xóm Cỏ khoảng 4km theo đường chim bay. Hai cao điểm pháo của địch hiện nay thuộc thôn Một, xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn.

59. Cự điểm Gộp Cu (Gup catrou) cũng là nơi đồng chí Lê Thanh Liêm (Mười Liêm), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa đã hy sinh.

Phía Bắc, giáp hai trận địa pháo của địch là dãy núi Lớn, người dân thường gọi là dãy Cha Lô lớn, Cha Lô nhỏ và ngọn Hòn Bà. Mỹ, Ngụy cho xây hai trận địa pháo theo kiểu dã chiến. Sau khi phá cây, san ủi mặt bằng, chúng bố trí các khẩu pháo, đồng thời cho rào một lớp kẽm gai thẳng xung quanh đồi Pa Ná và Cô Lắc để bảo vệ. Bên trong và ngoài các khẩu pháo chúng còn cho đào một số công sự, mỗi công sự làm chỗ dựa cho khoảng ba tên địch ẩn nấp. Hiện nay, hai trận địa pháo này đã trở thành phế tích do tre, nứa và cây rừng mọc che phủ.

- **Khu vực Suối Giá**, hiện nay thuộc xã Ba Cùm Bắc. Đây là nơi đứng chân của các cơ quan Huyện ủy Khánh Sơn từ năm 1960 - 1962, sau khi chuyển từ xã Sơn Trung về. Dưới chân núi Gia Phung ở phía Nam và chân Hòn Gầm có một số con suối nhỏ như Suối A Thi, Suối Giá là khu vực đã diễn ra sự kiện: Năm 1957, Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức Hội nghị mở rộng toàn tỉnh để đánh giá tình hình trong thời kỳ mới.

- **Khu vực Tô Hạp**, hiện nay thuộc thị trấn Tô Hạp. Đây là khu vực quan trọng, tập trung nhiều cơ quan, lực lượng vũ trang kháng chiến của huyện Khánh Sơn từ những năm 1960 đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành thắng lợi. Khu vực này có nhiều

suối là điều kiện lý tưởng cho các cơ quan, lực lượng vũ trang hoạt động, chống càn. Đây cũng là khu vực vào tháng 12/1952, do yêu cầu tăng cường chỉ đạo sâu sát với các vùng và mở rộng vùng ta làm chủ, cơ quan Huyện ủy Khánh Sơn từ Tà Nỉa chuyển lên Suối Giá; đường hành lang Bắc - Nam cũng được chuyển từ vùng giữa lên vùng cao. Trong một đêm tháng 12/1952, trên đường ra Bắc công tác, đồng chí Lê Duẩn đã nghỉ tại Dốc Hàm (Tô Hạp) được du kích Khánh Sơn bảo vệ và giao liên Khánh Hòa đưa về vùng tự do Liên khu an toàn. Hiện nay, toàn bộ cụm di tích này nằm trên địa bàn khóm 4, thị trấn Tô Hạp. Trước đây, do các cơ quan chủ yếu lợi dụng địa hình tự nhiên hoặc dựng các lán trại tạm bợ làm nơi trú ngụ nên trải qua thời gian dấu vết di tích không còn.

Ngược suối Tô Hạp về phía Nam khoảng 400m là khu vực Hội trường của Tỉnh ủy Khánh Hòa những năm 1960 - 1961. Phía Bắc Hội trường là núi Hàm, phía Đông Nam là dãy Lỗ Hang, phía Tây là núi Gia Uy và dãy Lỗ Hang. Vị trí Hội trường cách suối Tô Hạp khoảng 70m về phía Tây. Tại đây đã diễn ra nhiều cuộc họp của Tỉnh ủy triển khai các Nghị quyết của Trung ương Đảng và đưa ra các quyết định của Tỉnh ủy Khánh Hòa. Hiện nay, di tích cũng không còn dấu

vết do một số người dân khóm 4, thị trấn Tô Hạp phát quang làm nương rẫy.

Tỉnh ủy Khánh Hòa chuyển căn cứ từ Đồng Bò (Nha Trang) về Tô Hạp trong bối cảnh cuối năm 1958, sau nhiều năm ta chỉ thực hiện chủ trương *đấu tranh chính trị* trong lúc địch thi hành nhiều chính sách phản động nên đã gây cho lực lượng cách mạng nhiều tổn thất nặng nề. Trước tình hình đó, Nghị quyết lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (mở rộng) tháng 01/1959 đã đánh dấu một sự chuyển hướng quan trọng về đường lối và phương pháp cách mạng đối với miền Nam. Nghị quyết chỉ rõ: “Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của nước thuộc địa và nửa thuộc địa từ trước tới nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là dùng bạo lực”. Cụ thể là: “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của Nhân dân”. Nghị quyết 15 của Trung ương ra đời đáp ứng lòng mong mỏi thiết tha bấy lâu của cán bộ, đảng viên và đồng bào miền Nam đang phải sống dưới gót sắt tàn bạo của Mỹ - Diệm, tiếp thêm sức sống cho phong trào cách mạng ở miền Nam nhanh chóng phục

hồi và phát triển. Cùng lúc này, Trung ương Đảng điều một số cán bộ các ngành từ miền Bắc vào chi viện cho chiến trường miền Nam.

Đầu năm 1959, cơ quan Tỉnh ủy đã dời từ Đồng Bò về Xóm Cỏ (Khánh Sơn) khi cơ quan của Tỉnh ủy về Tô Hạp tại miền Một Xóm Cỏ, vấn đề chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ phong trào đấu tranh và chiến đấu được chú trọng. Tỉnh đã liên hệ với các cơ sở công khai ở Sài Gòn mua dự trữ hàng ngàn cây rựa, hàng trăm mét ni-lon đi mưa và nhiều vải vóc, giấy viết.

Nhiệm vụ đặt ra cho các đội vũ trang tuyên truyền trong thời gian này là tuyên truyền, vận động cách mạng và diệt ác ôn, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị. Công tác chuẩn bị chiến đấu phải tổ chức thật kỹ lưỡng, đã đánh là chắc thắng. Mục đích của trận đánh nào cũng phải có tác dụng răn đe những tên tay sai có nợ máu, xây dựng niềm tin, cổ vũ tinh thần quần chúng. Đối tượng tiêu diệt là những tên phản động “Cò” (tức là những tên gian ác nhất, gây tác hại lớn cho phong trào cách mạng). Hoạt động diệt ác phải hết sức bí mật, không để địch có cơ khủng bố⁶⁰.

60. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang Khánh Hòa - 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, nxb Chính trị Quốc gia - CN Nha Trang, 1996, tr30.

Tình hình Khánh Hòa trước khi có Nghị quyết 15 là sự chênh lệch giữa phong trào cách mạng ở đồng bằng với miền núi. Cơ sở Đảng ở đồng bằng hầu như bị “trắng”. Ở miền núi, hệ thống tổ chức của Đảng được giữ vững từ xã đến huyện, lãnh đạo được quần chúng, tranh thủ được đại bộ phận tề (tề 2 mặt) ở cả cấp tổng, xã và đại biểu liên gia. Bằng những hoạt động và đấu tranh khôn khéo, Nhân dân đã bảo vệ nuôi dưỡng cán bộ, làm chỗ đứng chân cho cơ quan đầu não của tỉnh và cả Liên tỉnh 3.

Tháng 7/1959, đồng chí Năm Hòa (Trần Lê), Bí thư Liên tỉnh 3 đi dự Hội nghị Trung ương để nghe truyền đạt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, đồng thời đưa về cho tỉnh cả một khung cán bộ tiểu đoàn với một số vũ khí, điện đài làm tăng thêm niềm tin cho Đảng bộ và Nhân dân, nói theo cách diễn đạt của cán bộ người dân tộc là “Kỳ này heo rừng mọc nanh, nai mọc gạc”.

Nghị quyết 15 có tính chất cương lĩnh về cách mạng miền Nam của Trung ương được Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức Hội nghị học tập cho cán bộ của tỉnh họp tại Xóm Cỏ (Khánh Sơn) vào tháng 8/1959. Hội nghị nhận định: Tình hình hiện nay là phong trào ở các huyện miền núi tương đối khá. Trong cuộc kháng chiến trước, miền núi là chỗ dựa của tỉnh, và cũng là bàn đạp cho các đội vũ trang tuyên truyền hoạt động

lên phía Đắc Lắc, có đội ngũ cán bộ và chiến sĩ người dân tộc, có nhiều cơ sở cách mạng. Trong những năm đầu chống Mỹ, phát huy truyền thống chống thực dân Pháp xâm lược, phong trào miền núi Khánh Hòa tiếp tục được duy trì và phát triển, nhưng ở đồng bằng bị địch đánh phá ác liệt, nhiều nơi đứt liên lạc với cơ sở.

Vận dụng tinh thần Nghị quyết lần thứ 15 của Trung ương Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy chủ trương: “Đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng các huyện miền núi, lấy đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của quần chúng, phá các khu tập trung dân của địch. Phương hướng đối với các huyện đồng bằng là: “Ra sức phục hồi phong trào, nhưng lúc này không chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần, mà phải tổ chức các đội vũ trang công tác đi xây dựng cơ sở, dần dần phá thế kèm kẹp của địch, thanh toán các vùng trắng”. Hội nghị còn chủ trương tăng cường cán bộ cho vùng căn cứ, rút thanh niên ra xây dựng các đội vũ trang, mở các lớp huấn luyện quân sự do một số cán bộ quân sự miền Bắc về hướng dẫn và làm nòng cốt. Ở vùng căn cứ mở các lớp học văn hóa, chính trị, các lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ chi ủy người dân tộc. Công việc chuẩn bị mọi mặt cho bước chuyển mới của phong trào cách mạng trong tỉnh được tiến hành hết sức khẩn trương, sôi động.

Từ khi được tiếp thu Nghị quyết 15, Đảng bộ và Nhân dân Khánh Hòa như được tiếp thêm nguồn sinh lực mới, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang ở các huyện miền núi Khánh Hòa phát triển. Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, phần lớn các xã, huyện miền núi đều có đội du kích, trang bị vũ khí thô sơ; ngày 20/12/1960, thành lập trung đội bộ đội địa phương huyện Khánh Sơn. Trong khi đó, Nha Trang - Vĩnh Xương được tỉnh phái về một số đồng chí làm nòng cốt, lấy thêm một số thanh niên tại chỗ để lập đội vũ trang diệt ác.

Cũng trong thời gian này, đoàn cán bộ quân sự từ miền Bắc vào tăng cường cho Liên tỉnh 3, có các đồng chí Lê Tự Nhiên, Vũ Tấn Hạp, Hoàn Hiệp (Tôn), Võ Bá Quế (Dũng), Nguyễn Bình, Phan Niệm (Thạch Bô), Võ Hồng Quân (Võ Phẩm), Nguyễn Dũng, Lê Công. Nhiều đồng chí trong số này đã từng công tác, chiến đấu tại Khánh Hòa và chiến trường Liên khu 5 nên rất quen thuộc và am hiểu chiến trường cực Nam Trung Bộ. Đoàn đến Xóm Cỏ, Tô Hạp, huyện Khánh Sơn vào cuối tháng 12/1959. Cùng thời gian cuối năm 1959, Ban Quân sự Liên tỉnh 3 được thành lập để chỉ đạo công tác quân sự toàn khu vực. Số cán bộ được chi viện và được phát triển từ phong trào lên so với trước khá lớn. Ngày 25/12/1959, ngoài các đồng chí miền Bắc

vào, Liên tỉnh 3 đã rút một số cán bộ của các đội công tác tỉnh Khánh Hòa và tuyển thêm một số thanh niên dân tộc ở Xóm Cỏ, Tô Hạp để thành lập đơn vị vũ trang tuyên truyền 254 (đến năm 1961 trở thành Đại đội 548 - là đội vũ trang đầu tiên của tỉnh trong thời kỳ chống Mỹ, hầu hết các chiến sĩ là người dân tộc)⁶¹. Lúc này, cơ quan Liên tỉnh 3 đóng tại Xóm Cỏ và có Tiểu đoàn quân chủ lực 120. Đầu năm 1960, Ban an ninh Khánh Hòa được thành lập, do đồng chí Tô Văn Ôn (tức Sáu Ngô), Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách.

Có lực lượng vũ trang hỗ trợ, Nhân dân vùng giữa và vùng cao truy bắt bọn điệp ngầm, xử trị những tên tề gian ác, phá bộ máy kèm kẹp của địch, dân bị dồn bưng về làng cũ. Trong tình hình đó, địch phản ứng mạnh ra sức dồn dân các buôn làng, xây dựng một số khu tập trung ở giáp ranh nhằm làm hàng rào án ngữ, ngăn cản các lực lượng cách mạng từ căn cứ miền núi phát triển xuống đồng bằng. Ở phía Khánh Sơn có khu tập trung Tà Dục (bót Cây Dầu), Suối Dầu, Suối Hai, Láng Te Te, Tà Lương, Bàu Hùng. Ở phía Vĩnh Khánh có khu tập trung Bồ Lang, Thác Trại, Gia Lê...

61. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang Khánh Hòa - 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, sđd, tr35.

Để giải phóng trọn vẹn miền núi Khánh Hòa, vấn đề quan trọng là phá sạch các khu tập trung đồn dân ở vùng giáp ranh miền núi và đồng bằng. Lực lượng an ninh của tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy chỉ đạo các buôn làng xung quanh căn cứ xây dựng làng chiến đấu, phát triển hầm chông, bẫy đá, mang cung tên độc sẵn sàng chống địch càn vùng núi. Vì vậy, nhiều cuộc càn của địch lên vùng căn cứ của ta trong những tháng đầu năm 1960 đều bị thất bại.

Lúc bấy giờ, huyện Bắc Ái của tỉnh Ninh Thuận có ranh giới với huyện Khánh Sơn, người dân nơi đây đã vùng dậy phá khu tập trung từ năm 1958, mở ra khả năng cùng với các huyện miền núi Khánh Hòa hình thành vùng căn cứ hoàn chỉnh. Tháng 3/1960, Liên Tỉnh ủy 3 chủ trương thành lập khu Ái - Vĩnh - Sơn gồm ba huyện: Bắc Ái (Ninh Thuận), Khánh Vĩnh và Khánh Sơn (Khánh Hòa) nhằm xây dựng một căn cứ địa hoàn chỉnh, làm chỗ dựa tin cậy cho cơ quan chỉ đạo của Liên tỉnh, bảo đảm hành lang chiến lược và làm bàn đạp vững chắc cho phong trào đồng bằng khu Ái - Vĩnh - Sơn, ban cán sự trực thuộc Liên Tỉnh ủy do đồng chí Lê Tụng (Ba Sơn) làm Bí thư, đồng chí Mai Xuân Thuồng làm Ủy viên Thường vụ và hai ủy viên là Hà Huy An, Phạm Thành Huyền; đồng chí Nguyễn

Hồng Hải làm Chánh Văn phòng Ban cán sự. Cơ quan Ban cán sự đóng tại suối Sóc (Xóm Cỏ).

Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15 và với lòng căm phẫn của quần chúng bấy lâu bị nén xuống, các nhân tố đó kết hợp lại đã làm bùng lên một khí thế đấu tranh mới hoàn toàn khác trước. Bạo lực cách mạng được phát động chống lại bạo lực phản cách mạng. Lúc đầu lãnh đạo chủ trương phát động Nhân dân đấu tranh, nhưng chỉ sử dụng vũ khí thô sơ để giữ thế hợp pháp cho quần chúng. Tháng 9/1959, có trên 200 người đồng bào vùng Tô Hạp, Ba Cùm, Suối Giá tham gia cuộc mít tinh tổ chức tại suối Chum Bró thôn Tô Hạp (Khánh Sơn) biểu thị khí thế mới của cách mạng.

Đồng bào vạch mặt chỉ tên bọn ác ôn, tay sai Mỹ - Diệm như Tổng Thanh, Mang Thăng buộc chúng phải cúi đầu nhận tội. Số người lưng chừng tỏ thái độ ngả hẳn về phía cách mạng. Nhân dân Tô Hạp, Ba Cùm đứng dậy xóa bỏ sạch bộ máy tề ngụy, xây dựng chính quyền cách mạng, phát động toàn dân làm bố phòng bằng chông, cung, tên ná, tỏ rõ thái độ chống Mỹ - Diệm đến cùng.

Nhiều cuộc càn của địch lên vùng căn cứ trong những tháng đầu năm 1960 đều bị thất bại do hầm chông, bẫy đá, tên có tẩm thuốc độc của du kích. Điển hình là trận

chống càn của du kích Ba Cùm, Suối Giá do đồng chí Máu Năm (A Cho) chỉ huy vào tháng 01/1960. Lúc bấy giờ, chỉ huy của địch ở vùng Cam Lâm sử dụng hơn 1 trung đội bảo an và một số cảnh sát, điệp báo trên 30 tên do tên Nguyễn Châu⁶² - thiếu úy, trung đội trưởng chỉ huy dùng loa kêu gọi và ép buộc đồng bào vào khu tập trung và bắt hợp tác với cách mạng⁶³. Du kích Suối Giá, Tô Hạp đã giúp bà con cất giấu thóc lúa, trốn ra rừng và tổ chức chiến đấu, dùng vũ khí thô sơ diệt tên thiếu úy Nguyễn Châu và làm bị thương nhiều tên khác, nhiều tên lính hết sức hãi hùng vì trúng tên ná có thuốc độc buộc chúng phải rút chạy, cuộc càn của địch thất bại.

Tháng 01/1960, một tiểu đội vũ trang của tỉnh phối hợp với Chi bộ đảng Tà Dục do đồng chí Tro Bốn làm Bí thư đã hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá khu tập trung của địch ở Cây Dầu, diệt Ban hội tề ác ôn, đốt trụ sở, nhà cửa, nhờ vậy gần 2000 đồng bào ở khu tập trung của địch bung về buôn cũ. Cùng đêm, đồng chí Cau Xia, một đảng viên hợp pháp đứng lên hô hào quần chúng phá khu tập trung Suối Hai, Láng Te Te, Dốc Quýt, 200 đồng bào dân tộc kéo thẳng về Ba Cùm, Tô Hạp xây dựng căn cứ đánh địch.

62. Có tài liệu ghi là Trần Châu.

63. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang Khánh Hòa - 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, sđd, tr43.

Vào đầu tháng 3/1960, các lực lượng của tỉnh phối hợp với lực lượng Liên tỉnh đánh tiểu đội lính bảo an, bảo vệ phu làm đường tại Suối Rua, thu 4 súng, phá hủy 2 xe ủi.

Từ ngày 10 đến ngày 15/8/1960, địch huy động một đại đội bảo an phối hợp với dân vệ, công an Cam Lâm hành quân lên vùng Tô Hạp, bắt được đồng chí Cau Điềm, một người có uy tín lớn đối với dân chúng ở vùng này, nhưng trên đường về chúng bị tiểu đội du kích người dân tộc ở Ba Cùm chặn đánh. Đồng chí Cau Điềm là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Khánh Sơn, đã có lần bị địch bắt giam và vượt ngục hồi tháng 7/1957. Lần này bắt được Cau Điềm chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn dã man. Để giữ vững khí tiết của người đảng viên và giữ bí mật cho cơ sở, đồng chí Cau Điềm đã tự thắt cổ, hy sinh trong lao Đá Bạc, để lại nỗi xót thương và làm tăng làn sóng căm thù sâu sắc trong đồng bào dân tộc.

Tháng 9/1960, địch lại mở cuộc càn lớn với quy mô tiểu đoàn biệt động vào căn cứ, lùng sục sâu vào nội địa vùng giáp ranh 3 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng. Nhưng chúng đã vấp phải lưới bố phòng dày đặc của du kích và đồng bào bằng hầm chông, cung tên, bẫy đá, bị thiệt hại phải rút quân. Thừa thắng, ta đã hõ

trợ đồng bào nổi dậy đốt phá trụ sở, rào, chòi canh, bắt trời dân vệ, phá bung các khu đồn Bó Lang, Tà Dục, Tà Nỉa, Gia Lê, Thác Trại, giải phóng trên 15 ngàn dân. Một tên bị trúng tên tẩm thuốc độc chết, 6 tên bị sập hầm chông và nhiều tên khác bị thương vì bẫy đá.

Cũng trong tháng 9/1960 địch thực hiện kế hoạch làm con đường từ Suối Rua lên Tà Lú, Ma Ty nhằm cắt đứt hành lang Bắc - Nam, khống chế căn cứ kháng chiến của ta. Liên tỉnh 3 quyết định tiêu diệt đồn Tà Lú, Ma Ty để phá âm mưu địch. Nhiệm vụ được giao cho Tiểu đoàn 120 của Liên tỉnh, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương. Lực lượng của ta chia làm hai bộ phận: Bộ phận thứ nhất đánh đồn Tà Lú do Tiểu đoàn 120 đảm nhiệm; bộ phận thứ hai, trong đó có Trung đội du kích Ba Cùm, Tô Hạp đánh đồn Ma Ty. Đóng tại đồn Ma Ty có một trung đội bảo an, thường trực chiến đấu có 25 tên, được trang bị súng trung liên 24/29. Nhiệm vụ chính trị của trận đánh là góp phần tiêu diệt hệ thống đồn, tháp canh của địch khống chế miền núi khu Ái - Vĩnh - Sơn, để nối Liên tỉnh 3 với các tỉnh Phú Yên, Đắk Lắk và hỗ trợ Nhân dân phá các khu đồn dân của địch. Đây còn là dịp thuận lợi để bộ đội và dân quân du kích địa phương nâng cao kỹ thuật, chiến thuật. Đêm 27/9/1960, lực lượng ta chiếm lĩnh vị trí xung phong, các chiến sĩ đặc công tiêu diệt những lính gác trên chòi

quan sát, chiếm trung liên địch, khống chế toàn khu vực. 1 giờ 30 phút ngày 28/9/1960, ta đồng loạt nổ súng, các chiến sĩ nhanh chóng chiếm các vị trí. Sau 20 phút chiến đấu, ta làm chủ tình hình, 20 tên giặc bị giết. Ta thu 18 súng các loại, trong đó có 2 trung liên loại 24/29, nhiều đạn dược, quân cụ và một số tài liệu. Tuy nhiên, vẫn còn một số địch chạy thoát.

Quân dân Khánh Sơn - Bác Ái rất vui mừng, vì đây là lần đầu tiên lực lượng cách mạng san bằng được đồn địch kể từ năm 1950. Một số tề nguỵ ở các thôn xã đã ra đầu thú, hoặc bỏ trốn⁶⁴.

Ngày 15/10/1960, một đại đội bảo an của địch do tên quận trưởng chỉ huy hành quân vào vùng Tô Hạp. Chúng lại bị hầm chông, bẫy đá, tên thuốc độc của đồng bào và du kích, thiệt hại khá nặng mà không bắt được ai. Chúng đốt phá trên 100 nóc nhà và trên 5 tấn lúa, bắp của đồng bào. Có thể nói lúc này, toàn bộ miền Tây Khánh Hòa đã được giải phóng. Địch phải thú nhận “Hiện nay Việt cộng đã nắm được tất cả thượng dân thuộc vùng Tây Khánh Hòa, nên hoạt động theo lệnh của Việt cộng đang xây dựng làng Tô Hạp thành pháo đài chiến đấu chống chính quyền cộng hòa”⁶⁵.

64. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang Khánh Hòa - 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, sđd, tr.44.

65. Báo cáo của Ty Công an Khánh Hòa tháng 9/1960.

Có lực lượng mới, có một số kinh nghiệm bước đầu phá đồn dân và nắm được tinh thần của quần chúng, với sự hỗ trợ của Liên tỉnh, Tỉnh ủy chủ trương tập trung sức, sử dụng lực lượng của tỉnh và một phần của Liên tỉnh phá khu tập trung Gia Lê (Vĩnh Khánh). Đây là khu tập trung dân kiều mẫu, quy mô lớn của địch có trên 4.000 đồng bào các dân tộc Raglai, Cơ ho, T'rin, Êđê.

Kế hoạch phá khu tập trung Gia Lê được chuẩn bị chu đáo. Cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang được học tập chính sách dân tộc của Đảng. Bộ phận cốt cán, các đoàn viên thanh niên ở Tà Giang, Bưng Dung, Giang Biên làm nhiệm vụ dẫn đường, truyền tin. Nhân dân vùng căn cứ Khánh Sơn, Khánh Vĩnh sẵn sàng hưởng ứng tham gia. Sơ đồ khu tập trung Gia Lê được cơ sở người dân tộc báo cáo tỉ mỉ, bao gồm hệ thống trụ sở tề ngục, đường sá, bót gác, vũ khí. Cuộc đấu tranh lớn này diễn ra vào tháng 9/1960. Đồng bào vùng lên phá hết các chòi canh, hàng rào, nhà trụ sở, phá banh toàn bộ khu đồn. Bọn tề ngục và lực lượng dân vệ nộp súng đầu hàng; ta mở phiên tòa công khai xử tội những tên ngoan cố chống lại cách mạng. Tên Là Gai bị xử bắn, các tên tông phạm được hưởng lượng khoan hồng. Đồng bào được giải phóng, tích cực tăng gia sản xuất, phát triển Nhân dân du kích chiến tranh, làm hầm công,

cạm bẫy chuẩn bị chống càn. Vùng làm chủ được mở rộng đến giáp các tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận.

Đêm 17/10/1960, đội vũ trang tuyên truyền đột nhập khu tập trung dân tại Ba Cua (Suối Dầu), Suối Thượng (Lỗ Mây), tuyên truyền giải thích chính sách Mặt trận Dân tộc giải phóng, phá trụ sở, đốt tài liệu và thu con dấu của hội đồng tế xã. Tiếp đó ngày 28 - 29/10/1960, đột nhập các buôn Thác Trại, Đa Ca, Buôn Dung, Gia Lách, Sông Máu, Thác Hòm; đêm 19/11/1960, vũ trang tuyên truyền tại Bàu Hùng, Bàu Húc, rải truyền đơn vào trại định cư đồng bào Nùng ở xã Cam Thượng; đêm 24/11/1960, 2 trung đội quân giải phóng cải trang làm lính bảo an, có đồng bào dẫn đường vào khu tập trung Hóc Gia, Bàu Hùng cách quận lỵ Cam Ranh 3 km, lùng bắt nhân viên hội đồng xã, thu 1 tiểu liên, 4 súng trường, diệt tên công an gian ác Mang Tám. Hai đại đội lính cộng hòa và bảo an từ Nha Trang lên tiếp cứu, bị lực lượng vũ trang ta phục kích diệt 1 chuẩn úy, 1 hạ sĩ và 2 tên bị thương.

Đến cuối năm 1960, ta làm chủ trọn vẹn các huyện miền núi Khánh Hòa, gồm trên 15 ngàn dân. Nhân dân các dân tộc Raglai, Êđê, T'rin đã trải qua nhiều năm bị địch o ép nhưng vẫn một lòng theo Đảng, theo Bác Hồ nay đứng lên làm chủ núi rừng.

Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được, Ban cán sự Ái - Vĩnh - Sơn quyết định triệu tập Đại hội dân tộc tự trị tỉnh. Đại hội họp tại Xóm Cỏ (Khánh Sơn) vào tháng 12/1960. Trên 200 đại biểu xã, huyện trong căn cứ đã đến dự. Đại hội nêu cao nhiệm vụ đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, ra sức động viên Nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực, tăng cường công tác bố phòng, chống địch càn quét, quyết tâm xây dựng vùng căn cứ địa vững mạnh.

Đại hội đã bầu Ủy ban nhân dân tự trị gồm 11 ủy viên, hầu hết là người dân tộc thiểu số do bà Mầu Thị Lực người Bác Ái làm Chủ tịch. Hai Phó Chủ tịch là các ông Tro Sang và Pi Năng Xà A. Đồng chí A Nhiên (tức Đặng Nhiên) là Ủy viên thư ký kiêm Chánh Văn phòng ủy ban. Cơ quan Ủy ban Dân tộc tự trị đóng tại Xóm Cỏ (Khánh Sơn).

Sau Đại hội Dân tộc tỉnh, các huyện lần lượt mở Đại hội. Đại hội Dân tộc tự trị huyện Khánh Sơn tổ chức tại Suối Giá (Ba Cùm) có trên 150 đại biểu, bầu Ủy ban Dân tộc do ông Tro Sang làm Chủ tịch. Ủy ban Dân tộc huyện Vĩnh Khánh bầu ông Pi Năng Xà A làm Chủ tịch...

Phong trào đang đà phát triển, tinh thần ủng hộ bộ đội rất cao, đồng bào ai cũng hồ hởi đóng góp để nuôi quân; thanh niên nô nức gia nhập lực lượng vũ trang và

du kích. Việc bố phòng bằng các loại vũ khí thô sơ được đẩy mạnh. Bắt đầu xây dựng các tổ đổi công, vùn công tương trợ nhau trong sản xuất. Phong trào học văn hóa sôi nổi. Hai đồng chí Mai Xuân Thuồng và Đặng Nhiên đã dùng chữ la-tinh phiên âm tiếng Raglai thành chữ viết, dạy thanh thiếu niên học. Sau này Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh ra báo “Tự trị” bằng chữ quốc ngữ và chữ Raglai để phổ biến tin tức và các chủ trương chính sách của Đảng đến cán bộ và đồng bào dân tộc.

Chỉ trong vòng 1 năm sau khi tiếp thu Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, cuộc đấu tranh của Nhân dân miền núi Khánh Hòa phát triển, mở rộng và hoàn toàn làm chủ vào cuối năm 1960, từng bước xây dựng thành căn cứ địa hoàn chỉnh.

Đầu năm 1961, Tỉnh ủy đã cử một số cán bộ về công tác ở các huyện, vừa lãnh đạo đấu tranh chính trị, vừa đấu tranh vũ trang, lấy đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, xây dựng cơ sở quần chúng, phát động phong trào.

Tháng 02/1961, đồng chí Lê Tụng (Ba Sơn), Tỉnh ủy viên đang làm Bí thư khu Ái - Vĩnh - Sơn thuộc Liên tỉnh 3 được Tỉnh ủy Khánh Hòa đề nghị rút về làm đội trưởng Đội vũ trang tuyên truyền để xây dựng cơ sở ở đồng bằng Diên Khánh. Đội gồm có các cán bộ

quân sự, đặc công, quân báo, binh vận. Tháng 8/1960, Tỉnh ủy tăng cường lực lượng cán bộ cho Diên Khánh gồm 2 tổ vũ trang và bộ khung của đội 203 (đơn vị vũ trang của tỉnh trong chống Mỹ) do đồng chí Phạm Văn Nhu (Châu) và Trần Quang Lung chỉ huy.

Nhiệm vụ chính của đội vũ trang lúc này là đánh địch, gây thanh thế, tuyên truyền vận động móc nối cơ sở, khôi phục phong trào tạm thời bị đứt liên lạc từ năm 1958. Tuyên truyền giải thích đường lối cách mạng cho Nhân dân, vạch rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, vận động và kêu gọi đồng bào đứng lên chống đi lính, dân vệ, phân hóa bọn nguy quyền, chống bọn tay sai, ác ôn ngoan cố, đòi tự do làm ăn, hăng hái tham gia cách mạng, xây dựng lực lượng... Hướng hoạt động của đội là địa bàn Diên Lâm, Diên Lộc, Diên Sơn, Diên Điền sau đó mở rộng ra các xã khác.

Ở Nha Trang, Vĩnh Xương, Ninh Hòa, Vạn Ninh từ năm 1961, các đội vũ trang được phát triển mạnh; các cơ sở cách mạng mới được thiết lập và đã tổ chức nhiều hoạt động quân sự, gây cho địch nhiều thiệt hại, buộc phải phân tán lực lượng để đối phó với phong trào cách mạng.

Cùng thời gian này, Tỉnh ủy thành lập đội công

tác Cam Ranh, gồm các đồng chí Nguyễn Giác (Năm Dương), Lê Mẫn (Lê Sung) và đồng chí Ngọc. Đồng chí Nguyễn Giác phụ trách tổ, hoạt động tại vùng Suối Cát, Phường Dầu. Vùng Trại Cá, Hiệp Thanh, Hiệp Mỹ có đội công tác quận Du Long của tỉnh Ninh Thuận.

Hội nghị Tỉnh ủy tháng 4/1961, quyết định ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, tích cực đào tạo cán bộ cho phong trào đồng bằng. Tháng 8/1961, Khu 6 được thành lập thay cho Liên tỉnh 3. Khu ủy quyết định giải thể khu Ái - Vĩnh - Sơn, đưa các huyện Khánh Sơn, Vĩnh Sơn, Vĩnh Khánh trở về phạm vi hành chính tỉnh Khánh Hòa. Ban cán sự miền Tây sáp nhập vào Tỉnh ủy Khánh Hòa thống nhất chỉ đạo toàn tỉnh.

Vùng căn cứ miền núi của tỉnh được xây dựng từng bước vững chắc. Tháng 6/1961, quân và dân huyện Khánh Sơn đánh thắng cuộc càn quy mô tiểu đoàn của địch lên vùng căn cứ, diệt nhiều tên. Tháng 8/1961, đồng chí Mai Dương đang làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên được Khu ủy điều về làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa thay đồng chí Lê Thanh Liêm đã qua đời sau một cơn ốm nặng. 15 thanh niên thoát ly của xã Hòa Hiệp (Tuy Hòa, Phú Yên), có trang bị vũ khí được điều động đến tăng cường cho huyện Vạn Ninh, huyện tiếp giáp phía

Nam của tỉnh Phú Yên.

Tháng 8/1961, Hội nghị Tỉnh ủy tại Xóm Cỏ (Khánh Sơn) đặt mạnh vấn đề tập trung sức phá kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược của địch, bám dân, xây dựng cơ sở, tích cực làm công tác binh vận, đưa phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang lên một bước mới:

- Ở vùng đồng bằng: Tiếp tục củng cố, mở rộng vũ trang tuyên truyền, nhất là ở các vùng nông thôn và ven biển. Tập trung xây dựng phong trào ở các huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa, Cam Ranh.

- Ở miền núi: Củng cố các lực lượng dân quân du kích ở thôn xã, nhất là đối với các xã vùng căn cứ địa. Nâng cao không ngừng chất lượng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống địch càn quét, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ sản xuất. Rút lực lượng du kích thôn xã bổ sung cho lực lượng tập trung của huyện và tỉnh. Tăng cường bố phòng, chống gián điệp biệt kích.

Đồng thời, Tỉnh ủy chủ trương: Miền núi khai thông luồng với đồng bằng, tích cực giải quyết muối, vải và nông cụ cho Nhân dân. Đẩy mạnh cuộc vận động tăng gia sản xuất, coi việc trồng mì (sắn) là chiến lược, bắp, lúa là quan trọng. Nhờ vậy, đến hết năm 1961 huyện

Vĩnh Sơn đã gieo trồng 2.015 gia lúa, bắp và gần 1 triệu gốc mì. Huyện Khánh Vĩnh gieo trồng 1.105 gia lúa, bắp và gần 1 triệu gốc mì. Nhờ tích cực sản xuất nên Nhân dân có lương thực đủ ăn và đóng góp nuôi bộ đội, cán bộ.

Về lực lượng vũ trang, đến năm 1961, ngoài các đội vũ trang tuyên truyền do các huyện thành lập, hoạt động theo yêu cầu chính trị của địa phương, các đơn vị trực thuộc tỉnh có: 3 đội vũ trang diệt ác, gồm 2 đội ở đồng bằng của đồng chí Huỳnh Chiêu và Nguyễn Tấn Sang (Bắc) và đội diệt ác Vĩnh Xương do đồng chí Nguyễn Dân phụ trách; Đội đặc công do đồng chí Hoàng Hiệp chỉ huy; Đại đội 548.

Riêng Đại đội 548 là đơn vị vũ trang tập trung cấp đại đội đầu tiên của tỉnh, được thành lập vào tháng 6/1961, mà tiền thân là đơn vị 254 của Liên tỉnh 3. Phần đông chiến sĩ là người các dân tộc Raglai, Ê-đê. Ban Chỉ huy đơn vị gồm các đồng chí Hòa - Đại đội trưởng, đồng chí Tài - Chính trị viên, đồng chí Chắt - Đại đội phó. Địa bàn hoạt động chủ yếu của đơn vị là các huyện miền núi và vùng giáp ranh đồng bằng⁶⁶.

66. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang Khánh Hòa - 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, sđd, tr56.

Từ sau Hội nghị Tỉnh ủy, các hoạt động vũ trang ở đồng bằng đã khá sôi nổi. Ở phía Bắc tỉnh, lực lượng vũ trang đánh bót Mỹ Đồng (Vạn Ninh) diệt một tiểu đội địch. Tháng 8/1961, đơn vị 100 cùng cán bộ huyện Ninh Hòa tập kích trụ sở Hội đồng xã Ninh Phú (Ninh Hòa) diệt 4 tên, thu 2 súng. Tháng 9/1961, đơn vị C100 về vũ trang tuyên truyền ở Xuân Mỹ (Ninh Hòa), gặp tình huống bất ngờ, ta triển khai đội hình phục kích (đồng chí Võ Danh chỉ huy) bắn bị thương 1 tên, thu 2 súng. Tên bị thương ta băng bó, giải thích chính sách và thả tại trận.

Để có điều kiện chỉ đạo sâu sát kịp thời và phát triển phong trào ở cơ sở nhanh hơn nữa, tháng 10/1961, Tỉnh ủy chủ trương tách huyện Ninh Hòa thành 2 huyện, lấy ranh giới là Quốc lộ 214. Huyện Nam Ninh Hòa bao gồm các xã phía Nam Quốc lộ 21 và thị trấn Ninh Hòa, Ban cán sự huyện có 3 đồng chí, do đồng chí Đặng Nhiên làm Bí thư. Bắc Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh có chung một huyện ủy gồm 5 đồng chí được Tỉnh ủy chỉ định, do đồng chí Nguyễn Châu (Châu Râu) làm Bí thư trực tiếp chỉ đạo Bắc Ninh Hòa, đồng chí Nguyễn Lương làm Phó Bí thư trực tiếp chỉ đạo Vạn Ninh.

Cuối năm 1961, để hỗ trợ các huyện đồng bằng phía Nam đẩy mạnh phong trào đi lên. Tiểu đoàn 120 của Quân Khu 6 về hoạt động tại địa bàn Khánh Hòa, làm nhiệm vụ cơ động, hoạt động tập trung, phân tán linh hoạt, yêu cầu chính là diệt sinh lực địch, hỗ trợ phá ấp, phá kìm, mở vùng giải phóng đồng bằng, xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ. Ngày 05/10/1961, tiểu đoàn đánh đồn Cừ Lợi do 1 trung đội bảo an địch đóng giữ; sau 25 phút chiến đấu, ta diệt gọn quân địch, thu vũ khí, rút an toàn, quân địch 2 đầu cứ điểm không hay biết gì nên không chi viện. Khi lực lượng viện binh địch từ Nha Trang vào, Tiểu đoàn 120 tổ chức lực lượng chặn đánh từ khoảng 4 giờ sáng 06/10/1961. Trận đánh diễn ra hơn 1 giờ mới dứt điểm; ta thu nhiều vũ khí, bắt sống 13 tù binh, diệt gọn 1 trung đội quân cảnh và 1 đại đội thám kích.

Hai trận đánh liên tiếp diễn ra đã làm rung chuyển bộ máy kìm kẹp ở vùng này, có tiếng vang lớn, tạo thuận lợi cho địa phương mở rộng và phát triển phong trào.

Cuối tháng 10/1961, tiểu đoàn 120 chuyển sang hoạt động ở địa bàn Diên Khánh. Đêm 25/10/1961, tổ chức lực lượng phục kích địch đoạn cứ điểm Cẩm Sơn nhằm tiêu diệt viện binh địch; 10 giờ sáng 26/10/1961, một đoàn xe 7 chiếc (trong đó có 3 xe bọc thép) đi tiếp

viện lọt vào trận địa phục kích; ta diệt 1 đại đội bảo an cơ động của địch gồm 50 tên, bắt sống 21 tên khác và phá hủy 3 xe bọc thép, thu 3 đại liên, 6 trung liên và nhiều tiểu liên súng trường. Trong số tên bị diệt có tên quận trưởng Diên Khánh Nguyễn Công Sáu.

Trận Cẩm Sơn là trận đánh lớn nhất, đạt hiệu quả cao ở chiến trường Khánh Hòa đã gây tác động mạnh trong hàng ngũ địch và trong quần chúng vùng Diên Khánh, Vĩnh Xương, Nha Trang.

Ở huyện Vĩnh Xương, lực lượng vũ trang liên tiếp mở các trận đánh địch: Diệt tên Chùng, Trung đội phó Dân vệ khét tiếng gian ác ở xã Vĩnh Thái, sau đó tiến công trụ sở xã Vĩnh Thái diệt tên trung đội trưởng dân vệ và một số tên ác ôn khác trong ban tề xã; bắt tên nhân viên CIA Mỹ đội lột thầy tu giả cam điếc xâm nhập căn cứ Đồng Bò. Ngày 06/12/1961, tiểu đội vũ trang ở Vĩnh Xương bắt xử tội tên Trương Đăng, chủ tịch “Phong trào cách mạng quốc gia”. Đêm 07/12/1961, ta đột nhập thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái, bắt cảnh cáo số tề điệp; tổ chức mít tinh tuyên truyền chiến thắng Cẩm Sơn. Đầu năm 1962, đội vũ trang huyện phục kích trung đội nghĩa quân địch ở Cầu Ké diệt 16 tên thu 2

súng, đốt trụ sở xã Vĩnh Thạnh, đột nhập ga Phú Vinh đốt cháy 2 bồn xăng...

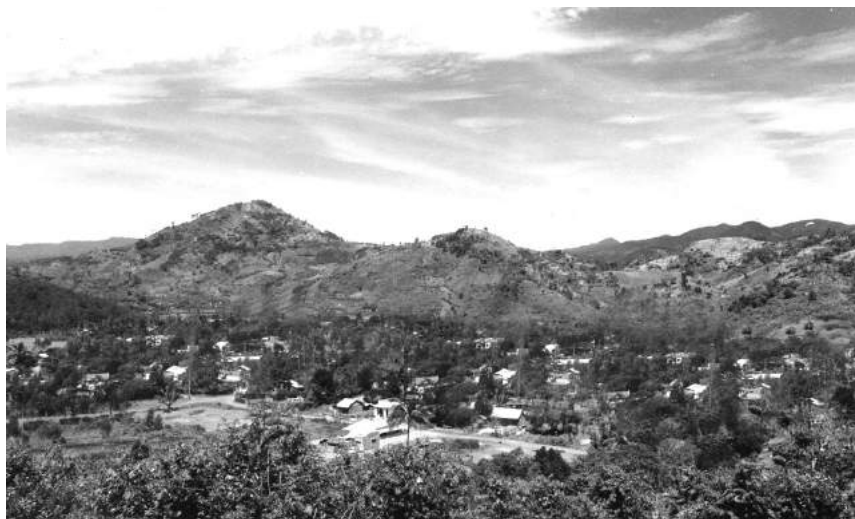
Khi phong trào cách mạng được mở rộng và dễ thuận tiện cho việc chỉ đạo cả phía Bắc, phía Nam mà Diên Khánh là vùng trung tâm, đầu năm 1962 cơ quan của Tỉnh ủy được chuyển từ Xóm Cỏ về Hòn Dũ (Khánh Vĩnh) để tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Căn cứ cách mạng Tô Hạp kết thúc vai trò là căn cứ của Tỉnh ủy trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm.

Trong khoảng 3 năm đứng chân, xây dựng, tồn tại và lãnh đạo cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa, căn cứ Tô Hạp không chỉ là “mái nhà” chở che cán bộ cách mạng mà còn là nơi chứng kiến sự thay đổi mang tính bước ngoặt của phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam nói chung và của tỉnh Khánh Hòa nói riêng. Với Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (01/1959), phong trào cách mạng ở Khánh Hòa đã *chuyển từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, bạo lực cách mạng được phát động chống lại bạo lực phản cách mạng*. Phong trào cách

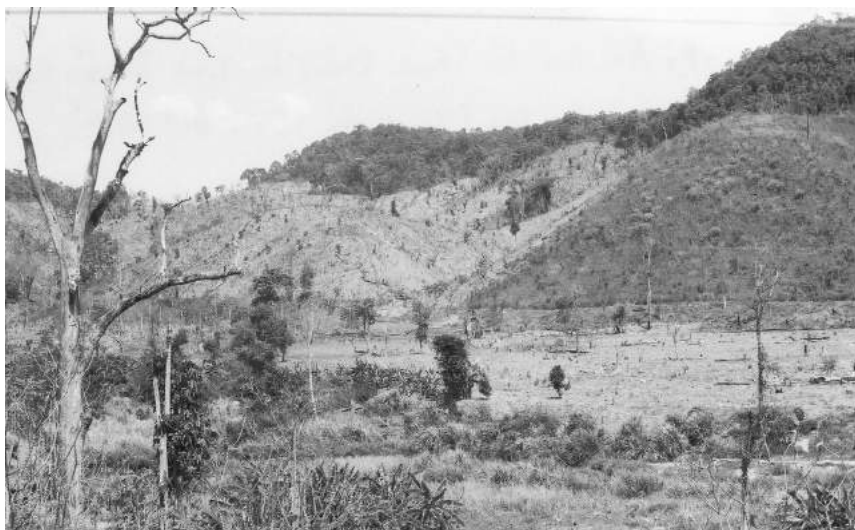
mạng nơi đây như được tiếp thêm nguồn sinh lực mới, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang ở các huyện miền núi Khánh Hòa phát triển; vùng căn cứ miền núi của tỉnh được từng bước xây dựng vững chắc, là tiền đề và là điểm tựa quan trọng để Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo quân và dân Khánh Hòa kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phản động những năm tháng chiến tranh ác liệt hơn sau này.



Du kích Khánh Sơn tự túc lương thực kháng chiến



Thung lũng Tô Hạp xưa



Khu vực căn cứ cách mạng Tô Hạp



Núi Cha-àq có đóng cơ quan đầu não của Liên Tỉnh ủy 3,
Khu 6 và Tỉnh ủy Khánh Hòa



Bãi chông chống càn



Dao vót chông do Bo Bo Phước sáng chế



Bia tưởng niệm căn cứ cách mạng Tô Hạp



Bia tưởng niệm căn cứ Xóm Cỏ



Sân bay dã chiến Hòn Gầm



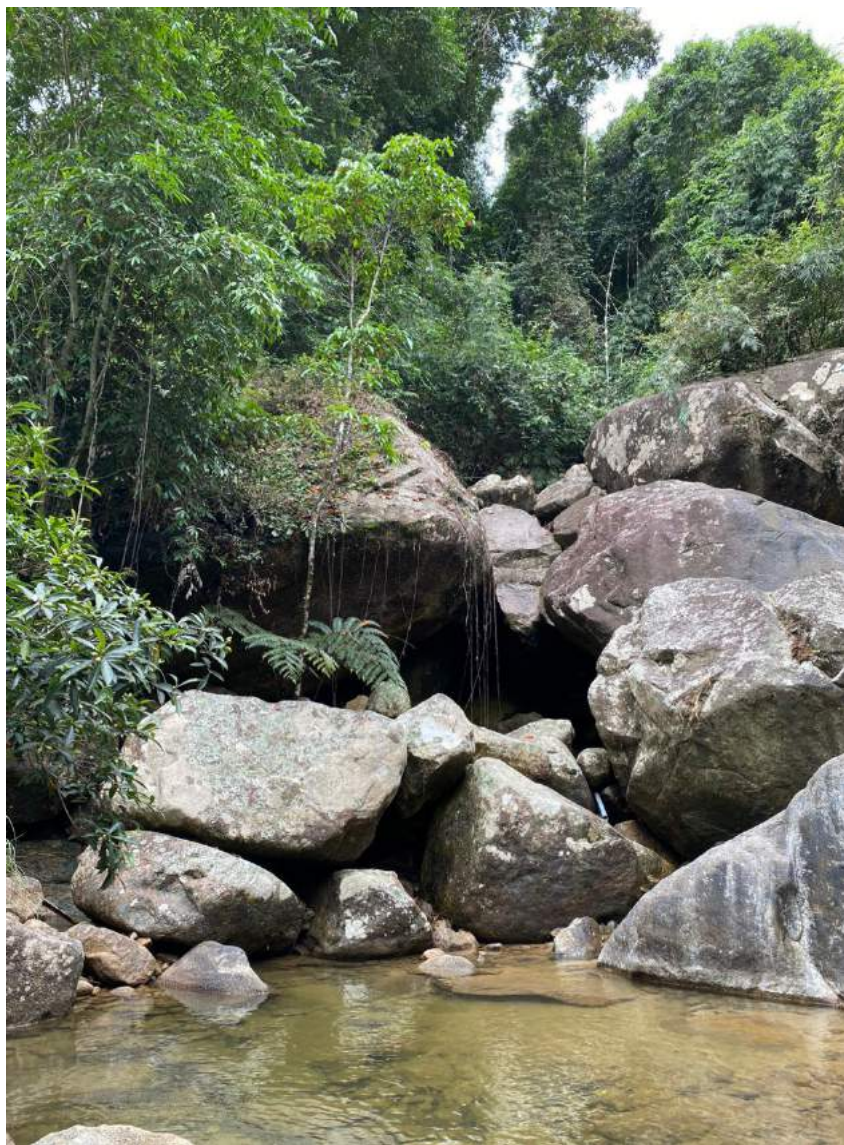
Tô Hạp (Khánh Sơn) thị trấn ngàn mây



Đoàn khảo sát tỉnh khảo sát tại căn cứ Xóm Cỏ, xã Sơn Bình



Gộp đá tại căn cứ Xóm Cỏ, xã Sơn Bình



Căn cứ Xóm Cỏ ngày nay

7. Căn cứ cách mạng Hòn Dù

Hòn Dù là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong thời kỳ kháng chiến chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1962 - 02/1964).

Căn cứ cách mạng Hòn Dù nằm ở huyện Khánh Vĩnh, phía Tây của tỉnh Khánh Hòa. Trong kháng chiến, Hòn Dù nằm trên trục đường giao thông liên lạc của Liên khu 5 và Trung ương, đồng thời lại gần 2 tỉnh vùng Tây Nguyên: Lâm Đồng và Đắk Lắk nên rất thuận lợi cho hoạt động cách mạng. Căn cứ Hòn Dù nằm trên một địa bàn tương đối rộng, có khu rừng già nguyên sinh với những ngọn núi khá cao⁶⁷, xa khu dân cư. Hiện nay, Hòn Dù có diện tích chủ yếu thuộc về xã Khánh Trung, một phần Khánh Nam, Khánh Thượng; Phía Bắc giáp thôn Cà Thiêu xã Khánh Hiệp; Phía Đông giáp thôn Suối Cá - Suối Lách xã Khánh Trung; phía Tây giáp thôn Đa-răm, Suối Cát, xã Khánh Thượng; phía Nam giáp thôn A Xây, xã Khánh Nam.

67. Hòn Dù 1.292m, Hòn Nhọn 1.092m, Hòn Dù Tiểu 1.000m, Hòn Sả 216m và Hòn Mưa 602m. Các ngọn núi trên đó có rất nhiều hang gộp và là khu rừng nguyên sinh với nhiều cây cổ thụ lớn. Trên sườn núi có nhiều dòng suối nhỏ chảy về các thôn A Xây, Suối Lách, Suối Cá, Suối Ngang, Suối Kagiang, Suối Tà Kang, Suối Lao. Các con suối trên chảy ra hai con sông lớn của huyện Khánh Vĩnh là Sông Giang và Sông Cái.

Hòn Dù, từ sớm đã trở thành căn cứ cách mạng của Huyện ủy Vĩnh Khánh (nay là huyện Khánh Vĩnh) và từ năm 1962 đến năm 1964, Hòn Dù là nơi được Tỉnh ủy Khánh Hòa chọn làm nơi đứng chân của các cơ quan tỉnh. Những nơi các cơ quan, đơn vị của Tỉnh ủy, Huyện ủy đóng quân phần lớn nằm trên dãy núi cao, trong các hang đá hay gộp đá, xung quanh là rừng già nên địch rất khó phát hiện. Trong đó, các đơn vị chính của Tỉnh ủy Khánh Hòa chủ yếu đóng tại sườn Hòn Dù Đại (ngọn núi cao nhất trong khu vực căn cứ - với độ cao 1.292m so với mặt nước biển) và được chia thành các khu chức năng như sau:

- **Văn phòng Tỉnh ủy** (thường gọi là Gộp Thường vụ) đứng chân giai đoạn từ năm 1962 - cuối năm 1968: Là một hốc đá với diện tích khoảng 16m, quay mặt về hướng Đông Nam; diện tích của hang đá chủ yếu dùng để đồ đạc làm việc của Văn phòng. Trước hốc đá khoảng 5m là nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy được làm bằng mây che cành lá sẵn có ở xung quanh. Do được làm tạm nên hiện nay không còn vết tích. Xung quanh hốc có những khối đá lớn và được cây cỏ thụ che chắn. Phía dưới, mặt trước của hang là dòng suối Trầu.

- **Gộp Bí thư** - vị trí đóng quân và làm việc của Tỉnh ủy: Là một hốc đá với chiều dài khoảng 6m; rộng 2,5m; cao 2m, nằm ở lưng chừng núi, xung quanh có nhiều

cây cao bao bọc, dây leo chằng chịt; ngay trước cửa gộp là một khối đá lớn cao 6m, rộng khoảng 10m che chắn. Giữa hang là một hầm bí mật dùng để tránh đạn bom với chiều dài khoảng 2m, rộng 1m. Hầm được làm theo hình chữ L và hiện tại hầm đã bị đất lấp đi một nửa.

Trước cửa hang là một nhà sàn làm việc của Tỉnh ủy dài khoảng 4m, rộng 4m, nhưng hiện tại không còn dấu vết do được làm bằng cây, lá đơn giản. Đồng chí Cao Văn Lượng là người bảo vệ vòng ngoài và cũng là người thường xuyên đưa cơm nước cho các đồng chí: Năm Phổ - Bí thư Tỉnh ủy; Sáu Ngô - Phó Bí thư kiêm Chủ tịch lúc đó. Trước nhà làm việc Tỉnh ủy 80m là dòng suối Trầu.

- **Nhà khách của Tỉnh ủy** (Phòng họp Tỉnh ủy): Cách gộp Thường vụ không xa, trên một khu đất tương đối bằng phẳng xung quanh là những cây cổ thụ lớn. Dấu vết còn sót lại là những gốc cây đã bị chặt dùng để đỡ sàn nhà. Giáp phía Đông Nam là hai khối đá lớn, trước nhà khách khoảng 100m là suối Trầu.

- **Nhà bếp Tỉnh ủy**: Nằm sát ngay dòng suối Trầu xung quanh là những khối đá nhỏ nằm sát nhau. Nguồn nước chính dùng để sinh hoạt ăn uống lấy từ dòng suối. Khu vực các cơ quan Huyện ủy Vĩnh Khánh đóng từ tháng 11/1954 nằm trên một địa bàn tương đối rộng

từ phía Bắc chân Hòn Dù, Hòn Sả, Hòn Mưa ra tới bờ sông Giang. Địa hình khu vực này có rất nhiều hang động, gộp đá, xung quanh là rừng già có nhiều cây cổ thụ lớn nên rất thuận lợi cho hoạt động du kích, tránh được những cuộc càn quét của địch⁶⁸.

68. Theo lời kể và chỉ dẫn của ông Cao Văn Lượng, nguyên là Huyện ủy viên Huyện ủy Khánh Vĩnh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Cơ quan Huyện ủy Khánh Vĩnh được bố trí như sau:

+ Trạm Kiểm soát: Để liên lạc được với các cơ quan như thường vụ Huyện ủy, Ban kinh tài, Trạm xá, Hội thanh niên - Phụ nữ... chúng ta phải qua Trạm dừng chân. Trạm dừng chân do lực lượng vũ trang huyện kiểm soát và có nhiệm vụ bảo vệ mọi cuộc họp diễn ra tại căn cứ. Ngoài ra lực lượng này còn có nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho các cơ quan Huyện ủy.

+ Nhà Bếp: Khuôn viên Trạm dừng chân là một bãi cát rộng khoảng 300m² khá bằng phẳng, cách 10m về hướng Đông Bắc là sông Giang, phía Tây có dòng suối nhỏ. Theo đường mòn đi tiếp vào trong khoảng 100m là nhà bếp của Huyện ủy khu vực có nhiều cây lớn che phủ và khá bằng phẳng. Từ khu vực nhà bếp của Huyện ủy đi vào tiếp khoảng 150m là tới khu vực Thường vụ Huyện ủy Khánh Vĩnh đóng quân.

+ Trạm Kinh tài, Y tế và Văn hóa: Tại đó các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy có dựng một túp lán để làm việc. Tuy nhiên do được làm bằng nguyên liệu, vật liệu mây, tre, lá đơn giản và trải qua một thời gian dài nên đến nay lán đã đổ nát hoàn toàn. Sát khu vực Thường vụ Huyện ủy là Hội Thanh niên - Phụ nữ. Theo dọc bờ sông Giang khoảng 100m là tới Ban kinh tài và Trạm xá của Huyện ủy. Khu vực này cách dòng sông Giang khoảng 20m về hướng Đông Bắc. Địa hình bằng phẳng. Tại đây các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy đã cho dựng một số lán trại để chữa bệnh cho các thương bệnh binh, mở các lớp bồi dưỡng văn hóa, các đợt sinh hoạt chính trị, văn hóa, văn nghệ. Hiện tại, khu vực kinh tài và trạm xá còn 2 cây cổ thụ to cao hơn 30m và những đám cây cắm lại quý.

Tỉnh ủy chuyển căn cứ về Hòn Dù trong bối cảnh vào cuối năm 1961, lúc Mỹ - Diệm ra sức gom dân, lập các “ấp chiến lược” thì về phía ta, Tỉnh ủy chủ trương tập trung phá kế hoạch của chúng, trong đó cán bộ ra sức bám dân, xây dựng cơ sở, tích cực làm công tác binh vận, dân vận đưa phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang lên một bước mới.

Do phong trào được mở rộng và thuận tiện cho việc chỉ đạo cả phía Bắc, phía Nam mà Diên Khánh là vùng trung tâm, đầu năm 1962 cơ quan của Tỉnh ủy được chuyển từ Xóm Cỏ (Khánh Sơn) ra vùng A Xây (Khánh Vĩnh). Các cơ quan đóng sát chân Hòn Dù, phía Bắc khu tập trung Gia Lê cũ, là đầu mối các trục giao thông trong kháng chiến, đồng thời cũng là một khu vực có nhiều đất bằng phẳng thuận lợi cho việc trồng trọt, sản xuất lương thực. Trước khi cơ quan Tỉnh ủy chuyển về căn cứ Hòn Dù, từ năm 1957 cơ quan Huyện ủy Khánh Vĩnh từ sông Giang dời lên Hòn Dù và xây dựng căn cứ cách mạng ở đây. Do được chuẩn bị từ trước, nên khi cơ quan Tỉnh ủy chuyển đến là cán bộ bắt tay vào sản xuất được ngay.

Đầu năm 1962, phong trào cách mạng trong tỉnh có chuyển biến tốt. Các huyện miền núi đã vào thế ổn định vững chắc, sản xuất mở rộng, được mùa, đời sống đồng bào, cán bộ và bộ đội được cải thiện. Ở đồng bằng, các

đội vũ trang phát động quần chúng xây dựng cơ sở, liên tục tiến công địch và diệt ác làm cho thế kềm của địch bị lỏng ở nhiều nơi, cơ sở cách mạng phát triển đều, phong trào nhân dân du kích chiến tranh mở rộng. Lực lượng vũ trang của tỉnh và Liên tỉnh đã có những trận đánh lớn, khiến cho bọn địch hoang mang lo sợ.

Thực tiễn trên đây chứng tỏ phong trào cách mạng trong tỉnh, cả miền núi và đồng bằng đang chuyển sang thế tiến công, đánh dấu “thời kỳ tạm ổn định của Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu”⁶⁹.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ III (02/1962)

Tháng 02/1962, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ III (Đại hội đầu tiên trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước) được triệu tập. Đại hội lần này khẳng định sự phục hồi của Đảng bộ sau khi đã vượt qua chặng đường khó khăn nhất trong những năm 1955 - 1959. Đại hội họp tại buôn A Xây phía Tây - Nam Hòn Dừ, có 40 đại biểu tham dự.

Đại hội đã đánh giá tình hình, tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị song

69. Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 01/1961.

song, kinh nghiệm vận dụng “hai chân ba mũi giáp công”; công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, kinh nghiệm phá ấp chiến lược, phá kèm. Đại hội đã đề ra những chủ trương lớn:

- Tập trung sức xây dựng cơ sở ở nông thôn đồng bằng, tiếp tục phá kế hoạch gom dân lập “ấp chiến lược” của địch. Tích cực bám dân, bám cơ sở, chú trọng đào hầm bí mật bám địa bàn vùng sâu, ven đường giao thông chiến lược, căn cứ quân sự địch.

- Phát triển cơ sở ở thị xã, thị trấn, tăng cường cán bộ cho Nha Trang, chú trọng Đá Bạc, Ba Ngòi.

- Củng cố miền núi thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào đồng bằng, tạo thế liên hoàn với vùng căn cứ của các tỉnh Ninh Thuận, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Tích cực tăng gia sản xuất, coi cây mì là chiến lược, bắp, lúa là quan trọng, phát triển trồng bông để giải quyết một phần vải mặc cho dân; khơi lòng tiếp tế muối, vải, nông cụ cho miền núi.

- Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang ở đồng bằng và miền núi.

- Kiện toàn sự chỉ đạo của Đảng bộ, tiến hành đại hội ở cấp huyện.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 05 đồng chí, đồng chí Mai Dương được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Tô Văn Ôn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Lãnh đạo Nhân dân đấu tranh phá “áp chiến lược” - nòng cốt của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và phá tan chiến dịch “Thiểm Đầu Thủy” của địch

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, trước tình hình phong trào đồng bằng trong tỉnh có bước phát triển, Tỉnh ủy chủ trương phát động quần chúng nhân dân vùng dậy, làm chủ ở những địa bàn có phong trào khá. Suốt năm 1962, ta đã lần lượt phá “áp chiến lược” của địch ở nhiều nơi như Ninh Hòa, Nha Trang, Diên Khánh. Khi Nhân dân ở các vùng giáp ranh rừng núi nổi dậy phá rào “áp chiến lược” thì địch phản ứng bằng cách dồn xức dân đi nơi khác, nhưng Nhân dân không để địch hành động dễ dàng. Cuộc đấu tranh đã diễn ra trong thế giằng co quyết liệt.

Nhìn chung, tình hình cách mạng đang phát triển thuận lợi nhờ đường lối chính trị sáng suốt của Trung ương Đảng kịp thời phát động đấu tranh vũ trang và chính trị song song chống lại cuộc “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, đặt rõ trọng tâm vào công việc đấu tranh giành dân, giành quyền làm chủ, làm thất bại “quốc

sách” “ấp chiến lược” của địch. Hệ thống tổ chức của Đảng bộ được giữ vững và củng cố chẳng những ở vùng căn cứ miền núi đã được giải phóng, mà cả ở đồng bằng, thị xã, thị trấn. Đến cuối năm 1962, lực lượng quân sự của tỉnh đã phát triển gồm Tiểu đoàn 39 Sông Lô, Đại đội 548 người dân tộc (bảo vệ cơ quan tỉnh), Đại đội 203 (hoạt động vùng Đông và Bắc Khánh), Đại đội 100 (Phụ trách vùng Bắc Khánh), Đại đội đặc công, Trung đội trinh sát, Trung đội thông tin, Đội công binh, Trung đội vận tải, 2 bệnh xá, 1 xưởng quân giới, Đội sản xuất hậu cần, Trường huấn luyện quân sự. Mỗi huyện có trung đội bộ binh, tiểu đội công binh, tổ đặc công, tổ sản xuất vũ khí. Ngoài ra, còn một lực lượng du kích tại chỗ trên khắp địa bàn tỉnh, kể cả trong các “ấp chiến lược” của địch.

Về phía địch, do nhận thấy vị trí quan trọng của miền núi đối với phong trào cách mạng ở Khánh Hòa. Ở đây, chúng không đóng được đồn, không xây dựng được cứ điểm, cũng không lừa được dân vào các “ấp chiến lược”. Cho nên, một mặt chúng ra sức bao vây kinh tế, nhất là muối và vải là hai thứ hàng thiết yếu nhất đối với đời sống của đồng bào các dân tộc; mặt khác, chúng cho máy bay thường xuyên oanh tạc, thả truyền đơn, tung gián điệp, biệt kích, tuyên truyền

xuyên tạc các chính sách kháng chiến của Đảng và Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Đáng chú ý là nhóm gián điệp do Hồ Đức Trí cầm đầu, tổ chức mạng lưới đánh phá phong trào miền núi huyện Vĩnh Khánh trong một thời gian dài. Vào tháng 3/1962, chúng kết hợp thủ đoạn dùng thần quyền của đạo Tin Lành với hù dọa, xuyên tạc để lôi kéo 347 đồng bào ở 5 thôn Soi Mít, Ba Căng, Suối Giếng, Suối Cá, Suối Bò “chạy thánh” xuống vùng địch kiểm soát. Lần “chạy thánh” thứ hai vào tháng 3/1963, chúng kéo hơn 200 đồng bào bỏ làng để xuống vùng địch tạm chiếm. Ta kịp thời phát hiện chặn lại tại Bắc Hòn Lớn; tiểu đội du kích do đồng chí Máu Đầu chỉ huy diệt tên Hồ Đức Trí tại Cây Sung (Đồng Trăn), xóa một ổ gián điệp nguy hiểm, mặc dù vậy vẫn có hàng mấy trăm dân vùng căn cứ chạy về vùng địch.

Suốt nửa đầu năm 1963, cùng với chiến tranh gián điệp, bao vây kinh tế, địch liên tiếp mở các cuộc càn quy mô lớn cấp đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn đánh phá căn cứ miền núi, tập trung vào vùng Tô Hạp, Xóm Cỏ (Khánh Sơn), Gia Lê (Khánh Vĩnh). Cuộc càn quy mô lớn của địch lấy tên “chiến dịch Thiềm Đầu Thủy” vào ngày 01/6/1963.

Lực lượng tham gia cuộc càn là hai trung đoàn chủ lực và 3 tiểu đoàn tăng cường gồm trên 2.600 quân, có 23 máy bay trực thăng, 2 máy bay trinh sát, 5 máy bay khu trục và 1 đại đội pháo 105 ly.

Trọng điểm cuộc càn là lưu vực sông Tô Hạp, huyện Khánh Sơn - nơi đóng các cơ quan đầu não của tỉnh những năm trước đây. Ngày 01/6/1963, địch cho máy bay ném bom phát quang, dọn bãi, sau đó hàng đoàn máy bay trực thăng nhiều lượt đổ quân, thả vũ khí, đạn dược, đồ tiếp tế, có cả 4 pháo 105 ly. Chúng tiến hành xây công sự dã chiến tại Tà Gụ. Ngày 3/6, tên thiếu tướng Tôn Thất Đình đích thân đến Xóm Cỏ thị sát trận địa. Sau khi xây dựng và củng cố cứ điểm hành quân, địch bắn pháo lớn suốt ngày đêm vào các buôn rẫy xung quanh, chia quân càn quét các ngả, đốt cháy nhà cửa, kho lương thực của đồng bào. Có máy bay yểm trợ, một cánh quân khác từ Cam Ranh lên bằng đường bộ, bung ra đánh phá, lùng sục các buôn làng.

Lực lượng ta tham gia chống càn lần này chủ yếu là lực lượng bộ đội địa phương Khánh Sơn và 1 trung đội của tiểu đoàn Sông Lô cùng với du kích cán bộ và đồng bào vùng căn cứ.

Dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở và địa hình thông thuộc, các lực lượng ta phát huy cao độ tác dụng của

mang cung, bắn đá, hàm chông, tên thuốc độc kết hợp với các loại vũ khí khác, chiến đấu mưu trí, dũng cảm diệt trên 200 tên địch, trong đó có gần 60 tên bị trúng tên thuốc độc, trên 70 tên bị sập bẫy chông. Có trường hợp du kích một xã chỉ dùng tên ná và bẫy chông đã giết và làm bị thương 24 tên địch. Con đường Tha Mãng - Dốc Trầu bị quân ta chặn đánh liên tục. Tên thiếu tá chỉ huy cánh quân phía Đông bị du kích Tô Hạp bắn chết tại trận.

Địch bị đánh đau co cụm lại, không dám ngang nhiên lòng sục nhưng vẫn bị bộ đội, du kích bắn tĩa khi chúng đi lấy nước, đi qua rẫy trồng. Có trận ta diệt gọn cả một trung đội đi nhổ mì của đồng bào.

Phần bị quân ta tiến công, phần do thời tiết khắc nghiệt của núi rừng cho nên địch phải rút lui, kết thúc cuộc càn lên Khánh Sơn.

Khi thấy máy bay cần cầu chở pháo 105 ly chuyển đi, có dấu hiệu địch chuẩn bị rút lui, đồng bào, du kích, bộ đội địa phương và trung đội Sông Lô đã tích cực bao vây tiến công. Cánh quân địch rút lui bằng đường bộ bị chặn đánh tại Suối Giá, Ba Cùm. Địch không dám đi theo đường mòn phải xuyên rừng. Từ Ba Cùm về Đồng Lác đáng lẽ chỉ đi 8 tiếng đồng hồ, nhưng đội quân thất trận này phải đi mất 8 ngày. Sĩ quan, binh lính địch sợ hãi gọi lưu vực sông Tô Hạp là “*Thung lũng tử thần*”.

Đồng thời với cuộc đổ quân ở Xóm Cỏ (Khánh Sơn), cũng trong ngày 01/6/1963, 1 cánh quân của địch từ Thành lên vùng Gia Lê (Khánh Vĩnh) vượt qua tuyến cảnh giới của đơn vị Sông Lô đóng gần Giang Ché (nơi huyện lỵ Khánh Vĩnh hiện nay), chúng càn quét vùng xung quanh cơ quan Tỉnh đội, bị đơn vị 548 bám đánh. Ngày 02/6, chúng qua sông Trang, xuống sông Cầu bị du kích bắn chết 4 tên bằng tên thuốc độc. Đến đầu tháng 8/1963, địch lại dùng 2 cánh quân càn quét vùng Vĩnh Khánh. Cánh thứ nhất gần 1 tiểu đoàn đổ quân ở đường 21, càn vào vùng Tô Lê, Suối Bò, Pa Căng đến trước cơ quan Huyện ủy Vĩnh Khánh đóng tại Suối Lách, bị du kích và lực lượng vũ trang huyện bám đánh liên tục, địch hành quân dè dặt, 1 ngày chỉ đi được khoảng 3 km đường rừng. Cánh quân này, ngày 25/8/1963 rút qua thôn Suối Giá, đốt nhà, phá hoa màu rồi rút về Nha Trang theo ngõ Đất Sét. Cánh quân thứ hai cũng theo trục đường sông Cái, càn lên vùng xung quanh cơ quan tỉnh đóng ở Gia Lê, chúng bị lực lượng 548, trinh sát tỉnh bao vây đánh liên tục, bị tiêu hao lực lượng. Đến ngày 25/8/1963, chúng rút về Thành Diên Khánh theo trục đường sông Cái cùng lúc với đơn vị càn ở Vĩnh Khánh.

Đây là cuộc càn dài ngày nhất và ác liệt nhất ở vùng căn cứ Khánh Hòa, với âm mưu rút 15.000 dân về tập

trung ở vùng đồng bằng, xóa căn cứ miền núi. Sau 75 ngày càn quét, địch bị tiêu hao nặng nề, trên 300 tên chết và bị thương. Địch không rút được người dân nào ra khỏi căn cứ mà bị tiêu hao nặng bởi sức mạnh kỳ diệu của chiến tranh nhân dân.

Phối hợp với chống càn ở căn cứ, các đội vũ trang ở đồng bằng hoạt động mạnh, diệt ác, phá kềm, ở một số xã, thôn, xây dựng cơ sở rộng khắp hơn trước. Phong trào đấu tranh trong các đô thị lên cao. Tăng ni, Phật tử ở các thị xã, thị trấn nổi dậy chống phân biệt tôn giáo, chống đàn áp Phật giáo. Ngày 15/8/1963, ni cô Diệu Quang tự thiêu cạnh trụ sở “Phong trào cách mạng quốc gia” ở thị trấn Ninh Hòa, gây không khí bất bình và phẫn nộ cao độ trong Nhân dân vùng địch kiểm soát.

Phong trào chống chế độ Mỹ - Diệm hà khắc, liên kết với phong trào chống bắt lính, chống áp bức bóc lột, chống nguy quyền tham nhũng đã trở thành một mặt trận chống Mỹ, chống Diệm rất rộng rãi và mạnh mẽ. Cách mạng đang phát triển ở cả ba vùng chiến lược. Còn địch vừa bị thất bại ở miền núi, sơ hở ở đô thị và đồng bằng nên phải vội vã quay về bảo vệ hậu cứ của chúng.

Trong gần 3 tháng, mưu đồ của địch là triệt phá căn cứ đầu não kháng chiến, nhằm cào xức 15.000

dân miền núi dồn vào các khu tập trung ở đồng bằng. Nhưng chúng bị mạng lưới chiến tranh nhân dân phối hợp rộng khắp, từ rừng núi đến đồng bằng, đô thị, làm thất bại một bước nghiêm trọng chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ tại địa bàn Khánh Hòa.

Từ giữa năm 1963, cách mạng miền Nam với phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” tiến lên mạnh mẽ, làm cho mâu thuẫn trong giới cầm quyền miền Nam, giữa Mỹ và ngụy trở nên rất sâu sắc. Ngày 01/11/1963, đế quốc Mỹ tiến hành đảo chính quân sự, “thay ngựa giữa dòng”, giết chết Tổng thống Ngô Đình Diệm và “Cố vấn” Ngô Đình Nhu, lần lượt đưa Dương Văn Minh rồi Nguyễn Khánh lên làm Tổng thống. Phong trào cách mạng ở miền Nam lên mạnh, địch càng rối ren, phải thay Nguyễn Khánh bằng Trần Văn Hương nhưng vẫn lún sâu vào thất bại.

Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại thôn Đa Tây, xã Khánh Thượng (Vĩnh Khánh) do đồng chí Nguyễn Hồng Châu, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy 5 vừa về nhận công tác tỉnh Khánh Hòa chủ trì. Được tin đảo chính xảy ra ở Sài Gòn, hội nghị quyết định tạm ngừng, tranh thủ thời cơ thuận lợi để triển khai lực lượng, đưa cán bộ và lực lượng vũ trang về mở rộng mạng lưới, xây dựng cơ sở ở đồng bằng.

Đối với ta, tình hình lúc này tương đối thuận lợi, nguy quân, nguy quyền đang hoang mang, dao động, lâm vào tình trạng suy sụp và khủng hoảng nghiêm trọng. Chủ trương của Tỉnh ủy đưa ra là đúng đắn và kịp thời, song vì cơ sở và thực lực của Đảng bộ ở đồng bằng còn yếu, nên việc tranh thủ thời cơ để chuyển phong trào lên còn nhiều hạn chế.

Cuối năm 1963, theo chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, tỉnh Khánh Hòa tách khỏi Khu 6 trở lại Khu 5 và là thành viên của Liên tỉnh 3⁷⁰.

Tháng 02/1964, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại A Xây (Hòn Dũ), Hội nghị đã bầu đồng chí Tô Văn Ôn làm Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lưu Văn Trọng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị đã thống nhất nhận định phong trào các huyện miền núi ngày càng được củng cố, nhất là sau khi đánh bại cuộc càn “Thiền Đầu Thủy” của địch, nhưng ở đồng bằng sự giằng co giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Địch ra sức rào làng, lập ấp, xây dựng nguy quyền, nguy quân, kềm kẹp quần chúng. Ta thì tận dụng mọi phương pháp và khả năng đấu tranh để phá kềm, giành dân, giành quyền làm chủ. Bộ máy của các đảng bộ huyện, xã đang được kiện toàn nhưng cán bộ chưa xây dựng được chỗ đứng chân vững chắc

70. Gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Phú Bôn.

trong quần chúng, nên sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với cơ sở còn nhiều hạn chế.

Hội nghị Tỉnh ủy chủ trương tiến hành một đợt đấu tranh tự phê bình và phê bình mạnh mẽ trong các cấp ủy, trong cán bộ đảng viên và lực lượng vũ trang, chống tư tưởng hữu khuynh, co thủ rút rè, quán triệt phương châm đấu tranh chính trị và vũ trang song song, phương châm “hai chân, ba mũi giáp công”. Những cán bộ trước đây thoát ly ở căn cứ nay về đào công sự bí mật bám lại thường xuyên trong Nhân dân. Các đơn vị bộ đội chủ lực về đứng chân ở đồng bằng để hỗ trợ cho Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ. Sau Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, cơ quan chỉ đạo của Tỉnh ủy chuyển về Suối Thơm (Hòn Dữ).

Như vậy, từ tháng 02/1964 sau khi cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy chuyển về Hòn Dữ, đến năm 1975 căn cứ Hòn Dữ kết thúc vai trò căn cứ đứng chân chủ yếu của Tỉnh ủy. Tuy nhiên, suốt những năm tháng còn lại của cuộc kháng chiến chống Mỹ (từ năm 1964 - 1975), Hòn Dữ vẫn là nơi diễn ra nhiều hoạt động quan trọng của Tỉnh ủy và vẫn là nơi đặt căn cứ cách mạng của Huyện ủy Vĩnh Khánh.

Ngày 20/01/1967, trong lúc địch mở rộng cuộc “phản công chiến lược” mùa khô lần thứ Hai (1966 -

1967), chúng cho từng tốp máy bay B52, B57 ném bom rải thảm, pháo kích bắn cấp tập vào căn cứ nhằm chuẩn bị cho các lực lượng bộ binh tiến công Hòn Dũ, Hòn Lớn là nơi lúc này nhiều cơ quan như Tỉnh ủy, Tỉnh đội, Ban Chỉ huy Trung đoàn Sao Thủy, Ủy ban Mặt trận giải phóng tỉnh đang đóng quân (lãnh đạo chiến dịch Xuân năm 1967), tuy nhiên cuộc hành quân của địch đã bị quân chủ lực của ta bẻ gãy, gây cho địch nhiều thiệt hại về nhân lực và phương tiện chiến tranh; bảo vệ an toàn tuyệt đối cho cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Sau cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Hội nghị Tỉnh ủy tháng 7/1968 được tiến hành tại hội trường Suối Cát thuộc căn cứ Hòn Dũ. Hội nghị vừa bắt đầu làm việc thì bị máy bay chiến lược B52 Mỹ ném bom, rồi quân Nam Triều Tiên đổ bộ đi càn. Hội nghị phải di chuyển nhiều lần. Lần sau cũng vẫn bị bom pháo bắn. Trong vùng Tỉnh ủy mở hội nghị, quân Nam Triều Tiên đổ dày. Hội nghị Tỉnh ủy tranh thủ, kết thúc sớm để tổ chức lực lượng đưa anh em về lại địa phương và chống càn. Đoàn cán bộ Bắc Triều Tiên có 3 người vào giúp ta vận động lính và sĩ quan Nam Triều Tiên cũng được tổ chức đưa về Khu an toàn.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (10/1973)

Ngày 8/10/1973, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII được triệu tập tại Hòn Dũ, thuộc xã Khánh

Minh. Đại hội nhận định: Từ khi ký Hiệp định Pa-ri, địch vẫn điên cuồng tiếp tục chiến tranh gây cho ta nhiều khó khăn. Trong thời gian sắp tới, chúng sẽ tiếp tục phá hoại Hiệp định Pa-ri, huy động mọi lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế đánh phá với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt hơn nữa.

Tuy nhiên, địch có nhược điểm rất cơ bản là tình thần nguy quân, nguy quyền sa sút nghiêm trọng; chán ghét chiến tranh, muốn hòa bình, mâu thuẫn nội bộ ngày càng tăng (giữa các phe phái với Thiệu, giữa bọn ác ôn ngoan cố, hiếu chiến với đa số binh sĩ muốn hòa bình); chính trị không ổn định; bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh ngày càng lộ rõ, viện trợ Mỹ tiếp tục giảm, vật giá leo thang, gạo thóc khan hiếm, thất nghiệp tràn lan.

Về phía ta, các mặt công tác triển khai tương đối tốt, mở ra nhiều khả năng mới. Quân chúng vùng căn cứ sôi nổi bước vào đợt thi đua xây dựng mọi mặt vững mạnh, thành hậu phương trực tiếp cho phong trào đồng bằng, sẵn sàng đánh bại địch trong mọi tình huống.

Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào toàn tỉnh đã trải qua đấu tranh thử thách và trưởng thành, có truyền thống đoàn kết, tự lực, tự cường, quyết tâm kháng chiến, có sự chỉ đạo trực tiếp và chi viện của cấp trên.

Khó khăn lớn nhất của ta là ở đồng bằng chưa có vùng giải phóng. Vùng làm chủ và vùng tranh chấp còn hẹp. Thực lực chính trị, vũ trang hợp pháp và bất hợp pháp còn thiếu và yếu. Cơ sở đảng ở vùng địch tạm chiếm còn quá hẹp, vùng chưa có cơ sở cách mạng còn nhiều. Nguồn bổ sung nhân lực chưa mở ra được. Việc cung cấp vật tư, vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ chiến đấu còn rất hạn chế, chưa đảm bảo.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung: “Dựa vào nhiệm vụ của Khu, căn cứ vào tình hình trong tỉnh, nhiệm vụ của Đảng bộ sắp tới là động viên nỗ lực của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh bằng ba mũi giáp công đánh bại lần chiếm bình định, tổ cộng của địch, giữ vững vùng ta, khôi phục lại thế làm chủ (vùng làm chủ và tranh chấp cũ) mở rộng diện lòng kèm, giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển phong trào và lực lượng cách mạng ở vùng địch (kể cả thị xã, thị trấn). Khẩn trương xây dựng vùng ta về mọi mặt: Chú trọng các khâu quan trọng sản xuất, giao thông vận tải, giao lưu hàng hóa, xây dựng quân sự, chính trị, kinh tế đủ sức làm chỗ dựa cho phong trào đồng bằng, đồng thời sẵn sàng đánh thắng địch gây lại chiến tranh”.

Nhiệm vụ trung tâm: “Ra sức đánh bại lần chiếm, bình định, tổ cộng của địch, giành dân, giữ dân, mở rộng quyền làm chủ, phát triển thực lực ta”.

Trên cơ sở nhiệm vụ chung đó, Đại hội đã vạch ra những nhiệm vụ cụ thể về giành, giữ dân, về công tác quân sự, công tác đấu tranh chính trị và binh vận, công tác xây dựng Đảng, công tác thành thị, công tác xây dựng vùng căn cứ. Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần phải nắm vững và vận dụng đúng đắn phương châm: “Đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, binh vận, nắm vững phương châm ba vùng chiến lược để đấu tranh chống địch giành dân, giành quyền làm chủ”.

Đại hội đề ra phương châm chỉ đạo:

- Kiên trì đấu tranh lâu dài, đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, nỗ lực giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

- Nắm vững tư tưởng chiến lược tấn công, quán triệt các mặt đấu tranh với địch; xây dựng lực lượng cách mạng trong cả vùng địch và vùng ta.

- Coi trọng kết hợp xây dựng giữa vùng ta và vùng địch, giữa nông thôn và thành thị, giữa tấn công và xây dựng; nắm vững và chỉ đạo chặt chẽ mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng vùng ta và phát triển phong trào vùng địch vì giữa hai vùng có tác động thúc đẩy lẫn nhau.

- Đấu tranh chính trị (binh vận) kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang, đấu tranh ngoại giao nhằm đánh bại mọi âm mưu phá hoại hiệp định của địch ngừng bắn, thực hiện hòa bình.

- Đúng vững lập trường nguyên tắc cách mạng, vận dụng mềm dẻo, khéo léo sách lược, chính sách của Đảng phù hợp với thực tiễn và có lợi nhất.

- Chỉ đạo phải toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, chú trọng đúng mức và nắm vững phương châm 3 vùng chiến lược.

Đó là những kinh nghiệm lớn đã được đúc kết qua 18 năm chống Mỹ, cứu nước. Trong tình hình mới, với những đặc điểm mới cần ra sức nghiên cứu để vận dụng sáng tạo, đạt kết quả mong muốn.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 23 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 06 đồng chí, đồng chí Võ Cừ, Quyền Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Hồng Thái làm Thường trực Tỉnh ủy. Đại hội cử đoàn đại biểu của tỉnh đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ Khu 5 lần thứ 3 gồm 11 đồng chí do đồng chí Bùi Hồng Thái, Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn.

Đến năm 1974, trên cơ sở thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, từ ngày 12 đến ngày 22/12/1974, Tỉnh ủy họp phiên mở rộng tại căn cứ Hòn Dũ. Hội nghị vạch rõ: “Trong thời gian nhất định phải nỗ lực đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định lần chiếm của địch, tạo cho được thế mới, một bước chuyển

biến ở thôn xã, tạo nên một sự thay đổi về so sánh lực lượng và cục diện chiến trường có lợi cho ta, không lợi cho địch, trên cơ sở đó tranh thủ thời cơ tiến lên giành thắng lợi lớn hơn với chất lượng cao hơn”.

Thực hiện các phương hướng chỉ đạo trên đây là nỗ lực tạo ra thế mới và lực mới, đón thời cơ trong thời gian sắp tới để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào mùa xuân năm 1975.

Như vậy, căn cứ cách mạng Hòn Dũ là nơi các cơ quan của Tỉnh ủy, Tỉnh đội, Ủy ban kháng chiến tỉnh chọn làm nơi đứng chân trong khoảng 2 năm (1962 - 2/1964), thời gian Tỉnh ủy lãnh đạo Nhân dân tập trung phá “áp chiến lược” của Mỹ - Diệm trên cả “Hai chân - ba mũi”: Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hình thức đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận) làm cho địch suy yếu cả về tinh thần, tổ chức và đi đến thất bại. Đây cũng chính là nơi diễn ra kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đầu tiên trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (Đại hội lần thứ III, năm 1962) với chủ trương lớn: *Xây dựng cơ sở ở nông thôn đồng bằng; phát triển cơ sở ở thị xã, thị trấn; củng cố miền núi và xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang ở cả đồng*

bằng và miền núi. Đồng thời, cũng là nơi diễn ra kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ lần cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Đại hội lần thứ VII, tháng 10/1973) với chủ trương: “Đánh bại lần chiếm bình định, tổ Cộng của địch, giữ vững vùng ta, khôi phục lại thể làm chủ” tiến tới giải phóng hoàn toàn quê hương.



Bia Di tích lịch sử căn cứ địa Hòn Dũ đặt tại xã Khánh Trung



Thôn A Xây (Khánh Vĩnh), nơi diễn ra
Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ III (02/1962)



Căn cứ Hòn Dũ, huyện Vĩnh Khánh, nơi diễn ra
Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ VII (10/1973)

CHƯƠNG III

KẾT LUẬN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CĂN CỨ CÁCH MẠNG

Căn cứ cách mạng, với tất cả các hoạt động của nó, đã giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến tranh chống xâm lược, là biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một nhân tố không thể thiếu, góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn của cuộc chiến tranh giải phóng do Nhân dân Việt Nam nói chung, tỉnh Khánh Hòa nói riêng tiến hành trong suốt 30 năm của thế kỷ XX.

Nắm vững học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề căn cứ địa cách mạng, hậu phương của chiến tranh cách mạng, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng ta đã chủ động lãnh đạo xây dựng căn cứ địa cách mạng, coi đó là một bộ phận quan trọng trong đường lối chiến tranh nhân dân chống xâm lược. Nơi xây dựng căn cứ cách mạng là những khu vực được chọn làm nơi trú ẩn đứng chân, bảo tồn và phát triển lực lượng kháng chiến; để tích lũy, xây dựng cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội; làm chỗ dựa thực hành phản công, tiến công tiêu diệt địch.

Hoạt động xây dựng, bảo vệ và phát triển tác dụng của các căn cứ thực sự trở thành một nội dung quan trọng góp phần vào thành công của cuộc kháng chiến chống xâm lược. Trên cơ sở quán triệt và vận dụng lý luận của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về căn cứ địa cách mạng; kế thừa và phát huy kinh nghiệm quý báu của các thế hệ cha ông với truyền thống đấu tranh bất khuất, “lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh”; căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, Tỉnh ủy Khánh Hòa luôn xác định nhiệm vụ xây dựng căn cứ, nơi đứng chân của cơ quan Tỉnh ủy là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, quyết định đến sự tồn vong của cơ quan lãnh đạo cao nhất, bộ não của công cuộc kháng chiến ở địa phương.

Trong suốt 30 năm tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo (1945 - 1975), căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa đã góp phần to lớn và mang tính quyết định cho những thắng lợi vẻ vang của tỉnh nhà. Căn cứ của Tỉnh ủy không chỉ là nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ huy cuộc kháng chiến mà còn tạo ra thế và lực cho cuộc kháng chiến. Nơi đảm bảo một phần quan trọng về hậu cần, cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến tại chỗ và

làm điểm tựa vững chắc để bảo toàn lực lượng kháng chiến. Đặc biệt, một số căn cứ của tỉnh còn góp phần quan trọng trong việc đảm bảo hành lang chiến lược Bắc - Nam cả trên bộ và trên biển (Hòn Hèo, Đá Bàn).

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975), các căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy là nơi tiếp nhận các chủ trương của Trung ương Đảng, của Khu ủy khu 5 đã được Tỉnh ủy vận dụng sáng tạo, linh hoạt để hình thành các chủ trương, chỉ đạo cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đưa phong trào cách mạng của tỉnh đi đến thắng lợi. Các căn cứ của Tỉnh ủy là trung tâm phát triển lực lượng cách mạng, trung tâm chỉ đạo phong trào cách mạng; các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của cấp ủy được đưa về các địa phương thông qua các đường dây giao liên, thông qua các cuộc họp, hội nghị; từ đó được quân và dân các địa phương tiếp thu, vận dụng, biến thành các phong trào, các cao trào cách mạng để lần lượt đánh bại các âm mưu, thủ đoạn xâm lược của kẻ thù. Ở những mức độ nhất định, các căn cứ cách mạng còn giữ vai trò là nơi sản xuất tự cấp, tự túc theo phương châm “dựa vào sức mình là chính” để đáp ứng nhu cầu về lương thực cho cán bộ, Nhân dân, lực lượng vũ trang của tỉnh và của cả Khu ủy 5.

Quan trọng hơn, căn cứ Tỉnh ủy còn là căn cứ của niềm tin, chỗ dựa vững về chính trị, tinh thần của Nhân dân vùng địch kiểm soát. Các căn cứ được giữ vững đồng nghĩa với cách mạng còn, Tỉnh ủy còn, với niềm tin mãnh liệt của Nhân dân vào Đảng, vào cách mạng được duy trì và từng bước củng cố. Mỗi khi được tiếp xúc với cán bộ từ căn cứ xuống đồng bằng, hay mỗi lần Nhân dân vào căn cứ, niềm tin ấy của Nhân dân lại được nhân lên, trở thành động lực to lớn để Nhân dân một lòng, một dạ theo Đảng làm cách mạng.

Trong chiến tranh, phần lớn các căn cứ cách mạng của tỉnh là những vùng đất có điều kiện địa lý hiểm trở, đồi núi, rừng rậm, hang sâu và bán đảo; vừa có thể phòng thủ, vừa có thể tiến công. Với một địa phương có núi rừng chiếm 3/4 diện tích đất liền, xen kẽ các vùng đồng bằng (Diên Khánh, Ninh Hòa) và thung lũng tương đối màu mỡ, cùng với vùng biển, đảo rộng lớn, các căn cứ địa của tỉnh được phân bố đều khắp từ vùng đô thị ven biển (Đồng Bò) lên vùng rừng núi hiểm trở (Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Tây Ninh Hòa) và cả vùng bán đảo (Hòn Hèo - Ninh Hòa)... Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, mặc dù phải di chuyển liên tục, qua nhiều địa bàn khác nhau, từ vùng đồng bằng, trung du, hải đảo cho đến vùng rừng núi hiểm trở, nhất là trong

điều kiện bị truy lùng gắt gao, bị đánh phá khốc liệt bởi vũ khí, phương tiện chiến tranh tối tân của quân xâm lược nhưng căn cứ Tỉnh ủy vẫn luôn giữ vững vai trò là trung tâm đầu não kháng chiến, là trung tâm chỉ đạo phong trào cách mạng.

Chiến tranh đã đi qua, di tích lịch sử cách mạng căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy là sản phẩm và là bằng chứng thiết thực mang dấu ấn của thời đại, tiềm ẩn trong nó những giá trị lịch sử cao quý, tinh thần chiến đấu anh dũng và những hy sinh gian khổ của cha anh. Căn cứ của Tỉnh ủy là một trong những di tích lịch sử có ý nghĩa quan trọng giáo dục truyền thống yêu nước, yêu độc lập tự do cho các tầng lớp nhân dân, giáo dục cho thế hệ trẻ tinh thần anh dũng, bất khuất chống giặc ngoại xâm của cha anh bao đời nay, tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa các dân tộc anh em trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bài học kinh nghiệm

Một trong những thành công to lớn của quân và dân Khánh Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng là xây dựng được căn cứ của Tỉnh ủy làm nơi đứng chân của cách mạng giữa vùng chiếm đóng của địch, từ đó xây dựng cơ sở kháng chiến và mở rộng, phát triển phong trào

kháng chiến trong toàn tỉnh. Bảo toàn cơ quan đầu não của tỉnh, lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, vượt qua thử thách khốc liệt của chiến tranh, trưởng thành nhanh chóng. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân quyết đánh giặc, làm phân tán, chia cắt, giam chân, tiêu diệt và tiêu hao lực lượng quân sự của địch, làm thất bại những âm mưu quân sự, chính trị của chúng, góp phần bồi dưỡng và phát triển lực lượng của ta trong quá trình kháng chiến.

Các căn cứ của Tỉnh ủy có vai trò lịch sử quan trọng, đặc biệt là trong những năm kháng chiến chống Pháp và Mỹ, giai đoạn 1945 - 1975 của Nhân dân các dân tộc tỉnh Khánh Hòa. Sự tồn tại và hoạt động của khu căn cứ từ khi thành lập đến khi được giải phóng đã khẳng định sự chỉ đạo đúng đắn của Trung ương về việc xây dựng căn cứ địa, quyết định đúng đắn của Tỉnh ủy Khánh Hòa về việc chọn các địa phương làm căn cứ kháng chiến lâu dài của tỉnh. Quá trình lựa chọn, xây dựng, bảo vệ và phát triển các căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy ngoài việc góp phần quan trọng quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến, đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, nhất là trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong tình hình mới.

Một là, nắm vững và phát huy sáng tạo, hiệu quả các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” trong xây dựng căn cứ cách mạng. Đây là ba yếu tố để tạo thành sức mạnh tổng hợp cho các căn cứ cách mạng.

Yếu tố về “thiên thời”, “địa lợi” chính là việc nghiên cứu, tận dụng các lợi thế về điều kiện tự nhiên với địa hình đa dạng, rừng rậm, núi cao, vừa có thể thủ, vừa có thể công đã được Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm và xác định đây là yếu tố quan trọng đảm bảo vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của các căn cứ, nơi đứng chân, đứng như phương châm “*rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*”. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy còn chủ động trong việc chỉ đạo xây dựng căn cứ của Tỉnh ủy, của các cơ quan, ban, ngành của tỉnh khi cuộc kháng chiến vừa nổ ra.

Tháng 9/1945, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Tỉnh ủy đã kịp thời cho xây dựng xưởng quân giới Đồng Trăn, chuẩn bị vũ khí, phương tiện cho cuộc kháng chiến. Cũng chính tại đây, ngày 02/02/1946, sau khi Mặt trận Nha Trang bị vỡ đã trở thành căn cứ đầu tiên của Tỉnh ủy Khánh Hòa, mở đầu cho thời kỳ kháng chiến gian khổ, cũng là nơi “*manh nha*” việc hình thành, xây dựng các căn cứ cách mạng về sau của Tỉnh ủy hoàn thiện hơn về mọi mặt ở Hòn Dũ (Khánh

Vĩnh), Hòn Hèo và Đá Bàn (Ninh Hòa). Sau năm 1954, Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng căn cứ ở Đồng Bò, Tô Hạp, Hòn Dũ và căn cứ thời chống Pháp ở Hòn Dũ; tổ chức chôn giấu vũ khí, lương thực, thực phẩm để phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến lâu dài. Điều đó chứng tỏ năng lực lãnh đạo, khả năng nhìn nhận, đánh giá âm mưu của kẻ thù, tinh thần chủ động đề phòng trong mọi tình huống của Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Một trong những nhân tố quan trọng nhất, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các căn cứ, nơi đứng chân của Tỉnh ủy chính là yếu tố “nhân hòa”. Với truyền thống yêu nước và cách mạng được hun đúc trong quá trình mở cõi, xây dựng và bảo vệ quê hương, xóm làng, Nhân dân Khánh Hòa luôn tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, luôn hết lòng, hết sức bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Trong kháng chiến, Tỉnh ủy luôn chú trọng xây dựng thế trận lòng dân, chăm lo đời sống nhân dân; sự cống hiến, chiến đấu hy sinh của cán bộ, đảng viên trở thành những tấm gương sáng ngời để quần chúng nhân dân noi theo. Chính vì vậy, trong những bước đường gian nan của cách mạng, khi phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn, Tỉnh ủy vẫn quyết định xây dựng các cơ sở cách mạng làm nơi đứng chân để chỉ đạo phong trào, bắt

chấp sự khủng bố, truy bắt của kẻ thù. Trong những hoàn cảnh ấy, Nhân dân không quản ngại gian khổ, hy sinh, sẵn sàng đùm bọc, nuôi giấu cán bộ Tỉnh ủy ngay trong nhà, trong hầm của mình... Ở vùng rừng núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, các căn cứ của Tỉnh ủy chủ yếu dựa vào đồng bào các dân tộc thiểu số. Mỗi khi Tỉnh ủy có nhu cầu, đồng bào sẵn sàng nhường cơm, nhường bắp để nuôi cán bộ. Khi quân địch xua quân đi càn quét, đồng bào hỗ trợ cán bộ, bộ đội đặt cạm bẫy, cắm chông; sử dụng cả phong tục, tập quán để hù dọa, xua đuổi bọn tay sai. Nhờ sự đùm bọc, che chở của đồng bào nên khu căn cứ được bảo vệ an toàn trước sự uy hiếp của kẻ thù, địch hoàn toàn thất bại khi muốn “vươn vòi” nắm dân ở nơi đây.

Chính nhờ sự kiên trung, sáng tạo của quần chúng nhân dân kết hợp với địa thế “thiên thời” và chiến thuật bố phòng, sử dụng lực lượng chiến đấu phù hợp, tinh thần chiến đấu kiên cường, mưu trí của bộ đội, du kích; với niềm tin mãnh liệt vào sự lãnh đạo của Đảng, của Tỉnh ủy, một lòng theo Đảng làm cách mạng của Nhân dân đã bảo vệ được nơi đứng chân, các căn cứ Tỉnh ủy. Chính lòng dân là căn cứ địa vững chắc nhất, an toàn nhất để Tỉnh ủy lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh đi đến thắng lợi cuối cùng.

Hai là, trong mọi hoàn cảnh phải luôn tin vào dân, dựa vào Nhân dân, đặt lợi ích của Nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết; xây dựng khối đoàn kết toàn dân là chỗ dựa vững chắc của cuộc cách mạng.

Quan điểm kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng là hết sức to lớn, vĩ đại vì “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, “nâng thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”, “trong bầu trời này không có gì quý bằng Nhân dân”. Quan điểm này được hun đúc từ truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”. Từ nhận thức đến thực tiễn là một quá trình lâu dài, được kiểm nghiệm bằng thử thách khắc nghiệt của lịch sử. Đối với Khánh Hòa, bài học kinh nghiệm này lại được xuất phát từ thực tiễn để kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận.

Ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn cách mạng có lúc gặp thuận lợi, lúc gặp khó khăn nhưng quan điểm dựa vào dân, tin tưởng ở Nhân dân, lấy lợi ích Nhân dân để cụ thể hóa thành chủ trương đúng đắn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt trong quá trình xây dựng phát triển lực lượng cách mạng tại địa phương. Niềm tin và sự gắn bó

của Đảng với Nhân dân không phải tự nhiên mà có, mà nó được xây dựng đầy thử thách bằng sự hy sinh quên mình của cán bộ, đảng viên vì mục tiêu: Giành độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho Nhân dân.

Thực tiễn của cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra cả trong hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cách mạng trải qua những thời kỳ hết sức khó khăn “ngàn cân treo sợi tóc”, tưởng chừng không thể vượt qua. Nhưng nhờ có Nhân dân mà cán bộ được bảo vệ, căn cứ đứng vững, cách mạng tồn tại. Ngay trong ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, khi thị sát Mặt trận Nha Trang, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã chỉ ra vai trò của Nhân dân: “toàn dân đánh giặc, mọi vùng, mọi làng đều thành làng xã chiến đấu”. Trong những ngày tháng đầu tiên của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dựa vào dân, Tỉnh ủy đã kịp thời xây dựng được căn cứ ở Đồng Trăn chỉ trong một thời gian ngắn, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Hội nghị Tỉnh ủy ngày 03/02/1946 - Hội nghị quân - dân - chính đảng đầu tiên đã xác định: “... *phát động Nhân dân kể cả vùng địch kiểm soát tích cực ủng hộ nhân tài, vật lực cho kháng chiến, động viên tinh thần đồng bào, chiến sĩ, khẳng định “tinh thần quyết chiến quyết thắng”*; *phát động phong trào du kích chiến*

tranh”. Khi cuộc kháng chiến mở rộng quy mô, Tỉnh ủy dời về vùng Hòn Dũ (Khánh Vĩnh), Hòn Hèo và Đá Bàn (Ninh Hòa) thì việc dựa vào dân để xây dựng và kháng chiến càng thêm rõ nét. Các căn cứ cách mạng ngày càng được hoàn thiện, không chỉ phục vụ cán bộ, bộ đội mà còn là nơi cung cấp nhu yếu phẩm cho Nhân dân và một phần vùng đồng bằng Liên khu 5.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, địch sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn độc ác, quỷ quyệt. Chúng từng bước xóa bỏ Hiệp định Geneve, dựng lên chính phủ bù nhìn phản cách mạng; Luật 10/59 với chính sách “tố Cộng”, “diệt Cộng”; bình định, dồn dân lập ấp, đàn áp khủng bố, tra tấn tù đầy, càn quét đánh phá các căn cứ cách mạng, bắt bớ cán bộ, đảng viên và Nhân dân mà chúng cho là theo Việt Cộng... Chúng gây ra biết bao tội ác từ đồng bằng, nông thôn, thành thị đến vùng núi ở Khánh Hòa... Những thủ đoạn đó chỉ nhằm mục đích là tách quần chúng nhân dân ra khỏi Đảng, chia rẽ sự gắn bó máu thịt giữa Nhân dân với Đảng, làm mất chỗ dựa của cách mạng.

Tuy nhiên, một quy luật tất yếu hoàn toàn trái ngược với hành động đầy tội ác của quân xâm lược và tay sai đó là “nợ máu càng lớn, căm thù càng cao”, càng

nung nấu ý chí căm thù trong Nhân dân; càng khẳng định niềm tin của Nhân dân với Đảng, thôi thúc những người dân chất phác, cần cù, bất chấp hiểm nguy, đoàn kết gắn bó, một lòng theo Đảng, sống chết có nhau, quyết không để căn cứ bị bao vây, rơi vào tay giặc. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, trong 30 năm tồn tại, không có bất kỳ một căn cứ nào của Tỉnh ủy bị địch cô lập; các cuộc hành quân của chúng đều bị trả giá đắt và thất bại. Các cuộc hành quân càn quét của địch vào căn cứ Hòn Dữ, Đá Bàn, Hòn Hèo (thời kỳ chống Pháp) hay Hòn Dù, Đồng Bò (thời kỳ chống Mỹ) đều bị quân và dân ta đánh bại. Có những trận đánh làm thay đổi cục diện chiến trường như chiến thắng Vườn Gòn - Đá Bàn năm 1953 hay bẻ gãy cuộc “phản công chiến lược” của địch mùa khô 1966 - 1967 vào căn cứ Hòn Dữ...

Niềm tin của Đảng đối với Nhân dân và lòng trung thành của Nhân dân đối với Đảng đã làm cho mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân càng thêm sâu sắc, trở thành nền tảng tinh thần cho cán bộ và Nhân dân ở các khu căn cứ, đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của địch, góp phần to lớn giải phóng quê hương, thống nhất Tổ quốc.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tin dân, dựa vào Nhân

dân để phát triển đất nước, kiến thiết quê hương luôn được Tỉnh ủy quan tâm, coi đây là nhiệm vụ cốt lõi nhất của tổ chức Đảng và hệ thống chính trị. Nhất là hiện nay, tỉnh Khánh Hòa đang ra sức nỗ lực, phấn đấu thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị *về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* với mục tiêu đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Nếu không dựa vào Nhân dân thì chẳng thể nào thực hiện được mục tiêu đó.

Trong giai đoạn cách mạng mới, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ; sự bùng nổ thông tin đa dạng và đa chiều... các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc quan điểm, đường lối của Đảng, chúng “thổi phồng” và “quy chụp” những hạn chế khuyết điểm, chúng lợi dụng những sai phạm của một bộ phận cán bộ, lãnh đạo, đảng viên thời gian qua trên địa bàn tỉnh, từ đó tạo “diễn biến”, tác động để “chuyển hóa” tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân một cách tinh vi, dưới nhiều hình thức.

Đứng trước những vấn đề đó, dựa vào Nhân dân để đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch có ý nghĩa quyết định đến thành - bại của cách mạng. Đề

làm được điều đó, một mặt Đảng bộ tỉnh phải bồi đắp ý chí tự lực, tự cường, khát vọng, niềm tin cho cán bộ, đảng viên; mặt khác, phải đấu tranh với phương châm *“lấy cái đẹp dẹp cái xấu, lấy cái tích cực đẩy lùi tiêu cực”*; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của đối tượng phản động, thù địch. Từ đó, *biến khát vọng thành hành động*, quyết tâm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và chương trình về phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Xây dựng con người Khánh Hòa toàn diện, có bản lĩnh chính trị, nhân ái, trách nhiệm, kỷ luật, trung thực, đoàn kết, cần cù, có sức khỏe, năng động, sáng tạo, có hoài bão lớn; thượng tôn pháp luật, tham gia tích cực vào việc thực hiện khát vọng xây dựng tỉnh giàu đẹp, phát triển hiện đại.

Ba là, xây dựng căn cứ kháng chiến vững mạnh toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội

Trong quá trình chọn và xây dựng căn cứ kháng chiến, “trước hết coi trọng xây dựng về mặt chính trị, vì sự vững chắc của căn cứ phải dựa vào sự giác ngộ cách mạng, sự nhất trí về chính trị, tinh thần của Nhân dân, dựa vào sự vững chắc của các tổ chức chính trị của

quần chúng cách mạng”⁷¹. Việc tuyên truyền, giáo dục chính trị dựa vào chính sách dân tộc đúng đắn, mà ta có thể thuyết phục được đồng bào các dân tộc, nuôi dưỡng ở họ lòng tin đối với Đảng, với cách mạng, quyền làm chủ núi rừng. Trong quá trình kháng chiến, đồng bào ngày càng giác ngộ vào hệ thống tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng và chính quyền ngày càng được củng cố hoàn chỉnh.

Đi đôi với xây dựng về chính trị, Tỉnh ủy đã không ngừng xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, động viên và tổ chức quần chúng chiến đấu bảo vệ và xây dựng căn cứ kháng chiến. Xây dựng lực lượng dân quân, du kích và bộ đội địa phương để làm nòng cốt đánh địch, bảo vệ căn cứ.

Về kinh tế, các căn cứ của Tỉnh ủy đều có khả năng tự cung, tự cấp một phần hoặc toàn bộ nhu cầu lương thực, thực phẩm để đáp ứng những nhu cầu về sinh hoạt và chiến đấu của cán bộ, Nhân dân và lực lượng vũ trang. Một trong những điều kiện để chọn xây dựng căn cứ cách mạng là nơi đó phải có khả năng đáp ứng được nguồn hậu cần để xây dựng và phát triển lực lượng.

71. Võ Nguyên Giáp (1974), *Bài giảng về Đường lối quân sự của Đảng*, Viện Khoa học quân sự, Hà Nội, tr.241.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tại các căn cứ, ta đã xây dựng được một nền kinh tế kháng chiến không những bảo đảm tự cung, tự cấp cho nhu cầu tại chỗ mà còn chi viện, đáp ứng cho các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đứng chân trong căn cứ đều có thể tự túc tăng gia, cải thiện đời sống. Trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào, căn cứ địa cách mạng vẫn bảo đảm được khả năng tự cung, tự cấp cho các cơ quan và đơn vị lực lượng vũ trang bằng nhiều con đường như: Tự khai thác nguồn hậu cần tự nhiên tại chỗ, phát động Nhân dân sống xung quanh căn cứ tăng gia sản xuất và phân tán lực lượng vào sống trong nhà dân và do dân nuôi dưỡng... Trong hai cuộc kháng chiến, quân dân Khánh Hòa đã nêu cao tinh thần tự lực, phát huy tính chủ động, vừa chiến đấu bảo vệ vùng căn cứ vừa ra sức tăng gia sản xuất, hoàn thành vai trò hậu phương tại chỗ. Tổ chức các cơ sở sản xuất phục vụ trực tiếp cuộc kháng chiến như Đá Bàn, Hòn Hèo... đảm bảo nguồn lương thực cho các căn cứ hoạt động.

Để tiến hành kháng chiến thắng lợi, căn cứ phát huy là nơi tập hợp, xây dựng và phát triển lực lượng ba thứ quân: Dân quân du kích, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và bộ đội chủ lực. Bộ đội địa phương thời kỳ đầu được

tổ chức cấp trung đội ở huyện, cấp đại đội ở tỉnh. Đây là lực lượng cơ động tác chiến chủ yếu ở vùng căn cứ. Tùy theo điều kiện từng khu vực mà các đơn vị bộ đội địa phương hoạt động có khi phân tán, độc lập; có khi lại nằm trong đội hình phối hợp với các lực lượng chủ lực hoặc dân quân tự vệ. Bộ đội địa phương vẫn là giữ vững và phát triển chiến tranh du kích; tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phối hợp và hỗ trợ cho phong trào đấu tranh, nổi dậy của quần chúng. Lực lượng dân quân du kích là lực lượng vũ trang quần chúng tại chỗ đánh địch, bao gồm: Dân quân xã, thôn; các tổ chức du kích mật, tự vệ mật.

Các căn cứ cách mạng là nơi đứng chân ổn định, tổ chức huấn luyện quân đội, cán bộ, thực hiện sự kết hợp giữa tác chiến và xây dựng, giữa chiến đấu và sản xuất, có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc thương, bệnh binh. Ở các căn cứ thường có trường Đảng của tỉnh, có máy in chữ typô, có lò rèn nông cụ, có xưởng quân giới sửa vũ khí, có bệnh xá, có trại giam tù binh... Đêm đêm có những buổi đốt lửa trại, liên hoan văn nghệ.

Xây dựng kinh tế chẳng những tạo nguồn tiềm lực tại chỗ mà còn có thể “*khoan thư sức dân*”, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Khánh Sơn, Khánh

Vĩnh). Kinh tế ở các căn cứ kháng chiến vùng miền núi có nhiều hạn chế, nếu không giải quyết được quan hệ mua bán, trao đổi giữa vùng ta và vùng địch tạm chiếm, không khai thác được các nguồn hàng từ vùng địch thì không thể nào giải quyết nhu yếu phẩm cho Nhân dân và lực lượng kháng chiến như muối ăn, vải mặc, thuốc chữa bệnh, v.v... Ngoài ra, ta còn động viên được sự đóng góp tiền của của Nhân dân trong vùng địch tạm chiếm cho cuộc kháng chiến ở vùng đồng bằng và cơ sở chính trị ở đô thị.

Xây dựng về văn hóa - xã hội trong các căn cứ kháng chiến là tập trung vào việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, của Khu ủy 5, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về chính trị và sự giác ngộ cách mạng trong lực lượng vũ trang cũng như toàn dân, đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc, chia rẽ dân tộc của kẻ thù. Xây dựng đời sống văn hóa mới, xóa bỏ các phong tục, tập quán cổ hủ lạc hậu, tệ nạn mê tín dị đoan. Đồng thời, các căn cứ kháng chiến của tỉnh bước đầu đã có những chính sách quan tâm chăm sóc đối với các gia đình thương binh, liệt sĩ. Việc giải quyết các vấn đề xã hội ở căn cứ kháng chiến chủ yếu dựa vào sự đóng góp và tinh thần đoàn kết tương trợ nhau của Nhân dân.

Trong kháng chiến chống Mỹ, những thủ đoạn đánh phá toàn diện của kẻ địch đã gây cho ta không ít khó khăn trong việc động viên và xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ để tổ chức lực lượng ba thứ quân. Lực lượng ba thứ quân đáp ứng được yêu cầu phá kế hoạch gom dân, lập “ấp chiến lược”, làm thất bại chiến thuật “trục thẳng vận” “thiết xa vận” của địch. Ở vùng căn cứ, hình thái chiến tranh du kích vẫn là chủ yếu, vì vậy mà vai trò và hoạt động của bộ đội địa phương, dân quân du kích nổi bật. Tuy nhiên, các đơn vị chủ lực vẫn là lực lượng nòng cốt trong phòng thủ, bảo vệ căn cứ và trong tiến công tiêu diệt sinh lực địch. Kinh nghiệm phát triển ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) đúng với chức năng, nhiệm vụ để phát huy được sở trường của từng lực lượng, từng đơn vị. Trong kháng chiến, bộ đội địa phương và dân quân, du kích phát triển, địa bàn căn cứ được mở rộng, có sự chi viện hiệu quả của cấp trên về vũ khí trang bị và đội ngũ cán bộ quân sự.

Như vậy, các căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy qua quá trình hình thành, xây dựng, bảo vệ và phát huy vai trò của mình trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đều tuân thủ một số vấn đề mang tính nguyên tắc như: Dựa vào địa thế,

dựa vào dân, phát huy sức mạnh của toàn dân; đi từ xây dựng cơ sở chính trị đến vũ trang; từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện góp phần thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến của toàn miền Nam đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ hòa bình, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đất nước thì việc giữ gìn trật tự, củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh quốc gia trên toàn vẹn lãnh thổ luôn là vấn đề cấp thiết và quan trọng. Những kinh nghiệm xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng của Đảng, của cha ông đi trước luôn là những bài học có giá trị to lớn cho hiện tại và tương lai.

Bốn là, phát huy truyền thống đoàn kết, truyền thống cần cù lao động, tự lực tự cường, xây dựng căn cứ địa vững mạnh làm hậu phương tại chỗ cho cách mạng

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, ác liệt, đòi hỏi cán bộ, đảng viên và những người con yêu nước phải kiên trì chịu đựng và vượt qua khó khăn ở bất kỳ hoàn cảnh nào.

Khánh Hòa là vùng đất nằm sâu trong vùng địch hậu, xa sự chỉ đạo của Trung ương và Liên khu ủy. Điều đó càng có ý nghĩa hơn khi ý chí, tinh thần tự lực,

tự cường của cán bộ, đảng viên và Nhân dân toàn tỉnh nói chung và khu căn cứ nói riêng được phát huy đúng lúc theo sự chỉ đạo của Đảng. Những người nông dân trở thành cán bộ, chiến sĩ, dân quân du kích, đã từng chân lấm tay bùn, đầu trần chân đất, chưa bao giờ có được những ngày sống bình yên, hạnh phúc thì khó khăn, gian khổ không là gì, bởi họ có thừa dũng khí và nghị lực để vượt qua.

Kẻ thù muốn giết chết sự sống ở đây, muốn tiêu diệt cách mạng và những người yêu nước. Để tồn tại không có con đường nào khác là bảo vệ khu căn cứ kháng chiến, bảo vệ sự sống còn của Đảng và cách mạng. Ý chí và lòng quyết tâm đã tạo nên sức mạnh cho cán bộ, Nhân dân phải chịu đựng và vượt qua những thử thách, cam go, ác liệt nhất để sống, chiến đấu đánh địch, bảo vệ căn cứ. Thiếu cái ăn thì ta ăn khoai, mì và rau rừng. Không có nước uống thì ta uống nước suối, bọng cây. Thiếu vũ khí thì ta làm chông tre, cạm bẫy, mìn tự chế để đánh địch, lấy vũ khí trang bị cho mình. Mỗi người dân là một chiến sĩ, tay súng, tay cuốc; mỗi xóm, thôn là một pháo đài chiến đấu, vừa sản xuất vừa đánh giặc. Địch đánh ban ngày, ta sản xuất ban đêm, địch phá nơi này ta làm nơi khác.

Giữa vùng đất khô cằn, màu xanh tươi tốt vẫn vươn mình như thách thức với đạn bom, làm nản lòng quân hiếu chiến. “Một tác không đi, một ly không rời” kiên trì chịu đựng, biến khó khăn thành điều kiện thuận lợi là phương châm sống của mỗi cán bộ, đảng viên ở các khu căn cứ cách mạng, quyết giữ đất, giữ làng, xây dựng căn cứ, củng cố tổ chức, phát triển lực lượng để chống trả sự đánh phá điên cuồng của địch.

Với chân lý “lấy dân làm gốc”, trong kháng chiến đánh giặc ngoại xâm của đất nước, chân lý đó đã trở thành vấn đề thực tiễn. Tại chiến trường tỉnh Khánh Hòa, một số địa phương được chọn làm nơi để xây dựng thành căn cứ địa cách mạng của tỉnh phục vụ cho kháng chiến trường kỳ. Trong căn cứ, cán bộ, chiến sĩ cách mạng dựa vào dân để sống, công tác, chiến đấu theo phương châm ba cùng, đó là “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”, từ đó hướng dẫn Nhân dân ăn, ở, chung vui khi được mùa, chia sẻ cùng nỗi lo của dân, cùng chịu đựng thiếu đói nên dân ngày càng tin và theo cách mạng, theo Đảng, theo Bác Hồ chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược. Không trông chờ, ỷ lại, bằng sức của chính mình, cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh, ở mỗi khu căn cứ, dưới dự lãnh đạo của Đảng bộ đã vượt lên chính mình; đứng lên phá tan sự bao vây phong tỏa

kinh tế của địch, từng bước đảm bảo hậu cần tại chỗ cho cuộc kháng chiến thắng lợi. Đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo; tự lực, tự cường, phẩm chất cao đẹp đó đã được hun đúc, nuôi dưỡng thành lẽ sống của bao thế hệ người dân Khánh Hòa.

Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy

Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng nói chung, các căn cứ cách mạng nói riêng có vai trò quan trọng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng là giữ gìn, tôn trọng, nâng niu những di sản quá khứ tốt đẹp của các thế hệ cha ông đã đóng góp trí tuệ, mồ hôi, xương máu vun đắp, tạo dựng qua các giai đoạn lịch sử. Đó là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả của mỗi người ở thế hệ hôm nay và mai sau trong việc thực hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Mặt khác, các di tích căn cứ của Tỉnh ủy còn là nơi giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ. Để thực hiện tốt việc bảo tồn và phát huy các giá trị căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Các giải pháp bảo tồn

Một số giải pháp chung

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương đối với công tác bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử của các căn cứ cách mạng gắn với phát triển du lịch bền vững đảm bảo hiệu quả, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế và lợi thế của từng địa phương. Phát huy, đề cao vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của các căn cứ cách mạng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động để các tầng lớp nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm bảo vệ, không xâm phạm đến di tích. Di tích lịch sử cách mạng là tài sản chung của Nhân dân, mọi người dân đều có quyền hưởng thụ, khai thác và phát huy giá trị di tích phục vụ cho mục đích văn hóa lành mạnh. Tuyên truyền sâu rộng Luật Di sản văn hóa, Quy chế quản lý và bảo vệ các di tích đến Nhân dân trên địa bàn nơi có di tích.

Để phát huy tốt giá trị các di tích lịch sử cách mạng, cần có sự vào cuộc của Nhân dân trong việc tham gia

quản lý di tích theo Luật Di sản văn hóa. Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức tôn trọng bảo vệ và phát huy giá trị di tích, danh lam thắng cảnh trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt đối với thế hệ trẻ của tỉnh là hoạt động có ý nghĩa quyết định đến tương lai lâu dài của di tích lịch sử cách mạng. Vì vậy, chính quyền các cấp cần thực hiện việc tuyên truyền đến người dân sao cho phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình... để chuyển tải, đưa các quy định pháp luật và Luật Di sản văn hóa thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, đến với mọi người dân một cách hợp lý, hiệu quả. Từ đó, giúp cho quần chúng nhân dân nâng cao ý thức chung về bảo vệ di tích, để người dân tự nguyện, tự giác tham gia bảo vệ và giữ gìn di tích.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ bảo tồn, bảo tàng cho cán bộ chuyên môn ở cấp huyện, thị xã, thành phố đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy.

- Huy động mọi nguồn lực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích căn cứ cách mạng của Tỉnh

ủy; ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho các địa phương có tiềm năng và lợi thế; khuyến khích, vận động nguồn lực từ xã hội hóa; tranh thủ vận động, khuyến khích các tầng lớp nhân dân và các tổ chức, cá nhân chung tay, góp sức vào việc bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là các xã, phường, thị trấn nơi có các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh có biện pháp giám sát ngăn chặn và báo cáo với cấp có thẩm quyền giải quyết khi có vi phạm di tích xảy ra. Xây dựng kế hoạch dài hạn về giải tỏa xâm phạm di tích gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn của địa phương mình, rà soát lại phạm vi, mốc giới, khoanh vùng bảo vệ di tích.

Một số giải pháp cụ thể

- Đối với các căn cứ đã được xếp hạng di tích lịch sử và đã xây dựng các công trình tôn tạo, phục dựng: Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch, khoanh vùng bảo vệ; lập thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập quy hoạch hệ thống di tích để thực hiện quản lý.

+ Xác định đúng nguồn gốc sở hữu của các di tích, thực hiện việc quản lý và phát huy giá trị di tích theo đúng chủ sở hữu của các công trình, địa điểm. Thành lập ban quản lý di tích, hoặc giao cho các địa phương quản lý và khai thác để giới thiệu đến người dân hiểu rõ hơn về di tích.

+ Kịp thời xây dựng quy hoạch tổng thể bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng. Trên cơ sở đó cần lựa chọn, ưu tiên những địa điểm căn cứ tiêu biểu, có giá trị lịch sử để đầu tư phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh và của các địa phương có di tích như căn cứ cách mạng Đá Bàn, Đồng Bò...

- Đối với các căn cứ đã được xếp hạng di tích lịch sử nhưng chưa được đầu tư xây dựng các công trình tôn tạo, phục dựng:

+ Ưu tiên bố trí kinh phí để phục dựng, tôn tạo các yếu tố gốc của di tích; tu sửa các hạng mục đã xuống cấp, nhất là các di tích có giá trị lịch sử quan trọng, có nguy cơ bị tác động tiêu cực, xâm hại. Đặc biệt, căn cứ cách mạng Đồng Bò là di tích có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng, có vị trí thuận lợi cho việc phát triển du lịch nên cần sớm xây dựng kế hoạch trùng tu, tôn tạo để phục vụ cho công tác giáo dục truyền thống và phục

vụ du lịch. Tiến hành tu bổ, phục hồi hệ thống di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh theo một quy hoạch tổng thể nhất định, đồng thời đầu tư hợp lý kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng gắn liền với phát triển kinh tế du lịch địa phương.

+ Đối với những di tích ở các vùng nông thôn, miền núi, do điều kiện biến đổi khí hậu, chiến tranh tàn phá hay nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau nên hiện nay đã bị thay đổi hoàn toàn hay không còn dấu tích thì phải tiến hành phục dựng hiện trạng hoặc gắn Bia di tích để tuyên truyền, giáo dục lịch sử cách mạng cho thế hệ trẻ và mai sau. Việc dựng bia nhằm ghi lại những sự kiện tiêu biểu là cần thiết, nội dung bia phải chuyển tải được ý nghĩa, giá trị của di tích.

- Đối với căn cứ chưa được xếp hạng: Khẩn trương hoàn thiện việc lập hồ sơ khoa học và trình các cấp xếp hạng di tích; tiến hành sưu tầm, biên soạn tài liệu, ấn phẩm làm cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử.

Các giải pháp phát huy giá trị di tích

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về căn cứ: Tiến hành tuyên truyền, giới thiệu giá trị lịch sử các di tích

căn cứ trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa dưới hình thức chuyên đề, phim tư liệu; trên các cổng thông tin điện tử của Đảng bộ tỉnh, trang thông tin điện tử các địa phương, đơn vị; xuất bản sách, báo, cẩm nang du lịch...

Hàng năm tiến hành điều tra, sưu tầm những câu chuyện, hiện vật liên quan đến căn cứ nhằm bổ sung, làm phong phú thêm tư liệu phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Các tư liệu này còn là cơ sở phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống trên các phương tiện truyền thông, đưa vào giảng dạy trong các trường học, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử địa phương,... Ngoài ra, cần phối hợp biên tập các tài liệu thuyết minh, giới thiệu về các di tích để phục vụ hoạt động du lịch. Đây cũng là cách giải quyết hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị di tích với phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết với du lịch.

- Gắn việc bảo tồn, phát huy giá trị các di tích căn cứ của Tỉnh ủy với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đồng thời xây dựng các thiết chế văn hóa nông thôn mới.

Nhiều căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy là những di tích tiêu biểu về lòng yêu nước, về tinh thần hy sinh

cho sự nghiệp cách mạng tại các thôn, xóm, xã, huyện. Vì vậy, cần nghiên cứu xây dựng các di tích này trở thành các thiết chế văn hóa chung cho cả làng, xã, trở thành các nơi sinh hoạt truyền thống, sinh hoạt văn hóa của người dân ở địa bàn khu dân cư. Sau khi tiến hành bảo tồn, tôn tạo, nghiên cứu lựa chọn một số di tích tiêu biểu, có cảnh quan thiên nhiên đẹp, hấp dẫn để xây dựng thành điểm du lịch, kết nối với các điểm du lịch liên quan để hình thành tour du lịch văn hóa, du lịch sinh thái nhằm giới thiệu cho du khách về di sản lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh giáo dục truyền thống về giá trị lịch sử căn cứ của Tỉnh ủy

+ Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các căn cứ của Tỉnh ủy trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975) trong trường học, trong đoàn viên, thanh niên. Thông qua các cuộc thi góp phần lan tỏa các giá trị của di tích, đồng thời nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên.

Ngoài ra, cần phối hợp biên tập các tài liệu thuyết minh, giới thiệu về các di tích để phục vụ hoạt động du lịch. Đây cũng là cách giải quyết hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa với phát

triển kinh tế - xã hội, gắn kết với du lịch. Bên cạnh đó, tăng cường quản lý, hướng dẫn tổ chức các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử gắn với văn hóa truyền thống của địa phương; chú trọng gắn kết lễ hội truyền thống với di tích.

+ Tổ chức các chương trình về nguồn, trải nghiệm thực tế cho học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên. Hoạt động có thể tổ chức vào các ngày kỷ niệm trọng đại, ngày lễ lớn, kỳ nghỉ hè thông qua các tổ chức đoàn, hội, đội...

Bên cạnh đó, đối với những di tích có vị trí, địa điểm thuận lợi, gần khu dân cư, có thể giao cho một hoặc một số trường học nhận chăm sóc, bảo vệ để qua đó nâng cao nhận thức, góp phần hình thành tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết và tiếp lửa truyền thống cho thế hệ trẻ.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH XẾP HẠNG CÁC CĂN CỨ
CÁCH MẠNG CỦA TỈNH ỦY
VÀ ĐỊA ĐIỂM LƯU NIỆM

1. Quyết định số 2506/QĐ-UBND, ngày 10/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh cho căn cứ cách mạng Hòn Dù, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.
2. Quyết định số 2855/QĐ-UBND, ngày 18/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh cho di tích căn cứ địa cách mạng Tô Hạp, xã Sơn Bình, xã Ba Cùm Bắc, thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.
3. Quyết định số 59/QĐ-UBND, ngày 07/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh di tích lịch sử căn cứ cách mạng Hòn Dữ, xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh.
4. Quyết định số 3320/QĐ-CT.UBND, ngày 14/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh di tích lịch sử Địa

điểm lưu niệm Xưởng Quân giới Đồng Trần, thôn 2, xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh.

5. Quyết định số 282/QĐ-CT.UBND, ngày 03/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh di tích lịch sử Địa điểm căn cứ cách mạng Đá Bàn, thôn 5, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa.
6. Quyết định số 283/QĐ-CT.UBND, ngày 03/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh di tích lịch sử địa điểm căn cứ cách mạng Hòn Hèo, Thôn Tiên Du 1, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Nha Trang: *Lịch sử Đảng bộ Nha Trang 1975 - 1985*, Nha Trang - 12/1996.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Nha Trang: *Chiến khu Đồng Bò*, NXB Chính trị Quốc gia - chi nhánh Nha Trang - 2000.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Diên Khánh: *Lịch sử Đảng bộ huyện Diên Khánh giai đoạn 1947 - 1975*, Diên Khánh - 2022.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Khánh Vĩnh: *Lịch sử Đảng bộ huyện Khánh Vĩnh*, Khánh Vĩnh - 2005.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vạn Ninh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Vạn Ninh 1930 - 1975*, Vạn Ninh - 2008.
6. Ban nghiên cứu lịch sử Tỉnh ủy Phú Khánh: *Năm mươi năm hoạt động của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Phú Khánh*, Nha Trang - 1980.
7. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa: *Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa*, Khánh Hòa - 2020.
8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *30 năm Quân giới Khánh Hòa (1945 - 1975)*, Khánh Hòa - 1995.

9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa - 30 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng (1945 - 1954)*, tập I, Khánh Hòa - 1992.
10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lực lượng vũ trang Khánh Hòa - 30 năm xây dựng chiến đấu, chiến thắng (1954 - 1975)*, tập II, NXB Chính trị Quốc gia - Chi nhánh Nha Trang, 1996.
11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lịch sử lực lượng Công binh tỉnh Khánh Hòa (1945 - 2015)*, NXB Quân đội nhân dân - 2021.
12. Bộ Quốc phòng và Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2002.
13. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 1, Kháng chiến chống Pháp - 1986.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật - 1987.
15. Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930 - 1975)*, Khánh Hòa - 2001.
16. Đảng bộ thị xã Ninh Hòa: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thị xã Ninh Hòa 1930 - 1975*, Ninh Hòa - 2005.
17. Đảng ủy Quân sự TP. Nha Trang, *Lịch sử Lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang 1945-2000* - 2003.

18. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ bảy)*, tập II, NXB Giáo dục - 2005.
19. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ tám)*, tập III, NXB Giáo dục - 2005.
20. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội - 1977.
21. Huỳnh Lê Thị Xuân Phương: *Nghiên cứu các địa danh lịch sử, văn hóa tiêu biểu tỉnh Khánh Hòa phục vụ giáo dục truyền thống và quảng bá phát triển du lịch*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, 2012.
22. *Nha Trang xưa và nay*, NXB Đà Nẵng - 2007.
23. Nguyễn Đình Tư, *Non nước Khánh Hòa*, NXB Sông Lam - 1969.
24. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ năm)*, NXB Giáo dục - 2005.
25. *Quê hương Khánh Hòa*, NXB Tổng hợp Khánh Hòa - 1991.
26. Võ Nguyên Giáp (1974), *Bài giảng về Đường lối quân sự của Đảng*, Viện Khoa học quân sự, Hà Nội - 1974.
27. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa: *Địa chí Khánh Hòa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2003.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
» Lời giới thiệu	3
» Chương I: Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư và truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng	7
1. Khái quát điều kiện tự nhiên	7
1.1. <i>Vị trí địa lý</i>	7
1.2. <i>Về địa hình và tài nguyên đất</i>	8
1.3. <i>Về sông ngòi và khí hậu</i>	10
2. Lịch sử hình thành vùng đất, dân cư và truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng	12
2.1. <i>Lịch sử hình thành vùng đất</i>	12
2.2. <i>Dân cư và truyền thống văn hóa</i>	18
2.3. <i>Truyền thống yêu nước, cách mạng</i>	24
» Chương II: Căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy Khánh Hòa (1945 - 1975)	29
1. Căn cứ cách mạng Đồng Trăn - Đất Sét	31
2. Căn cứ cách mạng Hòn Dũ	47
3. Căn cứ cách mạng Hòn Hèo	101

4. Căn cứ cách mạng Đá Bàn	127
5. Căn cứ cách mạng Đồng Bò	167
6. Căn cứ cách mạng Tô Hạp	197
7. Căn cứ cách mạng Hòn Dù	229
» Chương III: Kết luận, bài học kinh nghiệm và giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị căn cứ cách mạng	253
» Phụ lục	285
» Tài liệu tham khảo	287

CĂN CỨ CÁCH MẠNG CỦA TỈNH ỦY KHÁNH HÒA (1945 - 1975)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Đồng chí Lê Hữu Thọ

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Ban biên soạn

Trần Mộng Điệp

Nguyễn Thị Thanh Hải

Trương Thị Thu Thảo

Nguyễn Việt Vinh

Dương Nhật Thùy Trinh

Cuốn sách có sử dụng hình ảnh tư liệu và của một số tác giả:

Mã Phương, Công Định, Thanh Quý, Vĩnh Thành, Thanh An,

Thanh Hải, Thùy Trinh, Quốc Việt,...

Trình bày bìa và sửa bản in

Công ty TNHH Thương mại In & Sản xuất Cát Thành

In 4000 cuốn, khổ 14,5 cm x 20,5 cm.

Tại Công ty TNHH Thương mại In & Sản xuất Cát Thành.

Số 2 Lê Hồng Phong, P. Phước Hải, TP. Nha Trang. ĐT: 0258. 3870875.

GPXB số: 16/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông

tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 5 năm 2024.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2024.

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

